N° 168 Janvier 1932

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

VẤN-ĐỀ RƯỢU Ở ĐẠI-HỘI-NGHỊ

Đại-Hội-nghị Tài-chính Kinh-tế Đông-dương vừa rồi họp ở Sài-gòn tự ngày 25 Novembre cho đến ngày 13 Décembre 1931. Trong các vấn-đề đem ra thảo-luận kỳ này, có vấn-đề rượu ở Bắc Trung-kỳ là quan-trọng và thiết-yếu cho dân ta hơn cả.

Vấn-đề này lại thuộc quyền quyết-nghị của Hội-nghị, nghĩa là Hội-nghị có quyền bàn xét rồi quyết-định được, chứ không phải chỉ bày tỏ ý-kiến cho Chính-phủ biết mà thôi, cho nên cuộc thảo-luận lại càng có giá-trị lắm. Có giá-trị mà lại có lợi-hại lắm nữa.

Trong việc này tôi có can-thiệp vào nhiều, vậy thuật tường ra đây để cho quốc-dân được rõ đầu đuôi.

Thường các việc lớn có lợi-hại cho dân cho nước, như việc chính-trị, việc kinh-tế, việc xã-hội, việc giáo-dục, ý-kiến của người ta hay phân-vân, nhiều khi cũng khó lòng mà biết được rõ lòng dân muốn thế nào. Nhưng trong việc rượu này, thì lòng dân đã rõ lắm rồi: lòng dân là quyết phá cho được cái độc-quyền rượu đã phải chịu trong ba-mươi năm nay, và phá được rồi thì muốn được quyền tự-do nấu rượu trong dân-gian.

Như vậy thì cái phận-sự của người thay mặt dân tưởng cũng dễ dàng lắm: chỉ việc đạo-đạt lòng dân mà cố yêu-cầu tranh-biện làm sao cho dân được thỏa lòng.

Tuy-nhiên ra chỗ hội-nghị mà làm cho được trọn cái phận-sự đó cũng không phải là dễ.

Phàm lợi-quyền đã thành thế-lực rồi, rất khó lòng mà phá cho được. Cái Công-ti họ được hưởng độc-quyền về nấu rượu đã ba-mươi năm nay, thế-lực họ to lắm, mạnh lắm, vững-vàng lắm, động-chạm đến lợi-quyền của họ, tất là họ dùng hết thế-lực mà đối-phó. Chính-phủ nhờ cái độc-quyền đó mà trong ba-mươi năm nay mỗi năm thu được ba bốn triệu bạc, cũng không hứng muốn thay đổi làm gì, sợ số thu-nhập có lẽ không được như cũ chăng.

Đối với cái sức đối-phó của Công-ti, đối với cái sức tri-thủ của Chính-phủ, làm sao cho lòng nguyện-vọng của dân thắng-đoạt được?

Đem lòng dân mà đối với những cái trở-lực mạnh như vậy, cuộc quyết-đấu lại ở giữa nơi nghị-trường, nghĩa là ở chỗ bách nhân bách khẩu, nghị-luận phân-vân, bè nào mạnh bè ấy được; làm thế nào cho bè mạnh về bên dân mình, cho phần đa-số của nghị-hội khuynh-hướng theo cái thuyết của mình?

Vì ở hội-nghị không phải toàn là người An-Nam cả; tổng-số nghị-viên là trên dưới năm-mươi người mà phần nghị-viên An-Nam của cả tam-kỳ chỉ có chừng mười-lăm người, còn là người Pháp, người Mên, người Lào. Ngay trong phái An-Nam, thuộc về một việc quan-thiết đến dân An-Nam, lúc đầu ý-kiến cũng còn phân-vân, còn có người phản-đối, còn có kẻ ngăn-trở, mãi sau mới hợp-nhất được; huống-

chỉ là người ngoài, việc không trực-tiếp quan-hệ đến người ta, người ta không thiết-tha cũng không trách được.

Người ta không thiết-tha, phải làm thế nào cho người ta chú-ý, đã là khó rồi. Lại thêm kẻ có lợi-quyền, có thế-lực cũng vận-động để chia lòng người, để cầu lấy phần đa-số về bè với họ, nên lại khó hơn nữa.

Bởi vậy nên trong cuộc thảo-luận cũng cần phải có phòng-bị, có mưu-cơ, không thể dễ phó mặc tự-nhiên được.

Trước hết phải hợp-nhất lấy ý-kiến trong phái An-Nam của mình, để gây lấy cái đoàn-thể người Nam cho hoàn-toàn. Rồi sau phải phân trần cho người Tây, người Mên, người Lào, hiểu rõ đầu đuôi việc này thế nào và cái thuyết nhất-định của phái An-Nam thế nào, để nhờ người ta tán-trợ cho. Đó là cái phần vận-động của anh em Trung Bắc ở Nghị-hội và ngoài Nghị-hội.

Ngay tự lúc đầu chúng tôi nói chuyện với các bạn đồng-viện ở Nam-kỳ, vừa người Tây vừa người Nam, đã hiểu rõ rằng cái thuyết cho dân được hoàn-toàn tự-do nấu rượu, không có hạn-chế gì, khó lòng mà thắng được. Ai cũng nói rằng rượu không phải là một món cần cho sự sống của dân, suốt trong thế-giới không có nước nào cho dân được tha-hồ nấu rượu bao giờ. Nếu đem cái thuyết đó mà chủ-trương ở trước nghị-hội thì tất bị thua mất. Mà nếu bị thua thì độc-quyền lại tái-tục, thành ra sôi hỏng bỏng không cả.

Vậy nên suy đi nghĩ lại thật kỹ, chúng tôi quyết-định cái mục-đích như sau: *trước hẳng phá cho được độc-quyền đã, rồi sau sẽ hay.*

Cả sự hành-động của chúng tôi ở hội-nghị là chỉ chủ một cái mục-đích đó.

. . .

Lời trình bày của Chính-phủ

Trong việc này Chính-phủ quyết đứng trung-lập, để cho Hội-nghị tự-do quyết-nghị, nên không có dự-án của Chính-phủ. Chỉ có một tờ trình của quan Chánh sở Tài-chính thuyết-minh cho Hội-nghị biết đầu đuôi việc rượu thế nào.

Xin dịch cả toàn-văn tờ trình ấy như sau này:

« Cái chế-độ về rượu ở Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ có khác cái chế-độ hiện-hành ở các xứ khác trong cõi Đông-dương.

« Ở Nam-kỳ, ở Cao-miên, ở trung-bộ và nam-bộ Trung-kỳ, nghề nấu rượu được tự-do, duy phải xin phép trước mới được; bán rượu cũng được tự-do, nhưng phải có môn-bài, Chính-phủ chỉ giữ quyền kiểm-sát và đánh thuế ở ngay cửa lò.

« Ở Bắc-kỳ và ba tỉnh phía bắc Trung-kỳ (Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh), thời không thế. Về việc nấu rượu, Chính-phủ bị có hợp-đồng buộc với « Công-ti nấu rượu Đông-dương », duy có công-ti này là có quyền nấu tất cả rượu cần-dùng cho người bản-xứ; rượu ấy Chính-phủ cho đóng chai và vận-tải đến các kho chứa ở các nơi, rồi các viên-chức nhà Đoan bán lại cho các chủ ti lĩnh bán.

« Theo chế-độ đó thời rượu Nhà-nước mua của Công-ti tính giá theo thời-giá thóc gạo; rồi bán lại cho các chủ ti theo một giá nhất-định, giá này cứ lý thì phải ngang bằng với số thuế tiêu-dụng (*taxe de consommation*).

« Đến ngày 11 *juillet* 1933 thì hai cái hợp-đồng của Nhà-nước ký với công-ti nấu rượu và công-ti vận-tải sẽ hết hạn, Nhà-nước sẽ không phải bó-buộc gì với ai nữa: vậy ngay tự bây giờ phải xét xem nên trù-tính thế nào để thay đổi lại thể-lệ về việc rượu ở Bắc-kỳ

và phía bắc Trung-kỳ trong mười-tám tháng nữa.

« Cái độc-quyền rượu hiện nay, thiên-hạ bài-bác nhiều lắm, và dân-tình cũng oán-thán nhiều, điều đó ai cũng đã rõ cả. Có kẻ thì bác hẳn cái cách đánh thuế của Nhà-nước; còn lắm kẻ, mà phần này là phần đông, thì phàn-nàn về những sự khám xét bất-bớ phiền-nhiễu cho dân, nhưng đã không cho dân quê được tự-do nấu rượu bằng gạo của dân làm ra, thì tất phải đánh thuế rượu, mà đã có thuế thì tất có kẻ lậu thuế, tất phải có cách trừng-trị.

« Như vậy thời chỉ có hai cách : Một là bỏ hẳn đừng đánh thuế rượu nữa, — nhưng bỏ làm sao được? — hai là cho dân đóng thứ thuế trực-thâu khác hay nộp khoản tiền khoán gì để chuộc lại, — nhưng cái đó dân xem ra cũng không chịu. Còn ngoài hai cách đó thời cách nào cũng là khuyết-điểm hết. Tuy-nhiên cũng phải nghĩ ra một cái kế-hoạch gì để cho được thỏa lòng dân và khi đem ra thi-hành làm cho bớt được sự gian-lậu.

« Nhà-nước nghĩ như vậy nên mới đây có mở một cuộc điều-tra, kê mấy câu hỏi phân-minh về các cách sửa đổi lại chế-độ rượu sau này, gửi cho các bậc thân-hào người Pháp người Nam, xin tỏ bày cho biết ý-kiến về mỗi khoản. Cuộc phỏng-vấn ý-kiến này thật đã giúp cho Chính-phủ được nhiều tài-liệu quí.

« Thực ra thì vấn-đề này chỉ có hai cách giải-quyết như sau :

a) Đặt ở Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ cái chế-độ hiện đương thi-hành ở miền Nam Đông-dương, duy có châm-chước một đôi điều để lợi-ích cho dân quê : các quan thủ-hiến Bắc-kỳ Trung-kỳ kết-luận về cuộc phỏng-vấn trên kia đại-khái ưng-thuận như vậy ;

b) Đặt ra một công-ti phân-lợi với Nhà-nước (*régie cointéressée*) để vừa mua rượu của dân nấu, vừa tự nấu rượu cần cho dân dùng, rồi tự đứng chủ-trương việc phân-phát và việc bán rượu, Nhà nước không phải can-thiệp vào mà được hưởng một phần lợi.

« Cách thứ nhất thì có mấy điều cốt-yếu như sau này, bày tỏ ra cũng dễ. Tức như ở Nam-kỳ vậy, không những các nhà máy rượu hiện đã có rồi vẫn được nấu, mà phàm các tư-nhân cùng các công-ti nào có đủ tư-cách và đủ lưng vốn đứng lên xin, Nhà-nước cũng cho phép được mở lò nấu ; những lò mở ra như vậy phải để cho viên-chức nhà Đoan đến thường-trực mà khám xét, phí-tổn lò phải chịu, và lại phải tuân theo các luật-lệ hiện-hành.

« Thuế rượu thời đánh ngay khi rượu ở lò ra, duy cách nộp thuế thời theo lệ có gia-hạn cho dễ nộp. Rượu đem ra bán ngoài thời phải có giấy thông-hành theo lệ, và được tự-do bán, duy các chủ ti phải lĩnh môn-bài.

« Cách đó là cách cạnh-tranh vô-hạn, nhưng chỉ những nơi nào có phép nấu mới được nấu, ngoại-giả thời vẫn nghiêm-cấm. *Tuy-nhiên, muốn cho dân-gian được thỏa lòng, thời có thể định như sau này : mỗi tỉnh cho phép mấy làng được nấu rượu theo lối cổ, cũng giúp cho dân làng lập những lò chung để cùng nấu với nhau. Dung cho dân làng nấu rượu như thế, cố-nhiên là chỉ cho có hạn mà thôi ; làng nào nấu phải khai-trình và phải đặt cách kiểm-sát trước, có viên-chức Nhà-nước thời-thường đến khám-xét, nhưng đến lúc nào cũng được.* — Những lò rượu nhà quê cùng các làng nấu rượu đó, khi nấu xong phải nộp thuế và rượu đem

ra ngoài bán phải có giấy thông-hành hợp-lệ (1).

« Cách thứ hai thì cũng cho dân được thỏa lòng một đôi chút, nhưng vì hạn-chế sự cạnh-tranh trong việc nấu rượu, nên mong thu lợi được nhiều, Nhà-nước sẽ được một phần to vào đó.

« Các điều-khoản cốt-yếu như sau này :

a) đặt một công-ti phân-lợi với Nhà-nước, để vừa mua rượu của dân nấu, vừa tự nấu lấy rượu, rồi tự phân-phát và đứng bán tất cả cho dân uống;

b) phần rượu dân nấu, lượng-định cần dùng là bao nhiêu đó, thời cho mỗi tỉnh mấy làng được phép nấu. Cách-thức nấu cùng thể-lệ kiểm-sát do các viên-chức thời-thường đến khám xét, cũng định theo cách như trên kia đã nói, *duy có khác một điều, là : rượu dân nấu ra đó, dân không được tự-do bán lấy, phải bắt-buộc bán cho công-ti theo một giá nhất-định, tính theo thời-giá vật-liệu cùng số lãi bình-thường* ;

c) ngoài phần rượu dân nấu, còn cần đến bao nhiêu nữa, thời nhà máy rượu hiện nay được nấu hết;

d) công-ti sẽ kiêm việc vận-tải, phân-phát và đứng bán cả hai thứ rượu trên kia trong suốt miền bắc xứ Đông-dương. Nhà-nước không phải can-thiệp vào ; công-ti phải nộp thuế cho Nhà-nước ngay khi đem rượu ở kho hay ở lò ra ;

e) ngoài tiền thuế rượu, mỗi năm bán được bao nhiêu, Công-khố lại được một phần phụ-thu (*ristourne*) nữa, càng bán nhiều càng được nhiều, kỳ-dư lại còn được tham-dự vào tiền lãi của công-ti nữa ;

f) công-ti phân-lợi này sẽ lập ở bản-xứ, trong việc góp vốn cùng trong việc quản-lý, sẽ hiệp-lực cả người Tây cả người Nam.

« Đó là hai phương-cách có thể đem ra bàn xét : hai đàng cũng đều là chấm-chước cái tình-thế khó-khăn ngày nay mà cố làm cho hết sự khó-khăn đó.

« Vả dùng cách trên hay dùng cách dưới, thời cũng chỉ phải sửa đổi một đôi chút vào các thể-lệ hiện-hành mà thôi, mà hai đàng sửa đổi cũng như nhau. Cần nên để cho Đại-Hội-nghị tỏ ý cho biết ưng đàng nào, và quyết-định theo phương-cách nào là vừa hợp với tình-hình kinh-tế của Bắc-kỳ cùng phía bắc Trung-kỳ, vừa hợp với sự yếu-cần của nhân-dân các miền ấy, lại vừa giữ được sự quân-bình cho ngân-sách của Nhà-nước.

« Sài-gòn, ngày 22 Novembre 1931
« Quan Chánh sở Tài-chính
« Ký tên : ANDRÉ DISTHELM »

* * *

Theo lời thuyết minh của quan Tài-chánh trên này, thì Chính-phủ bình-tĩnh bày tỏ hai phương-cách, không

---

(1) Đoạn này quan-hệ lắm, xin độc-giả chú-ý, vì nếu được như thế này, dân cũng được nhờ lắm. Xin lục cả nguyên-văn chữ Pháp như sau :

« Sous ce régime de concurrence illimitée, la distillation, en dehors des établissements autorisés, resterait strictement prohibée. *Afin de donner à la masse indigène les quelques satisfactions qu'elle réclame, il pourrait être, toutefois, envisagé d'autoriser dans chaque province, quelques villages à distiller, selon les procédés traditionnels, les produits de leur récolte, ainsi que de favoriser, dans toute la mesure du possible, la constitution d'ateliers coopératifs de distillation. Les opérations ainsi légalisées ne porteraient naturellement que sur des quantités limitées ; elles impliqueraient une déclaration et des mesures de contrôle préalable, et s'effectueraient sous la surveillance intermittente, mais toujours possible, des agents de l'Administration . . .* »

thiên về bên nào, để cho Hội-nghị được tự-do quyết-nghị.

Ngoài hai phương-cách đó, còn có phương-cách nào nữa không?

Chỉ có một cách tuyệt-đối, là cho dân được hoàn-toàn tự do, ai muốn nấu rượu thì nấu. Thế thì dân được thỏa lắm, nhưng đó là một sự mơ-tưởng, không thể nào được. Vả lại Chính-phủ không khi nào chịu thiệt, mất một khoản to cho công-khố; nếu có cho dân tự-do nấu rượu thì cũng phải đặt ra một thục-khoản để bù vào tiền thuế rượu, thục-khoản này đánh đồ đồng cho cả các dân làng, người uống cũng phải chịu, người không uống cũng phải chịu, rút lại thành ra một thứ thuế phụ-thâu về đinh-điền phải chịu. Hoặc-giả nói cứ cái tình-cảnh khổ về sự bất-bớ như bây giờ thì dù đánh cả vào đinh điền mà cho dân được tự-do nấu rượu dân cũng cam-tâm. Song đó là cứ lý thuyết thì nói như vậy được, chứ đem ra mà thảo-luận ở nơi nghị-trường, đem ra mà yêu cầu cùng với Chính-phủ, thì khó lòng cho đắt lời được, vì cách đó là trái với lẽ công-bằng, trái với phép tài-chính, không thể làm cho người ta công-nhận được. Vả lại viện Dân-biểu Bắc-kỳ cũng đã công-nhiên phản-đối cách đó rồi.

Vậy thời chỉ còn có hai cách của Chính-phủ trình bày ra đó thôi.

Đọc cho kỹ, xét cho tường, tế-nhận từng điều từng khoản, thì cách thứ nhất rõ-ràng là phá hẳn độc-quyền mà cho dân được hưởng ít nhiều lợi-ích, cách thứ nhì thì phân-minh là khôi-phục lại độc-quyền, mà lại tệ hơn nặng hơn trước.

Chúng tôi nghĩ đi nghĩ lại, cân-nhắc kỹ-lưỡng, rồi quyết-định như sau này: xin hoàn-toàn tự-do, quyết-nhiên không được rồi, nếu cứ khăng khăng mà xin thì người ta cho là không biết điều, phần đông Nghị-viện sẽ phật-ý mà theo về cái thuyết thứ nhì mất; bất-nhược công-nhiên chủ-trì cái thuyết thứ nhất, dẫu không được tự-do, cũng phá được độc-quyền, ắt là có đường xoay-sở cho dân sau này, chứ cái thuyết thứ nhì mà thắng thì dân cùng cả Chính-phủ sẽ phải bó-buộc trong mấy chục năm nữa.

Vậy chỉ nên cương-quyết chủ-trì cái thuyết thứ nhất và kịch-liệt phản-đối cái thuyết thứ nhì, theo cái thứ nhất để phá cái thứ nhì, mà kết-quả là đánh đổ độc-quyền cho không tái-tục được nữa.

Ấy phương-châm chúng tôi định theo tại Hội-nghị như vậy.

∴

Công-việc tại tiểu-hội-đồng

Theo lệ thường ở Đại-hội-nghị, năm nào cũng chia ra làm hai tiểu-hội-đồng: một tiểu-hội-đồng xét về ngân-sách cùng các vấn-đề tài-chính, một tiểu-hội-đồng xét về các việc thuế-lệ cùng các việc tạp khác.

Vấn-đề rượu kỳ này là thuộc về tiểu-hội-đồng thứ nhì. Tôi xin vào chân tiểu-hội-đồng này. Trong tiểu-hội-đồng lại chia ra các ban; tôi cũng tình-nguyện vào ban xét việc rượu. Ban này có năm người: ông thầy kiện Foray ở Sài-gòn, ông Balutelg ở Cao-miên, ông Bernhardt chủ công-ti rượu ở Hà-nội, ông Phạm Văn-Quảng dân-biểu tỉnh Hà-tĩnh và tôi. Khi cử tiểu-ban này, anh em muốn cử cho tôi làm dự-thẩm ủy-viên (*rapporteur*), để làm tờ trình cho tiểu-hội-đồng và cho đại-hội-nghị. Mấy người Tây không chịu: xem đó thì biết ngay trong tiểu-ban đã có ý thiên hẳn về đàng nào rồi. Trong ba người Tây, có chính ông Bernhard là người lợi hại đệ-nhất trong việc này, vì ông là thay mặt cho công-ti giữ độc-quyền rượu bấy lâu nay. Chính các nghị-viên Tây cũng nhiều người lấy

làm lạ rằng làm sao Chính-phủ lại cử ông vào Đại-Hội-nghị kỳ này, vì ông là chân Chính-phủ cử.

Tiểu-ban có năm người thì ba người Tây về một bè, là bè giữ độc-quyền, mà trong bè này lại ông FORAY làm chánh ban, ông BALUTEIG làm ủy-viên, ông BERNHARD thì tự-xưng là tay chuyên-môn, đến để bàn giúp (!), nhưng bàn giúp một cách hoạt-động lạ-lùng. Còn ông Quảng với tôi đứng một phe, là phe phản-đối độc-quyền. Cứ kể số người thì thế là mình thua rồi.

Tiểu-ban họp đến bốn năm lần, thảo-luận kịch-liệt. Ba người Tây nhất-định theo cái thuyết thứ nhì, hai chúng tôi nhất-quyết giữ cái thuyết thứ nhất.

Họ dùng hết cách để làm cho chúng tôi xiêu lòng

Nào nói rằng: — Nếu tự-do cạnh-tranh, thì dân làng địch thế nào được với công-ti, đến đồ-địa mất.

Nào nói rằng: — Công-ti vẫn để cho dân nấu từ 10 đến 20 phần trăm, dân sẽ được rượu ngon hợp giọng mà uống, không phải phàn-nàn như bây giờ nữa, và dân làng sẽ có việc mà làm, còn gì sướng bằng!

Nào nói rằng: — Trong công-ti sẽ có người An-Nam tham-dự vào, những người có tư-bản, có thế-lực sẽ có chân trong hội-đồng trị-sự, thế chẳng phải là Pháp-Việt đề - huề, Pháp-Việt hiệp-tác đó dư?

Thôi thì đủ cách...

Đến sau chán, rõ là không có cách nào chám-chước được nữa rồi, tiểu-ban giải-tán, để làm tờ trình lên tiểu-hội-đồng.

Mấy ông Tây nói: — Chúng tôi ba người, các ông hai người, chúng tôi thắng.

Tôi nói: — Vâng, nhưng xin trong tờ trình hay trong biên-bản đính theo một bản thuyết-minh của chúng tôi, cho trước là tiểu-hội-đồng, sau là đại-hội-nghị rõ chúng tôi phản-đối thế nào.

Tôi liền thảo tờ thuyết - minh như sau này, đính vào tờ trình của tiểu-ban.

∴

« Vì nhiều duyên-cớ, mà thứ nhất là vì cớ chính-trị, quyết phải bỏ độc-quyền mới được.

« Chính-phủ công-nhận như thế, và trong lời trình bày của quan Tài-chánh có nói rằng phải tìm lấy một phương-cách nào cho được thỏa lòng dân và khi đem ra thi hành có thể hạn-chế được những sự gian-lậu.

« Cứ ý dân thì muốn được hoàn-toàn tự-do, nhưng điều đó thì khó lòng được. Còn như sự đặt ra thuế thực-khoản đánh vào đinh-điền, thì các viên Dân-biểu Trung-Bắc-kỳ đã tỏ ra không bằng lòng rồi. Vậy chỉ còn có hai phương-cách Chính-phủ bày ra đó: một là thi-hành cái chế-độ Nam-kỳ, hai là đặt ra một công-ti phân-lợi.

« Chúng tôi ưng cách thứ nhất, vì cách thứ hai xét ra không thể làm cho thỏa lòng dân được, cách đó dân sẽ cho là một cái độc-quyền mới, dù là đặt ra lối công-ti Pháp-Việt nữa mặc lòng.

« Nhưng tình-thế Bắc-kỳ với tình-thế Nam-kỳ không có hoàn - toàn giống nhau, vậy nếu dùng chế độ Nam-kỳ, thì phải chám-chước, phải sửa-đổi ít nhiều cho thích-hợp, và cho được lòng các dân quê.

« Thứ nhất là nên theo như lời trình của quan Tài-chính: *mỗi tổng cho phép ít nhiều làng được nấu rượu theo lối cũ, cùng giúp cho dân làng đặt lò chung cùng nhau mà nấu.*

« Còn như cách kiểm-sát các lò công lò tư ở các làng, thì có thể không phải dùng đến viên-chức nhà Đoan cũng được, vì người nhà Đoan dân không ưa, nên cử một viên-chức hành-chính nào cũng được, thuộc quyền quan tỉnh và quan Sứ (*En ce qui concerne la surveillance de ces distilleries villageoise ou ateliers ruraux, l'agent des douanes*

toujours impopulaire pourrait être remplacé par un agent administratif dépendant de l'autorité provinciale).

« Nhân tiện đây xin nhắc lại lời thỉnh-cầu của Hội-nghị tài-chính kinh-tế của người Pháp ở Bắc-kỳ, nói rằng: cách trừng-phạt kẻ nấu rượu lậu nên khéo dùng các phương-pháp hành-chính, hơn là dùng những hình-phạt nặng-nề như bây giờ *Que la répression soit atténuée plus par de sages mesures administratives que par les mesures répressives actuellement en vigueur).*

« Vậy thời trong hai phương-cách của Chính-phủ bày ra đó, nếu phải chọn lấy một cách nào, thì chúng tôi quyết chọn cách thứ nhất, và xin sửa-đổi châm-chước cho thích-hợp, vì cách ấy còn có thể làm cho dân được thỏa lòng hơn là cách thứ nhì.

« Có nhiều ông dân-biểu Bắc-kỳ Trung-kỳ, còn bàn hai cách nữa, chúng tôi kể ra đây để cho biết vậy đó mà thôi :

« 1° Xin chia ra từng « lô », đại-khái mỗi hạt một lô, rồi cho đấu-giá, giá đấu tính theo số thuế trung-bình trong ba năm cuối cùng đây, để thay vào thuế đó bỏ đi. Như vậy thời Chính-phủ cùng nhà Đoan chẳng phải can-thiệp gì lôi-thôi nữa, dân quyết được thỏa lòng ;

« 2° Đặt một thứ thuế khai nấu rượu, và một thứ tem dán vào chai rượu đem bán, rồi giao cho hương-hội mỗi làng coi việc dán tem và phòng kẻ gian-lậu, cho ăn hoa-hồng để có lợi mà trông-nom kỹ.

« Dù thế nào đi nữa, và dù Đại-Hội-nghị quyết theo đường nào mặc lòng, chúng tôi xin biểu-đồng-tình với Hội-nghị kinh-tế của người Pháp ở Bắc-kỳ xin rằng trước khi đem thi-hành cách nào, Chính-phủ nên đem cho các nghị-hội bản-xứ xét kỹ đã, xem có cần phải sửa đổi gì không, rồi hẵng thi-hành. »

. .

Tôi thảo tờ thuyết-minh đó trưa ngày 27 Novembre 1931, liền giao cho ông Baluteig đính vào biên-bản của ông.

Thế là hai bên đều bày tỏ ý-kiến để cho hội-đồng xét.

Cách mấy bữa, họp tiểu-hội-đồng để thảo-luận và đầu-phiếu trước khi đem ra Đại-Hội-nghị.

Tiểu-hội-đồng có cả thảy 24 ông, nhưng bữa ấy ông Nguyễn Phan-Long cáo bệnh, thành ra chỉ có 23.

Khi thảo-luận thì hai bên trình bày ý-kiến. Tôi cứ theo như cái thuyết trên kia mà nói, nhưng xem chừng phần nhiều, có thể nói là hầu hết người Tây về bè với phái độc-quyền cả. Quả-nhiên khi bỏ phiếu thì cái thuyết thứ nhất của chúng tôi được 11 phiếu, cái thuyết thứ nhì của họ được 12 phiếu. Nếu ông Long có mặt đấy, thì có lẽ hai bên cân. Nay thiếu một phiếu, thế là mình thua.

Nhưng ăn thua nhau thật là ở đại-hội-đồng, chứ ở tiểu-hội-đồng không lợi-hại gì. Song xem đó thời biết rằng hai bên cũng là ngang sức nhau, nếu họ khéo vận-động thì họ thắng mình mất, mà cách họ vận-động tất là phải khéo, phải khôn. Làm thế nào bây giờ?

Anh em chúng tôi lấy làm lo lắm. Nếu thua chuyến này thì dân mình lại phải chịu cái độc-quyền nữa trong 15, 20 năm, nặng-nề biết bao nhiêu. Phải quyết-chiến mới được.

Bên bàn với nhau làm thế nào họp được cả các người bản-xứ (Mên, Lào, An-Nam) vào một phe, thành một đoàn-thể, rồi xét xem người Tây nào có bụng với người mình, rủ lấy ít nhiều người, thế là khi ra quyết-nghị chắc mình được đa-số.

Vậy chia nhau ra đi nói với từng người, như vận-động việc riêng vậy.

Nhưng mình vận-động, họ cũng vận-động, mà họ vận-động riết hơn mình nhiều. Có lúc anh em đã phải lấy làm ngã lòng.

Thậm-chí đến phải lập cái kế cùng như sau này: nếu mình mà thua thì làm một cái đơn đệ-trình quan Toàn-quyền nói rằng các đại-biểu của dân Trung Bắc-kỳ là có trực-tiếp quan-hệ đến việc này, đều bỏ vé phản-đối độc-quyền cả.

Đợi mãi mấy hôm không thấy đem việc rượu ra đại-hội-đồng. Chậm ngày nào thêm lo ngày ấy, vì càng rộng thì-giờ cho họ vận-động.

Trong khi đợi chờ đó thời thấy có hai tin càng thêm làm cho ngã lòng: một là có một phái vận-động xin bỏ phiếu kín, hai là có một phái yêu-cầu nên hoãn việc rượu này đến sáu tháng nữa, để họp một kỳ Đại-hội-nghị đặc-biệt ở Dalat mà bàn xét cho kỹ hơn. Coi đó thì đủ biết cái mưu của họ.

Chúng tôi nhất-định không ưng phiếu kín, vì việc này là việc quan-trọng, ai bỏ phiếu thế nào phải công-nhiên cho quốc-dân biết, chịu trách-nhiệm giữa quốc-dân, không việc gì phải ẩn-dấu.

Lại cũng nhất định không ưng để hoãn lại, nói rằng ý-kiến hai bên đã rõ rồi, để sáu tháng nữa hay một năm cũng đến thế mà thôi, nên giải-quyết ngay cho xong việc.

Đương khi vận-động tơi-bời đó thời ngày 4 décembre họp đại-hội-đồng xét riêng về vấn-đề rượu. Ngày nay là ngày quyết-chiến đây; bên nào thua bên nào được rồi sẽ biết.

. . .

Cuộc quyết-nghị tại Đại-Hội-nghị

Bốn giờ chiều Hội-nghị họp đại-hội-đồng. Bao nhiêu nghị-viên đến đông đủ cả. Về bên Chính-phủ thì quan Phó Toàn-quyền GRAFFEUIL, quan Chánh Tài-chính DIETHELM, các quan chánh các tổng-cục phủ Toàn-quyền có mặt tại Sài-gòn cũng đến đủ cả. Các báo Tây ở Sài-gòn có phái đại-biểu đến đông. Ai cũng có cái cảm-giác rằng hôm nay là buổi quyết-chiến đây.

Sau khi khai hội-đồng thời ông LABASTE là đại-biểu phòng Canh-nông Nam-kỳ đứng lên nói rằng: « Trong hội-nghị này có một ông đối với việc rượu này vừa là người đương-sự, vừa là quan thẩm-phán (*à la fois juge et partie*), tôi tưởng như vậy thời không tiện lắm. »

Ông LABASTE muốn ám-chỉ ông BERNHARD chủ công-ti rượu vậy.

Ông này đứng lên trả lời rằng « Người ấy là tôi. Nhưng ông trách điều đó nên trách quan Toàn-quyền cử tôi, không nên trách tôi. Tôi xin tuyên-bố rằng khi đầu-phiếu tôi không bỏ phiếu. »

Đoạn rồi mấy tay «cử» trong Hội-nghị, như bọn ông DE LACHEVROTIÈRE, MATHIEU, v. v., kế-tiếp nhau đứng lên nói, công-nhiên bênh cho độc-quyền mà chủ trì cái thuyết thứ nhì. Các ông làm ra mặt ôn-tồn, ngoảnh về bên chúng tôi mà nói rằng: « Nếu các ông cứ khăng-khăng giữ cái thuyết thứ nhất là các ông lìm to, hại cho dân An-Nam đấy, các ông ạ. Dân An-Nam không thể nào địch với công-ti được rồi nguy to. Thà châm-chước với công-ti còn hơn. . . »

Chúng tôi chỉ tủm-tỉm cười.

Về bên An-Nam thì những tay «cử» như ông Chiêu, ông Long không nói gì cả. Ông Long thì cứ phất-phơ, nửa nọ nửa kia, không về bè nào. Ông Chiêu thì giận vì nhận được cái giấy-thép của viện Dân-biểu Bắc-kỳ trách sao lại phản-đối sự tự do nấu rượu, nên không muốn nói gì nữa, nhưng ông có hứa rằng thế nào ông cũng về bè với chúng tôi.

Thành ra chỉ còn trơ có mấy anh em Trung Bắc-kỳ mà thôi. Về phần tôi thì tôi đã dự-bị sẵn, để đến sau cùng, bao nhiêu người về phe kia nói hết cả rồi, tôi mới nói.

Ông Ngô Tiến-Cảnh đứng lên nói trước, nhất-quyết phá độc-quyền, và kể cái tình-cảnh trong dân-gian khổ về việc rượu.

Ông Cảnh nói xong rồi, đến mấy ông Tây về phe kia nói đi nói lại ít lâu, sau thấy vẫn-vẫn tôi mới đứng lên đọc bài diễn thuyết như sau này (1).

. . .

Thưa các ngài,

Cái vấn-đề đổi lại thể-lệ rượu ở Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ, liệt vào những vấn-đề thuộc quyền Đại-Hội-nghị quyết-nghị trong kỳ hội-đồng này, là một vấn-đề rất quan-trọng, có lẽ quan-trọng hơn hết thảy các vấn-đề mà Đại-Hội-nghị phải bàn xét lần này.

Ta quyết-định thế nào là có ảnh-hưởng sâu-xa lắm, không những về phương-diện thuế-khóa mà thôi, nhưng quan-hệ nhất là về phương-diện chính-trị.

Tôi là đại-biểu của viện Dân-biểu Bắc-kỳ cử đi dự kỳ hội-đồng này, vậy bổn-phận tôi là phải trình bày Đại-Hội-nghị biết về phương-diện chính-trị của cái vấn-đề quan-trọng này thế nào.

Trong bài diễn thuyết đọc buổi khai-mạc Đại-Hội-nghị, chính quan Toàn-quyền cũng cho rằng vấn-đề rượu có cái tính-cách đặc-biệt như vậy.

Và trong tờ trình bày sổ Dự-toán Đông-dương năm 1932, có nói rằng:

« Cái vấn-đề rượu đã thành ra một vấn-đề khẩn-cấp, không phải thuần là một vấn-đề thuế-khóa nữa, có nhiều phương-diện quan-hệ đến chính-trị, rất có ảnh-hưởng đến nhân-dân, nên cần phải bàn định một cách thận-trọng lắm mới được.

« Vậy trong kỳ Hội-đồng này, Đại-Hội-nghị phải tỏ bày ý-kiến và chuẩn-định cái thể-lệ thế nào cho khỏi thiệt đến công-quĩ mà lại yên lòng dân được lâu dài nữa. »

Vậy thì ngày nay Hội-đồng quyết-định về vấn-đề ấy thế nào, là có quan-hệ nhiều lắm; một là làm yên được lòng dân, hai là lại làm cho kích-thích cái lòng oán-hận trong dân-gian.

Đại-Hội nghị bàn định về vấn-đề này, nên gác ngoài những nỗi tây-vị ra, phải ung-dung bình-tĩnh mà bàn, đừng vì những lời xôn-xao của công-chúng mà cũng đừng vị những lợi riêng của hạng người nào, lợi riêng này tuy đáng trọng thật, song bao giờ cũng phải nhượng-bộ cho sự lợi-ích chung đã.

Mà cái lợi chung trong vấn-đề quan-trọng này, không những là chỉ chăm cho công-quĩ mà thôi, nhưng lại phải chú-ý đến cuộc trị-an chung, phải tìm hết cách để làm cho yên lòng người mới được.

Vì lòng người thật là sôi-nổi về cái vấn-đề rượu này. Điều đó dù những người thiển-cận không xét kỹ cũng phải chịu như vậy. Ai cũng phải công-nhận rằng hiện nay có một vấn-đề rượu, và vấn-đề này có ảnh-hưởng về đường chính-trị, có tính-cách khẩn-cấp vô-cùng, chính là một cái cớ bất-bình của nhân-dân ở miền bắc Đông-dương vậy.

Nhưng có lẽ các bạn đồng-viện tôi ở Trung Nam Đông-dương, là nơi được hưởng cái chế-độ khoan-dung hơn chúng tôi, đối với cái vấn-đề này, không thấu rõ hết mọi lẽ quan-trọng khó-khăn là đường nào.

Vậy tôi xin phép các ngài kể qua vắn-tắt về đầu-đuôi việc này thế nào.

Trong tờ trình của Chính-phủ làm căn-cứ cho cuộc thảo-luận của chúng ta đây, có giải rõ về cái thể-lệ rượu ở miền Bắc và miền Nam Đông dương như sau này:

« Ở Nam-kỳ, Cao-miên, trung-bộ và nam-bộ Trung-kỳ, nghề nấu rượu được tự-do, miễn là có xin phép là được; việc bán rượu cũng được tự-do, miễn là phải có môn-bài; Nhà-nước chỉ giữ quyền kiểm-sát các công-việc đó.

« Chỉ như ở Bắc-kỳ và ba tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh ở phía Bắc Trung-kỳ, thì

(1) Xem nguyên-văn bài diễn-thuyết bằng chữ Pháp ở phần Phụ-trương trong số này.

không thể, về việc cất rượu Nhà-nước đã ký hợp-đồng với một công-ti Pháp nấu rượu ở Đông-dương (hợp-đồng ấy đến ngày 11 *Juillet* 1933 thì hết hạn), công-ti chuyên việc cất rượu cho dân bản-xứ dùng, Nhà-nước giữ việc vận-tải, việc đóng chai, đem đến các nơi đại-lí, rồi người Nhà-nước lại đứng bán cho các chủ-ti khác.»

Gồm cả các việc ấy, gọi chung một tiếng là «độc quyền rượu».

Ngay tự khi mới đặt Bảo-hộ ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ, hồi tháng *juillet* 1886, đã có bàn đến việc đặt độc-quyền rượu. Nhưng quan Toàn-quyền bấy giờ là quan PAUL BERT bác đi. Ngài nói rằng:

«Dân-tình khốn-khổ đã lâu, không nên làm cho thất nhân-tâm, để thêm nỗi bất-bình; trong những năm đầu, phải xử-trí cho rất êm-đềm và đợi cho yên ổn thịnh-vượng hẳn, rồi mới có thể lấy bằng-cứ mà đánh thuế được. Như đặt độc-quyền thuốc phiện thì dân không kêu gì; nhưng cái độc-quyền rượu, thì phải làm thế nào cho dân chịu nổi mới được. Việc dùng rượu là một việc rất thông-thường, và trong bao nhiêu ngày hội-hè giỗ-chạp của người An-Nam, nó lại có cái tính-cách thuộc về lễ-giáo nữa, ngăn-trở người ta tức là làm một việc hà-khắc vậy.

«Không kể thóc gạo của dân quê cất rượu, vốn là thóc gạo dân cày-cấy, ruộng đã phải chịu thuế, nghĩa là thóc gạo đã phải chịu thuế rồi, thế mà rượu cất bằng thóc gạo ấy lại phải chịu thuế nữa, thì thật thành ra sự hà-khắc bội-phần. Vì những lẽ đó mà tôi lấy làm ngần-ngại trong việc này...»

Quả-nhiên, sau khi điều-tra kỹ, quan Toàn-quyền PAUL BERT quyết không cho đặt độc-quyền rượu.

Cái độc-quyền ấy, năm 1886 quan PAUL BERT đã bác đi, thì cách mười-sáu năm về sau, quan PAUL DOUMER lại đặt ra, để lấy tiền cho Ngân-sách chung Đông-dương và giúp cho lập thành đoàn-thể Đông-dương, rồi từ đấy cứ theo như các nghị-định ngày 20 và 22 *décembre* 1902 do sắc-lệnh ngày 7 *Août* 1903 đã ưng-chuẩn mà thi-hành.

Nhưng mà từ thời ông PAUL BERT, cái quan-niệm của người nhà-quê chúng tôi đối với việc rượu này vẫn không thay đổi. Người nhà quê bao giờ cũng vẫn cho sự cấm nấu rượu là một sự hà-khắc, và kêu-ca về việc trừng-phạt bất-bớ không công-bằng. Gia-chi-dĩ sở Thương-chính lại dùng những tuần-đinh chọn trong đám mạt-lưu, đã từng can án, thành ra gây nên ở xứ này cái thói thù-hằn vu-cáo, dọa-nạt lấy tiền, ban đêm vứt bã rượu vào nhà đất người ta, là những cách khiến cho dân quê ngồi không yên-ổn, đứng không vững-vàng, lúc nào cũng ngay-ngáy lo sợ nhà bị khám, thân bị giam, của-cải bị tịch, khuynh-gia bại-sản chỉ vì một tên tuần-đinh Thương-chính đêm hôm đem vứt bã rượu vào ruộng mình, dù ruộng ấy cách xa nhà đến bao nhiêu cây số cũng vậy.

Chắc các ngài đều đã có đọc qua cuốn tiểu-thuyết của ông JEAN MARQUET, nhan đề là: *De la rizière à la montagne* (Từ đồng bằng lên mạn ngược). Tiểu-thuyết này tả cảnh một người nhà quê vì sự vu-cáo rượu lậu, bị tù hết đó đấy, rồi kết-cục lên làm phu mỏ trên mạn ngược, sức-lực hao-mòn, lại vừa bị ngã nước, thành ra đến chết. Chuyện đó chính là một chuyện thật đấy. Ông MARQUET là một viên-chức trong sở Thương-chính, lại là người chính-nhân quân-tử, đã trải qua những chốn thôn-quê, đã biết rõ tình-cảnh người nhà quê chúng tôi mà ông thường gọi là anh em, thật không thể cầm lòng đậu mà kể cái chuyện thảm-hại ấy, cái chuyện rất đáng thương-tâm của người dân quê Bắc-kỳ ấy, bị vu-cáo rượu lậu mà nên nông-nỗi như thế. Mà khốn-nạn thay,

những chuyện như thế thường xảy ra ở chốn nhà quê chúng tôi luôn.

Hôm qua ở tiểu-hội-đồng, quan Chánh sở Tài-chính có nói rằng chớ nên nói quá về việc phạt rượu lậu, việc trừng-phạt ấy chẳng có gì là thái-quá cả, vì cứ xem ngay một tỉnh lớn như tỉnh Thái-bình mà chỉ có hai viên thương-chính thôi ; chỉ như ở bên Pháp, trong một quận lớn như thế, tất phải dùng đến hàng mấy trăm viên-chức thương-chính. Vâng, vẫn đành rằng thế, nhưng hai viên thương-chính Tây đó lại dùng biết cơ-man nào là các tay tuần-đinh người bản-xứ, toàn là những người trong mạt-đẳng xã-hội ; gia-chi-dĩ lại có cái lệ cho ăn tiền hoa-hồng, thật là một cách xui-giục bọn bất-lương làm càn vô-sở-bất-chí nữa.

Thưa các ngài, đây tôi kể qua để các ngài nghe những điều hình-phạt về tội rượu lậu.

Phàm ai cất rượu lậu thì phải phạt tiền từ 200 đến 2000$ và phạt tù từ 15 ngày đến 3 năm, hay là trong hai thứ ấy phải phạt một. Ngoại-giả những khí-cụ dùng để cất rượu, hay những cơm rượu đã bắt được, đều bị sở Thương-chính tịch-một. Phàm người nào bị bắt có mang ít nhiều rượu lậu mà không thể nói rõ được rằng rượu ấy ở đâu ra, thì phải phạt tiền từ 25 đến 500 đồng và phạt tù từ 8 ngày đến 3 năm, hay là trong hai thứ ấy phải phạt một. Nhà-nước lại bắt những hương-chức các làng phải chịu trách-nhiệm về việc phạt tiền những người can rượu lậu, nếu rõ rằng các hương-chức ấy không làm gì để ngăn-cấm việc nấu rượu lậu trước khi phát-giác ra. Lại nếu các hương-chức không chịu giúp sức cho người sở Thương-chính trong việc khám xét bắt-bớ, hay để cho đánh tháo được các tang-vật, thì cũng phải chịu trách-nhiệm phạt tiền, không kể khi có kháng-cự lại các viên-chức trong khi làm việc, thì lại thêm một tội khác, phải chịu bình-phạt khác nữa. Lại như khi khám thấy rượu lậu ở chỗ đất công của làng, dù đất ấy làng bỏ hoang hay ở xa làng tới 10 cây-lô-mét, làng ấy cũng phải chịu trách-nhiệm vào đó.

Thưa các ngài, các ngài xét đó mà coi, cách trừng-phạt nặng-nề như thế, lại giao cho những viên-chức Thương-chính, tuy có phát-thệ nhưng không phải toàn là người nhân-đức cả, thường dùng vô-số những kẻ tuần-sai mật-thám chọn toàn trong đám mạt-lưu, cho mười phần trăm tiền hoa-hồng để thưởng, cứ đó mà suy thì đủ biết gây nên biết bao là sự hà-khắc nhũng-lạm.

Thật ra thì số phạt rượu quả là nhiều lắm lắm. Mỗi năm có tới hàng mấy trăm cái án như vậy. Nghe nói chính quan Tổng-trưởng Thuộc-địa, muốn khảo xét về việc này, thấy số can-phạt quá-đa, cũng phải lấy làm rùng mình kinh-ngạc.

Nay dân phải chịu khổ như thế, thì được lại cái gì ?

Được cái hân-hạnh uống rượu ti, là thứ rượu dân không ưa ! Không ưa cũng phải uống, bắt phải uống... Như xin phép giết một con trâu hay một con bò, có ông quan sở-tại nhiệt-thành quá, bắt phải mua mấy chục chai rượu ti mới cho !

Tôi vẫn biết, tôi nói thế, tất sẽ có người giở cách-trí ra mà chứng-giải phân-minh rằng rượu của Công-ti là ngon lành, là «tố-hảo», chẳng những không độc mà lại còn bổ nữa, chẳng khác gì những rượu vang rất ngon ở xứ *Bourgogne* hay xứ *Côte d'Or* vậy. Thôi, phép hóa-học còn thiếu gì cái đẹp cái hay, những người không biết hóa-học có đâu dám bình-phẩm.

Tôi không biết uống rượu ; tôi chẳng hay rượu ti ngon ngọt thế nào. Nhưng cứ như những người uống rượu nói,— mà ý-kiến của họ mới có giá-trị

hơn, — thì rượu ti quả không hợp với giọng dân; uống nó bốc lên đầu, nó không có vị, có hương như rượu của người ta cất.

Thành ra dân An-Nam phải uống một thứ rượu mình không thích uống. Trong khi ấy, lại mất một cái nghề kiếm ăn tốt. Vì rằng xưa kia dù nghề nấu rượu chẳng được hoàn-toàn tự-do chăng nữa, thì mỗi tỉnh cũng có bao nhiêu làng lấy nghề ấy làm một nghề căn-bản.

Nhất-đán làm cho những làng ấy hàng trăm cái gia-đình mất nghề kiếm ăn. Những làng ấy, những nhà ấy, thường ruộng-nương chẳng có, tất hoặc bị thất-nghiệp khổ-sở, hoặc cứ liều nấu rượu lậu, rồi làm đến tù tội như đã kể ở trên.

Mất nghề nấu rượu lại thành ra làm hại lây đến một nghề phụ nữa, là nghề nuôi lợn, vì nuôi lợn không còn gì tốt bằng bỗng rượu. Cái nghề nuôi lợn bị hạn-chế đi, vừa làm cho những dân quê nghèo-nàn ở Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ giảm mất một mối lợi, lại vừa ảnh-hưởng đến sự ăn-uống nữa.

Người ta đã tính ra rằng một nhà có cất một lò rượu thì đồng-niên có thể nuôi được tám con lợn. Những lợn ấy lúc mua giá mỗi con 2 đồng, nuôi trong sáu tháng, có thể bán được 8 đồng. Thế là mỗi con lãi được 6 đồng, tổng-cộng được lãi 48 đồng một năm; người dân quê nghèo, được thêm một món đó đã là khá lắm. Gia-chi-dĩ, phân lợn lại không phải là một vật bỏ đi, bán cũng được hai đồng bạc, hay để thì dùng bón được một mẫu ruộng.

Nếu lợn ấy chẳng đem bán lấy lợi, thì đem giết thịt, người nhà quê cũng nhờ thế có chút thịt ăn, vì dân quê chúng tôi họa-hoằn mới được ăn miếng thịt. Ai đã biết rõ dân nhà quê chúng tôi thì tất biết rằng người nhà quê thường thiếu-lực vì không đủ ăn, nhất là ở mấy tỉnh đông dân-cư như Nam-định, Thái-bình, Nghệ-an, Hà-tĩnh. Nếu thỉnh-thoảng được ăn miếng thịt, tưởng cũng nên lắm.

Tôi xin các ngài miễn-thứ cho tôi kể những việc nhỏ-nhặt như vậy, có biết rõ thế thì mới hiểu vì những duyên-cớ sâu-xa thế nào mà dân quê chúng tôi thiết-tha giữ lấy cái nghề nấu rượu như vậy, dù phải tù-tội cũng cứ nấu lậu hoài.

Xét các lẽ đó thì các ngài đủ rõ sở-dĩ làm sao mà cái chế-độ rượu hiện-hành ở Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ đến bất-thuận nhân-tâm như thế. Đã thi-hành tự ba chục năm nay mà nhân-dân vẫn không thỏa-hợp. Kẻ phàn-nàn thiết-tha, người bài-bác kịch liệt. Những việc biến-động xảy ra ở Bắc Trung-kỳ tự 30 năm nay đều lấy đó làm một cớ để xui giục lòng dân...

Gần đây như việc « tẩy-chay » nhà học-sinh của ông FONTAINE là chủ công-ti rượu lập ở *Paris*, thật là chứng-cớ hiển-nhiên.

Dù thế nào mặc lòng, có một điều rõ hẳn, là đã bao nhiêu năm nay, mỗi năm trong kỳ hội-đồng của các viện tư-vấn, sau đổi làm viện Dân-biểu ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ, đồng-viện cũng từng theo ý dân, đệ đơn thỉnh-cầu bãi cái độc-quyền rượu. Năm nào cũng thỉnh-cầu, đã thành như lệ thường, vì lâu dần thành như cái biểu-hiệu của lòng dân yêu-cầu nguyện-vọng.

Mà thực thế, xét bao nhiêu người làm việc phiến-loạn đều lợi-dụng cái lòng dân đó, nên trong các truyền-đơn, trong các chương-trình của họ, cũng vin vào cái vấn-đề rượu làm câu khẩu-đầu phản-đối.

Cái vấn-đề rượu, lẽ ra chỉ là một vấn-đề về thuế-khóa mà thôi; thế mà gây ra một cái không-khí nồng-nàn, lại thành một vấn-đề có tính-cách hiển nhiên về chính-trị.

Cái bổn-phận của chúng tôi là dân-biểu, phải đem điều ấy trình bày với Đại-Hội-nghị.

Cứ đứng riêng về mặt thuế-khóa mà nói, thì vấn-đề rượu kể chẳng có khó gì, mà cái độc-quyền rượu cũng chẳng đáng bài-bác chi cho lắm. Có thể sửa-đổi cho tốt hơn và chẳng cần phải bãi đi cũng được.

Sở-dĩ cái vấn-đề rượu nay phải đem ra bàn-bạc, sở-dĩ ngày nay phải trù-định việc bãi độc-quyền rượu đi, là chỉ cốt để làm cho được hả lòng dân.

Vậy nên cần phải chú-trọng về phương-diện ấy, để mà giải-quyết cho được thỏa-đáng.

Cầu lấy một phương giải-quyết cho được thập phần mãn-nguyện, thì quyết-nhiên là không có. Vì rằng ý dân thì chỉ muốn được hoàn-toàn tự-do nấu rượu; các viện Dân-biểu Trung-Bắc-kỳ mà chính chúng tôi làm đại-biểu đây, đã đệ lời thỉnh-cầu nhất-quyết như thế. Nhưng chúng tôi biết rằng lời thỉnh-cầu ấy không thể nào thực-hành được, chúng tôi biết rằng tranh-biện vào một việc chẳng sao thực-hành được thì cũng chẳng ích gì. Điều ấy chúng tôi sẽ xin bộc-bạch cùng các bạn đồng-viện đã cử chúng tôi vào dự kỳ Đại-Hội-nghị này.

Vậy thì cái cách rất giản-tiện là cách cho dân hoàn-toàn tự-do nấu rượu, không thể được.

Lại một cách giản-tiện nữa là cho tất cả các làng, không phân-biệt gì, được tự-do nấu rượu, miễn là phải chịu thuế thực tổng-cộng ngang với số thuế của sở Thương-chính thu được bây giờ; cách ấy cũng không thể được.

Cứ lý-thuyết thì cách sau đó thật là một cách giải-quyết trúng tâm-lý, có thể làm cho dân được thỏa lòng. Nhưng làm thế nào mà thu nộp cái thuế thực ấy? Chỉ ngại rằng lại thành ra một thứ thuế mới nữa quân-phân cho đinh-điền thôi. Thành ra lại đem một thứ thuế gián thu làm thành ra một thứ thuế trực-thu, thì thật vô-lý lắm. Vả chính viện Dân-biểu Bắc-kỳ cũng đã phản-đối việc đó.

Thế thì có hai cách giải-quyết giản-tiện mà không thể thực-hành được, đành phải bỏ không xét đến, vậy chỉ còn có hai cách do Chính-phủ bày ra mà nay Hội-đồng đem ra quyết-nghị, là như sau này: một là đặt ra ở Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ cái chế-độ cũng như ở Nam-kỳ mà có sửa-đổi ít nhiều; hai là lập ra một công-ti Pháp-Việt chuyên việc cất rượu, đóng rượu vào chai, vận-tải và đứng bán ở địa-phận Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ.

Cả hai cách đều là chưa được hoàn-thiện. Đều là cách châm-chước, không thể làm cho mãn-nguyện hết thảy mọi người được.

Nhưng theo cái mục-đích cốt-yếu của chúng ta, là tìm cách làm thế nào cho thỏa-thiếp nhân-tâm, — mà đó là một điều quan-hệ nhất trong cái vấn-đề này, — thì cái phương-pháp có ít điều bất-tiện cho ta hơn, tức là cái phương-pháp thứ nhất, nghĩa là cái chế-độ Nam-kỳ đem châm-chước mà thi-hành ở Bắc-kỳ.

Nó thế nào thì đã biết rồi đó. Tuy rằng chẳng được hoàn-thiện, nhưng nó đã thi-hành ở Nam-kỳ từ bao nhiêu năm nay, mà người trong Nam không thấy phàn-nàn gì cho lắm; đại-khái cũng được mãn-nguyện. Vậy chúng tôi xin đem cái chế-độ ấy châm-chước mà thi-hành ở Bắc-kỳ.

Cái chế-độ ấy để cho ai nấy được tự-do tranh-cạnh, chứ không phải riêng một hãng nào được độc-quyền nấu rượu và bán rượu nữa. Thế thì người Tây, người Nam, — ở Bắc-kỳ chúng tôi không cần chi người Khách,

— ai nấy tùy tài-lực có thể cùng nhau lập ra các lò rượu khác mà nấu rượu.

Có người phản-đối rằng theo cách đó thì người Nam không thể nào cạnh-tranh nổi, rồi lại thành ra một cái độc-quyền thực-sự về tay Công-ti rượu thôi. Người ta nói Công-ti ấy hằng năm nấu và bán ở đất Nam-kỳ tới 70°/₀ rượu kia. Thì cho rằng ở Bắc-kỳ và phía Bắc Trung-kỳ kết cục cũng lại như thế nữa, có sao? Cho rằng để tự-do cạnh-tranh thì Công-ti ấy lại được nấu và bán 70°/₀ rượu, nhưng cũng còn để cho ta được 30°/₀, chẳng hơn cứ độc-quyền bây giờ, ta không được tí gì ư?

Người Nam, và cả người Pháp nữa (vì công-ti FONTAINE không phải chiếm được cả kỹ-nghệ của người Pháp ở đây) ít ra cũng còn được 30°/₀. — tôi nói ít ra, vì tôi chắc còn hơn kia,— có thể tự-do mà cất, mà bán rượu, miễn là có Chính-phủ kiểm-soát, có hợp thể-lệ thì thôi.

Như vậy mới là cho dân được thỏa lòng.

Nhân-dân sẽ không còn có cái cảm-tưởng rằng bị một công-ti to thừa thế-lực chiếm-đoạt cả nghề kiếm ăn của mình, đem cái lưới độc-quyền mà giam mình vào đó nữa.

Nay cái phương-pháp thứ hai có được như thế không?

Tôi không dám chắc.

Hôm qua bạn đồng-viện tôi là ông Bùi Quang-Chiêu đã nói rằng hiện nay có một cái phong-trào phản-đối độc-quyền; ông lại có kể việc độc-quyền thương-cảng Sài-gòn năm trước, thật đã làm cho sôi-nổi dư-luận trong Nam. Ông cho cái độc-quyền rượu cũng như độc-quyền thương-cảng trước. Mà nói cho thật ra thì đồng-bào chúng tôi hiện nay nói đến chuyện độc-quyền thật là ghét ngon ghét ngọt. Cái lòng yếm-ố đó, ở Bắc-kỳ và phía Bắc Trung-kỳ đã phải chịu khổ về độc-quyền rượu trong ba-mươi năm nay, thật đã đến cực điểm vậy.

Vậy mà trong cái phương-pháp thứ hai là cách lập công-ti Pháp-Việt đó, chúng tôi xem ra lại chính là một lối độc-quyền giả-dạng, lại càng tệ hơn nữa; một độc-quyền mà thành bốn: độc-quyền cất rượu, độc-quyền đóng rượu vào chai, độc-quyền vận-tải rượu và độc-quyền bán rượu; cái độc-quyền bán đó nó sẽ làm lợi cho công-ti vô-kể, mà làm thiệt cho nhân-dân vô-cùng!

Toại-thành nói là bãi độc-quyền, mà kỳ-thực lại lập ra độc-quyền cách khác. Tức như nói: đuổi cái độc-quyền đi, nó lại chạy về sồng-sộc vậy!

Cái cách thứ hai đó là thế nào? Là lập lên một công-ti cất rượu (đến 80°/₀), đóng chai, tải đi và bán tất cả rượu cần dùng ở Bắc-kỳ và phía Bắc Trung-kỳ. Duy có một điều, bề ngoài xem ra hình như làm cho thỏa lòng dân, là cho phép mấy làng cất rượu, nhưng chỉ được cất thuê cho công-ti mà thôi, bao nhiêu rượu của các làng cất ra đều bắt-buộc phải bán cho công-ti, công-ti được độc-quyền mua tùy giá sẽ định. Một điều nữa hình như bề ngoài cũng làm cho thỏa ý dân, là người bản-xứ cũng được chung phần với cái công-ti độc-quyền sẽ thành-lập ấy. Nhưng cái cách chung phần ấy, chúng tôi cũng đã thừa biết rồi. Chẳng qua lại chỉ dành mấy phần cho những người có thế-lực được vào chân hội-đồng quản-trị mà thôi. Chúng tôi đã biết lắm, vì đã có cái gương công-ti nước mắm năm nọ đó.

Vậy thì trong cái phương-pháp thứ hai thật không lợi cho dân được mấy tí; còn như cái phương-pháp thứ nhất vẫn thi-hành ở Nam-kỳ, thì nhân-dân cũng không lấy gì làm bất-bình

cho lắm. Nay đem thi-hành ở Bắc-kỳ mà châm-chước một cách cho cẩn-thận, thì chúng tôi tưởng cũng khá lắm cho yên lòng dân được lâu dài.

Vậy thì các đại-biểu An-Nam chúng tôi xin hợp-ý về cái phương-pháp thứ nhất, tức là cái bản số 1, nghĩa là cái chế-độ Nam-kỳ đem châm-chước mà thi-hành ở Bắc-kỳ.

Chúng tôi nghe nói phương-pháp ấy, các quan Thủ-hiến các xứ cũng ý-hiệp, tức là quan Thống-sứ Bắc-kỳ, quan Khâm-sứ Trung-kỳ, vì chức-trách các ngài xét cái vấn-đề ấy tất phải nhìn khắp các phương-diện, không những về phương-diện thuế-khóa và kinh-tế mà thôi, nhưng cả phương-diện chính-trị, xã-hội nữa. Xem một điều các quan hành chính ý-hiệp đó, cũng đủ biết là có điều lợi về đường chính-trị.

Cứ xét riêng về phương-diện thuế-khóa thì cái cách thứ hai có điều tiện cho Chính-phủ thật, cho nên xem ra quan Chánh Tài-chính cũng luống những siêu lòng: Chính-phủ không phải là một nhà buôn thạo, Chính-phủ cứ giao cả công-việc cho một công-ti độc quyền mà thu lấy một phần lợi. Như vậy thật tiện việc cho Chính-phủ lắm, nhưng lại rất hại cho dân, vì dân lại bị mắc vào một cái độc-quyền mới khác.

Chính-phủ bảo hội-đồng chúng ta xét trong hai cách đã bày ra đó xem nên chọn cách nào. Chính-phủ bảo ta ưng-thuận cách nào thì phải nói cho rõ. Ta quyết-nghị đây là chỉ quyết-nghị về phương-châm mà thôi. Ta không phải xét đến cái cách-thức thi-hành châm-chước thế nào. Điều đó đã có Chính-phủ định liệu rồi sẽ trình cho chúng ta biết sau.

Ưng-thuận cách thứ nhất, tức là một cái phương-pháp đã tỏ-tường rồi, tức là một cách có thể làm cho thỏa lòng dân được.

Ưng-thuận cách thứ hai, tức là xoay ra một lối độc quyền mới khác, thoạt nghe thấy, dân đã lấy làm buồn; ấy tức là làm trái lại cái mục-đích cầu cho thỏa-thiếp dân-tâm.

Nhưng dù Hội-đồng ấn-định cách nào mặc lòng, cũng xin đừng có cho dài hạn quá, như lời bạn đồng-viện ta là bác-sĩ Le Roy des Barres đã bàn ở tiểu-hội-đồng bữa trước: hãy nên chỉ thí-nghiệm trong vài năm, để xét xem cái kết-quả nó thế nào và cần phải sửa đổi thêm bớt thế nào.

Chúng tôi lại xin Chính-phủ trước khi đem thi hành phương-pháp nào, nên hỏi ý-kiến các Hội-đồng bản-xứ, là Hội-nghị kinh-tế của người Tây và Hội-nghị Dân-biểu của người Nam.

Thưa các ngài, các ngài bây giờ quyết-định thế nào, là một điều hệ-trọng lắm. Nhân-dân đương đăm-đăm con mắt trông vào các ngài. Nếu các ngài ưng-chuẩn cái phương-pháp có lợi cho dân, thì dân lấy làm ơn các ngài lắm.

⁂

Tôi đọc xong bài trần-thuyết đó thì thấy thái-độ trong hội-nghị khuynh-hướng hẳn về bên mình. Người nhìn nhau, kẻ thì-thào, người gật đầu ra dáng bằng lòng, kẻ tủm-tỉm ra chiều đắc-ý, xem qua đủ biết có ảnh-hưởng. Nếu ngay bấy giờ mà bỏ phiếu thì chắc là được thắng.

Nhưng nói đi, còn phải để cho người ta nói lại, cuộc thảo-luận đã xong đâu. Mấy ông Tây nữa đứng lên kè-nhè, kể con cà con kê, lôi-thôi đến nửa giờ. Ông de Lachevrotière thì nói: « Ông Phạm Quỳnh lấy cớ chánh-trị để huyễn-diệu chúng ta. » — Ông Mathieu: « Vấn-đề này là vấn-đề tài-chính, vấn-đề thuế-khóa, không phải vấn-đề chính-trị. » — Ông Perroud nói: « Ông Phạm Quỳnh

nói dân nhà quê đòi nấu rượu để nuôi lợn. Nếu thế thì phải cho cả mọi người tự-do nấu rượu, không thể được. » Tôi bèn vin ngay lấy câu đó mà trả lời một cách hoạt-kê rằng: « Không, đây không phải nói chuyện lợn! Tôi lấy chuyện lợn làm câu thí-dụ đó thôi...»

Nhùng-nhằng mãi, chưa kịp bỏ vé thì đã tối mất rồi. Định để đến hôm sau. Nhưng không biết cái tinh-cờ oái-oăm thế nào, hôm sau là ngày thứ bảy lại có một đám cưới to ở Chợ-lớn, các nghị-viên Nam-kỳ mắc đi dự tiệc cả, xin để đến bữa khác. Bữa khác thì phải đến thứ hai, vì chủ-nhật không họp. Thế là họ lại thêm được hai ngày để vận-động nữa, mà cái ảnh-hưởng tốt của bài trần thuyết của mình sẽ nhạt dần mất đi. Phải nghĩ cách đối-phó mới biết.

Tôi bèn kịp cho đánh máy bài diễn-thuyết của tôi và in ra một trăm bản, gửi cho khắp các bạn đồng-viện và cho các nhà báo Sài-gòn. Còn anh em thì trong hai ngày lại đi nói riêng từng người xem người nào có ý khuynh-hướng với mình. Về phần người Tây thì chắc được ông Da Yersin, ông Labaste, ông Guyonnet, ông Marinetti.

Đến sáng thứ hai, lại họp đại hội-đồng bàn nốt. Hôm nay mới thật là quyết-chiến đây. Tôi lại đứng lên nói nữa, nhắc lại bài trần-thuyết bữa trước, mà có ý thiết-tha khẩn-khoản hơn. May sao hôm nay lại được một viên tướng cứu-viện, thật là không ngờ. Viên tướng ấy là ai? Chính là ông thầy kiện Foray, chánh tiểu-bản xét việc rượu bữa trước, và là người nhiệt-thành chủ-trì cái thuyết độc-quyền. Không ngờ, thật không ngờ!

Ông đứng lên nói: — Người ta chỉ có người cố-chấp mới không đổi ý-kiến. Còn người thành-thực thì hễ biết rằng mình lầm phải nói là mình lầm. Từ trước đến nay tôi vẫn chủ-trương cái thuyết thứ nhì. Nhưng tôi nghe ông Phạm Quỳnh nói tôi nghĩ lại thì có lẽ cái thuyết thứ còn hơn. Theo cái chế-độ Nam kỳ thì dầu chẳng được toàn-lợi, Chính-phủ còn được thong-dong mà sửa đổi, mà châm-chước, không phải bó-buộc với ai. Theo cái thuyết thứ nhì, nghĩa là lập công-ti độc-quyền, thì Chính-phủ bị bó-buộc ít ra cũng đến 10, 15 năm. Trong khoảng đó nếu xảy ra việc gì, muốn bãi bỏ độc-quyền đi, thì tất phải đền cho công-ti không biết bao nhiêu mà kể. Nguy-hiểm lắm! Tôi quyết bỏ vé cho cái thuyết thứ nhất...

Ông nói mấy câu đó một cách hùng-hồn, nhiều người Tây cũng thấy xiêu lòng.

Ông nói xong, tôi liền đứng lên cảm ơn ông một cách rất nhiệt-thành. Rồi tôi ngoảnh lại các ông đại-biểu Tây của Nam-kỳ, Cao-miên, Ai-lao mà nói rằng:

— Thưa các ngài, tôi xin nói một lần cuối cùng nữa, nói một cách rất khẩn-thiết. Tôi xin nói riêng với các anh em đồng-viện đại-biểu của Nam-kỳ, Cao-miên, Ai-lao, là những xứ không có trực-tiếp quan-hệ đến việc rượu này. Chắc có ngài nghĩ rằng: Việc này chẳng thiết đến ta, ta cũng chẳng nên thiết-tha làm gì. Nói rằng dân Bắc Trung-kỳ không bằng lòng về độc-quyền rượu, nhưng dân Bắc Trung-kỳ xa-xôi lắm, nào biết thực hư thế nào! Ngay trong hội-nghị này, có nhiều ông ta vì nể, ta chẳng muốn mất lòng làm gì, các ông ấy vận-động nói với ta nên bỏ phiếu cho cái thuyết thứ nhì, thì ta nên chiều lòng các ông ấy là hơn, v. v. — Nếu các ngài nghĩ như vậy thì là sai lầm. Xứ Đông-dương này là một cái toàn-thể (*L'Indochine est un tout*). Nam Bắc dù xa mà lợi-hại rất tương-quan với nhau. Nếu miền Bắc mà loạn thì miền Nam cũng không yên được; nếu chúng tôi phải chịu cái hại độc-

quyền thì cái hại ấy rồi cũng lây sang cả các ngài. Xin các ngài bỏ cái bụng tây-riêng từng xứ, lấy tư-cách làm dân chung cả Đông-dương mà quyết-nghị việc này, cho được hài lòng dân-chúng tôi, thì dân cảm ơn các ngài lắm...

Trong hội-nghị còn ồn-ào một lúc, rồi không ai nói nữa, cuộc thảo-luận xong. Bắt đầu bỏ phiếu.

Ông nghị-trưởng nói :— Ai ưng cái thuyết thứ nhất xin biên chữ A, ai ưng cái thuyết thứ nhì biên chữ B. Bỏ phiếu kín.

Trong bụng bấy giờ thấp-thỏm lo quá, không biết được thua thế nào.

Đã rắp định hễ thua thì sẽ đứng lên nói xin ghi vào biên-bản rằng bao nhiêu đại-biểu An-Nam ở Trung Bắc-kỳ đều bỏ vé phản-đối hết, và ngay chiều hôm ấy sẽ đệ giấy lên trình quan Toàn-quyền.

Mở phiếu. Đếm. A, B, B, A.. A, A, A... Thôi quyết được rồi, bấy giờ đổi lo làm mừng.

Đếm xong thời bản A được 31 phiếu, bản B được có 18 phiếu. Đại-thắng! Anh em nhìn mặt tủm-tỉm cười.

Thế là cái độc-quyền rượu bị thủ-tiêu từ bữa này.

Anh em chúng tôi đã làm hết nghĩa-vụ.

PHẠM QUỲNH

CÁI CHẾT CỦA NGƯỜI TRUNG-NGHĨA

Phạm Đình-Trạc

Ông Phạm Đình-Trạc 范 廷 擢 tên tự là Bạt-khanh 拔 卿 người huyện Đường-hào 唐 豪 tỉnh Hải-dương.

Tính ông rất ôn-hòa, bình-nhật cùng xã-hội giao-tế, lễ-mạo rất cẩn-thận. Đỗ cử-nhân năm Minh-mệnh thứ hai (1821), ban đầu ra làm hành-tẩu các bộ, ai có tiến-cử cho ông làm chức gì, ông cũng không nghe. Đến năm Minh-mệnh thứ mười-bốn 1831) làm chức Án-sát-sứ ở Cao-bằng, vừa gặp có sự tên Nông Văn-Vân 農 文 雲 làm thổ-tù tỉnh Tuyên-quang làm loạn, lan đến tỉnh Cao-bằng, thế rất dữ-dội, ông thề cùng thành tỉnh ấy cùng còn mất, bèn cùng các quan đồng thành, mưu giữ lấy kho thóc tỉnh ấy, chứa thóc rất nhiều, hết sức giữ tỉnh-thành được hơn một tháng. Sau quân viện-binh không đến, mà giặc vây bốn phía, súng đạn như mưa, thành gần bị hãm-lạc, ông bảo các bạn đồng-liêu rằng: «Cái trách-nhiệm giữ phong-cương, phận chúng ta nên chết.» Nhân sai lính đào một cái huyệt, ông vận triều-phục chỉnh-tề, trở mặt về phía nam lạy mấy lạy, rồi xuống huyệt nằm, bảo lính lấp đất, ông nói rằng: « Được như thế này cũng là toàn cái di-thể của cha mẹ ta sinh ra vậy. » Đồng-thời quan bố-chính là Bùi Tăng-Huy 裴 增 輝, quan lĩnh-binh là Phạm Văn-Lưu 范 文 劉, cũng đều tuẫn-tiết. Lúc ông xuống huyệt có câu thơ rằng:

Tân-tị đông xuất thân,
辛 巳 冬 出 身
Qui-tị đông thân tử;
癸 巳 冬 身 死
Quân thân hữu thử thân,
君 親 有 此 身
Phủ ngưỡng tài nhất kỷ;
俯 仰 纔 一 紀
Cầu hồ thần sự quân,
求 乎 臣 事 君
Viết trung đã tắc vị;
曰 忠 也 則 未
Cầu hồ tử sự thân,
求 乎 子 事 親
Thọ duyên chỉ nhất hỉ;
壽 筵 只 一 喜
Khuê-vi thiên lý trình,
睽 違 千 里 程
Sàn-phụ dữ ấu-tử;
孱 婦 與 幼 子
Tam thập hữu tam nhật,
三 十 有 三 日
Thần-lực vân kiệt hĩ;
臣 力 云 竭 矣
Bất năng thủ vương-thổ,
不 能 守 王 土
Nguyện tử ư vương-sự;
願 死 於 王 事
Phiêu-diêu khuyết đình vân,
縹 緲 闕 庭 雲
Chiêm vọng tình hạt dĩ.
瞻 望 情 曷 已

Sau giẹp yên giặc vua sắc lập miếu Tam-trung tại tỉnh-thành Cao-bằng để tỉnh-biểu cái trung-liệt của ba ông.

Ông trước thuật có bộ *Học-ngôn thi-tập* 學 言 詩 集 và *Họa-hồ-tập* 畫 葫 集, *Hào-xuyên thi-tập* 豪 川 詩 集.

Lý Trần-Quán

Ông Lý Trần-Quán 李 陳 慣 người ở làng Vân-canh, thuộc huyện Từ-liêm, năm 32 tuổi thi đỗ tiến-sĩ đời Cảnh-hưng triều Lê.

Năm Cảnh-hưng thứ 47 (1786), chúa Tây-sơn sai quân ra đánh Bắc-hà, chúa Trịnh Đoan-nam-vương trận thua phải

chạy, bấy giờ ông đang phụng-mệnh đi chiêu-phủ, đóng ở hạt huyện Yên-lãng, lúc Trịnh-vương ở bờ sông làng Thụy-hương sang đến địa-hạt huyện Yên-lãng, có hỏi gia-thân Nguyễn Noãn rằng: « Các làng gần đây, có viên nào là chân tiến-sĩ không?» Noãn nói rằng: «Không có,chỉ có ông tiến-sĩ người làng Vân-canh, tên là Lý Trần-Quán, ngày trước phụng-mệnh đi chiêu-phủ, đóng ở làng Hạ-lôi, huyện Yên-lãng này, không chắc nay còn ở đó không?» Trịnh-vương bảo Noãn rằng: « Ngươi hãy cứ đi, nếu gặp viên ấy, sẽ nói mật duyên-cớ và bảo hắn đến đón ta.» Noãn phụng-mệnh đến nói hết đầu đuôi với ông, và nói rằng: « Tôi phụng-chỉ đi chiêu quân, nay hiện đã có quân-đội, chờ ở đầu hạt huyện tôi, quan lớn nên tạm đem quân giúp chúa sang đến địa-hạt huyện tôi,thì rất là ổn-tiện.» Nguyên ông Quán có người học-trò cũ tên là Trang, là người làng Hạ-lôi, vẫn là một tay tướng cướp, hiện đang làm tuần huyện, ông thường vẫn nhờ cậy hắn, bấy giờ ông nói thác bảo Trang rằng: « Nay có quan tham-tụng là ông Bùi Huy-Bích chạy loạn đến nhờ, phiền ngươi trông nom giúp đưa sang khỏi hạt này.» Trang vâng lời, ông liền dẫn Trang đi theo Noãn đến hầu Trịnh-vương, ông trông thấy chúa cung-kính lạ thường. Trịnh-vương cũng khiêm-cung, nhưng không dám nhận, vua tôi gặp nhau bất-giác lộ bản-sắc ra, Trịnh-vương cùng ông thì-thầm nói hết tâm-sự, ông liền trỏ Trang nói với Trịnh-vương rằng: « Tôi đã có người này là môn-hạ tôi, có thể sai khiến được.» Lại ngảnh lại bảo Trang rằng: « Tiễn quan-lớn sang khỏi địa-hạt cho tử-tế.» Trang vâng lời. Ông bèn từ Trịnh-vương trở về, Trang suất 50 người thủ-hạ vệ Trịnh-vương sang bắc, lúc Trang đưa đến một cái nhà bỏ không ở làng khác, mời Trịnh-vương ở lại đấy mà hỏi rằng: « Ông có phải là Đoan-nam-vương không? nên bảo thực cho tôi biết, không thế thì sợ có sự biến gì, xin ông đừng trách.» Trịnh-vương trước còn nói dối bảo rằng: « Sao anh nghĩ vẩn thế, tôi chỉ là quan tham-tụng Bùi Huy-Bích đây thôi.» Trang nói rằng: « Ông đừng nói những lời lừa người ta,vừa rồi vua tôi chuyện-trò khóc-lóc với nhau, còn nói dối được ai nữa. Từ xưa nay phế-hưng là sự thường, tưởng ông tránh cũng khó thoát được, đừng tự khổ chi nữa.» Nói xong, bèn dẫn Trịnh-vương về nhà, Trịnh-vương hầm-hầm nổi giận mà bảo rằng: « Vương-giả có mệnh tự trời định, chính ta là Đại-nguyên-súy Đoan-nam-vương đây, tùng-nhiên phải chết vào tay một người dân trong nước, cũng là mệnh trời xui nên, mi làm gì cứ mà làm.» Trang liền sai người đi cáo-tố với ông Huệ là quan tiết-chế của Tây-sơn, phàm những người đi theo Trịnh-vương đều phải trói giữ lại cả. Bấy giờ ông Quán nghe có biến-cố, vội-vàng thân đến hầu Trịnh-vương, dập đầu xuống đất mà khóc rằng: « Lừa chúa đến đây,là tội tại tôi.» Trịnh-vương bảo ông rằng: « Bụng mỗi người một khác, có can gì đến nhà ngươi.» Ông chạy ra bảo với tên Trang rằng: « Vương là ông vua chung cả một nước, mà ta thì là thầy mi, quân-sư là đại-nghĩa, sao mi nỡ lòng đến thế?» Trang nói rằng: « Quan-lớn không bảo tôi sớm, để tôi trót đem Trịnh-vương ra thú rồi, nay nếu tôi để Trịnh-vương lánh mất, tất quan Tây-sơn làm tội tôi, thì quan-lớn có cãi gỡ đỡ tôi được không? Sợ thầy chưa bằng sợ tội, yêu vua chưa bằng yêu thân, tôi chả mắc lừa quan-lớn.» Bèn ép để ông về nhà trọ rồi thét thủ-hạ khiêng Trịnh-vương ra kinh-thành; ông lại chạy đến lạy Trịnh-vương, gào khóc kêu trời rằng: « Ối trời ôi! Tôi giết chúa tôi, trời có biết không, trời ôi!» Trịnh-vương yên-ủi ông rằng: « Lòng

nhà ngươi trung-thành, cũng đã biết, đừng tự oán-trách mình chi nữa.» Ông muốn mời Trịnh-vương hãy lưu lại một chút nữa, chưa kịp nói ra thì tên Trang đã ép bắt Trịnh-vương đi. Lúc Trịnh-vương đi đường vào hàng để nghỉ, lấy được một lưỡi dao con của nhà hàng, liền cầm dao tự cắt cổ, tên Trang vội lại giằng lấy dao, lưỡi dao cắt còn nông, vết đứt còn nhỏ, Trịnh-vương lấy ngón tay thò vào móc xé ra, lại bị tên Trang ngăn chỉ, sau một lát nữa Trịnh-vương trong lòng phiền nóng, xin nước lạnh để uống cho mát ruột, tên Trang cho uống, Trịnh-vương cầm nước nuốt xuống liền chết ngay, tên Trang đưa đến kinh-thành, ông Tiết-chế Huệ mừng lắm, sai đem xác Trịnh-vương ra chôn ở lăng Cung-quốc-công, mà phong cho tên Trang tước Trang-nghĩa-hầu, cho quyền-lĩnh chức trấn-thủ Sơn-tây.

Bấy giờ ông đang ngụ ở làng Hạ-lôi, ông bảo với người chủ nhà rằng: « Cứ bầy tôi lừa vua, tội đáng xử-tử, nếu ta không chết, thì không tự bạch với trời đất được, nhờ người sắm đỡ tôi một cỗ áo quan, và một tấm vải trắng, để cho tôi được tự làm cái chí của tôi.» Nhà chủ khuyên giải ông, ông không nghe và lại bảo rằng: « Tôi chết tôi tự có cách, anh không biết được.» Nhà chủ cố ngăn, ông không chết được; vừa được hai hôm, trong bụng ông lại càng tức giận, nhà chủ biết chí ông không thể đoạt được, bèn cung cả áo quan và vải, ông liền sai đào huyệt ở vườn sau nhà ấy, để sẵn quan vào trong huyệt, rồi xé một đoạn vải trắng để làm khăn, và một đoạn làm giây lưng, lại chỉnh mũ áo, trông hướng nam lạy hai lễ, xong rồi bỏ mũ vấn khăn, buộc giây lưng lớn, nằm yên vào trong quan, bảo nhà trọ đậy nắp quan lại; đậy rồi, ông nằm trong quan lại gọi rằng: « Còn thiếu một câu phải nói nốt.» Nhà trọ lập-tức mở áo quan, ông đọc một câu rằng: « *Tam niên chi hiếu dĩ hoàn* 三年之孝已完; *thập phần chi trung vị tận* 十分之忠未盡». Rồi dặn lại nhà trọ rằng: « Phiền anh nhớ lấy để bảo cho con tôi, ngày sau gián ở nhà từ-đường để thờ tôi.» Ông dặn xong lại nói rằng: « Đa-tạ chủ-nhân, tôi từ đây xin từ-biệt.» Liền sai đậy áo quan như trước, chủ nhà với năm sáu người đầy tớ, bái-biệt ở trước quan ông, rồi lấy đất lấp lại, hôm ấy là ngày hai-mươi-chín tháng sáu năm bính-ngọ vậy.

Ông là người thờ thân thì hiếu, thờ chúa thì trung, nên sau khi ông chết rồi, nhiều người lấy làm cảm-trọng. Khi vua Chiêu-thống mới lập lên, tặng ông làm đại-vương, phong làm phúc-thần, rồi cho một câu đối rằng: «*Khẳng-khái cần vương ái* 慷慨勤王易; *thong-dong tựu nghĩa nan* 從容就義難». Cái phương-danh của ông lưu-truyền ở đời là phải.

Nguyễn Lệ

Ông Nguyễn Lệ 阮勵 người làng Thận-huy 愼徽社, huyện Thượng-nguyên, xứ Sơn-nam, thi đỗ hương-cống đời Lê. Thời bấy giờ hoàng-thái-tử Duy-Vĩ 維褘 là người có tính cương-đoán, giận quyền-thần là chúa Trịnh tranh-đoạt hết quyền-chính, khẳng-khái có ý muốn thu lại quyền-chính nhà vua. Ông Vĩ học rộng và rất ưa những nhà văn-học, cho nên thiên-hạ đều có ý kỳ-vọng cho ông. Chúa Trịnh Doanh cũng rất kính-trọng, gả con gái là bà Tiên-hoa quận-chúa cho ông. Em quận-chúa là Trịnh Sâm sinh lòng đố-kỵ. Có một năm nhân ngày nguyên-đán, thái-tử Vĩ cùng Trịnh Sâm cùng đến mừng tết, chúa Trịnh Doanh đãi tiệc khiến hai người cùng ngồi một bàn, bà chính-phi đến bảo rằng: « Vương-tử sao được cùng thái-tử ngồi chung một bàn?» Liền bảo

thế-tử (Trịnh Sâm) ngồi riêng, Trịnh Sâm tức giận mặt đỏ bừng lên, ra ngoài nói với gia-thần rằng: « Ta với Duy-Vĩ thế nào cũng có một người sống, một người chết, chớ không lưỡng lập được.» Kịp khi chúa Trịnh Doanh chết, Trịnh Sâm nối ngôi, bèn cùng tên hoạn-quan là Phạm Huy-Đĩnh mưu bỏ thái-tử, vu cho thái-tử thông-gian với cung-nhân vương-phủ, đem tội-trạng ấy tâu với vua Hiển-tôn, xin bắt thái-tử giam ngục. Thái-tử nghe tin biến-cố như vậy, vào ở nơi tẩm-điện vua, tên Đĩnh đem binh vào sưu-sách, vua Hiển-tôn ôm lấy hoàng thái-tử không cho bắt, tên Đĩnh có ý nhất định bắt đi, thái-tử liệu biết thế nào cũng không khỏi được, bèn lạy vua cha xin ra để cho tên Đĩnh bắt. Tên Đĩnh bắt thái-tử đến vương-phủ, bảo thái-tử phải cất mũ tạ tội, thái-tử không chịu, mắng rằng: «Sự phế-lập là việc nhà chúng mày quen làm, chớ ta đây có tội gì, mày làm gì thì làm, đã có thanh-sử nghìn thu chép lại.» Trịnh Sâm bèn bảo giam vào nhà ngục tối. Bọn hiệu-thuộc của thái-tử là bọn ông Lương Giản 梁 澗 mưu khởi-binh để cướp thái-tử ra, không may mưu tiết-lộ, tên Phạm Huy-Đĩnh vu cáo với Trịnh Sâm rằng: « Thái-tử cũng có dự mưu », can-liên đến cả ông Nguyễn Lệ. Trịnh-Sâm bắt bọn ông và ông Lệ nghiêm tra, ông Lệ nói rằng: «Thái-tử là ông trữ-quân trong nước, nay vô-tội mà phải giam ngục, như vậy mưu mang thái-tử ra khỏi ngục, sự ấy là một việc nghĩa-cử, nhưng tôi thật không dự mưu, nay khổ về sự tra kẹp mà nói vu, thì không phải là dũng, lấy không làm có, thì không phải là nghĩa. Vả chăng việc ấy bảo rằng chúng tôi muốn làm, thì hoặc có chăng, chứ như thái-tử ở trong ngục, vợ con còn không được gần, bọn tôi làm thế nào mà gặp được thái-tử, để cùng thái-tử mưu toan, tôi chỉ có chết mà thôi, chứ không biết gì mà nói nữa.» Tra kẹp ông đến nỗi cả mình không còn chỗ thịt nào là lành, mà ông cứ một mực như vậy, không nói gì khác cả, ai nghe cũng đều khen ông là người giỏi. Sau tên Đĩnh kết án dâng lên, thái tử bị tội giáo-sát, bọn ông Lệ đều bị tử-hình.

Nguyễn Biểu

Ông Nguyễn Biểu 阮 表 là người làng Bình-hồ, huyện La-sơn, đỗ Thái-học-sinh ở đời Trùng-quang-đế nhà Trần, làm chức điện-tiền thị-ngự-sử. Tính ông rất cương-trực, gặp việc dám nói. Đang lúc ấy tướng giặc nhà Minh đắp lũy đồn quân tại núi Nghĩa-liệt-sơn, vua Trùng-quang-đế thì đắp thành ở phía nam sông Chi-la, hai bên đối-lũy cùng chống cự nhau ; đến sau Trùng-quang-đế vào Hóa-châu, vua nhà Minh có chiếu tìm dòng-dõi nhà Trần, Trùng-quang-đế sai ông làm sứ-thần cầu phong, ông đi tới dinh của Trương Phụ là nơi dinh tướng giặc, bọn giặc bảo ông phải lạy, ông cứ tự-nhiên vậy, hoặc ngồi hoặc đứng, không hề có kinh sợ chút nào. Giặc lại nấu đầu người dọn cho ông ăn, để xem ý ông thế nào, ông lấy dũa trông con mắt người hòa với dấm mà ăn, tướng giặc là Trương Phụ khen ông là giỏi. Mà ai thấy như vậy đều lấy làm ghê. Trương Phụ nhân đấy biết ông là người không chịu khuất, lấy lễ đãi ông và cho ông về. Đương lúc ấy có người làng Tôn-lỗ tên là Phan Qui-Hựu và con là Phan Liêu, hai cha con tên ấy đầu hàng với giặc, được làm chức Nghệ-an tri-châu, cùng với giặc nhà Minh tay trong tay ngoài làm hại nước nhà. Trương Phụ nhân hỏi ông Nguyễn Biểu là người thế nào, Phan Liêu vẫn cùng ông không ưa nhau, nhân nói với tướng giặc rằng: «Ông Biểu là một người hào-kiệt nước Nam, ông có muốn lấy được nước Nam, mà không dùng những người ấy, thì có làm gì được.» Trương

Phụ cho làm phải, liền khiến người gọi ông trở lại. Khi ấy ông đi về vừa mới đến cầu Lam-kiều, ông biết thế nào cũng phải chết, nhân lấy bút đề trên cột cầu Lâm-kiều, rằng: « *Thất nguyệt sơ nhất nhật Nguyễn Biểu tử* 七月初一日阮表死 »; rồi ông đi trở lại dinh Trương Phụ. Trương Phụ trách ông sao được vô-lễ như vậy, kẻ tả hữu của Trương Phụ lại ép, khiến ông phải lạy, ông lại càng không chịu khuất, chính-sắc mắng Trương Phụ, Trương Phụ giận, sai người trói ông tại chùa Yên-quốc rồi giết ông, ông chết đến ba ngày mà hãy còn nghe tiếng của ông. Trùng-quang đế rất lấy làm thương tiếc. Sau đến đời vua Thánh-tôn nhà Lê, phong ông làm nghĩa-sĩ, sai lập nhà thờ ở tại làng Bình-hồ là làng cũ ông để thờ ông, sắc quan sở-tại thường năm cúng tế.

Nguyễn Súy

Ông Nguyễn Súy 阮帥 không biết là người nơi nào, làm quan về triều Trùng-quang-đế nhà Trần, đến chức Thái-phó, suất quân để đánh đuổi giặc nhà Minh (Tàu), trận đánh ở Mô-độ, vì quân có ít, không thể địch lại với quân giặc được, phải thả thuyền ra bể mà chạy trốn; sau lại suất quân tới Vân-đồn, để đánh đuổi quân giặc, tướng giặc là Trương Phụ dẫn binh vào đánh Hóa-châu, ông cùng giặc đánh nhau tại đất Thái-gia, hai bên cùng chống cự nhau đến mấy tháng, ông sai ba người thích-khách chở cỏ thuận theo giòng nước, thẳng đến thuyền của Trương Phụ ở, một người lẻn lên đầu thuyền, hai người lẻn lên đuôi thuyền, toan giết Trương Phụ. không may Trương Phụ biết, không làm gì được. Kịp đến khi ông nghe tin Trùng-quang-đế phải Trương Phụ bắt được rồi, ông gọi vợ mà bảo rằng: « Làm tôi thờ vua, không nghĩ chi đến sự sống chết, khi vua ta phải bắt, mà ta cẩu-thả tìm cách lánh mình để cho khỏi hoạn-nạn, sống như vậy, thì còn có mặt mũi nào, thôi ta nên chết theo, để vẹn cái nghĩa làm tôi mới phải. » Ông nói với bà vợ như vậy, rồi liền đi đến chỗ đồn quân nhà Minh, cầu xin cho được gặp Trùng-quang-đế, khi được gặp, vua tôi cầm tay cùng nhau gào khóc ồ-ồ, quân lính giặc thấy như vậy, cũng vì đó cảm-động, cho nên không giết hại ngay. Sau giặc chở hai vua tôi đem về thành Đông-quan (東關) tức là thành Thăng-long, vua đi vừa đến giữa đường, lúc khi giặc sơ-ý, nhảy xuống bể trầm mình mà chết. Từ đấy lính giặc chú-ý canh-phòng ông lắm, nhưng ông cứ tự-nhiên, trong bụng thế nào, không hề hình ra sắc mặt, thường ngày cùng những người lính gác đánh cờ làm khuây, dần dần quen thân, lính giặc sơ-ý, ông liền lấy bàn cờ đánh giết những người lính canh, rồi nhảy xuống sông trầm mình mà chết.

Vũ Công-Duệ

Ông trạng Duệ là con một nhà làm ruộng ở làng Trình-xá, huyện Sơn-vi. Khi ông còn bé, cha mẹ ông ra đồng làm ruộng, ông chơi với lũ trẻ con, thường lấy đất nặn làm con voi, bắt bươm-bướm để vào làm tai voi, lấy con run cắm vào làm vòi voi, rồi để lên bốn con cua cho đi, trông không khác gì voi thực. Một hôm gặp có người đến cổng nhà ông đòi nợ, hỏi rằng: « Cha mày đi đâu? » Ông bảo rằng: « Đi giết một người. » Hỏi đến mẹ ông, ông bảo rằng: « Đi cứu một người. » Người khách ấy lấy làm quái lạ, hỏi ông, ông đòi thưởng tiền thì mới nói thực, người ấy bảo rằng: « Mày nói thực đừng dối ta, ta sẽ thôi không đòi món nợ của nhà mày nữa. » Ông liền đưa nắm đất bùn bắt người ấy in bàn tay vào để làm ghi, người ấy cũng miễn-cưỡng nghe lời, ông cười mà bảo rằng: « Cha

tôi đi nhổ mạ, mẹ tôi đi cấy mạ chứ gì.» Người ấy nghe nói rất lấy ông làm kỳ. Lần sau người ấy lại đến đòi nợ, ông đem nắm bùn hôm nọ giơ ra, người chủ nợ không nói sao được nữa; bèn khuyên thân-phụ ông cho ông đi học, xin để món nợ ấy để giúp tiền dầu đèn cho ông.

Đến năm Hồng-đức thứ 21, ông thi đỗ trạng-nguyên, rồi làm quan đến chức đài-đô ngự-sử. Gặp lúc bấy giờ trong nước rối loạn, ông đi theo vua Chiêu-tôn chạy vào Thanh-hóa, tay quyền-thần là Mạc Đăng-Dung đem đại-binh vào đón ông hết sức chửi Đăng-Dung, rồi cầm cả ấn ngự-sử nhảy xuống cửa bể Thần-phù mà chết.

Tục truyền rằng đến sau nhà Lê lại trung-hưng, đúc ấn ngự-sử mãi không thành, sai thuyền chài lặn xuống cửa bể để tìm, mà lúc tìm thấy ông vẫn mũ áo đeo ấn ngự-sử ngồi nghiêm-nhiên như người sống. Bấy giờ mới đem hài-cốt ông về an-táng tại huyện Sơn-vi.

Trần Viết-Thọ

Ông Trần Viết-Thọ 陳曰壽 tên tự là Sơn-phủ 山甫 hiệu là Điềm-tĩnh cư-sĩ 恬靜居士, người huyện Thuận-xương 順昌 tỉnh Quảng-trị.

Tính ông rất ngạnh-trực, ít hợp với đời, thi đỗ phó-bảng khoa tân-vị đời Tự-đức (1871) trải làm quan các phủ huyện đều có chính-tích. ông Nguyễn Hữu-Độ, ông Vũ Trọng-Bình dâng sớ tiến-cử, nhưng vì hoạn-đồ ông cũng không được hanh-đạt, đến năm Tự-đức thứ 36 (1873) làm chủ-sự Lại-bộ, tạ bệnh xin về hưu.

Ông có lòng ưu-thời mẫn-thế, thấy thời-sự rắc-rối, sinh ý chán đời, đóng cửa ở nhà, không hay chơi-bời với ai. Đến đầu niên-hiệu Đồng-khánh, được chỉ thăng lên hàm Thị-giảng học-sĩ, lĩnh án-sát tỉnh Quảng-nam, sau lại cải-bổ làm chức đốc-học tỉnh Quảng-trị.

Ông dạy học-trò lấy hai chữ tiết-tháo làm câu dạy thứ nhất, các tay văn-học đều tôn-kính làm bậc thầy. Năm Thành-thái thứ năm (1892) ông đã năm mươi-chín tuổi, xin về nhà dưỡng-lão, nhưng quan tỉnh là ông Đào Hữu-Ích thấy học-trò nhiều người vui lòng theo học, khuyên ông lưu lại mà trầm tờ xin hưu của ông, không chịu để tấu.

Trường học Quảng-trị ở ngay vào phía sau tòa sứ, người bồi ở tòa sứ ấy thường thường phơi những đồ áo quần bẩn-thỉu ra trước mặt trường, ông thường bảo đem phơi ra nơi khác, mà tên bồi không chịu nghe, có ý ỷ-thế mà coi thường quan đốc, ông giận sai người sang gọi bồi đến, kể các tội vô-lễ phạt đánh năm-mươi roi, rồi ông sai học-trò đem ấn dấu mà nộp trả tỉnh, cuốn chiếu đi về.

Ông về nhà ăn ở một cách rất thanh-ước, thường học tịch-cốc, muốn theo học đạo tiên đạo phật, nhưng chưa làm được, liền được chỉ vua cho ông về nghỉ vài năm.

Có một hôm ông phát-nguyện đi tu, đi đến chùa Từ-hiếu, cắt tóc ăn chay, ngày đêm tụng kinh, không nói gì đến thế-sự nữa. Được ít lâu ông về nhà lấy cái nhà ở làm am thờ Phật, hiệu là Cổ-lão-am 古老庵, thường ngày tĩnh-tọa niệm kinh, ăn thì ăn những lá rau, cho qua ngày tháng lúc vãn-cảnh. Sau lại làm một cái lều con để ở, và dắp sẵn sinh-phần, đêm ngày chỉ nghĩ đến sự chết.

Có một hôm ông gọi cả gia-quyến mà bảo rằng: « Ta xuất-gia theo đạo Phật, để cho xong cái cuộc sinh-tử, sẽ chờ ngày ta đốt cái khu-xác này và ta sẽ chép để lại trong gia-phả » Vợ con can ngăn ông, ông không hề chuyển-động chút nào, chỉ đóng cửa lại ngồi một mình.

Đến đêm hôm sau ông không ngủ, ngồi chờ đến canh khuya vắng lặng, lấy lửa đốt cái lều, rồi ngồi xếp tại trong lều, tay cầm bó hương, lúc lửa đã cháy bùng lên, con cháu sực tỉnh dậy thấy ông ngồi ở trong đống lửa, bảo con cháu rằng: «Đừng kinh sợ.» Lúc tay áo đã cháy, ngọn lửa vụt lên làm nghiêng cái mũ đội trên đầu, ông còn gắng lấy tay sửa lại cho ngay-ngắn như cũ. Lúc thân-thể đã ngã xuống rồi, đỡ lấy để trên giường, tìm gia-phả giở ra xem, thấy ông chép rằng: « Ngày giờ tháng nọ năm nọ, hóa thân tại phía đông lều này, Cương 剛 Khương 羌 Lữ 呂 Phẩm 品 thu hài-cốt ta, để vào trong sinh-phần », vân-vân.

Sau tăng-lữ các chùa đến hội có vài trăm người, mở trai-đường, tụng kinh hơn một tuần. Khi đã chôn rồi, các tăng-lữ lại mời thêm các tăng về rất đông, ai nghe việc ấy cũng lấy làm lạ, các nhà hiền-đạt ở kinh-đô, có soạn nhiều câu đối để phúng ông.

Trước kia ông tu ở chùa Diệu-đế 妙諦 phố Đông-ba Huế, khổ-hạnh chân-tu, tăng lữ các chùa đến nay hãy còn truyền thuật lại mà hâm-mộ vô-cùng.

Sở-cuồng

TA NÊN XÂY NỀN QUỐC-VĂN CHO BỀN CHẶT

Chẳng cứ nước mạnh hay nước yếu, nước đi thực dân hay nước chịu quyền bảo-hộ, khắp trong hoàn-cầu này không một nước nào không có văn-tự riêng của nước ấy; dẫu đến dân mọi-rợ ở các bộ-lạc cũng đều có văn-tự cả. Nếu nước mà không có văn-tự, còn thành ra nước được sao? Có văn-tự mà không có qui-củ chắc-chắn, cơ-sở vững-bền, quốc-văn còn mong hoàn-toàn được sao?

Nước ta từ đời Hồng-bàng cho đến Nguyễn-triều Thành-thái, Duy-tân, quốc-dân chỉ chuyên học chữ Hán; trong cái thời gian mấy nghìn năm ấy, chữ Hán đã thành ra chữ nước ta, nên trong nước đâu đấy đều gọi chữ Hán là « chữ ta ». Cái cớ tại sao người nước Việt-Nam trong mấy nghìn năm ấy gọi chữ Trung-hoa là « chữ ta », tưởng bất-tất phải nói ai cũng biết rằng: Họ Hồng-bàng tự đời thượng-cổ ở Tàu sang cai-trị nước ta, quốc-dân đã công-nhận là quốc-tổ. Sau đến đời nội-thuộc, quan Tàu (Sĩ-vương) dạy dân học chữ Tàu, nhất-thiết lễ-nghi, pháp-luật, phong-hóa đều theo Tàu cả. Non sông Hồng Lạc khi ấy bản-chương đã thuộc về trung-quốc, đất Giao-chỉ chẳng qua là một quận của Tàu mà thôi; trách nào dân chẳng phải học chữ Tàu.

Từ Đinh Lý trở về sau, tuy rằng độc-lập, nhưng vẫn sợ vía cường-lân, nào là cống-hiến Tàu, nào là cần phải giao-thiệp với Tàu, nào là nhận chức phong vương của Tàu, nếu không biết chữ Tàu thì lấy gì ứng-dụng việc lớn việc nhỏ. Trên triều-đình thì quốc-sử, luật-lệ, văn-án, khoa-cử đều dụng chữ Tàu, dưới quốc-dân thì tự gia-phả, văn-tự, văn-khế, cho chí thơ-từ đi lại, cũng giấy-má biên chép việc thường, cũng dụng chữ Tàu hết cả. Trẻ con tự năm sáu tuổi trở lên mới khai-tâm mở miệng học, đã đem chữ Tàu nhồi vào tâm-não. Còn tiếng bản-quốc chỉ học truyền-khẩu, không có chữ viết, không có sách dạy. Vậy thì quốc-dân ta khi trước mượn chữ Tàu làm « chữ ta », hay là đã công-nhận chữ Tàu là « chữ ta » tưởng cũng chẳng lạ gì.

Đến đời nhà Trần có ông Hàn Thuyên theo niêm-luật thơ Tàu làm ra thơ nôm, ông Hồ Quý-Ly dịch thiên Vô-dật ra quốc-ngữ (tức là chữ nôm), văn-tự nước ta tuy phôi-thai tự đấy, nhưng các bậc xướng-suất ra, chỉ cốt dùng làm văn tiêu-khiển, hoặc chỉ để số ít người biết mà thôi, chứ không có chỉ để dạy dân ; đã không có chỉ để dạy dân, thì sao gọi là xây dựng nền quốc-văn cho xứng-đáng. Chữ nôm ta trước không có qui-củ cũng bởi cớ thế. Cho nên về sau dẫu có những nhà văn nôm kiệt-tác, như vua Lê Thánh-tôn, bà Xuân-Hương, bà Thị-Điểm, cụ Nguyễn Du, cụ Yên-đổ, thơ ca hay chói-lói, truyền-tụng khắp trong nước, nhưng chính như những nét chữ viết ra những câu văn ấy, thực còn chấp nhặt nửa ngô nửa ta, cẩu-thả tạm-bợ, không có thể-cách nhất-định. Thế là tiếng bản-quốc ta trước chỉ có thanh-âm mà tự-hoạch bất-mãn, cho nên chữ nôm càng rẻ, mà chữ Tàu lại càng đắc-dụng thêm lên.

Từ năm 1915 trở đi, Nhà-nước đã bãi khoa-cử hương-hội, văn-chương sách-vở chữ nho đã thành món thổ-long sô-cầu, trong cái bể óc bạn niên-thiếu con nhà Hồng Lạc, trước kia có chỉ ở cái mục-đích bảng vàng bia đá, đai bạc áo lam, nay lại xoay chiều về cái hi-vọng mền-đay cuống tim cuống điều, lương cao bổng hậu ; hết mùa học chữ Hán, quay sang học chữ Tây ; cái phong-trào học chữ Tây đã bành-trướng đến cực-điểm, đến nỗi người thi đỗ bỗ không xiết, các trường đuổi ra không hết học trò. Nào là ông cử ông tú tây-học, nào là ông nghè, ông đốc, ông kỹ-sư, ông luật-sư, ông bác-vật tây-học, cứ lấy thi đỗ mà bình-phẩm, so với người Tây cũng đã liệt-hàng. Nhưng hỏi đến những ai sở-trường về văn bản-quốc? Những ai là tay cự-phách trong văn-đàn chữ bản-quốc ? Thì thực là hiếm có. Song cái đó cũng chẳng đáng trách gì, vì chữ quốc-ngữ các ông Cố lúc khởi đầu đặt ra, chỉ để dạy riêng trong các nhà đạo, sau Chính-phủ Bảo-hộ dùng để các thầy làm việc dịch các giấy-má việc quan chữ nho cùng chữ Pháp ; hai-mươi năm trước dẫu có đặt ra các trường tổng-sư chỉ để chuyên dạy quốc-ngữ, nhưng các thầy đỗ trường Sư-phạm ra, công-phu chỉ học có sáu tháng, mà học-trò chỉ đỗ đến cái bằng tuyển-sinh hay Sơ-học tốt-nghiệp là cùng. Như thế lấy đâu đào-tạo nên những tay văn-hào chữ bản-quốc.

Nay quốc-dân mới tỉnh cơn mê-mộng, đã công-nhận chữ quốc-ngữ là quốc-văn ; chữ quốc-ngữ mới bước lên đứng vào cái địa-vị quốc-văn trong cái thời-kỳ mới-mẻ. Sách vở còn ít-ỏi, cách dạy còn đơn-sơ, trình-độ quốc-văn hãy còn thấp kém, là cái lý-thế tất-chi như thế. Con Hồng cháu Lạc, nước bốn nghìn năm, mà quốc-văn hãy còn ấu-trĩ, há chẳng phải là một điều quốc-sỉ hay sao? Vậy thì cái vấn-đề « Ta nên xây nền quốc-văn cho bền chặt » tưởng cũng là một điều cấp-vụ của quốc-dân, trong hai-mươi triệu đồng - bào không ai không có trách-nhiệm vậy.

Cái phương-pháp ngày nay xây nền quốc văn cho bền chặt, tưởng bất-ngoại có ba điều :

1) Phải soạn bộ tự-điển. — *Các nước đông tây văn-tự đã có qui-củ, nước nào cũng có bộ tự-điển cả. Vì rằng chữ viết là thể phách, mà văn-chương là tinh-anh, nếu không có thể-phách lấy đâu có tinh-anh, hoặc là có thể-phách nhưng mà bất-cụ, tinh-anh cũng khó đường phấn-phát được. Chữ quốc-ngữ ta suốt trong nước viết chưa được đồng-văn, vì chưa có bộ tự-điển quốc-ngữ ra đời, nên trong Nam ngoài Bắc phần nhiều người cứ theo thổ-âm mà viết sai lầm không biết, dẫu muốn tra cho*

đích-xác cũng không biết bằng-cứ vào đâu. Như câu thơ chữ « Nghệ-an phòng tác mã, Nam-định tấu vi ngưu. » (*Nghĩa là nói* ngựa *gọi là* ngừa, trâu *gọi là* tâu, *và câu thơ nôm* « Lủng-lẳng trên treo ba quả nẹm, sêng-sang dưới xếp một buồng chuối ». (nem *gọi là* nẹm, chuối *gọi là* chuối), *tuy thuộc về lối hài-văn, nhưng cũng có thể lấy làm cái chứng cớ không có chính-tự vậy. Cho nên việc soạn bộ tự-điển, tức là một việc khởi-công xây nền quốc-văn trước nhất.*

Hiện nay hội Khai-trí-tiến-đức ở Bắc-kỳ đã tuyển-cử những ông chuyên-tâm khảo-cứu quốc-văn soạn bộ tự-điển quốc-ngữ, tưởng quốc-dân không lo việc ấy nữa. Song soạn thành bộ tự-điển cho hoàn-toàn, cũng là một việc công-trình to-lớn trong học-giới, không phải hai ba năm có thể thành công, cũng không phải số ít người có học-thức đứng lên chịu trách-nhiệm đảm-đương được hết. Một cây làm chẳng nên non, ba cây chập lại nên hòn núi cao. Ta đã biết việc xây nền quốc-văn là cái nghĩa-vụ chung của quốc-dân, thì phải giúp sức vào cho Hội soạn tự-điển mới nên : như ai nhớ những câu phong-dao nào hay, hoặc là có những tiếng thổ-âm nào khác hẳn với các nơi khác, thì nên viết giấy gửi về cho Hội soạn tự-điển, để thêm tài-liệu : vì như việc binh, hội soạn tự điển như các tướng-hiệu, quốc-dân như các đội quân, vì không có đông quân, các tướng dẫu mạnh, thành-công sao nổi. Việc này Hội soạn tự-điển đã tuyên-cáo quốc-dân tự mấy năm trước, nay nói ra đây, không khỏi chuế-ngữ; nhưng thiết-tưởng lâu ngày nhắc lại để trông mong quốc-dân, kẻ trước người sau, cố giúp sức vào, họa may lại được thêm tài-liệu cho kho quốc-văn, cũng là một việc có bổ-ích cho nền quốc-văn chút đỉnh.

2) Soạn sách học.— *Việc soạn sách học quốc-văn bây giờ phải trông cây cả vào hai phái tân-học cựu-học. Các ông tân-học sang du-học bên Pháp, khoa-học nào cũng đã có người thi đỗ. Nếu ông nào đã thành-thuộc về khoa chuyên-môn nào, cũng đem điều sở-văn sở-kiến, dịch ra quốc-văn, soạn thành từng quyển để cống-hiến cho đồng bào, thì không những có ích cho một mình, mà có ích cho cả nước, không những có lợi cho một đời, mà lại có lợi cho cả muôn đời ; biết đâu bậc thang tiến-bộ, lên đài văn-minh rực-rỡ, chẳng phải tự đây mà bước lên.*

Còn về phần các nhà nho-học uẩn-súc, thì đem nghĩa-lý trong kinh truyện thánh-hiền, toát yếu lại mà dịch ra quốc-văn. Cương-thường luân-lý chia từng mục, soạn thành sách cho phân-minh, để cho những người không học chữ nho, cũng am-hiểu cái tinh-thần Khổng-giáo, khiến cho gương luân-lý đã mờ lại lau sáng, cột cương-thường đã lệch lại dựng ngay. May ra lễ-nghĩa liêm-sỉ trong phong-hóa hãy còn, quốc-túy mới bảo-tồn được. Vả lại dịch sách nho ra quốc-văn là một việc rất cần-kíp, vì rằng các nhà lão-luyện chữ nho trong nước ta ngày nay như sao buổi sáng, chỉ còn loáng-thoáng lơ-thơ, nếu không đem sách nho dịch ra quốc-văn ngay buổi bây giờ, thì lo rằng chỉ trong vài mươi năm nữa, các cụ thâm-nho qui-hóa hết dần, người kế chân không có ; bấy giờ quốc-dân trông vào sách chữ nho, cũng ù lỳ tăng-tít như trông vào chữ Ấn-độ, dẫu muốn dịch các kinh-truyện còn biết trông cậy vào ai ? Thế là cái văn-minh Đông-Á cũ, công-trình học mấy nghìn năm, tuy chẳng phú cường nhưng đã gây nên phong hóa tốt, nhất-đán bị tiêu-diệt hết, chẳng đáng tiếc lắm ru !

Cái gương dịch sách Tây sách Tàu ra quốc-văn, người Nhật-bản làm từ bao nhiêu năm trước, kết-quả đã trông thấy tốt đẹp biết dường nào. Nay ta mới làm cũng đã quá muộn rồi, tưởng

các nhà tân-học cựu-học có nhiệt-huyết đối với quốc-văn, không nên trì-hoãn nữa.

3) Mở khoa thi quốc-văn. — *Dầu chẳng nói ai cũng biết rằng : Chữ Tàu trước kia ta giỏi, vì có cái giải thưởng mũ đai cờ biển, danh-giá tôn-vinh ; chữ Tây nay ta cũng giỏi, vì có cái giải thưởng lắm bạc nhiều tiền, vẻ-vang sung-sướng. Thế mà quốc-văn chưa giỏi, tuy cũng bởi nhiều cớ, nhưng kỳ-thực thì tự cái giải thưởng hãy còn bé nhỏ, không có giá-trị là bao. Vậy nên muốn cho quốc-văn tiến-bộ, phải có khoa-cử mới thành-công được.*

Việc xây nền quốc-văn là việc chung của toàn-quốc, mà mở khoa-cử là công-việc của Triều-đình. Dầu quốc-dân muốn có khoa thi quốc-văn như khoa-cử hương hội khi trước, nhưng Triều-đình không lưu-tâm đến, thì cũng là thất-vọng. Vậy nay quốc-dân ta chỉ trông mong vào Chính-phủ Nam-triều thương-thuyết với Chính-phủ Bảo-hộ, lập nghị-định mở khoa hương-hội thi quốc-văn, để kén lấy cử-nhân, tú-tài, tiến-sĩ, phó-bảng đỗ khoa quốc-văn ra, quốc-văn mới có cơ thịnh-đạt, không đến nỗi mang tiếng là một thứ chữ không có giá-trị vậy.

Đã hay rằng qui-quốc sang khai-hóa xứ Viễn-đông này, ta muốn hấp-thụ lấy cái tinh thần văn-minh cho chóng, hay là muốn học kiếm gạo cho mau, không thì chữ Pháp không được ; nhưng chỉ biết thì chữ Pháp, mà vĩnh-viễn không có khoa thi chữ nước Nam, thì không khỏi mang tiếng là vong-bản. Một nước đã vong-bản, thì dầu có một nước văn-minh khác muốn dìu-dắt lên đường tiến-hóa cũng uổng công toi. Vả lại việc mở khoa thi quốc-văn là một việc tối-yếu chung tất cả các nước trên hoàn-cầu ; huống-chi muốn xây nền quốc-văn, mà không có khoa-cử, thì lấy gì khuyến-khích cho những người bồi đắp nền được.

Muốn mở khoa thi quốc-văn, thì trước hết phải có sách quốc-văn, để tiện cho các sĩ-tử ứng-thi phải học. Hiện nay tuy cũng có đôi ít sách quốc-văn, nhưng chỉ là sách dạy lớp đồng ấu mà thôi. Nếu muốn thi văn-chương khoa học bằng quốc-văn, thì phải trông vào các sách của các nhà cự-phách tân-học cựu-học dịch sách Tây sách Tàu ra như đã nói ở trên để làm chương-trình khoa-cử mới được.

Ta phải biết có khoa thi quốc-văn, các nhà soạn sách quốc-văn mới chịu cố công, là vì sách có đắc-dụng cho quốc-dân mới lắm người đọc, có lắm người đọc mới tiêu-thụ được nhiều. Những sách quốc-văn Chính-phủ đã chuẩn-y cho làm sách học để đi thi, thì dầu chẳng có giải thưởng cho tác-giả, nhưng cho bản-quyền bán sách, cũng thừa đủ thường lại tiền nhuận-bút rồi. Các nhà trước-thuật há chẳng vui lòng mà cố công hay sao ? Trái lại thế, không có khoa-cử quốc-văn, thì dầu các nhà trước-thuật có vốn lại có hảo-tâm, dịch các sách Tây sách Tàu ra phát không cho quốc-dân, hoặc là bán rẻ, nhưng thuần là sách-vở đứng-đắn, người đọc sách không thấy cái lợi ngay trước mắt, lại không thấy những câu phong-vận nguyệt-lộ, đọc lên nghe giải trí sướng tai, thì dầu sách-vở có ích đến dường nào, cũng chỉ là phương thuốc ngủ, mấy người đã dụng công đọc. Thế là nền quốc-văn có đắp cũng long, còn kiếp nào nên cơ-sở vững bền được.

Quốc-văn tức là cái hồn của nước. Quốc-hồn có thiêng-liêng, quốc-hoa mới có đường phát-triển. Kìa như các nước bên Âu Mĩ, khoa-học càng tiến-bộ, đường kinh-tế càng mở mang, cốt-tử đều bởi tự sự học, mà không một nước nào không lấy quốc-văn giáo-khoa làm

sự cần dệ-nhất, cho nên nhờ có quốc-văn làm món nuôi hồn bổ óc cho quốc-dân, mà đào-tạo lên biết bao nhân-tài, phát-minh ra biết bao cơ-khí kỳ-xảo. Vì phỏng các nước ấy cũng xem rẻ quốc-văn mà không thiết học, thì chắc quốc-hồn cũng mờ-ám, không thoát khỏi cái kiếp-lệ đào-thải, lấy đâu có cái văn-minh chân-tướng xuất-hiện như ngày nay. Ta muốn theo gương các nước Âu Mĩ mà không học quốc-văn, thì chẳng khác gì cỡi ngựa bỏ cương, chèo thuyền bỏ lái, chẳng va-vấp cũng nguy-hiểm, bao giờ đến chốn đến nơi được.

Hoặc có người nói : « Quốc-văn ta không có giá-trị, vị-tất Triều-đình đã định mở khoa thi. Phỏng Nam-triều có muốn mở khoa thi quốc-văn, vị-tất thương-thuyết Chính-phủ Bảo-hộ đã chuẩn-y cho. Vả lại qui-quốc sang khai-hóa xứ này, ta cần phải học chữ Pháp, để chóng mở trí khôn, và để giao-thiệp, lại phải thi đỗ chữ Pháp mới chóng được bổ-dụng, để đường sinh-hoạt. Phỏng như Chính-phủ bảo-hộ có đồng-ý với Nam-triều cho mở khoa thi quốc-văn, những người đỗ ra, biết bổ vào ngạch nào ; sao cho khỏi là một hạng người hư-danh vô-dụng. »

Xin đáp lại rằng :—Nghĩ như thế là lầm, vì rằng quốc-văn chưa có giá-trị, bởi bộ tự-điển chưa thành, và chưa đủ sách cho các học-trò lớn tuổi học. Nếu bộ tự-điển đã soạn xong, sách Tây sách Tàu dịch ra đủ bộ, thế là nền quốc-văn đã thành, há lại chẳng có giá-trị hay sao? Quốc-văn đã có giá-trị, thì có lẽ nào Nam-triều chẳng lưu-ý đến một điều giáo-khoa cần nhất của toàn-quốc, mà chẳng muốn mở khoa thi. Nam-triều đã muốn mở khoa thi quốc-văn, chắc thế nào Chính-phủ bảo-hộ cũng thuận. Vì rằng qui-quốc đi khai-hóa xứ thuộc-địa nào, bao giờ phép cai-trị cũng theo phong-tục bản-xứ, và cốt nhất là thuận ý quốc dân. Xem như khoa-cử hương-hội thi Hán-tự mười sáu năm về trước, tự ý quốc-dân đã chán cái học hư-văn vô-dụng, Chính-phủ mới chiều-ý mà bãi khoa-cử. Nay quốc-dân muốn thi khoa quốc-văn, mà các sách phần nhiều dịch trong các sách khoa-học chữ Pháp ra, và các điều luân-thường cốt-yếu trong sách nho cũ, thì Chính-phủ có hẹp gì mà chẳng cho mở khoa thi. Huống-chi phép khoa-cử là thịnh-điển của quốc-triều xưa nay, mà lại thi về khoa văn-chương thực-dụng, thì có lẽ nào thương-thuyết không được. Còn như việc « thi đỗ ra không có ngạch bổ-dụng » thì chẳng nên lo. Kia xem như các khoa thi ta ngày xưa, biết bao nhiêu ông cử ông tú đỗ ra, không có chỗ bổ, mà học trò thi vẫn đông. Lại xem như bên Tây biết bao nhiêu ông thi đỗ xong, không có việc làm, mà học trò thi các khoa chuyên-môn vẫn thịnh. Nghĩa là học cần lấy biết, chứ không phải mục-đích học để làm quan, hay là kiếm lấy việc làm giấy trong các tòa các sở. Nhưng đã học về văn thực-dụng, thì cũng có thể lấy sự học mà lập-thân, không đến nỗi là một hạng hư-sinh vô-nghệ vậy.

Nói tóm lại việc soạn tự-điển, soạn sách học, mở khoa thi, nếu trong ba việc ấy làm không xong, hoặc là khuyết một, thì nền quốc-văn muốn xây đắp đến bao giờ cũng không bền. Ta phải biết nền-tảng có vững-chãi, mới có thể nói chuyện dựng lên đài-tạ nguy-nga, lầu-các lộng-lẫy được; nền quốc-văn đã không vững, quốc-dân muốn có những khoa-học cách-trí, chẳng khó lắm ư! Vậy phải trông vào trên tự Triều-đình, dưới đến quốc dân, lấy việc xây nền quốc-văn làm nghĩa-vụ chung, cùng gia công bồi-đắp vào mới bền-chặt được.

Các nhà có nhiệt-thành đối với quốc-văn nghĩ sao ?

NGUYỄN-ĐẶNG-GIUẬN

Đường lên Đèo Ngang

Cliché Gouvernement général

Cửa Hoành-sơn (Đèo Ngang)

Cliché Gouvernement général

QUỐC-VĂN

Ý-kiến người nước về vấn-đề quốc-văn

Tôi sao-lục ý-kiến các danh-nhân về vấn-đề Quốc-văn, tiếp-tục số Nam-Phong *149 trước.*

Nhân có mấy lời bàn như sau này :

1º Quốc-dân Việt-Nam yêu-cầu về vấn-đề quốc-văn rất nhiệt-thành khẩn-thiết. Có lẽ sớm nghe ban Hiến-pháp, sớm nghe sửa-đổi chính-sách giáo-dục, thì chiều mới được đôi chút hả lòng.

2º Ông Nguyễn Phan-Long và ông Phạm Quỳnh dầu ở tòa báo, dầu ở nghị-trường, đều nói đi nói lại mãi không thôi về việc học quốc-văn, đủ tỏ việc ấy hàng ngày canh-cánh bên lòng.

Lời ông Nguyễn :

— Theo phép giáo-dục, nếu dùng một thứ tiếng ngoại-quốc mà dạy trẻ nhỏ chút-đỉnh học-thức ấy, thì là trái lẽ lắm. Bắt con nít phải ráng trí mà nhớ tiếng ngoại-quốc, thì đã mệt cho nó rồi, còn trí đâu mà thâm-nhiễm mầu-nhiệm văn-học nữa cho được. (Tập Việt-dân thỉnh-cầu, năm 1925. Bản dịch Đ. P. T. B.).

— Dạy các điều tri-thức bậc sơ-đẳng cho trẻ con cả nước mà dùng thứ tiếng khác hơn tiếng trong nước, phép giáo-dục đó quyết là sai-lầm.

Các ông làm thế, cái kết-quả thật chán-ngán thay. Khi thi bằng Sơ-học, các bài toán là chữ Pháp, thí-sinh dự-bị đi thi nhọc-nhằn cực-khổ vô-cùng (diễn-thuyết ở Đại-hội-nghị, ngày 27 tháng 10, năm 1930).

Lời ông Phạm :

a) — Nước sống về tiếng nói, tiếng nói còn nước không thể mất được, tiếng nói đã mất nước cũng khó lòng còn. (N.-P. 22).

— Tiếng là nước, tiếng còn thì nước còn, tiếng mất thì nước mất, mà mất đó mới thật là mất hẳn không sao vãn-hồi được nữa. (N. P. 101).

b) — Quốc-âm là gì ? Quốc-âm là cái tiếng thiên-nhiên của một giống người, chỉ có giống ấy mới nói được và có nói bằng tiếng ấy mới hiểu được hết cái tâm-tình; hình như tạo-vật sinh ra một giống người khiến cho cái lưỡi nó uốn ra một cách riêng mà thành ra một giọng riêng, cái óc nó nghĩ ra một cách riêng mà thành ra một lời riêng, giọng ấy lời ấy người giống khác tuyệt-nhiên không thể nào theo cho hết được. (N.-P. 22).

Vơ-vẩn tơ vương hồn Đại-Việt,
Thanh-tao thếp-lột giọng Hàn-Thuyên.

Cùng một tiếng khóc, cùng một giọng cười mà sao giọng cười tiếng khóc bằng cái lời họ Hàn kia nó cảm ta như thế ? Là bởi trời sinh ta để nói cái lời ấy, trời sinh ra cái lời ấy để ta nói, ta có nói bằng lời ấy mới nói được lòng ta, nói bằng lời khác là nói những sự không thực cả. Trong trời đất chỉ có lời ấy với ta, ta với lời ấy là có cái duyên nợ ba sinh vậy (N.-P. 5).

NGUYỄN VĂN-KIỆM

I — Ý-kiến danh-nhân ngoài nước

1. Cái mục-đích dạy những tiếng đời nay thế nào ? Vậy thì các tiếng bản-thổ của mình để làm gì ? Đích-thực để làm giao-hoán những tư-tưởng, ý-tứ và sự ham muốn của mình với những người các nước khác.

OTTO ZESPERSON

(N.-P 19-Bản dịch ông Dương Tự-Nguyên)

2. — Hội Khai-trí-tiến-đức mời ngài (ông bác-sĩ Sylvain Levi) diễn-thuyết có ý muốn hỏi ngài về cái vấn-đề phổ-thông giáo-dục có thể lấy chữ ngoại-quốc làm gốc được không. Hiện nay ở Đông-dương Chính-phủ Bảo-hộ có ý muốn truyền-bá chữ Pháp khắp các trường công, từ trường làng trở đi, sự đó có nên hay không ? Quí-quốc sang khai-hóa cho dân Việt-Nam có nên làm cho dân ấy quên tiếng nước mình, mất giống nòi mình không ?

. . . Ngài nói rằng sự học ở Đông-dương này có nên lấy chữ Pháp làm gốc hay không thì ngài không quyết-đoán, vì việc Đông-dương ngài không được tường lắm. Nhưng việc Ấn-độ thì ngài rất tường. Ngài bèn nói về cách người Anh dạy học ở Ấn-độ cũng cưỡng-bách người bản-xứ học tiếng Anh, cách ấy thật là tai-hại, ngài cực-lực bài-bác. Ngài nói rằng kết-quả sự học bằng tiếng Anh ở Ấn-độ là gây ra một giống người rất khả-ố, gọi là bọn *Babous*, không còn cái tư-cách người Ấn-độ nữa, mà chưa thành tư-cách người Anh, khinh cái văn-minh xã-hội của mình mà thèm cái văn-minh xã-hội của người, đối với người Anh thì người Anh khinh, đối với người mình thì người mình ghét, chỉ thuộc tiếng Anh mấy câu đầu lưỡi nói thoảng để lòe để nạt người không biết, mà kỳ-thực học-thức không có gì, thật là một cái tai-hại cho dân Ấn-độ.

N.-P. 66

3. — Người nào gặp cái tư-tưởng rất huyền-diệu, cái cảm-tình rất phiền-phức, cái hiện-tượng rất kỳ-quái, cho đến một cái kỳ-tích của quỉ-thần nữa, mà không kiếm được chữ trong tiếng mình để diễn ra, thì người ấy có lẽ là nhà đại-triết-học, đại-bác-học, đại-luận-lý, không phải là nhà văn-sĩ bằng văn vần và văn xuôi vậy.

THÉOPHILE GAUTIER.

Bản dịch N.-P. 69.

4. — Ông LE BOUCHER nguyên làm quan cai-trị ở Đông-Pháp, làm một tờ báo-cáo đại-ý cũng giống như lời bàn của ông Phạm Quỳnh, nghĩa là xin cho mấy lớp đầu bậc tiểu-học dạy toàn bằng tiếng An-Nam, tiếng Pháp là dạy phụ mà thôi. Ông nói rằng học như thế thì mới có ích-lợi cho con trẻ An-Nam, vì trẻ học bằng tiếng nước mình chắc nhớ hơn là học bằng tiếng Pháp nhiều khi không hiểu nghĩa. Quan nguyên Khâm-sứ Kinh CHARLES cũng đồng-ý như thế. Nhưng có mấy ông khác thì lại phản-đối nói rằng làm thế nào cũng phải giữ cho tiếng Pháp phần hơn.

(N.-P. 78 trích dịch tập kỷ-yếu hội *Institut Colonial.*)

5. — Ước gì sự học cao-đẳng bao giờ cũng lấy cổ-điển làm gốc.

(N.-P 88. — Ông Phạm Quỳnh dẫn lời ông GOETHE khi khai giảng khoa Hán-Việt văn-tự.)

6. — Ta không muốn làm người Hi-lạp ; ta cũng không muốn làm người La-mã ; trước hết cốt nhất là ta muốn làm người Mĩ đã, mà muốn được như thế thì ta phải theo đòi cái cổ-điển đã gây dựng cho ta được như bây giờ. Ta nuôi mình bằng cái tư-tưởng những người dựng đặt ra cơ-sở các chế-độ của ta. Cái học đã tác-thành ra các người ấy, là cái học phải tác-thành cho chúng ta. . . Dạy khoa-học chưa đủ, sự hệ-

trọng là phải biết cách lợi-dụng khoa-học của mình thế nào.

COOLIDGE

N.-P. 88.

7.— Ngày nay nước Pháp làm chủ, họ (người Việt-Nam) lại hóa theo Pháp, hóa Pháp đến nỗi thuộc lịch-sử ta hơn lịch-sử họ, biết tên Jeanne d'Arc mà không biết tên Lê Văn-Duyệt; hóa Pháp đến nỗi nhiều khi tôi đã lấy làm tức cười, có nhiều người An-Nam lịch-sự lắm, ăn bận như người kinh-thành *Paris*, cho con sang học bên ta, khi nghe một người đồng-bào nói bằng tiếng An-Nam thì giả-lờ không nghe hiểu, mà tự mình nói thì ấp-úng như phải nghĩ từng chữ, như phải dịch tiếng tây ra tiếng nam vậy.

ROLAND DORGELÈS

N.-P. 97.

8— Ý quan VARENNE là muốn hết sức khuếch-trương bậc tiểu-học, chịu phí-tổn để cho được thật nhiều con trẻ có chỗ mà học. Còn về phương-pháp dạy học thời ngài công-nhiên ưng cái cách dùng tiếng An-Nam để dạy bậc tiểu-học, lấy tiếng Nam làm tiếng chính, tiếng Pháp làm tiếng phụ.

N.-P. 100.

9— Sự lịch-duyệt đã chứng rõ rằng tuy kẻ chiến-bại vì quyền-lợi mình nên một hai khi hăm-hở học-tập tiếng nói của kẻ chiến-thắng, nhưng không vì đó mà bỏ hẳn tiếng nói tổ-quốc.

Nguyên Pháp-văn của ông—G. J.

N. P. 118.

10— Có một phái nhỏ là phái Phạm Quỳnh ở Bắc-kỳ là rõ-ràng có tính-cách quốc-gia chủ-nghĩa. Người này bấy lâu vẫn dùng hết tài-trí để phát-huy cái tư-tưởng quốc-gia. Ông muốn gây lấy một nền quốc-văn An-Nam đích-đáng để thay được Pháp-văn, muốn bảo-tồn lấy cái triết-học cổ mà tham-bác với tư-tưởng mới cho thích-hợp với sự cần-dùng của quốc-dân. Muốn duy-trì lấy cái văn-minh cố-hữu của nước nhà, giữ cho khỏi Âu-hóa quá, sợ Âu-hóa thì sẽ biến mất cái cốt-cách của nòi giống, tức là diệt mất cái tư-tưởng quốc-gia. Những ý-kiến đó là chánh-đáng lắm và cũng chủ-trì một cách ổn-thỏa lắm, không hề có cái tính-cách phản-kháng gì đối với nước Pháp cả.

Revue du Pacifique

N.-P. 149.

11— Một dân-tộc mà phải lấy một thứ tiếng ngoại-quốc làm cái khí-cụ văn-hóa cho mình, thời kết-quả đến nghèo-nàn khốn-nạn là dường nào. Tiếng nói không phải như cái áo khoác ngoài hay cái ô cầm tay, vô-ý hay lầm thật mà mượn của người ta được! Tiếng nói là da thịt của mình vậy.

R. TAGORE.

N.-P. 158 trích dịch theo bài của ông giáo-sư NER, *ở báo France Indochine.*

12— Phần thứ ba, phần rốt trong sách ông giáo-sư CHAPUS, phần phong-thú và đặc-sắc hơn cả, là thuật lại một cuộc điều-tra để biết ý-kiến bọn thượng-lưu đất *Madagascar* đối với các chế-độ nước Pháp đã gây dựng.

Cuộc điều-tra này bày tỏ được rõ-ràng minh-bạch các mối lo nơm-nớp của người bản-xứ và mối lo đặc-biệt về tiền-đồ tiếng bản-xứ.

Dịch theo N.-P. 162.

13— Phần đông người dân *Madagascar* cần biết cần nói tiếng Pháp cho giỏi, nhưng họ lại cũng cần biết cần nói tiếng tổ-quốc cho thật giỏi hơn.

Chỉ có thứ tiếng này mới xứng với tâm-hồn cân-não tự ông cha lưu-truyền lại; bọn tri-thức nên học-tập, nên nghiên-cứu thâm-thúy, nên định nghĩa

phân-minh và nên nhận đó là việc danh-vọng.

Dịch lời bác-sĩ FONTOYNONT.
có chân viện Hàn-lâm Madagascar.
N.-P. 162

14 — Đất tốt mà không cày cấy, không thành hoa quả được, tiếng nói không tập-luyện không trở nên hay được.

HENRI PASQUIER.

Bản dịch ông Phạm Quỳnh.

15— Thầy cả hỏi rằng : trong ba thứ tiếng, tiếng Huy-long (*huron*), tiếng Anh và tiếng Pháp, thì chàng thích tiếng nào hơn. Chàng đáp : « Tôi thích tiếng Huy-long hơn cả, điều đó đã cố-nhiên.»

VOLTAIRE (*L'Ingénu*)

Bản dịch ông Nguyễn Văn-Hiếu.

16— Anh đi ra trận, nào phải là vì các con buôn, cùng các nhà giàu.

Đó là vì mấy triệu người lương-thiện ở khắp trong đất nước, làm việc siêng-năng cần-cù mà không ai biết ; vì các kẻ lao-nông trong tỉnh, vì các thợ-thuyền ngoài cửa ô, vì các phụ-nhân cùng một giống, vì các trẻ con ở học-đường ; vì các lão chuông ở nhà-quê, vì miếng vườn kế nhà anh, vì tiếng nói của anh, tốt đẹp hơn cả, vì các nhà mĩ-thuật, các kẻ học-giả, vì cái tinh-thần nước anh, và rốt hết là anh vì lấy thân anh.

L. DUMUR.

(*Les Défaitistes*)

17— Ông Trần Chí-Minh đặc-sứ của quốc-dân Chính-phủ Nam-kinh phải đi ngoại-quốc có thiết một tiệc lớn

Đến khi đọc diễn-văn, ông Trần Chí-Minh nói tiếng Tàu Ông A. SOUE dịch lại tiếng Pháp, đại-ý là lời thiết-tha khuyến-khích nên đồng-tâm giữa hồi có họa Nhật-bản và những thiên-tai như nạn lụt sông Dương-tử làm hại trong nước rất nhiều.

L'Opinion (*Saigon*) *25-10-31.*

II — Ý-kiến danh-nhân trong nước

18 — Hận-vận nước Nam hay dở thế nào là ở chữ quốc-ngữ.

NGUYỄN VĂN-VĨNH.

N.-P. 67 trích-lục theo báo Đăng-cổ.

19— Nước ta học theo Tây-học, có sách-vở chữ Pháp đã đành, nhưng không lẽ học chữ ngoài mà công-chuyện sự-tích của bản quốc không biết đến. Về văn quốc-ngữ và sự-tích bản-quốc, chưa có sách-vở chính-đáng cho học-trò học. . .

Cái công-phu trước-thuật ra những giáo-khoa-thư thuộc về phương-diện bản-quốc cho quốc-dân học-tập, ấy là cái trách-nhiệm của Nam-triều.

Thực-nghiệp dân-báo.
tháng 9, 1921.

20—Nước ta hiện có một việc rất quan-trọng là việc lập thành chữ quốc-ngữ. Chữ quốc-ngữ tuy đã thông-hành, song tự-điển chưa có, mẹo chưa có, các sách-vở chính-đáng còn ít-ỏi lắm, thế thì chẳng nên lấy quốc-quyền bồi-thực cho nó mau thành-lập sao ?

Khai-hóa nhật-báo.
tháng 9 1921

21 — Đồng-bào ta muốn di-dưỡng tiếng nói của tổ-tiên, làm mối liên-lạc thiêng-liêng, muốn cho tiếng nói ấy đến mãi mà càng ngày càng thêm đủ, thì ba kỳ phải đua nhau mà theo nói một lối tiếng ngoài Bắc, là lối nói đủ ý nhất, theo nhịp nhất

L. Đ. T.

Trung-bắc tân-văn. 8-1-19.

22 — Người mình có ý lấy chuyện nước nhà làm nhỏ mọn không cần phải biết làm gì. Ấy cũng là vì xưa nay mình không có quốc-văn, chung-thân chỉ đi mượn tiếng người, chữ người mà học, việc gì cũng bị người ta cầm-

hóa, chứ tự mình không có cái gì là cái đặc-sắc, thành ra thật rõ như câu phương-ngôn : « Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng »

TRẦN TRỌNG-KIM

tựa Việt-Nam sử-lược.

23 — Tận nghĩa-vụ với quốc-văn, ấy cũng là một phần việc của người thương nước.

DƯƠNG TỰ-NGUYÊN

tựa « Cảnh-thu di-hận ».

24 — Dân trong một nước học các khoa mà phải dùng thứ tiếng khác hơn tiếng nước mình, tưởng không có gì sỉ-nhục và nguy-hiểm hơn nữa.

PHAN VĂN-TRƯỜNG

dịch theo báo L'Annam, 4-10-26

25 — Cái chính-sách giáo-dục ở Đông-Pháp dường như đã xoay về một con đường mới, dùng tiếng Việt-Nam để dạy trong các trường sơ-đẳng.

Nhưng lẽ nên tiến thêm một bước nữa, về một phương-diện khác nữa, phải tiến lên bậc trung-đẳng là nơi đào-tạo các học-sinh trường Đại-học sau này.

XUÂN-LAN

(dịch theo bản sao-lục báo L'Echo Annamite, 22-12-28),

26 — Dạy các điều tri-thức bậc sơ-đẳng cho trẻ con cả nước mà dùng thứ tiếng khác hơn tiếng trong nước, phép giáo-dục đó quyết là sai lầm.

Các ông làm thế, cái kết-quả thật chán-ngán thay. Khi thi bằng sơ-học, các bài toán là chữ Pháp, các thí-sinh dự-bị đi thi nhọc-nhằn cực-khổ vô-cùng.

NGUYỄN PHAN-LONG

(Dịch lời diễn-thuyết ở Đại-hội-nghị ngày 27-10-30).

27 — Riêng đối với chương-trình sơ-học, thì ngài (quan BLANCHARD DE LA BROSSE) đã làm được một điều cải-cách ta đáng ghi công, là cho trẻ từ lớp đồng-ấu cho đến lớp bị-thể được học các môn cách-trí, địa-dư, lịch-sử, toán-pháp và luân-lý bằng tiếng nước nhà... Ngài được cái tiếng là xin với quan Toàn-quyền y theo lời nguyện-vọng của quốc-dân mà cho điều cải-cách đó được thi-hành.

CAO HỮU-TẠO

Đông-Pháp thời-báo, 10-1-27.

28 — Các đồng-bào Bắc-kỳ tiếp-tục công-việc đã làm từ mươi-lăm năm nay về quốc-ngữ và văn-học-sử nước ta. Chẳng những các báo-chí gặp dịp thì liền tỏ cho độc-giả biết hoặc một câu hát xưa, hoặc nói về một cái di-tích nước Nam xưa, mà nhiều nhà hiếu-học, nhiều nhà thi-sĩ, nhà ái-quốc (còn ái-quốc như thế nào hay hơn thế đó) cố công gắng sức, nhặt lấy tìm lấy ở các nơi và xuất-bản những sách góp, càng chứng tấm lòng gắn bó đối với quốc-ngữ, quốc-văn đã gia-tăng thêm.

ỨNG-HÒE.

La Tribune Indochinoise, 23-7-30.

29 — Tưởng làm như sau này có thể vừa lòng phái muốn học toàn chữ Nam và phái muốn học toàn chữ Pháp : (lược kể hai điều).

— Dạy luân-lý và các điều tri-thức thông-thường bằng quốc-ngữ, dùng sách Quốc-văn giáo-khoa thật nhiều.

— Làm chứng cái học đó, đặt lệ thi bằng Sơ-học, các bài viết các bài vấn-đáp bằng tiếng An-Nam, có phụ thêm hai bài chữ Pháp : bài ám-tả và bài luận-văn về một đầu đề rất giản-dị.

Dịch theo tập Việt-dân thỉnh-cầu, nhan là Réception de M. PAUL REYNAUD *ngày 18-10-31, trang 32.*

∴

29 bis — Trước những tình-trạng kể trên kia, luận-giả không dám tự-tiện tìm phương thuốc bổ, chỉ xin kết-luận bài này bằng vài điều ước cỏn-con : một là thêm giờ học, hai là tuyển thầy dạy, là những điều thuộc về hình-thức, còn thuộc về tinh-thần như lòng hâm quốc-văn của học-trò, cách dạy sốt-sắng của thầy-giáo, đã có khí thiêng non nước giúp cho.

... Giáo-sư biết chữ nho có hai điều lợi : một là dạy quốc-văn cần phải có cổ-học nước Tàu. Cần về điển-tích cũng có mà phần nhiều là cốt về lý-thuyết tư-tưởng Viễn-đông ; hai là những ông giáo-sư biết chữ nho có thể thay các cụ giáo nho hiện-thời.

TH. N. T.

Đông-tây tuần-báo, ngày 26-8-31.

∴

III. — Ý-kiến các lương-hữu báo Nam-Phong

30 — Những chữ nho mà đã nói quen trong nước mình (như hàn-lâm, bác-vật, nhân-đức...) thì thành ra tiếng nước mình rồi, chớ không còn kêu là tiếng chữ nho được nữa. Mà thế là may cho tiếng nước mình đó... Một ngày kia chữ nước ta cũng có thể đặt được thành những cuốn sách hay như sách Tây, sách Tàu chớ chẳng không.

TR. V. Đ.

N.-P. 17

31. — Khi nào người nước ta từ nhỏ đến lớn dùng tiếng ta mà nói với cha mẹ, giao-thiệp với người trong nước và dùng tiếng ấy mà học và làm việc quan, khi ấy nước ta mới gọi là một nước hoàn-toàn.

TRẦN TRỌNG HUỀ

N.-P. 19

32 — Tiếng ta như một cái đất còn thiếu chất, phải có mượn các chất ngoài bón thêm vào thì mới bồi-dưỡng cho cái cây văn của vườn Nam-Việt được chặt rễ, đẹp lá, tươi hoa và kết quả chín, ngon được.

NGUYỄN VĂN-NGỌC

N.-P. 19

33 — Trong sách giáo-dục có nói rằng : « Văn-hóa nước mình mà gốc từ nước nào, thời phải học chữ nước ấy, mới hiểu rõ cỗi rễ, các văn-vật đương đời mình. »

Trong sách lại nói rằng : « Chẳng nước nào chỉ từ trong nước tiến-hóa, mà không nhờ ánh sáng văn-minh nước ngoài. »

NGUYỄN TẤT-TẾ

N.-P. 21

34 — Nước ta bây giờ phải mượn thứ tiếng nào đồng-chủng với tiếng mình, lối đọc giống nhau ; phải mượn thứ tiếng nào mà tiếng ta gốc ở đó mà ra ; lại phải mượn thứ tiếng nào sung-túc, đúng nghĩa, rõ-ràng. Thứ tiếng hợp đủ ngần ấy tư-cách chỉ có chữ nho mà thôi.

1° Chữ nho lối đọc giống ta, dễ nói dễ nhớ, có thể chóng thông-dụng được. Chắc rằng tiếng khinh-khí còn dễ đọc dễ nhớ, chóng thông-dụng hơn là tiếng *hydrogène* ;

2° Tiếng An-Nam gốc ở chữ nho nhiều, bây giờ mượn chữ nho thời phần nhiều là chữ quen đã hiểu nghĩa, nên luận nghĩa ra cũng dễ.

DƯƠNG QUẢNG-HÀM

N. P. 22

35 — Cứu vớt lấy quốc-hồn, tôi tưởng không gì khẩn-cấp bằng dựng tòa Hàn-lâm, hiệp những nhân-tài ở trong Nam ngoài Bắc làm một nhà mà cùng nhau dựng lại nền Nam-văn cho hiệp-nhất.

ĐOÀN VINH

N.-P. 22.

36 — Có con gái nên cho học thế nào ? Thưa rằng : cũng phải nên trước học phổ-thông rồi sau mới rút vào thực-dụng mà riêng phần con gái. Này cách-trí, địa-dư, toán-pháp, vệ-sinh, cai-trị, lịch-sử cũng nên theo các sách giáo-khoa quốc-ngữ mà thứ-tự học lên ; còn luân-lý, triết-lý, những điều thiết gần và quan-hệ với lễ-tục mình, nên trích dịch những lời hay ở các sách nho để dạy.

NGUYỄN ĐÌNH-TỊ
N.-P. 23.

37 — Bây giờ vì Âu-hóa sang đông, các nước châu Á, ngoài cái văn-hóa phương Đông, lại còn phải chịu một cái văn-hóa phương Tây nữa, mà muốn hấp-dẫn được cả hai cái văn-hóa ấy, một chữ Hán không đủ mà không tiện, phải có được một nền quốc-văn thật bền vững, thật rộng-rãi, thì lấy tiếng nước mình thâu góp cái văn-hóa nào cũng được, có lẽ dễ công nhiều, cho nên các nước châu Á bây giờ mới phải chú-ý đến quốc-văn : Nhật-bản phải sửa lại chữ Hòa, nước ta phải dùng theo quốc-ngữ, chính nước Tàu cũng phải đặt lại chữ bạch thoại để mở-mang những cái tri-thức thông-thường, cũng không dùng chuyên chữ Hán được.

TUYẾT-HUY.
N.-P, 24.

38— Nếu bây giờ bỏ hẳn chữ Hán đi, chẳng những phí hoài cái tiếng các Cụ hao-tổn biết bao nhiêu tâm-huyết mà mới đặt nên được, mà lại bụt hẳn đi mất một nửa phần tiếng, há chẳng tiếc lắm dư ?

NGÔ VI-LÂM
N.-P. 26.

39 — Ta học tiếng Pháp cốt để làm gì ? Học cho có sức coi đặng sách tây cho hiểu ý và tư-tưởng của người Tây thì mới có thể mà đem cái văn-minh, cái tư-tưởng của người Tây về cho mình được. Như được vậy rồi thì ta phải đem cái tư-tưởng ấy mà truyền ra bằng tiếng ta.

VÕ THÀNH-TÂN
N. P. 27.

40 — Nay không học làm lối văn khoa-cử chữ Hán ấy thôi, chớ còn ta cũng phải học chữ Hán thế nào, để có lúc xem đến các sách chữ Hán cũng hiểu được nghĩa-lý, quán được mạch-lạc, thì mới dựng nổi được cái nền tân-học. Nếu quốc-văn hán-văn không thông, chỉ chuyên-trị một Pháp-văn lấy bằng các khoa-học thì ra những quên gốc-tích nước nhà, *a b* lại quá bằng ba *chi hồ* !

PHẠM HUY-HỒ
N.-P. 29.

41 — Từ xưa đến nay, chưa hề có nước nào không có văn-chương học-thuật mà công-nghệ thịnh-vượng tiến-hóa được. . .

Ông nào có đủ sức nên làm sách dần dần và dịch các sách hay để đồng-bào nhờ.

TRẦN TẤN-ÍCH
N.-P. 29.

42 — Học cho hiểu được tiếng Pháp thì đã hao-tổn biết bao thời giờ. Nên cái trình-độ học-thức của nữ-lưu ở các trường học ra còn thấp kém lắm. . .

Nay nếu các bài khoa-học dạy nguyên bằng quốc-âm thì sẽ rỏi ra bao nhiêu thời giờ mà học lâu rộng hơn nhiều.

VŨ NGỌC-LIỄN.
N.-P. 29.

43 — Văn-chương ! Văn-chương ! Cứ như ý ta thời người thật là cái nguyên-khí của quốc-gia vậy.

MẪN-CHÂU
N.-P. 30

44 — Cái câu « thiên kinh vạn quyển », ngày nay thực là ít nghe thấy nói nữa.

Ôi ! học mà không có sách lấy gì mà học ? Chúng ta nên mong Chánh-phủ lập một tòa Tu-thức, chọn những người văn-học giỏi chữ tây chữ nho để làm sách dịch sách cho học trò có sách mà học mà xem ; nhất là ta nên mong những bậc văn-sĩ trong nước, tự mình lưu-tâm mà làm sách dịch sách cho nhiều, tùy tài mà giúp đỡ cho người đồng-bang ; cái vấn-đề dịch sách làm sách này thật là quan-hệ cho sự học-vấn trong nước ta ngày nay. . .

Trong việc học-giới thì ta nên cố công hết sức mà làm sách dịch sách quốc-ngữ cho nhiều, để cho công-dân có sách mà học mà xem ; cái vấn-đề ấy là rất quan-trọng cho sự học-vấn, những bậc thượng-lưu xã-hội phải nên lưu-tâm mà giải-quyết cho xong.

HOÀNG HỮU-ĐÔN

N.-P. 30.

45 — Ôi ! trông thấy đống sách cũ rầu - rầu mà trong lòng cảm cảnh thương thay !

Thương vì sao ? Thương vì nỗi cổ-nhân đã qua mà còn chút tàn-hồn thoi-thóp lại, khiến cho kẻ hậu-sinh mỗi khi nhớ đến mà đau lòng ! Kia ! đống sách nát kia, há chẳng phải là di-tích cái nền văn-hóa cũ của tổ-quốc ta dư ? Đống sách nát kia, há chẳng phải là cái cơm nuôi hồn của bao nhiêu công-thần khanh-tướng, tráng-sĩ thuyền-quyên trong bao nhiêu thế-kỷ dư ?

Ấy nhờ những sách-vở văn-chương ấy mà tổ-tiên dã dựng nên sơn-hà xã-hội này cho chúng ta vùng-vẫy ; nhờ văn-chương ấy mà đã gây nên cái giây thân-ái giàng-buộc đời xưa với đời nay, đời nay với đời sau, liên-lạc đời đời mãi mãi ; nhờ văn-chương ấy mà đặt ra luân-thường đạo-lý làm cơ-sở cho giống nòi ; nhờ văn-chương ấy mà ta biết yêu nhau, thương nhau chẳng lúc nào quên mình là mầm chồi Hồng-Lạc, con cháu rồng-tiên !

TRẦN VĂN-TRI

N.-P. 30

46 — Chữ nho ngày nay người nông-nổi coi ra thời tựa-hồ như vô-túc khinh-trọng, song nghĩ cho chín thời bao nhiêu quốc-hồn quốc-túy đều ở cả trong... Ta còn cần phải học chữ nho lắm, vì có biết chữ nho mới làm văn quốc-ngữ hay được, mới xem sách quốc-ngữ hiểu được, mới tra-cứu mọi điều hay sự tốt của tổ tiên để lại được.

MÂN-CHÂU

N.-P 36

47 — Còn một bổn-phận nữa ta càng phải lưu-tâm suy-nghĩ là bổn-phận đối với quốc-văn.

Cái vấn-đề quốc-văn này, các nhà hữu-tâm về quốc-vận từng đã nhiều phen bàn dãi rồi, nhưng ta bàn đây là bổn-phận thiếu-niên đối với quốc-văn, không lẽ không bàn cho xác-lý.

Có nước phải có tiếng. Đã có tiếng thì có chữ. Ấy là lẽ chung, thiên-hạ ai cũng công-nhận là phải : cho nên văn-chương là linh-hồn của một nước, nguyên-khí của một nước ; văn-chương thịnh thì nước thịnh, văn-chương suy thì nước suy, trình-độ văn-minh tùy theo vận-mệnh văn-chương, mà vận-mệnh văn-chương lại chỉ tùy theo vận-mệnh thiếu-niên thôi.

. . . Sở-dĩ ta không có lắm cảm-tình với quốc-văn cũng vì công-phu học quốc-văn không mất nhiều thì giờ, nên ta không đem trí xét mà khinh ngay là thứ văn giản-dị ; sao ta không biết rằng ta học chữ Hán hay chữ Pháp mà không nói ra được bằng tiếng ta hay không viết ra được bằng chữ ta, không gọi được là ta đã hiểu rồi đấy.

... Có người bảo rằng : quốc-văn không phải là thứ văn dùng để sinh nhai. Người nói rất phải, nhưng tiếc cho người chưa xét đến nguồn cơn. Văn-chương nào cũng hữu-dụng, tuy ngoại-quốc không dùng mà mình vẫn phải dùng, thì tình giao-thiệp, sự khai-hóa mới mong tấn-tới.

HOÀNG TÍCH-CHU
N.-P. 36.

48 — Cứ cái hiện-tượng học-giới của hai nước láng-diềng như Chi-na, Nhật-bản mà xem ra, thì cựu-học với tân-học đã có cảnh-tượng dung-hòa hỗn-hợp rồi ; cho nên phàm cái người tinh-thông Hán-học, tức là cái người đủ tư-cách để tiếp-thụ tân-học ; người Tàu người Nhật tiếp-thụ tân-học cốt về nghiên-cứu cái lý-thuyết tân-học, thâu-nhập cái tư-tưởng tân-học, không phải là lao-thần khổ-tứ xua cả người trong nước đi học-tập lấy văn-tự của ngoại-quốc cả đâu ; người Tàu, người Nhật không phải không giảng-minh số-học, khoa-học...

Hán-văn học-tập khó dã dành, mà Âu-học học-tập cũng có dễ đâu, thế thì sau này học-giới nước ta phải đợi đến ngày nào người nước ta có thể đem tinh-thần trí-thức của Âu-học và Hán-học ra, mà loát-ảnh truyền-thần sang văn-tự quốc-ngữ của nước ta hiện thành-lập rồi, khiến cho người cả một nước chỉ đọc một giống văn-tự mà có thể hiểu-thấu được học-thuật tân-cựu đôi bên, đến bấy giờ thì cái cơ điều-hòa dung-hợp mới có hi-vọng được.

Mới rồi quan trưởng-giáo nước Anh ở Luân-đôn đối với dân Anh diễn-thuyết có lời rằng : « Người nước Anh ta học chữ nước Tàu khác nào học chữ nước Hòa-lan, nước Nga-la-tư mọi nước, bởi vì từ nay về sau, người nước Anh ta chắc có một phen giao-thiệp về sự cạnh-tranh quyền-lợi ở các nước phương Đông kia, cho nên phải học-tập lấy ngữ-ngôn văn-tự nước Tàu mới được, v. v. »

Nguyễn Đôn-Phục dịch hán-văn của Nguyễn Bá-Trác.

N.-P. 51.

49 — Nghĩa-vụ ta ngày nay vừa phải bảo-tồn nho-học, vừa phải luyện-tập tân-học, đó là lẽ đã cố-nhiên. Nhưng phải biết nho-học hay, lẽ cũng hay hết, nhưng hay hết là cho buổi một hai ngàn năm về trước. Nay cái phương-diện xã-hội không giống như phương-diện xã-hội một hai ngàn năm về trước, bảo-tồn nho-học không phải khu-khu mà nhất-thiết thủ-cựu vậy. Giáo-dục Âu-tây, lẽ cũng hay hết, nhưng hay hết là cho xã-hội ở bên Âu-Tây. Ta sinh-trưởng trong một xã-hội, diện-mạo, phong-tục, y-phục không giống như xã-hội bên Âu-Tây, trên một tấm đất phảng-phất có cái linh-hồn của Tổ-quốc không một với linh-hồn của nước bên Âu-Tây ; tổ-quốc ấy là gì là dấu-tích mấy ngàn năm về trước, họ Hồng vua Lạc đã từng trải gian-nan mà gây dựng lên trên tấm đất này ; luyện-tập tân-học không phải chăm-chăm mà tận-thuật Âu-tây vậy.

TRẦN ĐÌNH-NAM
N.-P. 54

50 — Tôi đọc *Nam-Phong* đã lâu mà chưa có chút công gì với qui-báo, là một nhà báo có cái công-phu đặc-biệt về sự tổ-chức nền quốc-văn, thì tôi nghĩ lấy làm thẹn thầm.

Tuy biết rằng thế là tại tôi mọn trí sơ tài, ít nghe hẹp thấy, chớ chẳng phải vì lười biếng, song nghĩ lại thì dù dở dù hay mà đã mang vào mình hai chữ « tân-học » mà lại chẳng có chút đỉnh công gì với xã-hội và quốc-văn thì cũng phiền lòng. Bởi thế nên tôi muốn nhân khi rảnh việc tập dịch cho quen...

LÊ TƯỜNG
N.-P. 56

51 — Làm sao học cho mau? Tiếng phải cứ tiếng mình, chữ phải cứ chữ mình. Làm sao cứ phải tiếng mình chữ mình, mượn tiếng người không được ư? Tiếng của mình, chữ của mình, thì cái công-phu của mình chỉ phải dùng có một tầng, khi mình có học thì điều mình sở-học, theo ngay với tiếng mình, mà in ngay vào óc; không như thế là tiếng mượn chữ mượn, thời công-phu mình phải dùng ra hai tầng, mình có nhớ được tiếng và chữ, rồi mà mình mới nhớ được điều sở-học...

Cái lẽ phổ-thông bằng tiếng ta chữ ta, có rành-rành như thế, thời bao nhiêu sách mới sách cũ, sách nước mình cùng sách nước người đến hồi này ta phải dịch ra hay làm ra, đều bằng là sách quốc-ngữ hết cả.

NGUYỄN KHẮC-BÍNH
N.-P. 65.

52 — Ai cũng biết rằng hiện nay ở nước ta đương có cái phong-trào phục-hưng quốc-văn. Các ngài không thường nhận thấy rằng đồng-bào ta không bao giờ viết văn An-Nam nhiều bằng bây giờ, và đâu đâu cũng thấy lập những hội văn để bảo-tồn và phát-huy tiếng quốc-âm ta ư?

Đó là một cái triệu-chứng tốt về thời-thế, chắc những người biết yêu mến tiếng nước nhà, gia công giữ-gìn cho tiếng nước nhà, trông thấy cũng phải vui lòng hởi dạ...

Lời văn cụ Nguyễn Du kể cũng đã phong-phú lắm rồi, ta phải trân-trọng mà giữ-gìn lấy. Cái nghĩa-vụ ta là phải chải-chuốt cho mỗi ngày một hay một đẹp thêm lên, và sản-xuất được những văn-chương xứng-đáng với truyện *Kiều*.

NGUYỄN ĐÔNG-HÀ
N.-P. 72.

53 — Một nước đặng vẻ-vang bao nhiêu là nhờ văn hay thi giỏi, chớ chẳng phải nhờ chính-chiến hùng-hảo, công-thương to kỹ-nghệ thịnh mà thôi đâu. Đời nào cũng vậy, nước nào cũng vậy, người đều trọng cái tinh-thần hơn vật-chất. Cái hồn của một nước phảng-phất ở trên mấy bộ văn hay nhất của nước ấy...

Người ngoại-quốc mà biết am-hiểu cái hồn của văn ta như thế, biết sinh mối thương-tâm như thế, nghĩ mà nực cười cho phần nhiều mấy cậu tuổi nhỏ nước ta đời nay, — tương-lai của Việt-Nam ta đó! — mới vừa nhom-nhoe tiếng tây mà đã trở lại khinh-khi tiếng mẹ đẻ mình, không muốn học, không biết trong lịch-sử quốc-văn ta có lắm lúc vẻ-vang.

NGUYỄN NGỌC-CHỈ
N.-P. 76

54 — Cái thời-kỳ giáo-dục của dân-tộc ta ngày nay, là cái thời-kỳ nên xu-trọng về quốc-văn.

ĐÔNG-CHÂU
N.-P. 78

55 — Các nhà lo về vận nước, tức là lo về hồn nước, mà tức là lo về tiếng nói diễn-dịch cái hồn ấy ra, đều sốt-sắng tìm-tòi nhiều tiếng mới, hoặc là mượn ở chữ Tàu hay là mượn ở chữ Tây, để gây lấy một nền quốc-văn của mình...

Tiếng nói là gì? Tiếng nói là đồ dùng của sự nghĩ. Tiếng nói cốt để dịch những ý-tưởng bằng từng tiếng, nhưng sự xét-đoán và bàn-bạc bằng từng câu, cho nên tiếng nói cùng với chế-độ, tư-tưởng, mĩ-thuật, văn-chương, đều coi như là những cái biểu-tượng ở bề ngoài của linh-hồn loài người đã gây dựng ra. Muốn cho linh-hồn ấy sống thì tiếng nói phải còn; mà muốn cho

linh-hồn ấy sáng-suốt thì tiếng nói phải nên tô-điểm. . .

Trọng tiếng không đủ giữ tiếng, còn phải dùng đến luôn. . .

Viết ở *Paris* tháng *Avril* 1924

LÊ NGUYỄN

N.-P. 84

56 — Muốn cho bọn thiếu-niên đủ sách dùng và cho dân-trí mở-mang rộng-rãi, người có tuổi không theo Pháp-học muốn am-hiểu thuật-pháp văn-minh cũng có thể biết hết được, thời có dịch sách Tây sách Tàu ra quốc-văn mới thông-dụng trong cả toàn-dân vậy.

TRẦN MẠNH-NHẪN

N.-P. 89

57 — Đọc nghị-định thi văn-bằng tiểu-học mà mừng thay cho con em từ rày lại được thêm một mảnh giấy nữa. Từ rầy sẽ biết qui tiếng nước nhà, biết trọng văn tổ-quốc. Người Nam-Việt học chữ Nam-Việt, thì chữ Nam-Việt thì còn gì chính-đáng hơn. . .

Cứ trong ý-tứ mà suy, thời Chính-phủ đặt ra cách thi văn-bằng tiểu-học tiếng Việt này tựa-hồ như khuyên bảo bọn thiếu-niên ta rằng: « Nước Nam còn, tiếng Nam phải học, người Nam học, học để làm quốc-dân có tư-cách hoàn-toàn của nước Nam, chẳng phải học chỉ trông đậu được ông Tham, làm nên ông Đốc; học để bảo-tồn quốc-túy, học mà hấp-thụ văn-minh,—văn-minh cốt học tinh-thần, văn-minh không phải tại áo quần, bao tay da lợn, tất chân mỡ gà;—học làm sao cho ích nước lợi nhà, thì làm sao cho kịp kẻ đời người thế, để vin vai Bảo-hộ mà lên cõi phú-cường. . .

Lần-lượt thi-pháp một mở rộng, trình-độ một lên cao, ta sẽ có ngày được thấy trong các trường Trung-học, các trường Cao-đẳng cũng có cái phong-trào học quốc-văn, thì quốc-văn vậy.

LA-TỬ MỘNG-BẠCH

N.-P. 90

58 — Các nước, nước nào cũng có một thứ tiếng riêng, biểu-hiệu cho cái tinh-thần của dân-tộc nước ấy, mật-thiết tôn-nghiêm xem như thần-thánh. Đó cũng là một cái lệ chung trong phép giáo-dục cho trẻ con của thế-giới vậy.

Nước Việt-Nam ta há không phải là một dân-tộc có lịch-sử hẳn-hoi, há không có một thứ tiếng riêng, lại có thể trái được cái lệ chung của thế-giới ấy hay sao?

TÙNG-VĂN

N.-P. 97

59 — Phải biết rằng học chữ học tiếng ngoại-quốc là ngọn, học chữ học tiếng bản-quốc là gốc. Phàm đẻ con ra, phải cho biết lịch-sử, biết phong-tục, biết luân-lý, biết văn-chương, biết lễ-pháp và mọi đường sinh-hoạt của bản-quốc trước đã, rồi sẽ cho con đi học tiếng ngoại-quốc, cho rộng đường tri-thức, thì bao giờ hỏng được.

TÙNG-VĂN

N.-P. 120

60 — Non xa nước lạ, nhân-tình phong-tục cùng là những nơi phồn-hoa thắng-cảnh, văn-vật xứ người đã dễ giục ý tò-mò, xui lòng mình ham xem ham biết. Kịp khi giở đến tập văn, những vui lòng thấy chữ nước nhà, tiếng nước nhà, khách du lại là người nước nhà!

TƯƠNG-PHỐ

N.-P. 133

61. — Đệ trước sau vẫn nguyện làm một người tri-kỷ với quốc-văn, lòng

này đã cùng với quốc-văn ước-nguyền sông núi.

ĐÔNG-HỒ

N.-P. 135

62 — Ta sở-nguyện cùng Chính-phủ Đông-dương mở thêm trường sơ-đẳng. Trong các trường sơ-đẳng, ba phần tư chương-trình phải dạy bằng tiếng Nam. Trong các trường Cao-đẳng tiểu-học và Trung-học, một nửa chương-trình phải dạy bằng tiếng Nam. Như thế ta có thể điều-hòa được hai cái thái-độ cốt-yếu của nước này: cái thái-độ thủ-cựu và cái thái-độ duy-tân, khiến cho dân vẫn tuần-tự tiến-hóa, vẫn tiếp-thụ được văn-chương khoa-học của ngoại-quốc, mà vẫn giữ được cái tinh-thần cốt cách của tổ-tiên.

LÊ THĂNG

Học-sinh ban Luật-học trường Đại-học Aix-en-Provence

N.-P. 160

63 — Nhà học-xá Trí-đức với tôi đã có một mối cảm-tình thân-thiết, chữ quốc-ngữ với tôi đã có một mối duyên nợ thâm-trầm.

ĐÔNG-HỒ

N.-P. 162

64 — Tương-lai mai-hậu nước nhà là trông cậy ở chữ quốc-ngữ mà tương-lai mai-hậu nước nhà cũng trông cậy ở kẻ học-trò biết học quốc-ngữ vậy.

Bông hoa cuối mùa

N.-P. 162

65 — Phàm các dân-tộc có lịch-sử, có văn-hiến ở trong thế-giới ngày nay, dân-tộc nào cũng có một thứ tiếng nói riêng, để truyền-bá tư-tưởng cho nhau, mưu sự ích-lợi chung, mới có thể trường-tồn trong vũ-trụ.

PHẠM VONG-CHI

N.-P. 164

***

IV — Ý-kiến ông Phạm Quỳnh chủ-nhiệm báo Nam-Phong

66 — Sự học cũng như mọi sự hiện-tượng khác trong cuộc sinh-hoạt một dân một nước, phải có gốc mà phải có ngọn. Cái ngọn là cái phần tăng-tiến lên được mãi; cái gốc là cái nền vĩnh-viễn của lịch-sử đã xây dựng lên. Có gốc thì mới vững được, có ngọn thì mới sống được. Có gốc mà không có ngọn thì là cái cây đã già cỗi, sắp đến ngày mục nát; có ngọn mà không có gốc thì như cái dải giây leo tự mình không mọc thành cây được.

N.-P. 1

67 — Đương buổi quốc-văn hiếm-nghèo này, đàn ông vì thời-thế không thể chú tinh-lực mà luyện-tập lấy tiếng nước nhà, người đàn bà nếu biết đem cái tài-tình riêng của mình mà uốn-nắn cho lời nôm được mềm-mại, cũng thanh-tao mà cũng yểu-điệu như mình, khá lấy diễn được hết những cảnh vui sầu trong mộng-thế, mối cảm-động trong tình-tình, thì văn-chương nôm sau này lại chẳng được nhờ cái công tô-tạo ấy mà phấn-khởi lên dư?

N.-P. 4

68 — *Vơ-vẩn tơ-vương hồn Đại-Việt. Thanh-tao thép-lột giọng Hàn-Y hugên!*

Cùng một tiếng khóc, cùng một giọng cười, mà sao giọng cười tiếng khóc bằng cái lời họ Hàn kia nó cảm ta như thế? Là bởi trời sinh ta để nói cái lời ấy, trời sinh ra cái lời ấy để ta nói. ta có nói bằng lời ấy mới nói được lòng ta, nói bằng lời khác là nói những sự không thực cả. Trong trời đất chỉ có lời ấy với ta, ta với lời ấy là có cái duyên nợ ba sinh vậy!

N.-P. 5

69 — Người An-Nam ở thời này, muốn có cái học-vấn hoàn-toàn cần phải kiêm thông ba thứ văn-tự, trước nhất là tiếng nước mình, phải cố gây, phải cố đào-luyện cho thành một nền quốc-văn xứng-đáng thì mới mong có ngày tiến-hóa được; rồi đến văn-tự của hai nước đã có ảnh-hưởng đến cuộc sinh-hoạt dân ta, một là chữ nho cần phải biết mới hiểu được cái gốc đạo-đức giáo-dục cũ, mới giữ được cái nền quốc-túy trong nước, hai là chữ Pháp cần phải học mới biết được các lẽ văn-minh học-thuật mới, mới thấu được những tư-tưởng lạ ngày nay.

N.-P. 6

70 — Xưa học chữ nho là vì chữ nho mà học chữ nho, nay học chữ nho là vì quốc-văn mà học chữ nho.

N.-P. 17

71 — Trước khi bàn về quốc-văn, những nhà tân-học phải hiểu rõ rằng quốc-văn không phải bỗng dưng mà thành được, không phải nương tựa vào đâu mà dựng nên được, tất cũng như muôn vật ở đời phải có nguồn gốc tự đâu mà ra, và nguồn gốc ấy tức là Hán-văn.

N. P. 19

72 — Tiếng nói là cái phần cốt-yếu làm thành ra một nước một dân. Cho nên xưa nay nước nào dân nào cũng có một thứ tiếng riêng, có dân có nước bờ-cõi đã mất, quốc-thể không còn, mà còn giữ được quốc-âm, cũng không đến nỗi tiêu-diệt đi được. Coi như dân Ba-lan (*Polonais*), dân Triết-khắc (*Tchèques*) bên Âu châu, tuy quốc-thể không còn, người một giống làm tôi mấy nước, mà quốc-âm vẫn giữ được, nên chủng-tộc không đến nỗi mất và nhờ cuộc chiến-tranh này lại thu-phục được quyền độc-lập, từ nay lại sẽ có tên trên bản đồ thế giới. Nước sống về tiếng nói, tiếng nói còn nước không thể mất được, tiếng nói đã mất nước cũng khó lòng còn. Người ta thường nói cái gì làm ra một nước, tức là cái «quốc-hồn», nhưng quốc-hồn là một mối siêu-hình, nghĩa là một vật mắt không trông thấy, tai không nghe thấy, phảng-phất mập-mờ, không biết lấy gì làm bằng-cứ. Quốc-hồn phải có cách gì diễn-xuất, biểu-lộ ra ngoài thì mới đủ làm nguồn gốc cho sự sinh-hoạt một dân một nước. Cách ấy tức là quốc-âm vậy.

N.-P. 22

73 — Ôi! Có nhà triết-học đã nói: «Người ta có cái lòng ham sống thì mới sống được; đã không có cái lòng ham sống thời tiêu-diệt có khó gì?» Các ông muốn làm người An-Nam, cố giữ lấy cái quốc-âm An-Nam thời mới khó, chớ đã không muốn làm người An-Nam, muốn bỏ tiếng mình mà học tiếng người thì có khó gì! Các ông nói không nên lấy tình mà xét, phải lấy lợi mà xét mới được, lợi bao giờ vẫn mạnh hơn tình. Chúng tôi vẫn biết như vậy, nhưng chúng tôi cũng biết rằng người ta có tình mới là người và phàm dân nào chỉ biết trọng lợi mà thôi là dân ấy sắp đến ngày suy-đồi vậy.

N.-P. 22

74 — Gốc quốc-dân giáo-dục là ở quốc-văn, dẫu nước nào cũng vậy. Đứa trẻ con mới vào trường sơ-học, trước nhất phải học quốc-văn, là học cái tiếng nói chữ viết của nước mình. Đến khi đã biết đọc biết viết thông-thông thời lấy quốc-văn mà dạy các khoa thông-thường, như tu-thân, vệ-sinh, địa-dư, lịch-sử và trọng nhất vẫn là dạy cho thông quốc-văn.

N.-P. 23

75 — Bậc «tầm-thường tiểu-học», hạn học là bốn năm. Trường nào cũng phải dạy luân-lý, hòa-văn (tiếng Nhật),

— Bậc « cao-đẳng tiểu-học », hạn bốn năm, phải dạy những thứ như sau này: luân-lý, hòa-văn, hán-tự chừng 3000 chữ, ngoài 2000 đã học trước rồi, toán-học. . . (nghị-định năm 1886 và 1890).

— Chương-trình các trường trung-học định theo lời sắc-lệnh thứ 14 năm 1886, phải dạy những thứ như sau này: hán-tự chừng 15.000 chữ, luân-lý, hòa-văn, cổ-văn Tàu, tiếng ngoại-quốc. . .

— Trường Trung-học cho con gái dạy hán-tự, luân-lý, hòa-văn, anh-văn...

— Các ban văn-học trường Cao-đẳng thời dạy lịch-sử và địa-dư vạn-quốc, triết-học, pháp-luật-học, kinh-tế-học, cổ-văn Tàu và Nhật. . .

N. P. 27

76 — Theo ý riêng của bản-quán thì tưởng nên đặt Quốc-tử-giám làm một sở Hán-học chuyên-môn, cái mục-đích là chỉ chuyên-trị về Hán-học, khảo-cứu về sách nho mà thôi. Học trò tốt-nghiệp ở đấy ra thì hạng thứ nhất là những người xét ra có tư-cách học-vấn sẽ đặt ra một « Tu-thư cục » để bổ-nhiệm vào đấy cho ăn lương mà khảo-cứu về sách nho cũ, về quốc-sử, cùng soạn sách dịch sách ra quốc-văn.

N. P. 28

77—Một người đã có công với quốc-văn như cụ Tiên-điền, thật đáng lưu-danh thiên-cổ và đáng cho quốc-dân sùng-phụng muôn đời như một ông thánh trong nước vậy. Các nước Âu Mĩ trọng những nhà văn-sĩ hơn các bậc đế-vương, vì cái công-nghiệp về tinh-thần còn có giá-trị qui-báu hơn và ảnh-hưởng sâu-xa hơn là những sự-nghiệp nhất-thời về đường chính-trị.

N.-P. 30

78 — Tôi bình-sinh chỉ có một chút nhiệt-thành, là nhiệt-thành với chữ quốc-ngữ, hết sức trông mong về cái vận-mệnh quốc-văn ta sau này, thường nghe thiên-hạ phẩm-bình về văn quốc-ngữ, người khen thời hởi dạ, người chê thời đau lòng, dường như có quan-hệ đến công-phu bấy lâu nay, sự-nghiệp cả một đời.

N.-P. 46

79 — Cổ-học nên bảo-tồn thế nào, tân-học nên chấn-hưng làm sao, trường Giám nên duy-trì thế nào để giữ lấy di-tích Hán-học cũ, sử-quán nên sửa-sang làm sao để làm thành một cuộc tu-thư mới, tòa Hàn-lâm có nên lập không, sách cũ nên biên-tập thế nào, sách mới nên dịch-thuật làm sao, thứ nhất là sự phổ-thông giáo-dục nên điều-đình với Chính-phủ Bảo-hộ để sửa sang thế nào cho thích-hợp với trình-độ và sự yếu-cần của quốc-dân, đó là những vấn-đề hưởng-lai ngài (quan Thượng Thân Trọng-Huề) vẫn nghị-luận nghiên-cứu, nay quyền-chức đã đến tay, chắc sẽ gia-công giải-quyết thực-hành cho được thập-phân thỏa-đáng.

N. P. 51

80 — Văn-chương có cái sức hun-đúc không gì bằng, nhưng đúc cho nên người hay người khá, được việc cho nước cho nhà cũng có, mà hun cho đến hắc-ám tinh-thần, di hại nhân-quần xã-hội cũng có, đều là do cái phẩm-giá văn-chương cao hay thấp vậy.

N. P. 63

81 — Các bạn ôi, con cá nó sống về nước mà nước ta sống về tiếng ta đó! Làm cho tiếng ta sống được là phận-sự anh em ta. Vậy anh em phải gắng lên, vì hiện nay tuy có điều mừng mà cũng còn phải lo, vì thiên-hạ còn có kẻ làm ăn tiếng An-Nam, kết cho cái tội nghèo, nghèo khốn nghèo nạn, nghèo cho đến nỗi không đủ mà dạy được trẻ con nhà quê, phải lấy chữ tây dạy thế vào!

vần đây, tôi có vận-động trong báo tây — vì báo ta vô-hiệu — để xin lấy chữ quốc ngữ dạy các trường tiểu-học và cho thi tốt-nghiệp tiểu-học bằng quốc-ngữ : người ta lấy cái tội nghèo của tiếng An-Nam mà phản-đối lại.

Tiếng An Nam có quả nghèo không? Anh em ta phải phá cho ra cái nghi-án thiên-cổ đó !

N.-P. 67

82 — Người nước ta không hề học tiếng ta bao giờ ; cho nên tiếng là tiếng của nước mình, nói từ thủa lọt lòng mẹ ra, mà ít ai nói được thông-thạo, được sành-sỏi, nên câu chuyện có nghĩa-lý, có văn-chương, có phong-tình, có ý-nhị...

Quốc-văn với quốc-ngữ đã là một, thời cách nói chuyện quan-hệ với văn-chương lắm. Ta có muốn cho quốc-văn ta phát-đạt nẩy-nở ra — mà cái bụng muốn ấy phàm người An-Nam ai cũng phải có, trừ kẻ phi-loại không kể,— thời ta phải tập cách nói chuyện cho có văn-vẻ, có ý-tứ...

N.-P. 75

83 — Nếu cái mục-đích tối-cao của sự giáo-dục là giúp cho phát-siển nhân-cách được hoàn-toàn ; và nếu nhân-cách người ta là bao giờ cũng tùy-thuộc trước nhất ở hoàn-cảnh và ở giống-nòi, rồi sau là ở cái gốc đại-đồng của cả loài người, dẫu cồ kim Đông-Tây bao giờ cũng thế, cái gốc ấy lại cũng chính là gốc của văn-hóa nước Pháp ;—nếu vậy thời chúng tôi xin qui-quốc có giáo-dục cho chúng tôi, đừng dạy thành cái giống An-Nam dở-dang nửa mùa, mà dạy cho nên những người An-Nam hoàn-toàn chân-chính, vừa theo đòi văn-minh học-thuật Thái-Tây, lại vừa biết giữ-gìn lấy ngữ-ngôn phong-tục cố-hữu của nước mình.

Phải dùng những phương-kế gì cho đạt tới cái mục đích ấy ? Vấn-đề này cần phải xét cho tường-tận và giải-quyết theo một cái phương-diện cao-thượng, không bàn đến những lẽ chính-trị riêng ở qui-quốc hay ở tệ-quốc. Như tôi đã nói ở trên, vấn-đề này thật là một vấn-đề thuộc về dân-tộc giáo-dục, dù nhà tư-tưởng, nhà xã-hội hay là nhà chính-trị cũng là nên gia công nghiên-cứu cả. Ấy chính thuộc về vấn-đề ấy mà tôi muốn thay mặt kẻ đồng-bang tôi, xin các ngài danh-sư của tòa Hàn-lâm Đại-Pháp chỉ-giáo cho chúng tôi.

N.-P. 71

84 — Thưa các ông, vấn-đề của bạn đồng-nghiệp chúng ta là ông Nguyễn Phan-Long vừa khởi-xướng lên đó, quả là vấn-đề rất hệ-trọng, không nên xem thường ; vì có quan-hệ đến cả tiền-đồ việc giáo-dục trong nước.

Về phương-diện đó, tôi tưởng có một việc cải-cách to-tát nên làm ; nên sửa đổi cả cái chế-độ bậc sơ-học từ trên đến dưới. Phép dạy ở trường sơ-học nên dùng tiếng bản-xứ ; các nhà đương-cục đã cho dạy ba lớp đầu, sao lại không tiến thêm lên nữa ?

Sao lại không đặt ra cái bằng sơ-học cho thi toàn là tiếng bản-xứ cả ? Dạy tiếng Pháp nên dạy như tiếng ngoại-quốc mà không nên dùng làm tiếng cơ-quan.

(Dịch lời diễn-thuyết ở Đại-Hội-nghị, ngày 27-10-30)

85 — Tuy rằng các nhà nho chúng tôi vẫn thường nhất-khái khinh-rẻ tiếng nôm, song trong lịch sử mấy nghìn năm, trước sau cũng có được ít nhiều người có bụng rèn-luyện tiếng quốc-âm. Rèn-luyện mà thành công được, làm nên được mấy bộ sách có giá-trị, chứng rằng tiếng quốc-âm chúng tôi có thể giàu-có, mềm-mại, lời lẽ cao-thâm được đến đâu, lại càng làm cho chúng tôi thêm tiếc rằng những bậc tiền bối ấy đã mở đường lối mà người sau không biết đi theo, và cái thế-lực của văn-chương học-thuật của

người Tàu đã đè-nén mạnh quá, làm ngăn-trở cho không nẩy-nở được nên một cái nền quốc-văn bằng tiếng Việt-Nam vậy...

Người ta thường nói một dân sống về tiếng nói, nếu quả như thế thời dân Việt-Nam chúng tôi quyết muốn sống đây, vậy quyết muốn bảo-tồn lấy tiếng quốc-âm của chúng tôi và hết sức luyện-tập cho nó phong-phú thêm ra.

(*Trích ở bài diễn-thuyết tại hội Đông-phương Ái-hữu ở Paris*)

N. P. 64

86 — Nhờ có chữ quốc-ngữ làm cái cơ-quan để diễn-dịch truyền-bá những văn-chương hay, tư-tưởng lạ của các bậc danh-nhân bên qui-quốc, khiến cho những hàng tri-thức trong quốc-dân bây giờ, dù về phái tân-học, dù về phái cựu-học, không còn ai là có cái ý-kiến hẹp-hòi như ông nho cổ tôi mới thuật chuyện vừa rồi...

86 — Vào đời nhà Trần ở nước ta, thì ở nước Pháp mới bắt đầu có văn-chương...

Trong khi ở nước Pháp đến hàng trăm hàng nghìn nhà làm văn kẻ làm sách, đua nhau mà chau-dồi mài-rũa cái tiếng nói của ông cha, làm thành như một cái khí-giới sắc nhọn vô-cùng, thì ở nước mình những hàng tri-thức còn chỉ say-đắm về chữ nước người, văn nước người, không mấy người nghĩ đến cái tiếng nôm-na của tổ-quốc...

87 — Lúc quốc-văn mới nhóm thành, việc dịch sách là việc có ích lắm, vì có đem tiếng mình chọi với tiếng người ta thì mới biết rằng mình thiếu những gì, mình có những gì, thiếu đâu bổ-cứu đấy, có gì phát-biểu ra, và tư-tưởng của mình, văn-từ của mình nhờ đó được phong-phú thêm lên...

88 — Tôi có nói tường về hồi văn-chương Pháp mới thành-lập, nghĩa là vào khoảng thế-kỷ thứ 15, 16, vì rằng tôi thấy cái tình-trạng văn-chương Pháp hồi bấy giờ chưa định-thể, cũng như văn quốc-ngữ ta bây giờ; vậy mà đến thế-kỷ sau, không đầy một trăm năm được toàn-thịnh như thế! Như vậy thì ta đối với quốc-văn ta cũng chớ nên thất-vọng...

89 — Phàm học chữ mượn chỉ tập được cái hư-văn mà thôi, không bao giờ nhập-diệu được bằng người. Nước ta mấy mươi đời phỏng chép văn Tàu mà nào có được ai thơ như Lý, Đỗ, văn như Tô, Hàn không?

(*Trở lên 5 đoạn trích ở bài diễn-thuyết*: Văn-học nước Pháp.)

90 — Trong bấy nhiêu lâu chống-chọi để độc-lập mà có đủ nghị-lực không đến nỗi ngã lòng là vì quốc-dân không bao giờ quên cái sự-nghiệp của bậc chí-sĩ JEAN HUSS (1369-1415) và các đồ-đệ đã gia-công chấn-hưng quốc-văn, bảo-tồn quốc-túy, khiến cho dân-tộc *Tchèque* không đến nỗi bị đồng-hóa, bị tiêu-diệt...

N.-P. 78

91 — Cái cơ-quan để thi-hành mọi việc cải-cách, cái cơ-quan để giải-phóng chúng ta về tri-thức, về tinh-thần, về chính-trị, là chữ quốc-ngữ. Ông đã nghĩ rằng một nước sống về quốc-ngữ, hễ quốc-ngữ còn được vun-bồi, thì quốc-hồn nhờ đó mà được tiếp-dưỡng và có nghị-lực.

Nguyên Pháp-văn N. P. 109

92 — Theo ý ông (ông GOURDON) thời cái cách giáo-dục hiện nay là sai lầm, khiến cho người An-Nam mất cả cái bản-lĩnh cũ mà chưa chắc đã hiểu được cái văn-hóa mới cho đến nỗi thành ra một hạng người dở-dang, người hay thì không trổ được hết cái tài hay ra, mà người dở là số nhiều thì

chỉ dủ dùng cái học mập-mờ đó mà làm xằng làm bậy mà thôi.

N. P. 117

93 — Nay muốn thi-hành một phép giáo-dục cho phải đường, thời không nên để cho mất cái hương-hỏa mấy mươi đời trước đó, khiến cho lớp thanh-niên ngày nay không được hưởng cái của báu của ông cha để lại, mà nên đem sáp-nhập điều-hòa với chương-trình mới, trong chương-trình ấy tuy vẫn phải để phần nhiều cho các khoa tân-học cách-trí, nhưng cũng không nên khước bỏ hẳn khoa văn-học cổ-điển vậy.

(Nguyễn Pháp-văn ở tạp-chí nha Học-chính.)

N.-P. 132

94 — Rabelais khéo điều-hòa cái cổ-học La-Hi với cái tân-học hiện-thời, khéo lợi-dụng quốc-âm của mình mà dung-hòa với văn-tự đời trước, gây dựng ra được một nền quốc-văn có đặc-sắc, đáng đời sau tôn là ông tổ văn-học trong nước; người An-Nam nên bắt-chước đó mà điều-hòa cái tư-tưởng của Âu-châu và của Trung-quốc cùng với cái quốc-túy riêng của giống mình, ngõ-hầu cũng có thể gây dựng được một nền quốc-văn xứng-đáng sau này.

N.-P. 140

95 — Phương-diện văn-hóa thì không rõ-rệt bằng (bằng phương-diện chính-trị), nhưng có lẽ sâu-xa hơn. Văn-hóa có thể giúp sức cho chính-trị nhiều. Văn-hóa là căn-bản của quốc-gia: nếu gốc mà tài-bồi được thì ngọn tất phải tốt tươi. Cho nên chủ-nghĩa quốc-gia thi-hành về đường văn-hóa có khi đắc-lực hơn là về đường chính-trị. Dù sao mặc lòng, văn-hóa vẫn là một cái trợ-lực mạnh cho chính-trị.

Như vậy thời những người nghiên-cứu quốc-sử, phát-huy quốc-học, cổ-động quốc-văn, duy-trì quốc-túy, chính là những người phụng-sự cái chủ-nghĩa quốc-gia một cách chân-chính đắc-lực vậy.

N.-P. 149

96 — Trong khoảng 20 năm nay, tiếng An-Nam đã biến-đổi nhiều, đã đổi mới, đã thêm giàu ra nhiều. Ngày nay quyết là có thể dùng làm cái lợi-khí để truyền-bá sự học mới trong dân-gian được. Xem như các báo An-Nam gần đây phát-đạt là dường nào thì đủ biết tiếng An-Nam có thể dùng để giáo-hóa trong dân-gian được.

N.-P. 151

97 — Nước Nga đã bỏ tên các phố mà cách nói giọng đọc hơi giống ngoại-quốc ít nhiều, và đem thay vào toàn những tên tiếng Nga. Nước Thổ-nhĩ-kỳ cũng làm thế, lại cải-cách một điều bạo hơn nữa, vì phần nhiều trường học trong nước đến nay đều về người ngoại-quốc cai-quản: nước Thổ cấm các trường ngoại-quốc trong cõi dùng tiếng khác tiếng Thổ làm cơ-quan việc học-vấn, vi-lệnh sẽ lập-tức đóng cửa.

Nguyễn Pháp-văn, N.-P. 158

98 — Không có quốc-văn không thể sao có quốc-học. Nước Nam ta đời trước không thể có quốc-học bằng chữ Hán được; nước Nam ta sau này cũng không thể có quốc-học bằng chữ Pháp được. Muốn cho nước Nam có quốc-học thì phải có quốc-văn bằng tiếng Nam.

. . . Báo *Nam-Phong* từ khi mới ra đời đến giờ vẫn theo đuổi một mục-đích đó: gây lấy một cái tân-văn An-Nam để vừa làm cơ-quan, vừa làm cơ-sở cho quốc học sau này; vì chúng tôi vẫn đinh-ninh từ xưa đến nay rằng không có quốc-văn thì không sao có quốc-học được; không có quốc-học thì không sao có độc-lập về tinh-thần

được; không có độc-lập về tinh-thần thì không sao có độc-lập về chính-trị được.

. . . Nhà văn muốn thờ nước không có cái phương-tiện nào hay bằng giúp cho nước có một nền quốc văn xứng-đáng.

Đó là cái chủ-nghĩa của tôi bấy lâu nay, mà là cái tín-điều thứ nhất trong đạo Quốc-gia của tôi vậy.

N.-P. 164

99 — Người Việt-Nam sẽ học được của nước Pháp những phương-pháp phê-bình nghiên-cứu đích-đáng, kiêm cả cái trí tinh nhuệ cùng cái trí khúc-chiết, đem cái luận trực-giác uyển-chuyển mà chế cho cái luận duy-lý nghiêm-khắc, rồi dùng những phương-pháp đó mà khảo-sát về căn-nguyên lịch-sử, tôn-giáo, tư-tưởng, mĩ-thuật của nước mình, cùng những kỷ-cương luân-lý làm bản-lĩnh cho cá-nhân cùng dân-tộc mình, những chế-độ xã-hội chính-trị đã làm cho quốc-gia mình lâu-bền thuần-túy vô-cùng.

N.-P. 164

100 — Làm chính-trị phải có cái quan-niệm chân-chính về quốc-gia, phải biết những cái nguyên-tố gì có thể làm cho tinh-thần quốc-gia được mạnh-mẽ, mà trân-trọng thiết-tha, gia-công bồi-bổ vào. . .

Có hai việc quan trọng, mà là quan-hệ mật-thiết với nhau, là việc cải-cách về tinh-thần và việc cải-cách về chính-trị.

Việc cải-cách về tinh-thần là gồm ở vấn-đề quốc-học; việc cải-cách về chính-trị là gồm ở vấn-đề lập-hiến. . .

Chính-trị với học-thuật vẫn là liên-can với nhau. Cái chính-trị quân-huyện, cái chính-trị kiêm-tính diễn-ra chính-sách đồng-hóa và chính-sách trực-trị, là cái chính-trị hại cho quốc-học, là cái chính-trị tiệt-diệt quốc-học vì là chính-trị giải-tán quốc-gia. Trái lại thời lợi cho quốc-học là một cái chính-trị lấy quốc gia Nam-Việt làm bản-vị.

N.-P. 165

(Nguyễn Văn Kiêm sao-lục)

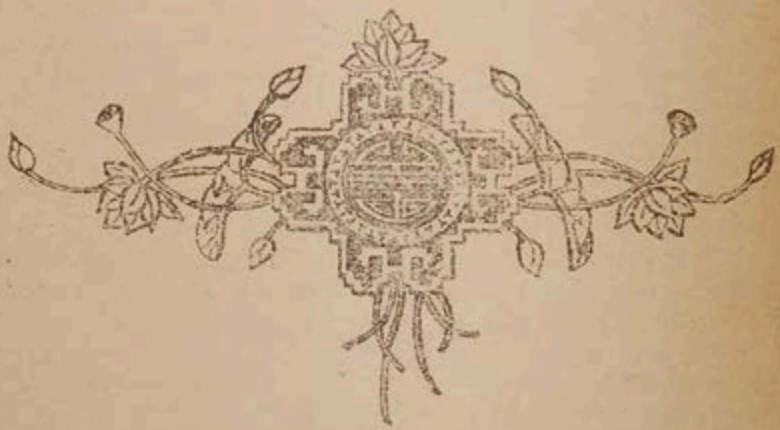

KHẢO VỀ LUÂN-LÝ-HỌC SỬ NƯỚC TÀU (1)

THIÊN THỨ NHẤT

Cổ-đại

Luân-lý tư-tưởng của nước Tàu trên từ đời Đường, Ngu, Tam-đại phát nguyên ra trước, đến cuối đời Châu mới thực là đại-thành, từ đời Tống trở về sau mới là hồi triết-học phát-đạt.

Nay phân ra từ đời thượng-cổ đến cuối đời Châu là cổ-đại ; từ đời Tần qua đời Hán, Đường cho đến đời Ngũ-đại là hồi trung-cổ ; từ đời Tống trở về sau là đời cận-cổ ; đó là cái tư-tưởng của người Tàu phát-đạt trong khoảng và nghìn năm đại-khái như vậy.

CHƯƠNG THỨ I — *Xét về văn hóa với tư-tưởng đời cổ nước Tàu*

1) *Dân-tộc đời cổ nước Tàu.* — Những sự đời thái-cổ nước Tàu thì mờ-mịt không rõ, cũng giống như các nước khác vậy. Song dân-tộc nước Tàu sinh ra từ cõi trung-ương Á-tế-á, rồi dần dần tiến về phương đông, ngang xuống đến chân núi Côn-luân ; rồi tự đất Tân-cương, Cam-túc di-cư mãi xuống tỉnh Sơn-tây. Xét về cái cách sinh-hoạt của dân-tộc đời bấy giờ, thì cứ chứng như lời *Hệ-từ* trong kinh *Dịch* nói rằng : Đời thượng-cổ dân-tộc Tàu có ông chúa là Toại-nhân-thị 燧人氏 mới dạy dân lấy lửa nấu ăn, mới biết cách ăn chín ; rồi đến Phục-hi-thị 伏羲氏 mới dạy dân nghề đánh cá ; Thần-nông-thị mới dạy dân cấy gặt theo nghề nông, đến đời vua Hoàng-đế 黃帝 họ Hiên-viên 軒轅 là một vị vua có danh-tiếng, lúc bấy giờ dân-tộc Tàu đã dần mở cái ánh sáng văn-hóa, cách sinh-hoạt đã tấn-tới bơn trước ; khi xưa còn ở hang, đến bấy giờ đã biết làm nhà mà ở, làm thuyền mà đi nước, và những đồ cung tên cối giã cũng phát-minh dần ra. Khi ấy vua Hoàng-đế có người bày tôi là Xương-Hiệt 蒼頡 mới đặt ra lối chữ, để thay cái lối thắt nút ghi nhớ từ đời Phục-hi về trước. Tự vua Hoàng-đế rồi đến vua Thiếu-Hiệu 少昊, vua Chuyên-Húc 顓頊 vua Đế-Cốc 帝嚳, rồi đến vua Nghiêu 堯, vua Thuấn 舜 là hai đời có danh-tiếng nhất. Đương đời vua Nghiêu vua Thuấn văn-hóa của dân-tộc Tàu đã tiến-bộ nhiều lắm. Sách Sử vẫn gọi đời Phục-hi, Thần-nông, Hoàng-đế là Tam-hoàng 三皇; Thiếu-Hiệu, Chuyên-Húc, Đế-cốc, Nghiêu, Thuấn, là đời Ngũ-đế 五帝. Song những sách vở về đời ấy nay đều tàn-khuyết không còn mấy, không thể nào xét biết được những tư-tưởng về đời Tam-hoàng đời Ngũ-đế. Duy có xét ở trong kinh *Thư* thì mới biết được những điều sự-thực từ đời Nghiêu Thuấn trở về sau. Nay còn truyền lại sách *Thần-nông-thư*, kỷ-thuật những giáo-pháp của họ Thần-nông, song ai cũng bảo rằng tự người đời sau mới làm ra vậy. Lại xét *Tả-truyện* về đời Chiêu-công năm thứ mười-hai, có người bảo đời xưa còn có những sách : *Tam-phần* 三墳, *Ngũ điển* 五典, *Bát-*

(1) Nguyên-văn của người Nhật-bản tên là Tam-phố-đằng-tác 三浦藤作 làm ra ; Trương Tôn-Nguyên 張宗元, Lâm Khoa-Đường 林科堂 mới dịch ra chữ Hán, nội-dung thuần là thuật về tư-tưởng học-thuật nước Tàu, mà gọi tên là « *Trung-quốc luân-lý học-sử* » nên đây cũng đặt tiếp theo với bài « Khảo về học-thuật tư-tưởng nước Tàu » về mấy kỳ trước.

sách 八 索, *Cửu-khâu* 九 丘. Sách *Tam-phần* là thuật về sự-tích đời Tam-hoàng; sách *Ngũ-điển* là thuật về sự-tích đời Ngũ-đế, *Bát-sách* là ghi-chép những việc tám quẻ, *Cửu-khâu* là sách ghi-chép về việc chín châu, vì nước Tàu khi xưa phân ra làm cửu-châu. Những sách trên này đến đời Xuân-thu đã mất hết cả rồi. Nay hiện còn có sách *Hoàng-đế nội-kinh* 內 經, *Tố-vấn linh-su* 素 問 靈 樞, và *Âm-phù-kinh* 陰 符 經 (kinh Âm-phù của Hoàng-đế), những sách ấy cũng có người bảo là tự Hoàng-đế làm ra, nhưng xét ra thì là tự người đời sau soạn ra cả.

2) *Tư-tưởng luân-lý về đời Đường Ngu. — Quan-niệm về đạo-đức với chính-trị đời Đường Ngu.* — Vua Đế-Nghiêu họ Đào-Đường 陶 唐 ta thường gọi là vua Nghiêu 堯, vua Đế-Thuấn họ Hữu-Ngu 有 虞 ta thường gọi là vua Thuấn 舜. Vua Nghiêu vua Thuấn dựng lên cái nghiệp thịnh-trị đời Đường, Ngu. Vua Nghiêu là một vị minh-chủ trí-đức đều hay cả, xét như trong kinh *Thư* thiên *Nghiêu-điển* có kể về chính-trị của vua Nghiêu rằng: « Vua hay làm hiền-đạt những kẻ hiền-đức dùng để giúp mình, để thân gần trong chín họ, chín họ đã hòa-mục, rồi chương-minh hòa-bình đến cả trăm quan; trăm quan đều theo lễ-nghi rõ-ràng, rồi hiệp-hòa đến cả muôn nước, thì kẻ lê-dân đều cảm-hóa mà biến thành phong-thói ung-hi.» Vua Nghiêu trị thiên-hạ trong năm-mươi năm, văn-vật chế-độ đều sắp đặt đủ cả, khi bảy-mươi tuổi mới nhường ngôi cho vua Thuấn.

Cái quan-niệm về đạo vua tôi đời cổ nước Tàu, thì bảo rằng làm vua phải nên theo ý Trời để chi-phối cả muôn dân; nhân-dân đối với đấng quân-chủ mà phải phục-tùng là phục-tùng mệnh Trời vậy. Dân-tộc đời cổ vẫn thường cho phàm hiện-tượng tự-nhiên trong khoảng trời đất đều là có thần cả, (cái thường-tình về loài người chửa khai-hóa xưa nay vẫn thế). Như là danh-sơn đại-xuyên, gió, mưa, sấm chớp đều là thần, trời là một vị thần, tối-cao trong các vị thần ấy. Trời là gì? Cứ con mắt người ta trông thấy xa xa đó, chẳng qua là một vầng thanh-không hữu-hình. Nhưng dân-tộc đời cổ thì không trỏ cái vầng thanh-không ấy là trời, mà lại cho rằng trên cái vầng thanh-không hữu-hình ấy còn có vị thần vô-hình, mới gọi vị thần ấy là đấng Hoàng-thiên Thượng-đế. Phàm vạn-vật trong thế-gian đều do đấng Hoàng-thiên Thượng-đế tạo ra mà đều phải chịu ngài chi-phối cả. Dân-tộc đời cổ nước Tàu mà gọi là Trời, tức là côn-bản của vạn-vật, Trời tạo ra vạn-vật, thì Trời tức là cha mẹ cả vạn-vật; loài người ta cũng là bởi Trời tạo ra, Trời đối với muôn dân có cái quan-hệ coi như cha con vậy. Mong cho muôn dân (con) sinh-trưởng phát-đạt, tức là cái bụng Trời (cha mẹ) vậy. Song Trời là ngôi Thượng-đế là một vị thần vô-hình, không thể trực-tiếp để chi-phối hết cả muôn dân, và dạy bảo muôn dân, để cho nó sinh-trưởng tiến-bộ được. Vậy phải do ở trong đám muôn dân ấy, chọn lấy một người thông-minh duệ-trí, ưu-tú đặc-biệt cho làm một ông vua để chi-phối cả muôn dân. Ông vua là bởi tự ý Trời nhiệm-mệnh, vậy nên phải sợ mệnh Trời, theo ý Trời để trị muôn dân, đó là chức-phận của ông vua. Trời không những là tuyển-nhiệm lấy người cho làm vua mà thôi; lại thời-thường giám-đốc luôn; nếu người làm vua hay hết được chức-trách, thì Trời hiển-hiện ra những điều tường-thụy để ban khen; nếu mà làm trái nhiệm-vụ, thì liền giáng tai-dị để trừng-giới. Song Trời bởi đâu mà biết chắc ông vua ấy hay hết chức-vụ hay không? Thế-tất phải xem về nhân-dân hướng bội ông vua ấy thế nào mới quyết chắc được. Nhân-dân mà tín-nhiệm ông vua ấy, thì chắc là ông vua ấy hay hoàn-toàn được chức-phận; nếu dân-

tâm mà ly-bội, thì chắc là ông vua ấy không hay làm hết được chức-phận. Tức là cái ý rằng: « Trời trông về cứ xem như tự cái ý dân ta trông về; Trời nghe theo cứ xem như tự cái lòng dân ta nghe theo.» Duy có khi nào Trời tuy đã giáng tai-biến để trừng giới, mà ông vua ấy vẫn không biết kính sợ, chừa đổi những điều mình làm càn dỉ, thì mệnh Trời không giúp cho nữa, tất Trời lại tuyển lấy một người ưu-tú khác để thay. « Mệnh Trời vốn là vô-thường, chỉ giúp cho người có đức » Nghĩa là Trời vẫn thường giúp cho người có đức để lập làm vua, nếu ông vua không có đức thì Trời tất giáng phạt mà phải mất ngôi, Thế thì dân mà phục-tùng ông vua tức là phục-tùng mệnh trời, mệnh Trời còn ở ông vua thì dân tất phải theo, nhất-đán mà mệnh Trời mất đi rồi, thì dân không còn cái nghĩa-vụ phục-tùng nữa. Vậy nên trong khoảng vua tôi đời cổ nước Tàu không có cái quan-hệ là được chi-phối tuyệt-đối hay là phải phục-tùng tuyệt-đối. Bởi thế những ông vua đời cổ nghĩ rằng truyền ngôi cho những đứa con cháu ngu tối là làm trái mệnh trời, tất phải tuyển lấy một người có cái độ-lượng chủ-tể được muôn dân để nối ngôi. Cho nên vua Nghiêu thấy con là Đan-Chu bất-tiếu, thì liền cử ông Thuấn ở trong chốn dân-gian, gả cho hai con gái, lại cho ông Thuấn đương lấy các việc đại-chính. Ông Thuấn giúp vua Nghiêu thi-hành thiện-chính, đến khi vua Nghiêu mất rồi mới lên ngôi thiên-tử.

Vua Thuấn cũng là một ông vua có danh tiếng, không kém gì vua Nghiêu; có tính hiếu-đễ, khi ông Thuấn còn nhỏ, cha là Cổ-Tẩu mê-hoặc về người vợ lẽ, lại yêu con nhỏ là Tượng mà ghét con lớn là Thuấn, muốn làm hại đi. Ông Thuấn hết lòng hiếu mà lại hay yêu em, nên hay đổi được bụng cha. Đó là ông ấy có cái nhân-cách vĩ-đại hay lấy đức hóa được cả muôn dân. Đến khi ông Thuấn lên nhiếp-chính giúp vua Nghiêu, lại hay dùng được hai-mươi người hiền-thần, nghe theo mưu-kế làm cho thiên-hạ đại-trị, nhân dân cả nước đều âu-ca công-đức vua Thuấn. Con vua Thuấn là Thương-Quân cũng bất-tiếu, vua Thuấn mới kén trong các bầy tôi lấy một người có hiền-đức hơn cả là ông Vũ, rồi tiến lên Trời mà nhường ngôi cho làm vua.

Vua Nghiêu vua Thuấn là một bậc nhân-vật có lý-tưởng về đời cổ nước Tàu, thực là một bậc thánh-nhân rất nên kính-mộ tự thủa sinh-dân đến giờ. Người ta bảo rằng: « Cái đức vua Nghiêu vua Thuấn như trời như đất không đâu là chẳng che chở. » « Vua Nghiêu vua Thuấn là cái khuôn phép rất bậc của đạo nhân-luân, đạo hai ông ấy rất là rộng lớn, mà làm ra lễ-nhạc rất hay rất đẹp, khi cầm quyền trị dân thì chỉ rủ áo chắp tay, chứ không phải làm gì cả. » Người đời sau khen vua Nghiêu vua Thuấn như thế là cùng. Vậy nên dân-tộc nước Tàu đều lấy vua Nghiêu vua Thuấn làm cái khuôn cho nhân-cách gồm đủ cả mọi đức, lại khen cái đời thịnh-trị vua Nghiêu Thuấn là một thời-đại hoàng-kim âu vàng không khuyết mẻ. Tuy rằng vua Nghiêu đem hai con gái gả cho Thuấn, việc ấy những nhà đạo-đức vẫn lấy làm bình-phẩm, nhưng cứ xem như phong tục lúc bấy giờ, thì không thể lấy điều ấy mà chê cái nhân-cách ông Thuấn được. Xã-hội đời cổ bấy giờ vẫn lấy cái gia-tộc chủ-nghĩa làm cơ-sở. Cái đặc-sắc về chế độ gia-tộc thì trọng nhất là việc tế-tự tổ-tiên, nếu để tuyệt-tự thì là bất-hiếu, bởi thế mới sinh ra cái thói nhiều vợ. Đời sau thậm-chí lại cho những kẻ lấy nhau mà không đẻ con thì được ly-hôn lấy vợ khác. Vua Nghiêu mà gả hai con gái cho Thuấn, ông Thuấn theo ý vua Nghiêu là cốt để sinh lấy con nối dõi mà thừa-tự tổ-tiên, đó là bởi cái tư-tưởng đương khi ấy như vậy. Cái thói lấy

nhiều vợ vẫn là nên chê, nhưng ở vào trong cái xã-hội tập-quán như thế, mà Thuấn lấy hai người con gái ấy, thì những nhà đạo-đức tưởng cũng không nên bài-bác quá vậy. Tuy-nhiên ông Thuấn lại không biết bài-trừ cái ác-tập ấy đi, mà để cho tỏ cái mô-phạm đạo-đức tốt về sau, thì cũng làm lụy cho cái đức vua Thuấn vậy.

Cái tinh-thần về chủ-nghĩa gia-tộc, nó sinh ra cái ác-tập nhiều vợ; nhưng nó cũng có cái đức tốt như là biết trọng đạo hiếu vậy. Nước Tàu từ đời cổ đến giờ rất là tôn-trọng cái đức hiếu-hạnh. Sách *Hiếu-kinh* rằng: « Trong năm phép hình có đến ba nghìn điều, mà không tội gì nặng hơn tội bất-hiếu. » Sách *Châu-lễ* có tám điều hình mà cái hình bất-hiếu là thứ nhất. Lại như cái cảnh sinh-hoạt của gia-tộc mà được viên-mãn, nó cũng là cái cơ sở đạo-đức, có cái nết tốt rất hay, như quẻ *Gia-nhân* trong kinh *Dịch* nói rằng: « Con gái chính-vị ở trong, con trai chính-vị ở ngoài; trai gái chính-đáng là nghĩa lớn của trời đất vậy. » Lại bảo rằng: « Gia-đạo có chính thì thiên-hạ mới bình. » Cũng là ý ấy vậy.

Cái quan-niệm về tôn-giáo chỉ tin theo mệnh trời, cùng với cái tinh-thần của chủ-nghĩa gia-tộc, hai cái ấy một cái kinh, một cái vĩ, nó chi-phối hết cả tư-tưởng của dân-tộc nước Tàu đã lâu; cho đến những việc chính-trị, văn-học, tôn-giáo, đạo-đức, cùng là mọi hiện-tượng văn-minh đều phải chịu cái ảnh-hưởng ấy cả.

Cái tư-tưởng của Nghiêu Thuấn. — Đời Đường đời Ngu đạo-đức với chính-trị vẫn mật-thiết quan-hệ với nhau; bảo rằng muốn trị thiên-hạ thì tất trước phải sửa lấy thân mình, rồi sau khuếch-sung cái đức mình ra cảm-hóa đến cả chín họ, rồi đến cả trăm quan, và cảm-hóa đến cả muôn dân. Ấy cái tư-tưởng Nho-giáo trước phải sửa mình rồi sau mới trị người là uyên-nguyên từ đó. Vì khi ấy vẫn lấy làm đạo-đức với chính-trị không thể phân-ly nhau được, cái tư-tưởng côn-bản về đạo-đức, tức là cái gốc lớn của chính-trị. Vua Nghiêu truyền đến vua Thuấn, nghĩ rằng cái yếu-đạo về chính-trị là cốt ở một chữ « *trung* 中. » Sách *Luận-ngữ* thiên *Nghiêu viết* chép rằng: « Vua Nghiêu có gọi ông Thuấn bảo rằng cái lịch-số của Trời đã trao cho ngươi, thì ngươi phải tin giữ lấy đạo trung; nếu để cho bốn bể khốn-khổ, thì hết mất lộc Trời đó. » Hai chữ « chấp-trung 執中 » đó là cái tư-tưởng trung-tâm của vua Nghiêu mà là cái gốc lớn về việc làm chính, và là cái tư-tưởng côn-bản về đạo-đức vậy. Ông Thuấn cũng lấy cái đạo trung ấy truyền cho ông Vũ và nói thêm ra ba câu nữa thì ý-nghĩa lại càng rõ hơn, như là bảo rằng: « Nhân-tâm rất nguy-hiểm, đạo-tâm rất tế-vi, phải cốt tinh-nhất, mà tin giữ lấy đạo trung ». Cái tư-tưởng về đạo trung ấy truyền mãi đến nhà Hạ nhà Ân, nhà Châu ba đời, thực là một cái tinh-tủy về đạo-đức, các bậc thánh-hiền lịch-đại vẫn truyền thụ cho nhau, đến ông Tử-Tư 子思 mới làm thành ra sách *Trung-dung* 中庸. Nhưng cái chữ « trung 中 » và tư-tưởng côn-bản Nho-giáo mà tự vua Nghiêu Thuấn phát ra đó, nó là nghĩa gì, các nhà học-giả đời sau giải-thích ra cũng nhiều. Thầy Tử-Tư bảo rằng: « Những điều mừng, giận, thương, vui khi nó chưa phát ra thì còn là đạo trung. » Thầy Trình bảo rằng: « Không thiên-lệch là *trung*, trung là chính-đạo của thiên-hạ; không di-dịch được là *dung*, dung là cái lẽ nhất-định của thiên-hạ ». Thầy Chu-tử bảo rằng: « *Trung* là không thiên không dựa bên nào, mà là không quá không bất-cập; *dung* nghĩa là bình-thường. » Đến các nhà Tống-nho giảng về nghĩa chữ *trung* lại thêm có cái ý-vị về triết học cũng nhiều. Nhưng ý-nghĩa chữ *trung* cũng chẳng

sâu-xa cao-diệu gì, chẳng qua lúc xử-sự đừng thiên về cực-đoan quá, chỉ theo cái phương pháp thích-nghi mà làm vậy thôi.

Đạo trung là cái tư-tưởng căn-bản của Nghiêu, Thuấn, nay muốn cho mọi người đều thực-hiện cái lý-tưởng về đạo trung, thì phải kể rõ ra mọi đức cho đủ. Nên khi ông Thuấn sai ông Tiết làm quan Tư-đồ để truyền-bá năm điều dạy ; lại sai ông Qui làm quan Điển-nhạc, lấy bốn đức dạy cho các con em qui-tộc. Năm điều dạy là cha phải giữ cho có nghĩa, mẹ phải giữ cho có từ, anh phải thuận, em phải kính, làm con phải hiếu. Bốn đức là đức trực mà ôn-hòa, đức khoan mà nghiêm-trang, đức cương mà không trái ngược, đức giản mà không ngạo-mạn. Bốn đức ấy đến ông Cao Giao 皋陶 lại càng giảng kỹ hơn, đến đời vua Hạ Vũ mới sắp đặt làm ra thiên *Hồng-phạm cửu-trù*.

Những người hiền về đời Đường Ngu. — Đời Đường đời Ngu có nhiều kẻ hiền-tài xuất-hiện, mà nhất là các quan đời vua Thuấn lại nhiều người giỏi lắm ; những người có danh tiếng như là ông Vũ 禹, Cao Giao 皋陶, Qui 夔, Tiết 契 ; lại còn như ông Tắc 稷, Thủy 垂, Ích 益, Bá-Di 伯夷, Long 龍, Trọng-Kham 仲堪, Qui-Trọng 季仲, Bá-Hổ 伯虎, thực là nhiều kẻ hiền tài vậy.

Cao Giao. — Ông Cao Giao là một bậc thạc-học đời Đường Ngu, cùng với ông Vũ đều là bậc hiền-triết. Lục Tượng-sơn có khen Cao-Giao rằng : «Cái khoảng đời Đường đời Ngu thì đạo ở ông Cao Giao ; cái khoảng đời Ân đời Châu thì đạo ở ông Cơ-tử. » Nay những sự-tích còn thấy chép ở kinh *Thư* như thiên *Thuấn-điển*, *Cao-Giao-mô*, *Ích-tắc*, và trong sách *Luận-ngữ*, *Mạnh-tử*, Ông Cao Giao có bàn về cái đạo dùng kẻ nhân-tài, thì cho rằng tính nết người ta phân ra có chín đức : 1) Đức khoan mà nghiêm-trang ; 2) đức nhu mà hay tự lập ; 3) đức cẩn-nguyện mà hay khiêm cung ; 4) đức trị được loạn mà hay kính-cẩn ; 5) đức thuần mà hay cương-nghị ; 6) đức trực mà hay ôn-hòa ; 7) đức giản mà liêm-chính ; 8) đức cương mà đốc-thực ; 9) đức cường mà biết nghĩa. Người nào trong chín đức mà hay sáng được ba đức thì cho làm quan đại-phu, sửa được sáu đức thì cho làm vua chư-hầu, hoàn-toàn cả chín đức thì mới là có cái tư-cách thiên-tử. Xem thế thì đời ấy về cách giáo-huấn cũng đã kỹ-càng, mà về đường đạo-đức tư-tưởng cũng đã phát-đạt, tin như lời nói của Lục Tượng-sơn không phải là quá vậy.

3) Tư-tưởng luân-lý về đời Tam-đại. — Xét qua về lịch-sử. — Tam-đại là từ đời Hạ đời Ân đến đời Châu trải hơn một nghìn chín trăm năm. Sau vua Thuấn mà lên nối ngôi là vua Vũ 禹 nhà Hạ. Dân-tộc nước Tàu về đời cổ, thì cứ ở theo ven bờ sông Hoàng-hà, thường bị phải cái hại nước lớn, mà nhất là vua Nghiêu, nước lớn lên có cái thế quanh bọc cả gò núi. Khi ấy vua lấy làm lo phải tìm người để trị thủy, mới cho ông Cổn 鯀 đi trị thủy chín năm mà không thành-công. Khi ông Thuấn mới lên ngôi, bèn bỏ ông Cổn đi mà sai con ông ấy là ông Vũ nối lấy nghiệp cha. Ông Vũ mới đem hết cả toàn-lực để đi trị-thủy, thực là khổ tâm lo nghĩ đến ba năm mới bình trị được cái nạn nước lớn, khi ấy ông Vũ ba lần qua cửa nhà mình mà không kịp vào. Ông Vũ đã có công nghiệp đi trị-thủy, sau lại giúp vua Thuấn thi-hành được nhiều thiện-chính, muôn dân đều mến cái đức ông Vũ, vua Thuấn mới tiến lên trời mà cho nối ngôi. Ông Vũ cũng là một bậc thánh-nhân nối sau. Nghiêu Thuấn, được người đời sau tôn kính. Khi ông Vũ mất đi rồi, con là Khải 啓 lên nối ngôi vua. Ông Khải cũng là người tài đức gồm đủ, lại hay khéo nối được nhân-chính của vua Vũ, dân-tâm đều

hưởng theo cả. Khi ông Vũ còn đã từng tiến một người hiền là ông Ích lên trời mà định truyền ngôi cho ; đến khi vua Vũ mất, muôn dân lại ca-tụng ông Khải hơn ông Ích, ông Khải phải theo lòng dân mà lên ngôi vua. Từ đó mới thành ra cái lệ thế-tập cứ truyền cho con cháu đời đời nối ngôi vua mãi. Kịp đến ông vua bạo-ngược vô-đạo như chúa Kiệt, dân-tâm không theo nữa mới bị phải vua nhà Ân là Thành-Thang diệt đi. Nhà Hạ từ đời vua Vũ đến chúa Kiệt truyền 17 đời, trải 431 năm mới mất.

Đời Ân vua Thành Thang 成湯, họ Tử 子 tên là Lý 履, là dòng dõi con cháu ông Tiết đời Ngu Thuấn. Khi ông Thang mới lên ngôi, thì bị phải bảy năm đại-hạn, cây lúa khô cả. Quan thái-sử xem bói bảo rằng muốn tránh thiên-biến thì phải lấy người làm muông hi-sinh để cầu đảo. Ông Thang nghĩ rằng ta chỉ mong cứu lấy dân trong thiên-hạ, không lẽ nào lại đem người làm hi-sinh ; nếu không thôi được thì mình tự đương lấy mà làm hi-sinh ; mới trai-giới tắm gội, rồi đi ra cánh đồng Tang-lâm, tự kể ra sáu điều tệ-chính để trách mình, mà cầu mưa cho muôn dân. May sao trời lại vụt vậy đùn mây, ầm vậy đổ mưa, thấm-nhuần được đến và nghìn dặm. Lại được có kẻ hiền-thần là ông Y-Doãn giúp đỡ, thi-hành nhân-chính, muôn dân đều ca-tụng công-đức. Khi ông Thang mất rồi, con cháu cứ nối đời làm vua mãi, đến chúa Trụ làm tàn-nhẫn bạo-ngược quá, để cho nhân-dân thất-vọng, nên dân tâm mới theo về ông Châu Xương. Sau khi ông Xương 昌 mất rồi, con là ông Phát 發 mới đem quân đi đánh vua Trụ, chúa Trụ phải tự sát. Từ đời vua Thang đến chúa Trụ truyền đến 31 đời, trải 628 năm thì nhà Ân mới mất.

Vua Nhà Châu là ông Phát 發, họ Cơ 姬, dòng-dõi ông Hậu-Tắc là con họ Cao-Tân đời vua Đế-Cốc. Đời sau gọi ông Phát là Võ-vương, cha ông Phát tên là Xương thì gọi là Văn-vương. Vua Văn vua Võ là những bậc vĩ-đại nhân-vật làm vững bền cho nền nước. Sau khi vua Võ-vương mất rồi con cháu vẫn nối đời làm vua. Song trải qua số năm dã lâu, kỷ-cương thứ đệ đều bỏ nát cả, nhà vua đã hiện ra cái triệu suy-vi. Khi ấy bên trong thì thế-lực các nước chư-hầu càng tăng lên, uy-lệnh nhà vua không thi-hành được nữa ; bề ngoài thì giặc Khuyển-nhung thường đến bức hiếp ngoài cõi. Đến mười ba đời là vua Bình-vương nhân tránh nạn rợ Khuyển-nhung mới bỏ cái đất căn-cứ dã mấy đời là Cảo-kinh mà thiên-đô sang đất Vương-thành ấp Lạc, mới biệt ra làm nhà Đông-Châu. Về thời-đại ấy gọi là Xuân-thu 春秋 thời-đại. Cái tên đời Xuân-thu cũng bởi tự đức Khổng-tử làm ra kinh *Xuân-thu* về lúc bấy giờ để tỏ rõ những kẻ tà chính thiện ác mà làm khuyên răn vậy. Khi ấy nhà vua chỉ là hữu danh vô thực, các nước chư-hầu đều tranh cướp quyền-thế lẫn nhau, thực là một đời quần-hùng cát-cứ. Trong nước Tàu khi ấy có phân ra những nước có thế-lực là nước Lỗ 魯, Vệ 衛, Tấn 晉, Trịnh 鄭, Tào 曹, Sái 蔡, Yên 燕, Tề 齊, Tống 宋, Trần 陳, Sở 楚, Tần 秦, cộng là mười hai nước. Sau khi ấy lại có nước Ngô có thế-lực cũng mạnh. Trong mười hai nước trên ấy, nước nào có thế-lực mạnh hơn cả đứng đầu các nước chư-hầu, thì có vua Hoàn-công nước Tề, vua Tương-công nước Tống, vua Văn-công nước Tấn, vua Mục-công nước Tần, vua Trang-vương nước Sở, người đời gọi là năm đời bá. Từ vua Uy-liệt trở về sau nhà Châu lại càng suy kém, nước Chư-hầu tuy thuộc về nhà Châu, nhưng chính-trị mỗi nước một khác, vả lại thời thường động đến binh-qua để tranh lấy quyền thế, trong thiên-hạ đã thành ra cái cuộc cá lớn nuốt cá con. Đời ấy gọi là đời Chiến-quốc 戰國. Những nước yếu

đã bị nước mạnh thôn-tính đi, dần dà diệt vong hết cả, mười-hai nước đời Xuân-thu chỉ còn lại có ba nước là nước Tần nước Sở nước Yên. Lại mới sinh ra bốn nước nữa là nước Tề, nước Hàn, nước Triệu, nước Ngụy. Nhà Đông-Châu từ đời vua Uy-liệt, trải đến An-vương, Liệt-vương, Hiển-vương, Thận-Tĩnh-vương rồi đến Noãn vương, thì nhà Châu bị phải nhà Tần diệt mất. Nhà Châu từ đời vua Võ-vương đến Noãn-vương truyền 37 đời, trải 867 năm.

Những người hiền đời Tam-đại — Hạ, Ân, Châu ba đời đều là đời thịnh-trị gần bằng đời Đường, Ngu, người đời sau ai cũng hâm-mộ. Đời ấy cũng nhiều bậc hiền-tài, nhà Hạ thì có vua Đại-Vũ, nhà Ân thì có vua Thành-Thang, nhà Châu thì có vua Văn-vương, Võ-vương, Châu-công đều là bậc vua thông-minh cả ; ở dưới lại có nhiều người hiền phò-tá như là ông Y-Doãn 伊尹, ông Cơ-tử 箕子, xuất-hiện ra nhiều kẻ hiền-thần lắm. Cái giáo-nghĩa về tồ-thuật với tập-thành vốn là cái nền Nho-học ; mà văn-hóa của dân-tộc Tàu khi ấy lại thêm ra một vẻ quang-huy là tự đức thánh Khổng-tử cũng sinh đời ấy. Những các bậc thánh hiền trước Khổng-tử phần nhiều đều thực-hành cái chủ-nghĩa của mình hoài-bão để đem ra làm sự-nghiệp có ích cho muôn dân, song thuật lại ý-kiến để làm ra học-thuyết thì rất là ít. Thế thì cái việc tập-thành tất cả các đạo của quần-thánh mà làm ra học-thuyết thì phải nhờ về Khổng-tử. Nay lược-thuật những tư-tưởng về công-trạng cốt yếu của các vị thánh hiền đời Tam-đại như sau, và lược kể cái sự thực về cõi tư-tưởng nước Tàu trước khi Khổng-tử xuất-hiện.

Vua Đại-vũ 大禹. — Vua Đại-vũ trị nạn hồng-thủy, thi-hành thiện-chính, là một vị hiền lên ngôi vua. Ông ấy suốt đời tiếc từng tấc bóng, hết sức làm về sự-nghiệp xã-hội, lấy kiêm-ái lợi chung, cần-kiệm lực-hành làm cốt. Đời sau Mặc-tử rất tôn-sùng chủ-nghĩa ấy, cho ông Vũ là một bậc nhân-vật đáng làm khuôn phép không ai hơn, thế là lấy cái đạo đời nhà Hạ mà làm cái lý-tưởng về đạo-đức vậy. Song ông Vũ không những là có công trị-thủy và lại có cái sự-nghiệp xã-hội đều tỏ ra công-trạng rõ-ràng, mà lại hay sắp đặt lấy cái khuôn-phép về đạo-đức chính-trị tự đời cổ, làm ra thiên *Hồng-phạm cửu-trù* 洪範九疇.

Thiên *Hồng-phạm cửu-trù* là nói về cái phép lớn của các vị đế-vương trị thiên-hạ, *Hồng-phạm* nghĩa là cái phép lớn, kể ra có chín việc nêu gọi là cửu-trù : 1) *Năm hành* 五行 : Thủy 水, hỏa 火, mộc 木, kim 金, thổ 土. 2) *Năm việc* 五事 : Mạo 貌 (dung-nghi), ngôn 言 (văn-từ), thị 視 (trông), thính 聽 (nghe), tư 思 (nghĩ). 3) *Tám chính* 八政 : Thực 食 (thức ăn), hóa 貨 (của dùng), tự 祀 (cúng tế), tư-không 司空 (coi việc thổ-mộc), tư-đồ 司徒 (coi việc lễ-giáo), tư-khấu 司寇 (xét việc gian trộm), tân 賓 (kính lễ tân-khách), sư 師 (tập luyện quân lính). 4) *Năm-kỷ* 五紀 : Năm 歲, tháng 月, ngày 日, tinh-thần 星辰, lịch-số 曆數. 5) *Hoàng-cực* 皇極 (cái nêu chính-trung lớn ở giữa). 6) *Ba đức* 三德 : Đức chính-trực 正直, đức cương-khắc 剛克, nhu-khắc 柔克. 7) *Xét ngờ* 稽疑 : Bói rùa 卜, bói cỏ thi 筮. 8) *Mọi điềm trưng-nghiệm* 庶徵 : Mưa 雨, nắng 暘, ấm 燠, rét 寒, gió 風, đều phải thời 時. 9) *Năm phúc* 五福 với *sáu-cực* 六極. *Năm phúc* là thọ 壽 (sống lâu), phú 富 (giàu), khang-ninh 康寧 (không ốm đau), yêu mến những điều phúc-đức tốt 攸好德 và được lệnh chung tử-tế không chết non 考終命. *Sáu cực* là gặp sự hung mà chết non yểu 凶短折, đau gớm khổ-sở 疾,

mắc nhiều sự lo 憂, nghèo khốn 困, trạng-mạo xấu-xa 惡, chí-lực hèn yếu 弱.

Hồng-phạm cửu-trù kể ra như trên là những điều cương-lĩnh về đạo đức chính-trị tự đời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang truyền lại. Phàm những điều tư-tưởng căn-bản của Nho-giáo trước phải tu đức rồi suy ra trị thiên-hạ, đều bao-quát cả ở trong chín trù ấy, trong chín trù mà có quan-hệ mật-thiết trực tiếp với luân-lý thì có bốn trù là : năm việc, hoàng-cực, ba đức và năm phúc sáu cực. Năm việc thì bao-quát cả mọi sự hành-động, như là dung-mạo thì phải có đức nghiêm-kính ; ngôn-từ thì phải có lẽ khả theo ; trông thì phải có đức sáng soi, nghe phải có đức thông-suốt, nghĩ phải có đức tinh-vi ; dung-mạo có nghiêm thì trong tâm mới hay kính, ngôn từ phải lẽ thì việc chính mới khả trị được, trông có sáng thì soi xét mới suốt, nghe có thông thì mưu-tính mới thành, nghĩ có tinh-vi thì mới là thánh không việc gì mà chẳng thông, như thế thì việc gì mà chẳng làm được tận-thiện. *Hoàng* 皇 nghĩa là lớn, *cực* 極 nghĩa là trung, là cái nêu đại-trung chí-chính làm tiêu-chuẩn ở giữa. Làm ông vua thì phải lập cái tiêu-chuẩn cho đạo nhân-luân, đối với đạo cha con thì phải cực là thân, để cho những người cha con trong thiên-hạ đều coi đó mà bắt-chước ; đối với đạo vợ chồng thì phải cực là phân-biệt, để cho những người vợ chồng trong thiên-hạ đều coi đó mà bắt chước ; đối với đạo anh em thì cực là thân yêu, để cho những người làm anh em trong thiên-hạ đều coi đó mà bắt chước ; cho đến một sự-vật gì khi giao-tiếp, một ngôn-ngữ, một hành-động gì khi phát ra, đều rất đúng mực về cái nghĩa-lý đương-nhiên, không có một ly gì là quá với bất-cập, như thế là hoàng-cực đã lập nên chuẩn-đích rồi vậy. Kẻ thứ-dân hành-vi mà hay hợp về cái tiêu-chuẩn đại-trung chí-chính ấy thì được thụ phúc, kẻ nào trái ngược thì phải thụ họa. Muốn cho nhân-dân phụ theo không sinh ra tà-đảng, thì ông vua phải lấy sự hành-vi mà làm nêu lên trước, để cho dân cứ thủ-chính ở đó mà theo ; mà cái cách họa phúc thưởng phạt của vua cũng phải theo cái tiêu-chuẩn đại-trung chí-chính ấy mà làm. Đó là cùng với cái tư-tưởng về đạo « trung » tự vua Nghiêu, Thuấn, Vũ truyền-thụ cho nhau, cũng cùng một tinh-thần vậy. Cho nên trong chín trù ông Vũ rất chú-trọng về trù Hoàng-cực, mà để vào bậc chính-trung. Ba đức là đức chính-trực, đức cương và đức nhu. Chính là vô-tà, trực là không cong. Khi người đời bình-yên không cần phải kiểu-chính cho lắm, thì chỉ dẫn bảo cho cái đức chính-trực, là đã theo về đạo trung rồi. Nhưng có khi không được bình-khang mà phải cần kiểu-chính, thì hoặc là lấy cương-khắc hay lấy nhu-khắc. *Khắc* 克 nghĩa là trị. Những kẻ nào cường-ngạnh không thuận thì lấy đức cương mà trị, khiến cho theo về đạo trung, thế là lấy cương mà trị cương vậy. Kẻ nào hòa-nhu mềm thuận quá thì lấy đức nhu mà trị, khiến cho đắc-trung, thế là lấy nhu mà trị nhu vậy. Lại như cái tính thâm-trầm tiềm-thoái, là bất-cập đạo trung, thì phải lấy cương mà trị cho đắc-trung, thế là lấy cương mà trị nhu vậy. Nếu như cái tính cao-minh mà quá với đạo trung, thì lấy nhu mà trị khiến cho đắc-trung, thế là lấy nhu mà trị cương vậy ; ấy cái ý cốt yếu là đại-khái như thế. Nói tóm lại lấy ba đức trị người thì phải tùy-thời chế-nghi, cốt khiến cho nó đắc-trung mà thôi. Còn như năm phúc với sáu cực, cái mục-đích cốt để khuyên người thiện răn kẻ ác. Năm phúc thì ai cũng rất ham muốn, sáu cực thì ai cũng rất là ghét, nhưng tất phải làm thiện rồi sau mới được thụ phúc, phải răn chừa điều ác

đi để tránh khỏi sáu cực. Nếu ông vua hay lấy năm việc sửa mình, nêu lên cái đạo trung-chính lấy thân mình làm khuôn phép; lại hay sửa năm hành, chỉnh tám chính, trị năm kỷ, khiến cho dân đều đắc-sở cả; rồi dạy bảo cho năm đạo luân-thường; tùy cái tính nó khác nhau, hoặc cứ thuận chiều mà dẫn-bảo, hoặc phải lấy cương, hoặc phải lấy nhu, liệu mà kiền-chính những điều thiên-lệch, cho nó qui về chí-thiện; và lại có những cách bói rùa bói cỏ thi để chất-chính sự ngờ, xét việc mưa gió và những điềm chiêm-nghiệm khác, mà nhiếp-lý khí âm dương cho điều-hòa, như thế thì thiên-hạ tự bình-trị vậy. Đó là những điều yếu-điểm trong thiên *Hồng-phạm cửu-trù*, trải từ đời Hạ, đời Ân đến đầu đời Châu, do ông Cơ-tử 箕子 mới truyền cho ông Võ-vương vậy.

Thành-Thang 成湯 và *Y-Doãn* 伊尹.— Thành-Thang là một ông vua sáng nghiệp đời nhà Ân; Y-Doãn là một bầy tôi hiền giúp vua Thang làm nên công việc chính-trị. Vậy nên nói vua Thang thì phải nói đến Y Doãn, mà nhắc đến Y Doãn thì phải nhớ vua Thang, hai người rất có mật-thiết quan-hệ với nhau. Những lời nói với nết làm của vua Thang với Y Doãn thì thấy chép ở thiên *Thang-thệ* sách *Thượng-thư* và sách *Mạnh-tử* cùng là sách *Ân bản-kỷ* thuộc *sử-ký*. Những điều trời người quan-hệ về tư-tưởng đạo-thống tự đời Nghiêu Thuấn truyền lại, đến vua Thang với Y Doãn nói ra càng kỹ lắm. Y Doãn nói rằng: « Trời sinh ra dân này, khiến kẻ tiên-tri cảnh-tỉnh kẻ hậu-tri, khiến kẻ tiên-giác cảnh tỉnh kẻ hậu-giác. Ta là kẻ thiên dân tiên-giác, ta phải đem cái đạo ấy mà cảnh-tỉnh cho dân ấy, chẳng phải ta cảnh-tỉnh cho thì là ai?» Đó là nói rõ rằng trời sinh dân ra là phải dạy bảo cho dân biết, nhưng trời không thể trực-tiếp chi-phối mà dạy bảo khắp cả cho dân được, tất phải lập ra ngôi thiên-tử để làm thầy chi-phối cả vạn dân, mà dạy bảo cho dân biết. Thiên *Thang-thệ* nói rằng: « Vua Hạ Kiệt mắc nhiều tội, ta vâng theo mệnh phải giết đi. » Lại rằng: « Hạ Kiệt có tội, ta sợ thượng-đế không thể không lấy chính-nghĩa mà trị tội được. » Lại rằng: « Các ngươi giúp ta, phụng mệnh trời để đi đánh kẻ có tội. » Đó là nói trời có cái quyền ra mệnh lệnh thưởng phạt vậy. Đời vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ theo lễ thiện-nhượng mà truyền ngôi cho nhau; đến đời vua Thang mới dùng cái thủ-đoạn cách-mệnh đánh vua Kiệt nhà Hạ, để dựng quốc-gia, vậy nên đối với mệnh trời cần phải giải thích một cách mạnh mẽ nghiêm-túc.

Cơ-tử 箕子. — Ông Cơ-Tử là một người trong ba người nhân 仁 đời nhà Ân, đức Khổng-tử đã từng khen; ông ấy là họ nhà vua, gặp phải đời chúa Trụ bạo-ngược, ông mới giả cách rồ làm kẻ nô, chịu nhẫn-nhục để sống qua đời loạn mà truyền lấy đạo lớn. Về sau nhà Ân mất đi rồi, ông không chịu ra làm quan nhà Châu, tự-trọng giữ cho sạch mình, mới trốn sang ở nước Triều-tiên. Sách *Sử-kỷ* chép rằng: « Vua Võ-vương đánh được nhà Ân rồi, mới mời ông Cơ-tử ra hỏi về đạo trời. Ông ấy mới làm ra thiên *Hồng-phạm* để điều-trần. » Đại-cương thiên *Hồng-phạm* là tự vua Vũ thuật ra, còn tế-mục thì tự Cơ-tử phu-diễn ra vậy. Cho nên Lục Tượng-sơn khen đời Đường đời Ngu có ông Cao-Giao, mà đời Tam-đại thì có ông Cơ-tử, đều là hai bậc đại-hiền đời cổ vậy.

Văn-vương 文王, *Võ-vương* 武王 *và Châu-Công* 周公. — Vua Văn vua Võ và Châu-Công là bậc nhân-vật lý-tưởng về phái nhà Nho. Ông Khổng-tử vẫn thường tổ-thuật đạo vua Nghiêu vua Thuấn, hiến-chương phép vua

Văn vua Võ, mà lúc nào cũng thường mơ-màng tưởng đến Châu-Công. Thầy Tử-Tư thầy Mạnh-tử cũng thường khen vua Văn vua Võ và Châu-Công. Vì rằng đời vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thanh tuy là bậc vĩ-nhân kẻ nho-giả vẫn sùng-bái, nhưng sự-tích các ông ấy nhiều chỗ mập-mờ lắm. Duy tự vua Văn vua Võ và Châu-công ba bậc thánh-nhân ấy cách đời Khổng Mạnh không xa mấy, mà những sự tích và giáo-nghĩa, so sánh lại vẫn còn xác-thực lắm, lấy ba bậc thánh ấy mà so với địa-vị các vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang lại có phần trọng-đại hơn. Nếu trên đường giáo-học mà lấy đức Khổng-tử làm bậc đại-thánh về Nho-đạo, thì trên đường sự-công phải lấy Văn, Võ, Châu-công làm bậc đại-thánh về Nho-giáo vậy.

Văn-vương và Châu-công. — Văn-vương, Châu-công hai ông ấy phu-diễn về nghĩa kinh *Dịch* tự đời Phục-Hi truyền lại mà tập cả đại-thành. Ông Châu-công lại hay tổ-chức ra những việc lễ nhạc chính hình đời vương-giả rất chỉnh-đốn ; lại lấy điều lễ cho là một đạo-đức của xã-hội rất là trọng-thể. Đức Khổng thường khen chế-độ của Châu-công mà rằng : « Đời nhà Châu soi xét về lễ-chế của hai đời Hạ Ân mà tổ-chức ra một chế-độ, rất là rực rỡ văn vẻ lắm thay ! » Về sau thầy Tử-Tư, Mạnh-tử cũng thường nói đến việc lễ, mà Tuân-tử lại lấy điều lễ cho là cái côn-bản lập giáo, cái uyên-nguyên tư-tưởng ấy đều khởi-phát tự Châu-công.

4) *Sách Châu-Dịch.* — Kinh *Dịch* thuật hết cả cái lý-pháp của tam-tài là trời, đất, người, đó là bởi đấng thánh-nhân ngày xưa ngửa lên xem thiên-văn, mà cúi xuống xét địa-lý, rồi miêu-tả hết cả bách-ban hiện-tượng trong vũ-trụ và đời người. Kinh *Dịch* chính là cái nguồn tư-tưởng của người Tàu, nay muốn khảo về triết-học hay là luân-lý-học của nước Tàu, thì phải thông-hiểu ý-nghĩa kinh *Dịch*, vậy nên ông Khổng hết sức học kinh *Dịch*, đến ba lần đứt cả lề sách, cốt để phát-minh lấy nghĩa-lý kinh ấy vậy.

Cách biên-tập ra kinh Dịch. — Kinh *Dịch* khởi nguyên trước tự ông Phục-Hi vạch ra tám quẻ ; đến đời Tam-đại mới có ba pho kinh *Dịch* là sách *Liên-sơn* 連山, sách *Qui-tàng* 歸藏 và sách *Châu-Dịch* 周易. Sách *Liên-sơn* là kinh *Dịch* đời nhà Hạ, *Qui-tàng* là kinh *Dịch* đời nhà Ân, *Châu Dịch* là kinh *Dịch* đời nhà Châu. Song sách *Liên-sơn Qui-tàng* nay đã thất-truyền mất rồi, duy còn có sách *Châu-Dịch* ; những sách *Liên-sơn Qui-tàng* mới xuất-hiện sau này, đều là ngụy cả. Hiện còn sách *Châu-Dịch* này thì có sáu-mươi tư quẻ, mỗi quẻ có lời miêu-tả gọi là *quái-từ* 卦辭 với *hào-từ* 爻辭, lại có mười bài giúp thêm nghĩa gọi là *thập-dực* 十翼. Sáu-mươi tư quẻ ấy phân ra làm *Thượng-kinh* 上經 với *Hạ-kinh* 下經. Lại quái-từ có tên gọi là lời Thoán 彖. Hào-từ có tên gọi là lời Tượng 象. Mười dực tức là *Thượng-Thoán* 上彖, *Hạ-Thoán* 下彖, *Đại-Tượng* 大象, *Tiểu-Tượng* 小象, *Văn-ngôn* 文言, *Thượng-Hệ-từ* 上繫辭, *Hạ Hệ-từ* 下繫辭, *Tự-Quái* 序卦, *Thuyết-Quái* 說卦, *Tạp-Quái* 雜卦. Lời *Thượng-Thoán* thì nói về nghĩa quái-tượng thượng-kinh; lời *Hạ-Thoán* thì nói về nghĩa quái-tượng hạ-kinh ; *Đại-tượng* nói về tượng các quẻ ; *Tiểu-tượng* nói về tượng các hào ; lời *Văn-ngôn* giải-thích về nghĩa hai quẻ *Kiền Khôn* ; lời *Thượng-hệ* và *Hạ-hệ* thì tản về nghĩa kinh *Dịch* ; lời *Tự-quái* thì thuật theo cái thuận-tự sáu-mươi tư quẻ ; lời *Thuyết-quái* thì cắt nghĩa về từng quẻ ; *Tạp-quái* là thuật những lời tạp-thuyết. Biên-tập ra kinh *Dịch* có nhiều thuyết khác nhau, thông-thường thì người ta cho rằng vua Văn-

vương làm ra lời *Thoán*, ông Châu-công làm ra lời *Hào*, đức Khổng-tử làm ra mười dực. Nhưng trong mười dực văn-tự nhiều chỗ chi-li liệt-diệt, mà nhất là những lời *Hệ-Từ*. Vả lại trong sách *Luận-ngữ*, đức Khổng chỉ thường khen thịnh-trị đời vua Nghiêu Thuấn, chứ không khen những đời trước Nghiêu Thuấn. Trong truyện *Hệ-từ* thì không thế, lại bàn đến cả những việc đời vua Phục-Hi, Toại-Nhân, Thần-Nông. Vậy nên mười dực chắc không phải là Khổng-tử làm ra. Trong mười dực bốn thiên trước với sáu thiên sau văn-chương khác nhau lắm, thế thì toàn-thể mười dực chắc không phải là tay một người làm ra. Tuy rằng mười dực không biết tự người nào làm, nhưng xét ra những lời Quái-từ và Hào-từ cùng với mười dực cũng không phải là tay một người, Hào-từ với Quái-từ các nhà học-giả vẫn nhận cho rằng làm ra từ đầu đời Châu.

Danh-nghĩa kinh Dịch. — Danh-nghĩa kinh *Dịch* hàm có ba nghĩa: Nghĩa thứ nhất, *Dịch* là biến-dịch. Vì rằng kinh *Dịch* thuật những hiện-tượng trong vũ-trụ thiên-biến vạn-hóa vô-cùng, và những sự thực trong xã-hội thường thay đổi luôn, cho nên gọi là biến-dịch. Nghĩa thứ hai là bất-dịch. Tuy rằng hiện-tượng của loài người và trong vũ-trụ vẫn thường lưu-động luôn, nhưng trong khoảng biến-hóa vẫn có cái lẽ nhất-định bất-dịch, cho nên gọi là bất-dịch. Nghĩa thứ ba là giản-dị. Thông suốt cả các lẽ hiện-tượng của loài người và trong vũ-trụ, mà vẫn là giản-dị minh-bạch, cho nên gọi là giản-dị.

Nguyên-lý kinh Dịch. — Kinh *Dịch* cho rằng cái lý-pháp nhất-định bất-dịch ở trong khoảng trời đất là âm-dương hai nguyên-khí, có khí âm-dương mới sinh ra thái-cực. Lời truyện *Hệ-từ* rằng: « *Dịch* có khí thái-cực, rồi mới sinh ra hai nghi; hai nghi sinh ra bốn tượng; bốn tượng sinh ra tám quẻ. » Hai nghi tức là khí âm với khí dương. Mà thái-cực cũng tức là âm-dương hai nguyên-khí, rồi sinh ra bốn tượng, tám quẻ, tám quẻ lại trồng lên sinh ra sáu-mươi tư quẻ, đó là cái nguyên-lý kinh *Dịch* vậy. Xem thế thì kinh *Dịch* gọi là thái-cực chẳng hay trỏ vào vật gì? Hai chữ thái-cực ý-nghĩa không được rõ lắm. Nhưng tham-khảo về tư-tưởng của những kẻ học-giả đời sau, thì cho thái-cực là một cái trạng-thái tuyệt-đối chứa phân-biệt gì cả, tức là nghĩa sách *Trung-dung* bảo rằng không có tiếng không có hơi vậy. Nhưng thái-cực tất-nhiên là phải sinh ra âm-dương, rồi phát-triển ra là bốn tượng, tám quẻ, thế thì thái-cực không phải là tĩnh-cực, nó vẫn có cái tính-chất hoạt-động. Vậy nên truyện *Hệ-từ* nói rằng « Sinh-sinh là lẽ kinh *Dịch*. » Cái thuyết xét về âm-dương quan-hệ thì nhiều nhà học-giả khác nhau: hoặc kẻ bảo rằng âm-dương là hai cái vật-thực, hoặc kẻ bảo rằng nó chỉ là một vật mà có hai mặt. Thầy Chu-tử bảo rằng: « Âm-dương chỉ là nhất-khí. Khi nào âm-dương lưu động tức là khí dương, khi nào âm dương ngừng tĩnh lại tức là khí âm, chứ không phải hai vật đối nhau. Nếu xét về khí âm dương lưu-hành thì là một; nếu xét về khí đối-đãi thì lại là hai. Như là mặt trăng với mặt trời, nước với lửa đều là hai. Hai khí phân ra mà tức là một khí vận-hành vậy. » Cứ theo như nguyên-lý kinh *Dịch* mà nói về âm dương lưỡng nghi, thì là nhị-nguyên luận; bao-quát cả âm dương mà qui về một nguyên khí thái-cực thì là nhất-nguyên-luận. Thầy Chu giải-thích âm dương là một nguyên-khí mà có hai mặt, như thế gọi là nhất nguyên nhị-diện-luận.

Kinh Dịch xét rộng đến cả vũ-trụ. — Nguyên-lý kinh *Dịch* là cái lý-pháp nhất-định bất-dịch ở trong khoảng trời đất; phàm những việc về nhân-

sự-giới, tự-nhiên-giới sinh thành ra ở trong vũ-trụ, không kỳ là lớn nhỏ, trước sau, tinh thô, trong ngoài, đều hàm ở trong cái lý-pháp ấy cả. Kinh *Dịch* mới lấy cái nguyên-lý ấy mà thuyết-minh cái lẽ sinh-thành trong vũ-trụ, cho rằng thái-cực là bản-nguyên của vũ-trụ ; do thái-cực mới sinh ra lưỡng-nghi là âm với dương ; do âm dương mới sinh ra bốn tượng là xuân, hạ, thu, đông ; do bốn tượng mới sinh ra tám quẻ là : *Kiền* 乾, *Đoài* 兌, *Li* 離, *Trấn* 震, *Tốn* 巽, *Khảm* 坎, *Cấn* 艮, *Khôn* 坤, đem tám quẻ ấy mà phối với hiện-tượng trong vũ-trụ thì là trời 天, trạch nước 澤, lửa 火, sấm 雷, gió 風, nước 水, núi 山, đất 地. Một quẻ lại sinh ra tám quẻ, rồi thành ra sáu-mươi tư quẻ, rồi sinh ra cả muôn vật. Kinh *Dịch* thuật về cái thứ tự muôn vật sinh-thành, xem đồ như sau này :

Thái-cực (gốc của vũ-trụ)	*Dương*	Xuân	Kiền . .	thiên
			Đoài . .	trạch
		Hạ	Li . . .	hỏa
			Trấn . .	lôi
	Âm	Thu	Tốn. . .	phong
			Khảm . .	thủy
		Đông	Cấn. . .	sơn
			Khôn . .	địa

Thuyết luân-lý của Kinh Dịch. — Nguyên-lý căn-bản của kinh *Dịch* ứng-dụng ra vô-cùng, nhất-thiết hiện trạng trong trời đất, có thể do âm dương hai nguyên-khí ấy mà thuyết-minh ra được hết. Xem như những tượng trời đất, nhật nguyệt, sáng tối, xuân hạ, thu đông, trước sau, trên dưới, cao thấp, cương nhu, mạnh yếu, động tĩnh, cát hung, phúc họa, quí tiện, tôn ti, đều là bởi âm dương lưu-động ra cả. Lại đến những điều quan-hệ về nhân-luân cũng có thể xét về nguyên-lý âm-dương mà nói ra được, như là đạo vua tôi, cha con, vợ chồng, trai gái, đều là có quan-hệ về âm-dương cả. Kinh *Dịch* cho rằng cái tượng trời đất tự-nhiên quan-hệ và cái quan-hệ về nhân-luân, cũng đều do một nguyên-lý ấy mà thuyết-minh ra cả, thế thì đạo trời đất cũng như đạo người vậy. Truyện *Tự-quái* có nói rằng : « Có trời đất rồi sau mới có muôn vật, có muôn vật rồi sau mới có trai gái, có trai gái rồi sau mới có vợ chồng, có vợ chồng rồi sau mới có cha con, có cha con rồi sau mới có vua tôi, có vua tôi rồi sau mới có trên dưới, có trên dưới rồi sau mới đặt ra lễ-nghĩa. » Nguyên là âm với dương tính-chất khác nhau, cho nên âm-dương phải giữ cái chính-vị của mình mà đều dụng ra cho phải đạo ; thế thì vua phải hết đạo vua, tôi phải hết đạo tôi, cha phải hết đạo cha, con phải hết đạo con, chồng phải hết đạo chồng, vợ phải hết đạo vợ. Truyện *Hạ-Thoán* quẻ *Gia-nhân* nói rằng : « Người trong nhà, con gái chính-vị ở trong, con trai chính-vị ở ngoài, trai gái chính-vị là nghĩa lớn của trời đất. Trong nhà có bậc nghiêm-quân tức là cha mẹ. Cha phải đạo cha, con phải đạo con, anh phải đạo anh, em phải đạo em, chồng phải đạo chồng, vợ phải đạo vợ, như thế thì gia-đạo mới chính, gia-đạo đã chính thì thiên-hạ yên. » Nhưng muốn giữ được chính-vị thì phải có đạo-lý, thế thì vua tôi phải xử cho có nghĩa, cha con phải xử cho có thân, vợ chồng phải xử cho có biệt, anh em phải xử cho hòa thuận. Truyện *Thuyết-quái* nói rằng : « Đấng thánh-nhân làm ra kinh *Dịch* là thuận theo cái lẽ về tính-mệnh, cho nên lập ra đạo trời thì là đạo âm với đạo dương, lập ra đạo đất là đạo nhu với đạo cương, lập ra đạo người thì là đạo nhân với đạo nghĩa. » Hai chữ nhân nghĩa là cái khuôn rất mực về đạo người, cùng với âm dương của đạo trời, cương nhu của đạo đất đều là đạo lớn của ba tài : Thiên, địa, nhân.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN HỮU-TIẾN dịch

GƯƠNG ĐẸP ĐÀN BÀ

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

(Kể về gái hiền-thục nhà khuê-các)

VII

Ra cửa không vào cửa công

Trần tiểu-thư tên là Chiêu Dung, con gái một viên Diêm-vận-sứ nhà Tiền-Thanh là Trần Côn-Sơn. Năm dân quốc thành-lập, Trần-ông cởi ấn về làm ruộng, của làm quan cũng được dồi-dào, hưởng-thụ thực có thừa vậy.

Chiêu-Dung sinh-trưởng chốn danh-môn, nên phú-quí đã có sẵn, nên yêu-kiều phụng-dưỡng đã thành thói quen. Tự thủa bé cha mẹ đã hứa gả cho một nhà họ Lại, là một nhà có chút dây rề họ hàng, môn-đang hộ-đối, thật là một cái nhân-duyên tối đẹp.

Chẳng bao lâu, không may vợ chồng Lại-ông đều mất, nhà họ Lại mới nửa vời sa-sút. Con là Lại Thành-Ngọc, rề chửa cưới của nhà họ Trần, bây giờ thật là cùng-đồ lạo-đáo, phải làm thuê gánh mướn để kiếm ăn lần hồi. Trần-ông thấy thế mới có ý bội-hôn, nhưng lại muốn xử một cách tròn nhũn cho khỏi mất lòng Lại Thành-Ngọc, mới lấy một số vàng lớn tặng cho mà ngỏ lời từ-hôn. Nhưng Thành-Ngọc không nghe, tỏ ý nguyện được vợ chứ chẳng nguyện được vàng. Trần-ông không biết làm thế nào, mới khiến Chiêu-Dung giả thác sự tu-hành, làm ni-cô ra ở chùa, ý định cự-tuyệt sự hôn-nhân của Lại Thành-Ngọc.

Chiêu-Dung thì vẫn ngày đêm năn-nỉ với cha, lấy sự bội-hôn là sự có can-phạm đến danh-dự nhà khuê-các mà can ngăn, nhưng Trần-ông vẫn không-kháng chẳng nghe. Bất-đắc-dĩ Chiêu-Dung phải vâng lệnh cha mà xuất-gia đi ở chùa. Trần-ông lại ngỏ lời đinh-ninh với người sư trưởng chùa ấy rằng: «Con mình vì một cớ nhỏ-mọn phải núp-náu chốn không-môn, chỉ là tạm-thời mà thôi, đợi xem sự đời sau này nó biến-ảo ra làm sao, rồi sẽ lại đem con về gả chồng.»

Lạ gì Chiêu-Dung là con gái nhà quan, nhan-sắc kiều-diễm, khác nào cành hoa mẫu-đơn đượm màu phú-quí ở cửa sắc-không, tự-nhiên ong bướm gần xa bay lại tấp-nập. Người sư trưởng hàng ngày phải giao-thiệp với những đồ thiếu-niên hiếu-sắc, lấy làm phiền-nhiễu, mới ngỏ lời từ tạ Trần-ông mà đem trả Chiêu-Dung về. Từ đấy Chiêu-Dung lại tái-hồi nơi khuê-các.

Về phần Lại Thành-Ngọc cũng tự biết rằng sự hôn-nhân của mình cũng khó còn hi-vọng gì nữa, chỉ mong ở Chiêu-Dung đối với mình có còn nhất-điểm thương tiếc gì chăng, ấy là nhất-tuyến hi-vọng mà thôi.

Tình-cờ một hôm, Thành-Ngọc lại gặp Chiêu-Dung ở giữa đường, Chiêu-Dung ngồi trên xe, mũ hoa mặt ngọc, mớ bảy mớ ba, phất-phới như nàng tiên. Còn Thành-Ngọc thì quần áo lam-lũ, đội nón đi trên đường. Đánh bạo, Thành-Ngọc lại gần vịn lấy xe mà hỏi rằng:

— Nàng Chiêu-Dung ơi! Chẳng hay nàng có còn nhớ đến cái ước cũ họ Lại họ Trần hai nhà đấy không?

Chiêu-Dung cúi đầu mỉm cười, chẳng đáp lại, chỉ một tay trỏ lên trời, một tay trỏ xuống đất, rồi ruổi xe đi.

Thành-Ngọc bấy lâu tuy nghèo-khổ khó-khăn, nhưng trước kia cũng vốn là người có học-vấn, thấy cách cử-chỉ của Chiêu-Dung, biết rằng nàng đối với mình vẫn còn có cảm-tình. Một tay trỏ lên trời là tỏ ý ở trên trời thì nguyện làm con chim bay ; một tay trỏ xuống đất là tỏ ý ở dưới đất, thì nguyện làm cây liền thớ vậy.

Thành-Ngọc thấy ý Chiêu-Dung đã kiên-quyết lấy làm cả mừng, mới về nhà nhờ người làm mối, cùng nhau bàn tính mọi đường. Người mối nói rằng :

— Trần-ông đã là người thị-phú khinh-bần, thì mối-mạnh đi lại cũng vô-ích. Ba-mươi-sáu chước, chẳng chước gì bằng chước đem sự-trạng ấy bộc-bạch lên chốn pháp-đình, một là họ Lại họ Trần đã có cựu-ước, hai là Lại công-tử với Trần tiểu-thư lại có cảm-tình, vin hai lẽ ấy, thì công-lý tất-nhiên thắng được.

Thành-Ngọc nghe lời, đem sự khinh-bần bội-hôn kiện Trần Côn-Sơn ở pháp-đình. Quan địa-phương tái-phán xét được thực-tình, mới phán-đoán đem Chiêu-Dung gả cho Thành-Ngọc, thành lễ phối-hợp ngay ở trước công-đường. Phấn hoa kiệu vẽ, đủ lễ tống-nghinh, kẻ xem như vòng vây, đều truyền là sự lạ.

Trong lời phê-phán của quan có câu rằng : « Thành người cho kẻ chẳng ra người, để vẫn-hồi tục bạc, thử hỏi thầy Xương-Lê thế nào. Đã tu sao chẳng tu cho trót, mà tạo-tác giây oan, xin nhờ đức Như-Lai giải-thoát. » Bởi truyền lấy làm câu hay.

Một tiếng ùm

Huyện Ngô-hưng đất Triết-giang có tiểu-thư họ Chu, tên là Nguyệt-Quế. Cha là Hồng-Nho, vốn là một kẻ lão-thư-sinh, trị-gia rất nghiêm, cho nên tiểu-thư thường sợ như cọp. Còn người mẹ thì tính nết hiền-hòa, yêu-giấu con thật là đến nơi đến chốn. Nhưng khốn thay ! Ông tạo-vật kia khéo vô-tình, hay trêu cợt người ta, lại sớm cướp lấy mẹ tiểu-thư mà đem đi mất, tiểu-thư kêu trời gào đất, khóc-lóc chẳng thôi. Mà ai hay tạo-vật làm khổ tiểu-thư như thế, nào đã thôi đâu.

Hồng-Nho hóa vợ chưa đầy một tháng, đã nghĩ ngay đến sự nối giây loan, vội nhờ kẻ băng-nhân loát-hợp, lấy một người vợ kế là Vương-thị. Vương-thị vốn là con nhà trung-thường, tâm-địa nhỏ-nhen, tính - tình độc-ác. Tiểu-thư hàng ngày bị Vương-thị đánh đập sỉ-vả rất là khổ-sở, vì sợ-hãi oai cha nên chẳng dám kêu ca, vẫn phải nén khí xuôi lòng giữ việc tôi-đòi, vậy mà Vương-thị cũng chưa thỏa lòng xứng ý.

Nguyên Vương-thị có nhan sắc, nhiều kẻ ngoại-tình, mà Hồng-Nho thì đi dạy học xa, không năng về làng, việc trong nhà thường chẳng được biết, Vương-thị chỉ còn e sợ có một tiểu-thư mà thôi. Cho nên vẫn thường nghĩ kế để trừ bỏ tiểu-thư đi, nhưng bực về một nỗi chưa tìm được diệu-kế.

Một hôm, Vương-thị đến bàn với một chàng nhân-tình kia, là một kẻ rất gian-dảo kiệt-hiệt. Vừa mới nghĩ-ngợi một chút, cái kế độc-ác đã phát-sinh ngay, chàng bèn đem cái kế ấy trao cho Vương-thị. Vương-thị về nhà, đòi người cháu gọi bằng cô đến, dặn-dò thi-hành kế ấy. Thằng cháu vốn là một con quỉ đói trong làng sắc, nghe Vương-thị nói, vui-vẻ nghe ngay. Từ đấy, hàng ngày đến nhà tiểu-thư, buông lời cợt bỡn. Tiểu-thư trong lòng khôn xiết căm giận, mà ngoài miệng không dám nói ra ; chỉ có một cách là lui tránh vào phòng riêng mình, chẳng cùng kẻ ấy tiếp mặt mà thôi.

Vương-thị biết rằng tiểu-thư là một người trinh-tiết, cái kế của mình khó có thể thi-hành được, mới ngầm lấy một chiếc giầy của cháu, thừa lúc tiểu-thư đi ra ngoài, đem giấu xuống dưới giường. Tiểu-thư khi trở về vô-tình không biết.

Sáng hôm sau, Vương-thị thác là có việc, vào phòng riêng của tiểu-thư. Trông thấy chiếc giầy ở dưới giường, hầm-hầm nhìn vào tiểu-thư mà mắng rằng:

— Chiếc giầy đàn-ông ở dưới giường mày kia, từ đâu mà lại? Nếu cha mày biết, thì mày định nói làm sao?

Tiểu-thư nhác thấy chiếc giầy, khôn xiết kinh-hoàng, tự nghĩ rằng mình bấy lâu trinh-bạch giữ-gìn, chẳng hề dám trái lời khuê-huấn, hẳn chỉ vì bị Vương-thị ghét, cho nên bày kế để vu-hãm mình đấy thôi. Song-le lúc ấy chứng-cớ rõ-ràng, không thể biện-bạch vào đâu được, chỉ thổn-thức nuốt nước mắt mà thôi.

Vương-thị mới lập-tức sai người đi mời Hồng-Nho về, kể sự ấy cho Hồng-Nho hay. Hồng-Nho vốn là người hôn-ám hồ-đồ, chẳng hiểu sự-lý, cho rằng sự này làm điếm-nhục cho môn-đình, không để tâm xét kỹ, đã vội-vàng toan những đặt tiểu-thư vào chốn chết.

May sao lúc ấy lại thích-ngộ người dì tiểu-thư đến chơi còn ở đó. Người dì biết rằng Hồng-Nho tuy là kẻ đọc sách, nhưng có tính cố-chấp, trong chốc lát không có thể khuyên bảo được, mà tiểu-thư lại khó khỏi bị cái oai của cha làm bức-bách, mới sẽ bảo tiểu-thư thu-thập lấy những đồ riêng tây tế-nhuyễn, lẻn ra cửa sau trốn đến nhà mình. Còn tự mình thì đứng ở giữa sân sau, nhặt một hòn đá, ném thẳng xuống cái giếng gần đấy đánh ùm một tiếng, rồi cả kêu lên rằng:

— Thương thay cháu ta! Mày chết thảm như thế, khiến cho ta khôn xiết đau lòng. Vì dù trên con đường ở dưới suối vàng, lại gặp mẹ mày, thì mẹ mày đau-đớn biết là bao! Thương thay cháu ta!...

Hồng-Nho và Vương-thị ở trong nhà, nghe tiếng khóc rất là thảm-thương chắc rằng tiểu-thư đã nhảy xuống giếng liều chết rồi, sợ rằng sự ấy mà phát-lộ thì có tội lớn, nên cố khuyên người dì chớ có thanh ngôn. Người dì vẫn giả-cách tỏ ra ý thương-tiếc. Vương-thị lại xui Hồng-Nho lấp cái giếng ấy đi để diệt-tích.

Cách hơn một tháng, Hồng-Nho gặp chồng người dì tiểu-thư, cùng nhau hàn-huyên tỏ lòng khát-tưởng xong, người kia hỏi thăm đến cảnh-huống nhà Hồng-Nho. Hồng-Nho nói đến sự tiểu-thư bị bức-tử, đôi hàng nước mắt giả dòng-dòng tuôn xuống, ra dáng rất lấy làm hối điều mình trái ngày trước. Chừng đã biết là Vương-thị mưu-hại tiểu-thư vậy.

Người kia biết là Hồng-Nho đã có ý hối lại, mới bảo thực cho cái kế vợ mình đã cứu cho tiểu-thư ngày nọ, và khuyên Hồng-Nho đón tiểu-thư về. Hồng-Nho nghe nói rất lấy làm mừng, thật là cõi trần mà lại thấy người cứu-nguyên. Rồi thân-hành đi đón tiểu-thư về, mà một phen ra oai thống-trách Vương-thị.

Từ đấy Hồng-Nho về dạy học ở nhà, kiêm-lý việc gia-đình, mà Vương-thị cũng chẳng dám manh-tâm thói cũ; đối với tiểu-thư lại đổi ác làm lành. Gia-đình Hồng-Nho lại hiện ra một cảnh hòa-lạc, nhưng tiểu-thư đã phải trải một phen cay-đắng đáng thương. Song-le trời kia ở trên cao cao, hà lại chẳng nghe xuống thấp đấy ru!...

Cứu người ra nơi địa-ngục

Lâu nay thế-đạo suy-vi, nhân-tâm giảo-trá, muốn cầu lấy một người nam-tử nhân-từ nghĩa-hiệp, trong trăm người chưa được một người, huống-hồ là ở nơi khuê-các thay! Như những

cách hành-vi hiệp-nghĩa của nàng Phương-Vân họ Hướng ở đất Cô-tô nọ, há chẳng đủ cho kẻ mày râu coi đó mà hổ-thẹn ru! Thực đáng khen thay!

Nàng Phương Vân vốn là một bậc đại-gia khuê-tú. Thủa nhỏ theo cha đọc sách, thông-hiểu lễ-nghĩa, tính hay đọc sách nghĩa-hiệp, người cha thường ngợi-khen.

Bên láng-diềng, có một người con gái họ Trương, tên là Tuyết-Châu, tuổi vừa tới tuần cập-kê, sớm mất cha mẹ, phải ở với người chú họ làm kế nương thân. Người chú vốn là đồ du-đãng, có một người bạn thân tên là Thiếu-Kiều, cũng là phường lâu-lỉnh.

Một hôm Thiếu-Kiều đến nhà họ Trương, vừa lúc người chú Tuyết-Châu là chàng Trương đi vắng. Trong nhà một mình Tuyết-Châu đang ngồi thêu thùa, chợt thấy Thiếu Kiều vào, vội-vàng lui tránh vào nhà trong. Song Thiếu-Kiều đã thoáng thấy nhan-sắc phong-tư Tuyết-Châu rồi vậy.

Phút chốc chàng Trương về, Thiếu-Kiều hỏi rằng:

— Bác đi đâu có việc gì?

Chàng Trương chau mày đáp:

— Chỉ vì sự đói rét nó bắt buộc phải đi đấy thôi.

Thiếu-Kiều nói:

— Vậy túi bác đã rỗng rồi ư?

Chàng Trương đáp:

— Không việc đã từ lâu, làm gì cho có tiền!

Thiếu-Kiều nói:

— Bác giảo-hoạt thay! Tôi với bác từ thủa chơi với nhau đến nay, chưa từng thấy bác nói dối người bao giờ, nay sao bác lại nói ra lời trái tai ấy, há phải bác sợ tôi vay mượn gì chăng?

Chàng Trương đáp:

— Không, tôi nói thật đấy, chẳng dối bác đâu. Sao bác lại trách tôi như vậy?

Thiếu Kiều mới ghé tai bảo chàng Trương rằng:

— Nhà bác bảo-tàng cái vật thiên-kim, mà còn buồn về nỗi nghèo, há chẳng phải là dối người ư?

Chàng Trương ngạc-nhiên, chẳng biết đáp lại thế nào, hỏi rằng:

— Bác bảo nhà tôi bảo-tàng vật gì?

Thiếu-Kiều mới nói cái tri-giá của Tuyết-Châu cho chàng Trương hay, chàng Trương nói rằng:

— Nó là cháu gái tôi đấy. Tôi sao nỡ bỏ nó.

Thiếu-Kiều cười mà rằng:

— Bác ngu lắm vậy. Thế-gian sao lại có sự có vật bảo-tàng chẳng đem bán mà cứ ngồi đó chịu khốn về nghèo thay!

Chàng Trương nghe Thiếu-Kiều nói, tâm-cơ chuyển-động, lòng thiện liền biến ra lòng ác. Bèn cùng Thiếu-Kiều đến nói với một kẻ nhà giàu họ Vương kia, xin đem Tuyết-Châu bán làm con ở mà thu lấy giá tiền.

Sự ấy Phương-Vân mong-mảnh nghe biết, nghĩ thầm rằng: « Chị Tuyết-Châu bạn láng-diềng ta, là người hiền-tuệ trinh thục, nay sắp sửa sa vào địa ngục ta sao nỡ ngồi nhìn mà chẳng cứu! » Nghĩ vậy, bèn nói thác là đi thăm bà con, giục lấy đồ hành-lý ra đi.

Lúc ấy chàng Trương đã đem sự-thể bán cháu gái nói với nhà họ Vương xong cả rồi, mới vội-vàng về nói dối cháu rằng:

— Ở thành-trấn kia có cuộc diễn-kịch vui lắm, ta sẽ cho mày đến đấy xem, để mày được rộng tầm con mắt.

Tuyết-Châu nghe nói mừng lắm, thay khăn đổi áo, theo chú ra đi. Kịp khi qua cửa nhà họ Vương, chàng Trương bảo Tuyết-Châu rằng:

— Mày cứ đợi ta ở đây, ta tẽ vào thăm người bạn một chút, rồi ta sẽ ra ngay.

Nói xong đi vào, lâu mãi cũng chẳng thấy ra, chợt Thiếu-Kiều từ trong đó đi ra, bảo Tuyết-Châu rằng :

— Chủ mày còn bận có việc, hãy đợi thong-thả một lát nữa chủ mày sẽ ra. Sao mày không vào trong này nghỉ-ngơi một chút ?

Tuyết-Châu nghi bụng Thiếu-Kiều vốn chẳng phải là người tốt, biết rằng tất có sự lạ, mới nói thác ra cớ khác mà chẳng vào. Thiếu-Kiều không biết làm thế nào, bèn trở vào.

Tuyết-Châu một mình đứng ở ngoài cửa, trông trời trông đất, một vẻ buồn tênh. Muốn về nhà, thì xưa nay chưa từng ra khỏi cửa, nên quên mất đường về, bơ-vơ ngơ-ngẩn ven đường, tình-trạng rất là bàng-hoàng sợ-hãi. Chợt có người vỗ vào vai mà nói rằng :

— Chị Tuyết-Châu ! Sao một mình chị đến chi đây ?

Tuyết-Châu vội ngảnh lại trông, thì ra chị bạn láng-diềng là Phương-Vân, mới nói cái nguyên-do mình đi đến đây cho Phương-Vân hay. Phương Vân cả kinh nói rằng :

— Chị nguy đấy ! May-mau đi theo tôi, không thời sẽ mắc vào cạm bẫy của bọn kia vậy.

Phương-Vân nói xong nắm ngay lấy tay Tuyết-Châu kéo đi. Tuyết-Châu chẳng hiểu cớ làm sao, vừa đi vừa hỏi, nhưng Phương-Vân chỉ nín lặng chẳng đáp.

Đi chẳng bao lâu đến một tòa nhà kia, là nhà thân-thích với Phương-Vân. Phương-Vân trước hết ghé tai dặn bảo người nhà, rồi tức-khắc đón Tuyết-Châu vào nhà trong, và bảo cho cái cớ người chủ định đem đi bán. Tuyết-Châu rất lấy làm cảm-tạ, liền gửi thân ngay ở nhà ấy.

Lúc ấy Thiếu-Kiều trở vào, đem cái sự-tình Tuyết-Châu từ-chối chẳng vào nói cho họ Vương hay. Họ Vương mới sai người nhà ra đón dỗ Tuyết-Châu, thì Tuyết-châu đã như cánh hồng bay bổng tuyệt-vời, chẳng ai còn biết tăm-hơi đâu nữa. Họ Vương mới trách chàng Trương và Thiếu-Kiều là thất-tín, bèn bỏ cái ước trước, chẳng giao tiền cho nữa.

Chàng Trương lủi-thủi ra về, đi khắp mọi nơi để tìm Tuyết-Châu, nhưng rút lại chẳng tìm đâu thấy.

Về phần Phương-Vân, ở nhà bước ra, biết chắc rằng Tuyết-Châu tất qua nhà họ Vương, mới đến nhà người quen ở quanh-quẩn đấy để dò-la tung-tích. Quả-nhiên thấy Tuyết-Châu một mình bỡ-ngỡ bên đường, biết rằng đã bị bọn bất-nhân kia lừa dối, mới đến đón đi để tránh họa.

Nguyên-lai Tuyết-Châu khi ở nhà đã có một nhà tử-tế giạm hỏi, tức là gái đã có chồng rồi, duy chưa cưới mà thôi. Phương-Vân biết rằng Tuyết-Châu ở nhà người thân-thích mình chẳng qua là tạm-thời mà thôi, chứ không phải là cái kế lâu dài, mới kịp báo tin cho nhà chồng Tuyết-Châu hay, khiến đến đón Tuyết-Châu. Nhà chồng Tuyết-Châu nghe tin, vội-vàng đến đón Tuyết-Châu về mà thâm-cảm cái ơn cứu-khổ cứu-nạn của Phương-Vân mãi mãi.

Đôi hài theo phép Phật

Tần tiểu-thư tiểu-tự là Quế-tiên nguyên là con gái viên Tăn-hầu bậc cố-lão nhà Tiền-Thanh. Sau khi dân-quốc thành-lập, Quế-tiên theo cha ra ở đất Thượng-hải, là một nơi đô-hội phồn-hoa. Những hạng thiếu-niên đẹp-đẽ ăn chơi, đối với Quế-tiên đều có ý thèm-thuồng khao khát. Song-le Quế-tiên dung-mạo xinh đẹp mà tính tình trinh-thục chẳng phải những hạng con gái hiện-thời giả-danh văn-minh, tùy-tâm giải-phóng, hà vi được đâu. Cho nên Quế-tiên ở Thượng-hải mấy năm, mà vẫn

y-nhiên là con gái nhà khuê-các cũ. Quế-tiên thường nói : « Nước ta hiện nay có hai hạng con gái : một là con gái văn-minh ; hai là con gái thủ-cựu ; các tân-thư tân-văn nào hô-hào nữ quyền, cổ động giải-phóng, chấn-hưng nữ-quyền, xem đã chán mắt, nghe đã chán tai, vậy mà đến lúc cha mẹ đi kén vợ cho con, hay là kẻ có chí đi kén vợ lấy, lại chỉ tìm những con nhà khuê-các có gia-phong cũ, mà tỏ ý mặn-mà hơn. Cớ sao không mặn nơi theo văn-minh với đôi nữ-quyền ? Ở trong đó có cái chân-lý, kẻ tri-thức nên để tâm nghiên-cứu, chẳng khá nhãng qua. » Quế-tiên vẫn giữ cái qui-tắc con trai việc ngoài con gái việc trong, cho nên ít khi ra tiếp khách đàn ông.

Một hôm Quế-tiên đến chơi nhà người thân-thích về, đôi hài thêu bị lấm, mới đem gột rửa rồi phơi ở chỗ mái hiên. Chợt có một người tăng đi vân-du, thình-lình ở đâu đến, tay gõ mõ cá, cầu khách thập-phương bố-thí. Quế-tiên thấy người tăng, không kịp tránh trước, đôi mà bảng đỏ như bóng chiêu-hà, liền quay mình vào nhà trong sai người mang của bố thí đem ra. Một lúc người tăng ấy đi, Quế-tiên ở trong nhà ra, trông thấy đến đôi hài phơi, thì đã chẳng khác gì đôi con chim phủ bay đi mất rồi. Quế-tiên biết rõ là bị người tăng ấy lấy trộm, thật là kẻ ngoài miệng nam-vô, trong bụng một bồ dao găm. Rất lấy làm tiếc cái công tổn-phí tinh-lực mấy ngày mới thêu xong đôi hài ấy, mà đi chửa được mấy lần đã bị mất trộm ngay, đã đủ bực lắm rồi, gia-dĩ cái vật yêu-giấu trong khuê-các của mình lại lạc vào tay kẻ xuất-gia kia. Nghĩ như thế trong lòng chẳng yên, nhưng cánh hồng đã bay bổng, còn biết đâu mà tìm, chỉ đáng trách thằng kẻ cắp trọc đầu mà thôi.

Cách mấy hôm có kẻ đến mách rằng ở nơi nọ có đôi hài, nhận ra thì quả là dấu hiệu nhà Quế-tiên ; Quế-tiên chẳng tiếc một số tiền, bỏ ra chuộc về, ai nấy đều lấy làm mừng, quả là châu hoàn Hợp-phố. Nhưng Quế-tiên nói rằng : « Đôi hài này khi còn ở nơi khuê-các thì thực là đôi hài của ta, nay đã ra đến ngoài, trải biết bao dơ bẩn, đã không xứng-đáng là đồ khuê-các của ta nữa, nên theo phép Phật mà thiêu-hóa đi, khiến cho tinh-thần đôi hài này được về nơi thanh-tĩnh. » Quế-tiên nói xong, đặt ngay đôi hài ấy vào đống lửa.

Xem điều ấy cũng đủ thấy được cái tinh-tình đạo-đức và cái lòng thanh-khiết của Quế-tiên vậy.

Nết ở sạch

Nhà giòng dõi đất Vân-gian có nàng Trương Tú-Vân có cái nết ở sạch tựa như người nghiện. Từ áo mặc cho đến giầy đi, đều tự mình giặt lấy, chẳng mượn tay người khác, vì sợ rằng người ta chẳng được sạch như mình. Tính ưa mặc bức xiêm mầu đạm-bạch, áo mũ nhã-khiết, phơi-phới như người tiên. Nhan-sắc rất xinh đẹp, mầu da như chất ngọc, pha lẫn với mầu áo, thành ra một sắc thiên-hồng, tựa như nét vẽ của hóa công. Cha mẹ rất lấy làm yêu dấu.

Kịp đến khi tuổi đã cập-kê, cha mẹ muốn gả chồng, nhưng Tú-Vân cũng vì tính ở sạch, cố-chấp không nghe, nói rằng :

— Những bọn con trai tục-tằn, hễ họ gần đến mình, là đã muốn những sự nôn-ọe, thì sao còn có thể kham được cùng với họ cùng ăn ở nằm ngồi thay !

Cha mẹ cười mà bảo rằng :

— Con ơi ! con càn lắm vậy, con chớ có cho mình là thật sạch. Phàm một miếng ăn đời, là tức-khắc khó khỏi ngay sự tục-tằn. Quả con muốn thanh-khiết lấy một mình, thì chỉ có một cách chẳng ăn chẳng uống gì nữa, hàng ngày

nằm ngâm mình ở trong nước, mới có thể được vậy. Nếu không làm được như thế, thì ở đời còn lắm sự sinh-hoạt, một mình thanh-khiết thế nào được thay!

Tú-Văn mỉm cười đáp:

— Con đành không dám nói sự thanh-khiết, nhưng bọn con trai trần-tục kia họ chẳng thanh-khiết lại tệ hơn con, nên con chẳng muốn gần họ. Con xin lưu lại cái thân chút thanh-khiết này, suốt đời chẳng đi lấy chồng, chỉ ở nhà phụng-thờ cha mẹ, ấy là cái bản-nguyện của con. Nếu cha mẹ tất-nhiên muốn gả chồng cho con, thì xin cha mẹ chớ có vội vàng, để con kén chọn lấy là hơn.

Người cha cười nói bỡn rằng:

— Nếu có người nào hợp với ý con, thì người ấy tất cũng có cái tính như con, cha e rằng họ cũng lại chẳng muốn đến gần con vậy.

Rút lại cha mẹ cũng phải cười mà nghe theo Tú-Văn, chẳng cưỡng-bách nữa. Mà Tú-Văn thì an nhiên, không để ý gì cả.

Một hôm vào tiết mộ-xuân, Tú-Văn cùng mẹ đến chơi một cái vườn hoa kia, khí trời trong sạch, cảnh-vật tốt tươi, cùng nhau đang thưởng-thức ngoạn-cảnh thì chợt có một chàng thiếu-niên, dung-mạo nghiêm-chỉnh, khăn áo chỉnh-tề, đều một mầu nhã-khiết, tự đàng mé tây vườn sừng-sực đi vào, qua trước mặt chỗ mẹ con Tú-Văn đứng mà đi sang mé đông, dường như có việc riêng mà không để ý gì cả. Tú-Văn trông thấy, để mắt nhìn theo, người mẹ mới mắng rằng:

— Kia kẻ nam-nhi tục-tằn đó, sao con nhìn làm gì?

Tú-Văn có dáng thẹn-thùng, đôi má bừng đỏ, cúi đầu lấy tay vê gấu áo để chữa thẹn. Người mẹ mới nhân nói rằng:

— Nay con đã khôn lớn, việc gì mà thẹn. Trước kia con đối với bọn con trai có ý lãnh-đạm, chưa từng để ý trông ai, nay con lại trông người ấy hẳn trong lòng con có ý-kiến gì, sao chẳng nói cho mẹ hay?

Tú-Văn e-lệ thưa rằng:

— Con thấy người ấy phong-độ thanh-cao, y-phục nhã-khiết, khác với trần-tục, hợp với tính-tình con, cho nên con thưởng thức cái phẩm người ấy mà thôi, thực ra con không có tình gì cả.

Người mẹ mỉm cười mà rằng:

Mẹ chỉ ước gì kén cho con được người chồng như người ấy, con nghĩ sao?

Tú-Văn cúi đầu nín lặng. Người mẹ lại nói tiếp rằng:

— Con có biết người ấy không? Ấy là nhà danh-sĩ đất Cô-tích họ Hoàng tên là Hồng-Nê đó. Người ấy phẩm-hạnh rất là tu-chỉnh thanh-khiết, cũng ưa ở sạch như con. Khá khen đôi mắt con cũng có vẻ tinh đời.

Tú-Văn tươi nét mặt, nhưng không nói gì cả.

Ngày đã chiều, mẹ con cùng nhau trở ra về. Người mẹ đem sự ấy kể lại với người cha. Người cha cả cười mà rằng:

— Con nữ-đạo-sĩ nhà ta cũng lại có ngày hôm nay đư? Còn Hồng-Nê ta đã biết, người có phẩm-hạnh quân-tử, mà chưa lấy vợ. Nếu có kẻ bàng nhân làm mối thì sự bách-niên khá thành.

Ông bèn nhờ người bạn thân là Giang-ông đứng giữa làm người môi-giới. Hồng-Nê nghe tiếng Tú-Văn đã từ lâu cũng rất lấy làm hân-hỉ.

Đêm hôm hợp-cẩn, Hồng-Nê hỏi Tú-Văn rằng:

— Nghe nàng vốn ưa thanh-khiết, chẳng hay có hiềm tôi là ô-trọc không?

Tú-Văn cười đáp rằng:

— Thiếp với chàng đã thưởng-thức nhau lắm rồi. Nếu chàng là người ô-trọc

thì sao thiếp lại cùng chàng se tơ kết tóc.

Hồng-Nê lại hỏi rằng:

— Vậy nàng thưởng-thức tôi về điều gì?

Tú-Văn đáp:

— Thiếp thưởng-thức chàng về nhân-phẩm đức-hạnh và sự thanh-khiết.

Hồng-Nê nói:

— Sự ở sạch có hai đường: một là ở sạch về đường thân-thể; hai là ở sạch về đường đạo-đức. Ở sạch về đường thân-thể thì hàng ngày giặt-rịa tắm gội sao cho thích-hợp với phép vệ-sinh thì thôi. Còn ở sạch về đường đạo-đức thì cốt phải tu cái phẩm-hạnh sao cho khỏi mang tiếng là con người ô-trọc ở đời, đường ấy mới hơn người được. Trông ra cuộc đời nếu nhất-khái cho đời là sạch cả, thì cũng là cái tính nô-lệ cho đời. Mà nhất-khái cho đời là chẳng sạch cả, thì còn ở với ai. Tôi thiết-tưởng nàng nên kiêm cả hai đường nói trên kia mới là hơn, nàng nghĩ sao?

Tú-Văn nghe nói, tỏ ý kính-phục, cúi đầu mà rằng:

— Xin kính vâng lời quân-tử dạy.

Rồi cùng nhau mỉm cười, tỏ ra một cảnh hoà vui. Hai vợ chồng rất yêu qui nhau, thì nhau tăng-tiến về đường đạo-đức, suốt đời không có một điều tiếng gì, thật là ít có vậy.

TÚNG-VÂN *biên-thuật*

KHẢO VỀ TÀI-CHÍNH NHẬT-BẢN (1)

II

5. — Giấy tiền « bất-hoán »

Chính-phủ Nhật-bản đương khi có loạn tây-nam, vì phải cung việc quân-phí, nên phát thêm tiền giấy ra. Lại từ khi đã cải-chính lại những điều-lệ nhà « quốc-lập ngân-hàng » trở đi thì càng lạm-phát tiền giấy ra nhiều quá. Đến năm Minh-trị 11, số tổng-ngạch phát xuất nhiều đến một vạn vạn hai nghìn vạn viên. Thế mà kẻ đương-cục không biết sự lạm-phát tiền giấy ra nhiều quá, như thế là bởi cái nguyên-nhân vì vật-giá đắt đỏ, buôn bán trái ngược, mà lại chỉ đổ tội cho là tại sản-nghiệp không được chấn-chỉnh. Bởi thế cho nên bao nhiêu giấy tiền của Chính-phủ cùng những tiền vốn thực-bị về công-trái cũng đem chi xuất ra cho hết, chỉ cốt để chấn-hưng cho sản-nghiệp mà thôi. Nay tổng-cộng hai số tiền giấy của Chính-phủ và của các ngân-hàng đã phát-hành ra như sau này:

Minh-trị năm thứ 10	—	291.4[illegible]8.433	viên 345.
— thứ 11	—	1656.975.989	, 770.
— thứ 12	—	1643.549.353	, 550.
thứ 13	—	1593.[illegible]68.[illegible]63	, 550.
— thứ 14	—	1533.020.1[illegible]9	, 820.

Vì số giấy tiền « bất-hoán » cứ càng mỗi năm lại thêm nhiều ra như thế, cho nên cái giá tiền thực với cái giá tiền giấy thành ra chênh nhau xa. Cứ mỗi một đồng bạc thực về tháng hai năm Minh-trị thứ 10 thì ăn một đồng và ba phân bạc giấy, đến năm thứ 11 thì ăn một đồng và hai-mươi-bảy phân bảy ly bạc giấy, đến năm thứ 12 thì ăn

(1) Xem *Nam-Phong* số 166.

một đồng hai-mươi-ba phân sáu ly bạc giấy, đến năm thứ 13 thì ăn một đồng sáu mươi chín phân chín ly bạc giấy. Coi đó thì biết cái giá của tiền giấy sụt xuống là chừng nào. Ấy cái nguyên-nhân sở-dĩ khiến cho vật-giá phải đắt lên và hàng nhập-khẩu vào nhiều là tại đó.

Ôi, bọn đương-cục Nhật - bản bấy giờ hiểu lầm cái phép lý-tài mà khiến cho trong năm năm trời, giá tiền giấy bị sụt xuống đến hơn năm thành, giá gạo cao lên đến quá gấp hai, bao nhiêu số tiền chuẩn-bị-kim của kho nhà-nước phải đem chi xuất hết cả. Cho nên giá công-trái bị sút kém đi mà lợi - tức tăng lên, dân bị cái vạ khốn-cùng, nay nghĩ lại còn thấy ghê sợ.

6 — Viện hội-kế kiểm-tra

Việc tính-toán số chi-tiêu hàng năm của Chính-phủ là cái chủ-động-lực của hành-chính cơ-quan, mà cuộc thịnh-suy của quốc-dân quan hệ ở đó. Thế cho nên kẻ có cái chức-trách phải chế-định sổ dự-toán thu-chi hàng năm thì nên tra xét số tuế-phí của các bộ cho tinh để biết chừng mà lượng-nhập vi-xuất, và xử-trí cho khéo mới được. Song xét lại quan-chế cũ của Nhật-bản lúc ấy thì quyền-lực của Đại-tàng-khanh còn bạc-nhược quá. Cho nên đối với những sổ dự-toán thường thường không tra xét tinh-tế được. Chính-phủ Nhật-bản hiểu biết cớ ấy, năm Minh-trị 13 cải-định quan-chế các bộ lại. Bèn phế kiểm-tra-cục của bộ Đại - tàng ngày trước đi, mà đặt riêng ra viện Hội-kế kiểm-tra có quyền-hạn độc-lập. Từ đó mỗi năm phải đem cái biểu dự-toán thu chi đến để cho viện ấy thẩm-tra lại đã rồi mới đưa xuống cho các nha-môn tuân-hành như đối với pháp-luật vậy. Ấy tức là người Nhật-bản bấy giờ gọi là sổ tuế-xuất tuế-nhập dự-toán đó.

Năm thứ 14, cải-chính lại phép hội-kế, mở rộng thêm quyền-hạn cho viện kiểm-tra, phân trách-nhiệm của quan chánh viện với kẻ lại giúp việc hội-kế khá nhau. Đến sang năm tháng giêng ban phát ra bản « tân-định hội kế-pháp » và bản chương trình chức-vụ của kiểm-tra-viện. Từ đó miễn cho những sổ dự-toán không phải do viện này thẩm-tra nữa, quyền-hạn viện này chỉ được kiểm-tra quyết-toán mà thôi.

III. — Thời-kỳ chỉnh-lý tài-chính

1. — Tùng-phương làm Đại-tàng-khanh

Nhật-bản từ sau cuộc loạn tây-nam, những tiền giấy « bất-hoán » lạm phát ra nhiều quá. Lưu-tệ đến tiền giấy mất cả giá, ngoài chợ tuyệt không trông thấy một đồng tiền vàng tiền bạc thật nào. Tài-chính khốn-đốn đến bấy giờ là cùng.

Muốn vãn-hồi lúc đó, không có người lý-tài giỏi ra không được. May có Tùng-phương Chính-nghĩa là một kẻ thuộc-lại xuất-thân từ hồi đầu đời Minh-trị, ông vốn có tiếng là nhà lý-tài giỏi. Ngày 20 tháng 10 năm 14. Chính-phủ Nhật-bản bèn thăng cử cho ông lên làm Đại-tàng-khanh để chỉnh-lý tài-chính lại cho nước. Tùng-phương cho rằng muốn cứu chữa cái nạn sinh-kế vẫn-loạn ấy thì trước hết không đem những số tiền giấy « bất-hoán » hàng bao nhiêu vạn kia mà tiêu-hiệu cho hết đi, rồi đổi ra làm « đoái-hoán-khoản » cả thì không được. Xét ra lúc Tỉnh-thượng làm Đại-tàng-khanh ông đem tất cả các khoản tuế-nhập, chuẩn-bị-kim, công-trái chứng-thư, ngân-hàng cổ-phiếu cùng văn-khế nhà đất, thóc gạo tàng-trữ cho lưu-hành vận-dụng cả ra, để nhờ mà chỉnh-lý lấy số tiền giấy « bất-hoán » là một vạn vạn năm nghìn vạn viên, cải ra cách đoái-hoán có chuẩn-bị xác-thực. Nhưng bấy giờ lấy đâu làm số tiền thật mà trữ-súc. Số tiền thật hiện tồn ở nội-địa cũng không được bao nhiêu, lại các

mỏ xuất-sản ra cũng vẫn ít lắm, thì làm thế nào cho hoàn-bị cả được.

Bởi vậy Tùng-phương cho rằng phi chấn-hưng việc mậu-dịch với ngoại-quốc, tưởng-lệ việc xuất-cảng và khuếch trương cách « áp-tải hối-phiếu 押儀 匯票 » là cách đem hàng-hóa đến nước ngoài đổi lấy bạc thật về. Không làm như thế thì không còn có cách gì hấp-thụ được tiền thật của ngoại-quốc nữa. Bấy giờ mới cho đến những nơi tiêu-thụ nhiều hàng sản-vật của Nhật-bản như Luân-đôn, Nữu-ước và Ly-ông, đặt Lãnh-sự-quán ở những chỗ ấy để giám-đốc việc « áp-tải hối-phiếu », chỉ cốt kiếm cho được nhiều bạc thật.

Tùng-phương lại nghĩ đặt ra nhà Nhật-bản ngân-hàng để làm nơi trung-ương cơ-quan cho cuộc sinh-kế trong nước. Đó là Tùng-phương biết rằng những nhà chính-trị trước lấy cái cách cầu-thả nhất-thời tưởng là đắc-sách, nhưng làm như thế khác gì thầy thuốc bèn chữa bệnh mà bệnh càng tăng lên. Nay muốn cứu cuộc tài-chính đang hủ-bại như kia, mà không cải-cách từ chốn căn-bản không làm gì được. Tùng-phương biết chăm về chỗ cội gốc như thế, nên ông làm được xứng chức mà sự-nghiệp của ông được vẻ-vang trên tài-chính-sử Nhật-bản.

2. — *Nhà băng Nhật-bản ngân-hàng*

Phép mở ngân-hàng mà để cho các ngân-hàng nhỏ giải-rắc ra các hạt, chiếm-cứ từng vùng, thì không có quan-hệ gì cho sự lợi-hại về tư-bản toàn-quốc cả. Làm như thế tuy sự giao dịch có phồn-thịnh mà căn-bản của số thực-ngân vẫn thiếu-thốn, không đủ để trao đổi cho nhau được. Vả lợi-tức phải tùy mỗi nơi, chỗ được nhiều chỗ được ít, không có thể hợp toàn-quốc lại mà định lấy số trung-bình được. Nay muốn chữa lại cái tệ ấy thì phải đặt ra lối chi-điểm tổ-chức. Dùng lối này tuy sự cạnh-tranh có kém đi, nhưng cái căn-bản thực-ngân có giúp lẫn nhau trong khi hoãn-c được. Vả lợi-tức của toàn-quốc cũ miễn được cái tệ chỗ nhẹ chỗ ng không đều nhau. Ấy cái lợi-hại c hai lối ngân hàng khác nhau như t dù người mới đọc qua bài « Ngâ hàng-luận » cũng hiểu được. Thế chế-độ ngân hàng của Chính-phủ Nh bản bấy giờ lại mô-phỏng của nư Mĩ, tuy gọi là « quốc-lập ngân-hàng nhưng mà dùng chế-độ lối trên h cả. Ấy vì thế mà sinh-kế của toà quốc không được điều-hòa mà hại l cho sự phát-đạt về sản-nghiệp. Thá ba năm 15, Tùng-phương dâng m bài điều-trần cho Chính-phủ Nhật-b xin lập ra nhà băng « Nhật-bản ngâ hàng », đại-yếu nói : « Hiện nay những nhà băng « quốc-lập ngân-hàng », nh nào lớn thì bốn năm mươi vạn viê nhỏ thì năm sáu vạn viên, đều là tiề ngân-hàng cả. Những nhà ấy phân-tá ra các nơi, chiếm giữ từng hạt. Ch nên năm vạn viên chỉ dùng làm nă vạn viên mà mười vạn viên chỉ dù được mười vạn viên mà thôi. Khôn có thể làm cho tăng-bội thế-lực lên cho nên lợi-tức cũng không hạ xuốn được. Vả số tiền mặt không thông đồng được với nhau, nên cũng khôn bổ-ích gì cho tài-chính. Nay nên đặt r một nhà trung-ương ngân-hàng cầm cái then máy tài-chính để giúp sự điều hòa cho các ngân-hàng cả toàn quốc.

Chính-phủ Nhật-bản khen là lời nó phải, ngày 27 tháng sáu năm ấy bèn ban ra bản điều-lệ Nhật-bản ngân-hàng. Đến tháng 10 thì khai-biện. Nay xét lại bản điều-lệ ấy là để cho nhà Nhật-bản ngân-hàng được phát-hành giấy « đoái-hoán ngân-hàng khoản » để cho giá tiền thực với tiền giấy không khác nhau, và để giữ then chốt của tài-chính mà điều-hòa số bạc mặt cho các ngân-hàng các nơi. Về điều thứ 14 của bản điều-lệ này tuy có hứa cho nhà

Nhật-bản ngân-hàng được đặc-quyền phát-hành giấy đoái-hoán, nhưng giá giấy tiền bấy giờ còn kém giá bạc thật nhiều thì lấy gì mà đoái-hoán.

3. — Thực-hành điều-lệ đoái-hoán giấy ngân-hàng-phiếu

Cứ số thống-kê năm 12, thì tổng-ngạch của tiền giấy bấy giờ là một vạn vạn ba nghìn chín trăm bốn mươi mốt vạn tám nghìn năm trăm chín mươi hai viên năm phân bảy ly. Từ khi Tùng-phương vào làm Đại-tàng-khanh chuyên-tâm trí-ý về việc chỉnh-lý cho khoản tiền giấy ấy. Đến tháng mười hai năm 18, số tiền giấy so với trước giảm đi được nhiều, chỉ còn có tám nghìn tám trăm ba-mươi-nhăm vạn năm nghìn tám trăm mười sáu viên hai mươi ba phân hai ly, thì biết công-hiệu đã to lắm. Mà cái số lớn tiền giấy giảm đi ấy là đem bạc thực đổi lấy tiền giấy về mà tiêu-hiệu đi đó. Hợp cộng tiêu-hiệu đi được là : 50.852.541 viên 62 phân 3 ly

Lại số tiền thực-ngạch để chuẩn-bị cũng thành hiện lớn. Tiểu-số thống-kê năm 12, thực-ngạch hiện-tồn có một nghìn bảy trăm tám mươi ba vạn bảy nghìn bảy trăm hai mươi chín viên hai mươi sáu phân chín ly, đem so với số tiền giấy bấy giờ thì còn kém nhiều ; thế mà đến năm 18 số thực-ngạch hiện-tồn được là bốn nghìn hai trăm hai mươi sáu vạn năm nghìn sáu trăm bốn mươi viên năm mươi tư phân, thế là tăng lên đến gần gấp bốn trước. Vì thế giá tiền giấy được khôi-phục bằng giá tiền thực ngay. Đâu đấy đều thông-dụng không sợ tiền giấy như trước nữa. Nay xét lại cái biểu giá tiền giấy đổi ở chợ trong năm năm lại thấy tháng giêng năm 14, đổi tiền giấy lấy tiền thật, mỗi viên phải các là : 0 viên 728. Đến tháng chạp năm 18 thì mỗi viên chỉ phải các mất có 0 viên 001.

Còn như số nhập-khẩu xuất-khẩu thì nay xét lại cái biểu thống-kê trong năm năm, đại ước như sau này :

Năm 14 Số nhập-khẩu : 311.912.460 viên 20.
Số xuất-khẩu : 310.588.879 — 30.

Thế là nhập nhiều hơn xuất 1.323.580 viên 90. Rồi từ năm sau trở đi số xuất tăng hơn số nhập ngay, cho đến năm 18 thì :

Số nhập-khẩu : 293.569.679 v. 20
Số xuất-khẩu : 371.466.914 v. 31

Thế là xuất nhiều hơn nhập 77.897 235 viên 10.

Xét hai biểu trên ấy thì biết cái cảnh gian-nan về sinh-kế đã qua mà bước dần vào đường hưng-thịnh rồi. Tùng-phương nhân cơ-hội tốt bèn dâng thư cho Chính-phủ xin thực-hành điều-lệ giấy khoản đoái hoán của ngân-hàng. Chính-phủ hạ lệnh rằng : « Những giấy tiền của Chính-phủ bắt đầu từ tháng giêng năm 19 trở đi sẽ lấy bạc thật đổi về mà tiêu-hiệu đi. Cái chương-trình đổi bạc ấy do quan Đại-tàng-khanh nghị-định rồi giao cho nhà băng Nhật bản ngân-hàng đốc-biện »

Bấy giờ giá giấy tiền ở ngoài chợ ngang với giá bạc thực, dân gian dùng đã quen và lấy làm tiện, cho nên công-việc giao-hoán cũng dễ làm lắm. Từ đó trở đi mấy năm trời, trong nước vô-sự, sinh-sản ngày càng nhiều, lợi-tức hạ xuống, số xuất-khẩu tăng lên mà số nhập-khẩu giảm đi, các công-ty cùng các nghề hỏa-xa, tàu-thủy cũng đều ngày càng thêm phát-đạt lắm. Ấy là cái vượng-khí của Nhật-bản bồng-bột lên từ đó.

Chính-phủ Nhật-bản thấy thế bèn đem những khoản công-trái nặng lãi trả sạch cả đi rồi vay khoản nhẹ lãi khác. Vì vậy tài-chính được chỉnh-đốn mà tiến-bộ lắm. Đến năm 21, số tiền thực để chuẩn-bị của Chính-phủ cũng

của nhà Nhật-bản ngân-hàng so với những số tiền giấy của Chính-phủ, tiền giấy của ngân-hàng và giấy khoán ngân-hàng đoái-hoàn thì còn dư ra đến ba phần bảy.

4. — Những công-trái về thời-kỳ giữa

Những công-trái vay về thời-kỳ này để làm ba việc là:

1o — Vay để chỉnh-đốn tài-chính, nghĩa là để trả những món nợ nặng lãi trước đi; tổng-ngạch là một vạn vạn bảy nghìn vạn viên;

2o — Vay để đắp đường sắt, tổng-ngạch là hai nghìn vạn viên;

3o — Vay để khuếch-trương hải-quân.

5 — Cuộc tranh-nghị về sổ dự-toán kỳ quốc-hội thứ nhất

Những sổ dự-toán từ năm Minh-trị 13 trở đi, hiệu-lực không được như hiệu-lực của pháp-luật, là vì chưa có người ở ngoài Chính-phủ để mà tra xét, cho nên không khỏi có cái tệ lạm-dụng được. Bởi vậy quốc-dân Nhật-bản họ biết thế bèn hết sức vận-động xin Nhà-nước đặt Nghị-viện để cho dân có quyền tham-chính, tra xét sổ dự-toán mà giám-sát cơ-quan hành-chính. Quả-nhiên đến năm 22 tháng hai, Nhật-bản ban-hành bản «Đế-quốc Hiến-pháp», đem quyền nghị-định sổ dự-toán trao cho Đế-quốc Nghị-viện.

Điều thứ 64. — Những số tuế-xuất tuế-nhập của nhà-nước ở trong sổ dự-toán hằng năm phải do Đế-quốc Nghị-viện nghị-quyết. Nếu sau chi-tiêu quá sổ dự-toán và chi-tiêu ra ngoài ngạch dự-toán thì phải có Đế-quốc nghị-hội thừa-nhận cho mới được.

Điều thứ 65. — Sổ dự-toán phải đưa ra Hạ-nghị-viện xét trước.

Điều 67 thì nói về quyền Chính-phủ được hạn-chế nghị-viện như sau này: Ngạch tuế-nhập nào mà đại-quyền của hiến-pháp đã định rồi, đến sau nhân sự kết-quả của pháp-luật mà ngạch tuế-nhập ấy theo pháp-luật thuộc về nghĩa-vụ của Chính-phủ, thế thì Chính-phủ chưa hợp ý Đế-quốc nghị-viện không được phế-trừ đi hay là giảm-tước đi.

Đến năm Minh-trị 23, trong bản «hội-kế-pháp» có chỉ rõ-ràng những ngạch tuế-nhập nào là đại-quyền đã định, nhưng nói về phạm-vi cũng còn phiếm lắm. Nếu ngoài mấy ngạch ấy ra thì nghị-viện cũng chẳng còn có gì mà bàn. Bởi thế kỳ quốc-hội đệ-nhất này nghị-viện giảm-tước các ngạch dự-toán của Chính-phủ đi, Chính-phủ không nghe, thành ra xung-đột nhau. Chính-phủ thanh-ngôn rằng: «Nếu hạ-nghị-viện chưa đợi Chính-phủ ưng-thuận mà vội giảm-tước cải-chính sổ dự-toán đi rồi chuyển-tống sang thượng-nghị-viện, thì Chính-phủ sẽ giải-tán nghị-viện». Nhưng sau rồi Chính-phủ với nghị-viện hai bên cùng chịu nhượng-bộ nhau, nên sổ dự-toán năm 24 mới thành-lập.

6 — Cuộc tranh nghị về sổ dự-toán kỳ quốc-hội thứ tư

Kỳ hội-nghị thứ tư này, nghị-viện cho rằng Nội-các không đủ tín-nhiệm và muốn giảm bớt khoản quân-bị đi, bèn đem sổ dự-toán ra mà san-tước đi nhiều lắm. Vì vậy Chính-phủ phản-đối lại. Nghị-viện bèn mời quan Đại-tàng-khanh là Độ-biên Quốc-vụ đến mà chất-vấn về việc đó. Đại-tàng-khanh trả lời rằng một phân một ly nào Chính-phủ cũng không chịu giảm. Nghị-viện tức lắm, tự đình-chỉ việc nghị-hội lại để bách Chính-phủ rằng nếu Chính-phủ không giải-tán nghị-viện thì phải tự xin tổng-từ-chức. Thế nhưng Chính-phủ cũng không núng. Nghị-viện bèn quyết-kế dâng tờ tấu hặc Nội-các không đủ tín nhiệm. Bấy giờ Nhật-hoàng đang lo xa về việc nước, bèn định hạn là sáu năm tiết-giảm những khoản kinh-phí trong cung

đi để lấy một phần mười sung vào việc đóng tầu chiến. Nhật-hoàng lại hạ lệnh cho các quan văn vũ cũng lấy hạn sáu năm bớt một phần mười trong lương-bổng ra để nộp cho Nhà-nước khuếch-trương việc quân-bị.

Tờ chiếu ấy ban ra không ai dị-nghị gì, vì thế mà sổ dự-toán năm 26 lại thành-lập.

IV — Tài-chính về trước và sau cuộc Nhật-Thanh chiến-tranh

1 — Trù quân-phí để đánh Tàu

Tháng bảy năm Minh-trị 27, việc chiến-tranh ở Phong-đảo-sung đã khai-hấn rồi. Ngày 29 có tin thắng-trận ở Thành-hoan. Mồng một tháng tám Nhật-hoàng hạ chiếu khai-chiến. Từ đó quân Nhật trận nào cũng được. Chính-phủ Nhật bèn phát-hành điều-lệ « quân-sự công-trái ». Ngày 18 tháng 10 mở cuộc lâm-thời hội-nghị ở Quảng-đảo. Nhật-hoàng hạ chiếu rằng: « Trẫm tuyên-cáo cho các viên ở Quí-tộc-viện và Chúng-nghị-viện biết rằng: Nay trẫm phải triệu-tập kỳ lâm-thời hội-nghị của đế-quốc, đặc mệnh cho quan quốc-vụ đại-thần đem các nghị-án khẩn-cấp quan-hệ về hải-lục-quân-bị đề-xuất ra cho hai viện. Là trẫm nghĩ rằng nước Thanh quên mất cái trách-nhiệm cùng với đế-quốc ta cùng giữ cuộc hòa-bình cho cõi Đông-dương, để đến nỗi xẩy ra sự biến như ngày nay, thật là việc rất nên ân-hận. Nhưng mà hấn-đoan đã vỡ-lở mất rồi, mình không làm cho đạt tới cái mục-đích giao-chiến thì không được. Vì vậy trẫm mong rằng nhân-dân của đế-quốc hết thảy hòa-hợp mà giúp nên công-việc cho trẫm, cho toàn-cục đều đại-tiệp mà mau mau khôi-phục lấy cuộc hòa-bình lại cho cõi Đông-dương, để làm cho rạng tỏ ánh sáng của nước. Các viên nên cố gắng lên ».

Lời chiếu-chỉ hùng-tráng ấy đọc lên, quốc-dân đều cảm-kích. Kỳ lâm-thời hội-nghị này một loạt đều ưng-thuận nghị-quyết xong cái án quân-phí chi-xuất ngay.

Án ấy dự-toán việc quân-phí lâm-thời là một vạn vạn năm nghìn vạn viên. Hai viện đều thông-quá mà không phải cải-chính một hào-ly nào.

Đến kỳ hội-nghị thứ tám, Chính-phủ lại xin chi-xuất một khoản quân-phí là một vạn vạn viên. Nghị-viện cũng nghị quyết xong ngay. Thế mà về sau kết-toán lại khoản quân-phí ấy thì Chính-phủ thực chi mất đến hai vạn vạn bốn-mươi-bảy vạn năm nghìn năm trăm tám viên. Nay xét ra thì những khoản quân-phí lâm-thời ấy là lấy ở mấy món sau này:

1. — Số tiền do năm Minh-trị 26 còn rồi ra;

2. — Số tiền quân-phí báo hiệu;

3. — Số tiền tuất-binh báo hiệu;

4. — Số tiền phát-mại những vật vô-dụng của nhà binh;

5. — Số tiền quan-thuế thu được ở Kim-châu và các lĩnh-địa khác;

6. — Số tiền tô-thuế của Đài-loan, Bành-hồ-đảo và các thuế khác;

7. — Số tiền của Tàu phải bồi-khoản là bảy nghìn tám trăm chín-mươi-lăm vạn bảy nghìn sáu mươi tư viên.

Còn thiếu thì phát giấy quân-sự công-trái sung vào. Bấy giờ quốc-dân Nhật-bản họ muốn cho cuộc đánh Tàu ấy được thành-công, nên nhiều người bỏ cả sản-nghiệp đem tư-bản ra mà mua giấy quốc-trái.

2. — Sự sậu-tăng của sổ dự-toán về sau cuộc chiến-tranh

Trận thắng thì khí kiêu cũng là cái thường-tình, mà người Nhật lúc ấy cũng thế. Lúc Y-đằng làm Nội-các đã rút lấy ở trong sinh-kế-giới của dân

một mỏn quân-sự công-trái đến gần một vạn vạn viên. Tư-bản của dân-gian vì thế khánh-kiệt. Chính là lúc bệnh-hậu phải tư bổ đó. Thế mà Nội-các Y-đẳng không biết nghĩ, lại lấy câu thắng trận rồi phải kinh-doanh làm phủ đầu mà sáu-tăng cho sổ dự-toán năm 29 nhiều quá. Đại-ước như sau này:

Thường-thu và bất-thường-thu-hợp-công là: 197.197.712 viên.
So với năm 28 thì tăng lên là: 107.003.055 viên.
Thường-chi và bất-thường-chi hợp-công là: 193.425.716 viên.
So với năm 28 thì tăng lên là: 108.149.845 viên.

Kể từ có Chính-phủ Minh-trị đến nay, chưa có sổ dự-toán một năm đến quá một vạn vạn viên trở lên bao giờ. Bởi thế dư-luận sôi-nổi, nghị-viện phản-đối. Chính-phủ nhờ có đẳng tự-do giúp cho mới được thông-quá. Nhưng những khoản thu-nhập thực không đủ chi. Chính-phủ bèn thi-hành đánh thuế doanh-nghiệp, thuế rượu tăng thêm, thuế chuyên bán thuốc lá và thuế đăng-bạ, để thêm nhiều mối lợi. Mà cách đánh thuế thì rất nghiêm-khắc nặng-nề, dân không sao chịu nổi. Thậm-chí lấy vợ để coi cũng phải nộp thuế, thật là tàn khốc quá. Chính-phủ Nhật-bản hấy giờ mà sở-dĩ chăm vơ-vét như thế là lấy rằng mở-mang việc binh-bị, mở-mang cuộc giao-thông và cuộc chuyển-vận. Kể ra thì mấy việc đó cũng có tiến-bộ một chút, nhưng mà hàng nhập-khẩu nhiều ra, hàng xuất-khẩu ít đi, thành ra vật-giá càng cao mãi lên, tiền mặt càng hiếm mãi đi, cho tới năm 29, cái tình-cảnh sinh-kế của dân-gian cùng-quẫn quá lắm. Bấy giờ những nhà kinh-tế-học ở dân-gian hua-hua khởi lên công-kích Chính-phủ, Nội-các Y-đẳng cũng tự biết không thể chỉnh-lý tài-chính sau khi chiến-tranh được. Tháng tám năm 2, Y-đẳng-Bác-văn bắt đầu xin bãi chức, rồi các Các-viên khác cũng cùng đẳng sớ xin từ chức. Thế là Nội-các Y-đẳng chưa kịp kinh-doanh được công-cuộc lớn ở sau khi chiến-tranh mà đã bị đổ.

3. — *Nội-các Tùng-phương*

Nội-các Y-đẳng vì không chỉnh-lý được tài-chính đã bị đổ rồi, thì kẻ nối sau mà lại không có mưu-chước gì khôn-khéo hơn, tất không xong việc được. Tùng-phương-Chính-nghĩa vốn có tiếng là kẻ giỏi lý-tài, dân qui-phục lắm. Tháng tám năm 29 Tùng-phương được cử làm Tổng-lý đại-thần; Đại-ôi Trọng-tin thì được cử làm Ngoại-vụ đại-thần. Bấy giờ đẳng tiến-bộ tuyên-ngôn hết sức giúp cho Nội-các mới, người trong nước cũng mong-mỏi cho rằng hễ Nội-các mới đứng vững được thì công-việc kinh-doanh sau khi chiến-tranh tất thành-tựu được. Ngờ đâu đến lúc đề-xuất sổ dự-toán năm 30 ra thì đại-lược không khác gì của Nội-các Y-đẳng trước. Họ phải nói thoái-thác rằng họ mới vào Các còn ít ngày lắm nên chưa chỉnh-lý cho xong xuôi mọi việc ngay được. Lại nhờ được đẳng tiến-bộ bênh-vực cho, nên cái án ấy được nghị-hội kỳ thứ 10 thông-quá, nhưng mà những người cao-kiến thì đã sớm biết là Nội-các Tùng-phương này cũng hỏng.

Về sau những chỗ bưng-bít nó vỡ-lở ra, càng ngày người ta phi-nghị càng nhiều. Đại-ôi cũng vì ý-kiến bất-hợp, bèn cùng đẳng tiến-bộ tuyệt-giao với Nội-các Tùng-phương. Tùng-phương bấy giờ thế cô, bốn mặt đều bị công-kích. Lại đến khi đề-xuất bản án dự-toán năm 31 ra nghị-viện thì cũng vẫn thế chẳng chỉnh đốn được việc gì. Đánh thuế nặng làm khổ nhân-dân cũng y-nhiên như trước. Vì thế kỳ hội-nghị thứ 11 hết sức phản-đối, nhưng phản-đối không được bèn phải giải-

tán, mà Tùng-phương cũng tự biết mình không đứng vững được nữa, nên cũng dâng biểu xin từ chức. Số tổng-cộng của sổ dự-toán năm 31 như sau này:

Tổng-cộng thường thu với bất-thường thu là: 112.114.119 viên.

Tổng-cộng thường chi với bất-thường chi là: 229 438.687 viên.

Xem thế thì số thu bù cho số chi còn thiếu đến hơn một trăm triệu, lại còn khoản bổ-sung cho phủ Tổng-đốc Đài-loan cũng khá to. Chính-phủ muốn bổ vào cho đủ, bèn quyết kế tăng thuế, vay quốc-trái và khai tiêu cho hết số tiền bồi-thường của nước Thanh phải nộp đi.

4.— Thực-hành chế-độ lấy vàng làm bản-vị

Kể ra thì chế-độ lấy vàng làm bản-vị đã thực-hành từ lúc Tùng-phương làm Nội-các rồi. Là vì giá bạc thì sút xuống nhiều không lợi cho việc mậu-dịch, không bằng giá vàng ít hay biến-động. Vì thế mới lấy vàng làm bản-vị. Lại có một thuyết nữa nói bấy giờ Chính-phủ Nhật-bản muốn đem bán vé « Nhật-bản công-trái » ở Luân-đôn, nên mới lấy vàng làm bản-vị cho hợp với chế-độ ấy như sau này:

Phép đúc tiền

Điều thứ hai: — Lấy thuần-chất vàng nặng hai phân làm đan-vị của giá-cách, gọi là một « viên »

Điều thứ ba: — Chia ra làm chín thứ tiền-tệ như sau này:

Tiền vàng: 20 viên, 10 viên, 5 viên.
Tiền bạc: nửa viên, 2 giác, 1 giác.
Tiền đồng bạch: 5 phân.
Tiền thau: 1 phân 5 ly.

Về tiền vàng tức là một đồng tiền vàng ăn 20 viên, một đồng ăn 10 viên và một đồng ăn 5 viên. Về tiền bạc thì đồng nửa viên tức ta gọi là đồng « sanh-căng = năm hào », 2 giác tức ta gọi là đồng « vân = hai hào », và 1 giác tức ta gọi là một hào. Về tiền đồng bạch thì đồng 5 phân tức ta gọi đồng « năm su ». Còn tiền thau thì đồng 1 phân tức một su và đồng 5 ly thì là một « trinh » của ta đó.

Điều thứ năm: Thành-sắc của các thứ tiền:

Tiền vàng: thuần vàng 900 phân, Đồng 100 phân.
Tiền bạc: thuần bạc 800 phân, Đồng 200 phân.
Tiền đồng bạch: chất đồng trắng 250 phân, hồng-đồng 750 phân.
Tiền thau: hồng-đồng 950 phân, thiếc 40 phân, á-duyên 10 phân.

Điều thứ mười bốn: — Ai có vàng khối đem đến nhờ Nhà-nước đúc giúp cho cũng được

Chế-độ tiền-tệ dùng vàng làm bản-vị như trên ấy thực-hành ra, người Nhật nghị-luận phân-vân lắm. Kẻ thì cho là phải, kẻ thì cho là không phải. Kẻ thì nói rằng cõi Đông-dương ít vàng khối mà dùng phép ấy thì rồi không thể giữ vững được cái cơ-sở số chuẩn-bị của tiền thực. Nhưng đến khi thi-hành ra thì sự trao-đổi cũng thấy dễ-dàng. Duy đến năm 31, sự buôn-bán với ngoại-quốc lại thành trái ngược. Nghĩa là hàng vào thì nhiều mà hàng ra thì ít, bao nhiêu tiền thực chuyển đi ngoại-quốc mất cả. Vì thế mà vật-giá cao lên, lợi-tức thêm nặng, rồi đến ngoài chợ hết cả bạc mặt, sinh-kế rất khó khăn. Thế thì sự khó-khăn ấy không những tại lấy vàng làm bản-vị cho tiền-tệ, mà còn bởi cái nguyên-nhân khác nữa. Cho nên cái chế-độ lấy vàng làm bản-vị cho tiền-tệ ở Đông-dương này lợi hay là hại, dở hay là hay, ta chưa đủ kinh-nghiệm mà đoán vội được.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

MỘT CÁI TIỂU-THUYẾT RẤT NGẮN (1)

(Truyện đoản-thiên)

Nước đông đến nứt cả đá. Trời tháng giêng, chỉ những băng cùng tuyết. Khốc-hại nhất là cho những kẻ bần-tiện, như bồi canh cửa, lính cảnh-sát,— những kẻ không được nằm trong buồng ấm cho khỏi phải lạnh-lẽo. Tôi không đến nỗi là kẻ không có chỗ náu mình, nhưng cái óc tưởng-tượng của tôi nó làm cho tôi không ở yên được, phải bỏ nhà mà đi vậy.

Ừ, mà thực, tôi không biết làm sao tôi lại đến lang-thang ở chỗ này, ở trên đường bờ sông hiu-quạnh này ? Cột đèn ở đây có bốn cánh, đèn chiếu xuống sáng trong ; đèn là đèn khí, gió lọt vào trong, làm cho ngọn đèn nhảy lên, vậy mà vẫn sáng. Ánh sáng trắng làm cho cung-điện ở cạnh đó lù-lù như một đám đen, những cửa sổ lõm vào lại càng tối om nữa. Những miếng kính lớn trong cửa phản-chiếu cái cảnh tuyết sa tơi-bời ở bên ngoài, —với cái cảnh đêm tối đen sì ở bên trong. Gió thổi như gầm thét, như rền-rĩ, như quét sạch con sông Nê-va kia quạnh-hiu mà lạnh-lẽo.

Coong-kinh-coong ! Coong-kinh-coong ! Gió vẫn gầm mà vẫn nghe thấy tiếng chuông nện ; đó là chuông nhà thờ ở trong thành, nghe tiếng chuông buồn mà cái ống chân gỗ của tôi nện xuống đường đá hình như đánh nhịp từng tiếng một. Con tim khốn-nạn của tôi nó cũng muốn nhịp theo mà nó đập thình-thình ở trong ngực, như trong cái ngục chật-hẹp để mà giam nó vậy.

Khốn-nạn cho tôi, tôi còn trẻ-trung như thế này mà tôi đã tàng-tật ! Tôi thành một con người bỏ đi ở trong nhân-loại, kẻ cũng chưa phải đã lâu chi !

Coong-kinh-coong ! Coong-kinh-coong ! Tiếng chuông thánh-thót giọng buồn thay, theo như điệu các con chiên trong đạo đọc bài kinh « Lạy chúa tôi, xin chúa tôi thương tôi ! » Rồi lại nghe thấy chuông đánh giờ đánh một giờ sáng . . . Vậy ra mới có một giờ sáng thôi ! Còn bảy giờ nữa mới sáng. Bấy giờ cái đêm tuyết tối-tăm này mới hết, mà ánh sáng ban ngày mới lên, sáng cũng sâm-sì. Có nên về nhà bây giờ không ? Cũng chẳng biết nữa ; thật là nhất-thiết dửng-dưng cả. Trong người không thấy buồn ngủ.

Về mùa xuân tôi cũng ưa đi thủng-thẳng trên bờ sông này suốt cả đêm. Ôi ! những đêm ấy tốt đẹp biết bao nhiêu ! Tôi không từng biết cái khoái-lạc gì êm-ái bằng cái khoái đó. Đêm đây không giống như đêm ở phương Nam, sực nức những mùi thơm, trời cao sao lớn, như con mắt nhìn theo mình vậy. Đây thời hết-thảy như sáng bóng cả. Mầu trời như có vẻ sạc-sỡ ; trời lạnh mà đẹp. Rạng đông ở đây là suốt cả đêm, phía Bắc và phía Đông như hoàng-kim lấp-lánh. Khí trời lạnh như băng. Sông Nê-va coi ra vẻ rực-rỡ lắm, thủng-thẳng sóng gợn lên, thủng-thẳng đập vào bên bờ đường lát đá. Hôm ấy chính ở trên đường bờ sông đây . . . Cô ta tựa vào cánh tay tôi, rồi...

Sự đau lòng còn nghĩ đến làm gì, mà còn nói đến làm gì nữa ? Nhưng cái lòng người nó vẫn thế, nó bị rầy-vò khốn-nạn nó cũng vẫn thế. Hễ bị đau-đớn về sự gì, thì gặp ai đem ngay ra mà than-thở với người ta, tưởng rằng — rõ dại quá ! — như thế thì nhẹ bớt cái gánh sầu của mình đi.

Tôi gặp nàng Mã-sa là vào mùa xuân mới rồi, tưởng trong bọn con gái mà mang

(1) *Un roman trèscourt* của văn-sĩ nước Nga GARCHINE, do E. KOESSLER thoát-dịch ra chữ Pháp.

cái tên này thì nàng là người thuần-thục hơn cả. Tôi gặp nàng lần thứ nhất là trên đường bờ sông đây, nhưng bấy giờ trời không lạnh buốt như bây giờ, mà tôi cũng chưa phải là thằng quê như ngày nay.

Hồi bấy giờ tôi không có mang cái ống chân gỗ như bây giờ, tôi có chân hẳn-hoi, bằng xương bằng thịt, chân mạnh-mẽ, chẳng khác gì cái ống chân trái của tôi đây. Vả người tôi cũng ra vẻ con người, chứ quyết không có cái hình-dáng một thằng cùi-cụt như bây giờ. Nói cái tiếng cùi-cụt ấy nghe nó không lịch-sự thật, nhưng lịch-sự hay chẳng lịch-sự đối với tôi cũng chẳng hề chi nữa !

Tôi làm quen với nàng, cái tình-cờ nó cũng chẳng có chi là lạ. Tôi đương đi trên bờ sông này, nàng cũng đi cùng một lúc. Tôi không biết cái gì nó run-rủi cho tôi nói chuyện với nàng, vì quả tôi không phải là một anh chàng hay ve gái xưa nay. Vậy mà tôi cất lời lên chào nàng. Trước tôi nói rằng tôi không phải như những đồ vô-liêm-sỉ kia đi ngoài đường phố hễ gặp đàn bà là sán lại liền ; tôi nói cái tâm-ý tôi thật là trong sạch. Coi cái mặt tôi thật-thà, — khốn-nạn cái mặt ngày nay phải một cái vạch sâu ở ngay dưới mũi, — cô ả cũng có lòng tin. Tôi đưa cô về đến tận nhà ở đường « Xóm thuyền ». Bấy giờ là nàng vừa đến thăm bà ở cạnh vườn « Hạ-uyển » về Chiều nào nàng cũng đi thăm bà như vậy, bà đã già mắt lòa, nàng đến đọc sách cho bà vui.

Bà lão nay đã chết rồi. Năm nay biết bao nhiêu là kẻ chết, mà chưa phải là bà lão già chi, mà tôi đây tôi cũng đã qua cái bước thập-tử nhất-sinh rồi đây. Nhưng tôi vẫn đứng vững. Con người ta kể cũng nhẫn-nại thật, có lúc phải tự hỏi rằng không biết cái sức chịu khổ của giống người đến thế nào là cùng. Thật trông thấy mà không thể tin được.

Được lắm. Mã-sa đã truyền cho tôi phải làm sao cho đáng bậc nam-nhi, tôi quyết chí đi tòng-quân. Đời này không phải là đời quân Thập-tự như xưa ; cái giống võ-sĩ cũng hết rồi. Nhưng giả người đàn-bà mình yêu bảo mình rằng : « Cái nhẫn này là tôi đây », rồi đem ném cái nhẫn ấy vào đống lửa, mình có lăn vào lửa mà lôi ra không ?

Chắc trả lời rằng : « Người gì mà kỳ vậy ! » Không, chẳng khi nào lại lăn vào đống lửa như vậy. Thà đi ra hàng kim-hoàn kia mua lấy một cái nhẫn đáng giá gấp mười lại còn hơn. « Thế ngộ người yêu ấy lại bảo rằng người ta không muốn cái nhẫn ấy mà muốn cái nhẫn kia thì thế nào ? » Không có lẽ thế.

Ai có nhớ thủa nhỏ thường có lúc nhìn con thiêu-thân nó ném mình vào ngọn lửa không ? Trông cái cảnh-tượng đó mà tức cười thay. Lửa đã cháy đến quá nửa rồi, con thiêu-thân nằm ngửa ra còn rẫy cánh, coi cũng ngộ. Nhưng coi rồi thì đâm chán ra, dẫm chân lên cho chết. Thế là hết cái khổ cho con thiêu-thân

Ôi ! Sao không ai dẫm một cái cho tôi chết đi cho hết khổ !

Nàng là một người con gái kỳ. Khi được tin khai-chiến, trong mấy ngày nang ủ-dột, tôi không thể nào làm cho khuây.

Một hôm nàng bảo tôi rằng :

— Anh có phải là người trọng danh-dự không ?

Tôi trả lời :

— Có chứ.

— Người trọng danh-dự thời việc làm phải cho hợp với ý-kiến. Anh đã về phe chủ-chiến, nghĩa-vụ anh là phải đi tòng-quân.

Nàng nói đến đấy cau mày lại, nắm chặt lấy bàn tay tôi vào trong ngón tay mảnh rẻ và mạnh-mẽ của nàng.

Tôi nhìn vào giữa mặt nàng, rồi nói một cách trịnh-trọng rằng : « Tôi xin đi tòng quân ».

Nàng tiễn tôi ra ga, lúc lên xe hứa với tôi rằng :

— Bao giờ anh về, tôi sẽ làm vợ anh. Cố mà về, nhé.

Mắt tôi rơm-rớm khóc, tưởng không mấy tí mà òa lên được. Nhưng vẫn cố cầm lòng, còn có can-đảm trả lời với nàng rằng :

— Mã-sa mình ơi, mình nhớ lấy nhé ; người ta biết trọng danh-dự thời...

Nàng nói tiếp theo rằng :

– Thời việc làm phải cho hợp với tình-ý.

Tôi ôm nàng vào ngực một lần cuối cùng, rồi tôi nhảy lên toa xe-lửa.

Tôi đi đánh trận vẫn là vì cái ái-tình với Mã-sa, nhưng cũng là làm nghĩa-vụ với nước nữa. Không quản gì mưa dầm gió bụi, chẳng hề chi nắng lửa tuyết sa, tôi lẽo-đẽo trầy qua nước Lỗ-mã-ni. Ăn thời bánh trong quân rắn như đá, tưởng đến vỡ cả răng. Lần đầu gặp quân Thổ, đánh nhau cứng lắm : được thưởng bội-tinh, được thăng suất-đội. Đến trận thứ hai, thời chợt thấy có cái vật gì to-tướng nó nổ ngay trên đầu, rồi mình ngã lăn đùng xuống đất. Tiếng kêu rền ; rồi thấy tối om hẳn .. rồi thấy ông đốc-tờ đeo cái áo dài trắng, tay be-bét những máu, thấy những cô khán-hộ... rồi trông thấy đàng kia, để trên cái bàn, cái ống chân của tôi mới cắt ra, thấy có cái dấu ở dưới đầu gối mới nhận biết..., bấy nhiêu cái thoáng qua trên đời tôi như một cơn ác-mộng. Nay tôi hồi-tưởng còn như trông thấy cái đoàn xe-lửa vệ-sinh, trong có giường nằm tử-tế, trông thấy ba đội khán-hộ trông nom cho tôi, rồi đến đoàn xe-lửa tốc-hành đem tôi về Thánh-bỉ-đắc.

Khi đi thì còn hai chân hẩu-hoi, đến khi về chỉ còn một cẳng với một cái mẩu cắt dở, cái đó thời, trời ôi ! bao giờ mà quên cho được !

Người ta khiêng tôi vào nhà thương ; bấy giờ là vào tháng bảy. Thầy khán-hộ gác đấy, con người tử-tế lắm, hỏi cho tôi được chỗ ở của nàng Mã-sa. Nàng vẫn ở đường « Xóm thuyền »... Tôi viết cho nàng một cái thơ, viết cái thứ hai, cái thứ ba nữa, vẫn không được giấy trả lời.

Hỡi bạn độc-giả quí của tôi ơi, ấy cả cái chuyện của tôi chỉ có thế mà thôi. Có lẽ bạn không tin tôi chăng. Câu chuyện chẳng cũng khó tin lắm sao ? Chuyện chàng võ-sĩ bị một gái bất-lương nó đánh lừa, ấy là cái chuyện hoang-đường chi vậy ? Chẳng là một cái tiểu-thuyết quá cũ lắm dư ? Nhưng, hỡi bạn độc-giả ơi, bạn không tin cũng không được. Than ôi, còn có những kẻ Đông-ki-sốt khờ dại như vậy... không kể gì một mình tôi.

Sau người ta buộc cho tôi cái chân gỗ, mới có thể tự đi đến nơi để dò xem vì cớ gì mà Mã-sa nhất-quyết không trả lời như vậy. Tôi thuê xe đến xóm Thuyền, ỳ-ầ ỳ-ạch trèo một cái thang dài mãi đến tận trên gác thượng. Ôi ! tám tháng trước kia, mỗi lần đến thăm nàng, sao mà tôi chạy mau như vậy. Đến trước cửa. Gõ cửa, quả tim đập thình-thình ... Nghe dàng sau cửa có tiếng người đi. Mụ vú già tên là A-đô-ta ra mở cửa... Mụ reo mừng lên, tôi không làm tai nghe nữa, chạy xồ vào trong buồng ăn, – nói là chạy xồ vậy, chứ mình còn có một cẳng thì chạy làm sao ! Kêu lên : Mã-sa ơi !

Thì ra nàng không phải một mình. Ngồi cạnh nàng có một người anh em họ xa, người thiếu-niên mặt-mũi cũng khôi-ngô. Anh ta trước cũng học trường Đại-học với tôi, trung-gian đã tốt-nghiệp, và hiện nay có lẽ đã có công-việc làm tốt. Hai người tiếp-đãi tôi một cách nhã-nhặn lắm, nhưng cũng có ý ngượng một chút.

Nói chuyện độ một khắc đồng-hồ thì tôi rõ đầu-đuôi cả.

Họ đã tình duyên đằm-thắm, tôi cũng không muốn làm ngăn-trở họ chi ..

Cách ít lâu thì hai người làm lễ cưới. Tôi làm chân phù rể. Trong khi làm lễ để trao người yêu của tôi vào tay người khác, tôi cũng làm hết cái phận-sự phù rể. Mã-sa thỉnh-thoảng nhìn tôi có ý lo-sợ, còn người kia thì đối với tôi vừa ra dáng ân-cần mà vừa ra ý ngượng-ngập. Tiệc cưới vui-vẻ lắm. Chủ khách cùng nhau uống sâm-banh. Bà con là người Đức

hoan-hô toàn một giọng « Hốc ! hốc ! » (là tiếng hô Vạn-tuế của người Đức), nói đến tôi thời nói rằng : « Ông bạn người Nga. »

Hỡi bạn độc-giả qui của tôi, có lẽ bạn nghe câu chuyện đó cũng hãy còn một chút ngờ chăng. Cũng chẳng hề chi ! Nhưng nếu giữa buổi đêm đông này, bạn càng tôi đi thơ-thẩn trên đường bờ sông cùng tôi nghe tiếng gió thổi ào-ào, tiếng chuông đánh kinh-coong, với tiếng chân gỗ của tôi nện xuống đá lát trên đường, nếu lòng bạn cũng cảm-giác như tôi trong buổi đêm trường này, thì bạn ắt sẽ tin lời tôi.

Coong-kính-coong ! Coong-kính-coong ! Chuông nhà thờ vừa đánh bốn giờ. Thôi, nên về nhà đi. Ta trở về chốn phòng không lạnh-lẽo, thử xem có ngủ được không.

HẠC-ĐÌNH *dịch.*

HẬU-LÊ CHÍNH-TRỊ

Chính-trị có quan-hệ với quốc-vận thịnh suy, nước thịnh thời chính-trị thanh-giản, nước suy thì chính-trị phân-phồn, vì là chính-trị đã phân-phồn, thời phú-thuế nặng-nề, dân-tình không thể kham được, tất phải họp đảng mà phản-kháng với chính-trị, đó là sự-lý tất-nhiên vậy.

Ta thường duyệt Lê-sử, đến triều vua Thánh-tôn nhà Lê, đương lúc ấy triều-đình vô-sự, chuyên việc khuyến-khóa nông-tang, quan-lại thời theo giữ công-lý, đối với dân không có sự gì tân-ngược, dân-gian thời yên sự làm ăn, đối với người trên không có sự gì bạn-nghịch, cho nên vua tôi được hưởng cái phong vị hòa-bình, bèn đem quân-đạo quốc-chính diễn làm thơ-văn, chế ra Quỳnh-uyển chín bài ca, để cùng ngâm vịnh, thực là cái cảnh-tượng thái-bình vậy.

Tự đời Hậu-Lê chủ-quyền trong nước không ở tay nhà Lê, mà ở tay chúa Trịnh. Tự khi Trịnh Cương 鄭 棡 mất, pháp-hiến và văn-học ở trong nước không ai chỉnh-đốn, Trịnh Giang 鄭 杠 kế-tập, ngày đêm chỉ lấy tài-sắc làm cái sự khoái-lạc của mình, phủ phiền dịch trọng, dân-tình khổ-sở đến thế nào cũng không xem xét đến, bởi vậy bốn phương nổi loạn, mượn tiếng đánh Trịnh giúp nhà Lê, quan-quân không thể chống được. Đương bấy giờ có bốn tay địch-quốc, một là Lê Duy-Mật 黎 維 䄍 con vua Dụ-tôn, giữ đất Chấn ninh, trước sau ba-mươi-lăm năm ; hai là Nguyễn Danh-Phương 阮 名 芳 người huyện An-thế, tỉnh Sơn-tây, gọi là giặc He, giữ núi Tam-đảo, kế giữ núi Ngọc-bội trước sau mười ba năm ; ba là Nguyễn Hữu-Cầu 阮 有 求 người Hải-dương, gọi là giặc Hẻo, giữ núi Hồ-sơn trước sau mười năm ; bốn là Hoàng Văn-Chất 黃 文 質 người Sơn-nam, giữ động Mãnh-thiên, tỉnh Thanh-hóa và Hưng-hóa, các xứ thượng-du về tay Văn-Chất chiếm-cứ gần hết ; trước sau năm mươi mốt năm, dân-sự không được ngày nào yên nghỉ, cái sự binh-qua đó cũng là nguyên-nhân ở chính-trị hà-khắc mà phát-sinh ra vậy, nên đem cái chính-trị đời Hậu-Lê lược kể sau này để làm gương cho những nhà chính-trị vậy.

Nói về quan-chế

Hậu-Lê quan-chế cũng theo như đời Hồng đức, đến vua Huyền-tôn năm Cảnh-trị thứ hai, mới đặt ra chức tham-tụng và chức bồi-tụng, đều có quyền-chính

trong triều, đến triều vua Dụ-tôn phủ chúa Trịnh lại đặt thêm ra sáu phiên để chia quyền, lục-bộ đã có thượng-thư lục-bộ, lại đặt ra sáu phiên thế thời cái số tiền lương ngày lại thêm ra, tất phải tăng thuế ở dân, tăng thuế cũng không đủ tất phải quyên tiền để bổ quan. Tuy cái lệ quyên quan trước tự vua Trần Dụ-tôn đã có, nhưng lúc ấy quyên tiền nhà giàu, để giúp cho nhà nghèo mà thưởng cho phẩm-trật, chứ không có bổ quan, đến đời Lê Thánh-tôn, cũng theo cái lệ ấy, nhưng chẳng qua thưởng cho cái hư-hàm mà thôi. sau đời Lê Vĩnh-hựu năm thứ năm dương tây-lịch 1739, trong nước dùng binh, tài-chính quẫn-bách mới định ra cái lệ nộp tiền bổ quan, nộp hai nghìn năm trăm quan trao cho chức tri-phủ, nộp một nghìn hai trăm quan trao cho chức tri-huyện. Triều Cảnh-hưng năm thứ hai-mươi-mốt, lại định lệ nộp thóc bổ quan, người nào nộp thóc sáu vạn bát quan đồng, trao cho chức Thái-phồn phủ-quan, người nào nộp thóc bốn vạn bát quan đồng, trao cho chức Thái-phồn-huyện-quan, tự đấy quan-chức rất là hỗn-tạp, thậm-chí lại lập ra điều-lệ tạ ơn, triều vua Hi-tôn vua Dụ-tôn, phàm quan chánh-nhất-phẩm phải nộp nhà vua hai mươi lạng bạc, quan tòng nhất-phẩm phải nộp nhà vua mười-sáu lạng bạc, từ chính-nhất cho đến tùng-cửu-phẩm, đều phải theo cái lệ ấy làm sai-đẳng, không những nộp vào nhà vua lại phải nộp vào phủ chúa Trịnh có phần bội hơn, gọi là cái tiền tạ ơn, nếu không tuân thì trị tội bất-kính.

Nói về binh-chế

Tiền-Lê chia binh làm năm phiên, một phiên thì lưu ở ban, còn bốn phiên thì cho về làm ruộng, cứ theo lần lượt đổi nhau, hết phiên nọ đến phiên kia, hễ có việc thì mới phải đi đánh giặc. Đời Lê-trung-hưng, binh có năm vạn sáu nghìn năm trăm người, đến triều vua Hiển-tôn đặt làm hai-mươi-bốn cơ, binh-số sáu vạn năm nghìn bảy trăm; Thanh-hóa ba phủ, Nghệ-an mười hai huyện, ba suất đinh lấy một người gọi là ưu-binh 優兵, phủ Trảng-an, phủ Thiên-quan, và bốn trấn ở xứ Bắc-kỳ, năm suất đinh lấy một gọi là nhất-binh 壹兵. Binh ở Thanh, Nghệ thời xung vào quân túc-vệ, để phòng giữ hoàng-thành và phủ chúa Trịnh, còn binh ở bốn trấn phòng-bị các địa-phương và để phủ-quan sai-phái, khi nào hữu-sự thời đem hai-mươi-bốn cơ để đi việc chinh-chiến. Triều vua Hiển-tôn, binh ở Thanh, Nghệ cũng là binh ở tứ-trấn, tục trong làng bốn-mươi tuổi, hoặc năm-mươi tuổi lệ được đem thế người khác, lúc ấy việc binh khẩn-cấp mới hạ lệnh cấm, phàm binh-đinh chưa đến sáu mươi tuổi không được đem người khác tư-thế, nhiều người già yếu còn phải đi chỗ chiến-trường, cái tình gian khổ không thể nói cho xiết.

Nói về hình-luật

Đời Lê trung-hưng hình-luật cũng theo như Tiền-Lê, Tiền-Lê có hình chém tay rất là thảm-khốc, năm Bảo-thái thứ hai, mới định ra cái luật chém hai tay cải làm đồ chung thân; chém một tay thì cải làm đồ sáu năm; chém hai ngón tay thì cải làm đồ ba năm; còn như trộm cướp không ở cái luật ấy.

Triều vua Hi-tôn, năm Chính-hòa thứ tám, mới định ra cái lệ đoán-hình lý-ngục, thuộc về án mạng, thời hạn để sáu tháng mới kết nghĩ; đạo-kiếp và điền-thổ hạn ba tháng; hộ-hôn và đánh đả hạn hai tháng. Bấy giờ những người can-phạm, đằng đãi lâu ngày, đu đợi nằm chờ, rất là thiệt hại. Xét ra hình-luật đời Hậu-Lê quyền ở chúa Trịnh, vua nhà Lê như vua Trang-tôn 莊宗, vua Kính-tôn 敬宗, vua Vĩnh-khang 永康 đều lấy vu-chức mà bị tử. Tôi nhà Lê như ông Nguyễn Công-Hãng

阮公沆, ông Lê Cập-Bệ 黎及第 đều phải oan mà bị tử, thế thời danh vi hình-luật của nhà Lê, thật là hình-luật riêng của chúa Trịnh vậy.

Nói về khoa-cử

Tiền-Lê đã mất, nhà Mạc chiếm nước, Mạc Đăng-Dung 莫登庸 niên-hiệu Minh-đức năm thứ hai, trong khoảng sáu-mươi năm, Bắc-kỳ nhân-sĩ đều thi ở triều nhà Mạc; ứng thí nhà Lê chỉ có Thanh-hóa trở về nam mà thôi. Đến triều Gia-thái năm thứ mười-tám, tây-lịch 1590 Lê đánh được Mạc, khôi-phục được Bắc-hà, mới mở khoa thi hội ở Đông-đô. Xét ra nhà Lê từ trung-hưng trở về sau khoa-cử chuyên-thượng đạo-tập những văn cũ, nên nhân-tài không được như đời Hồng-đức, mà cái tệ những lạm thi hội lại thậm hơn thi hương. Khi mới trung-hưng, lệ định người nào ứng-thí nộp năm tiền, gọi là tiền minh-kinh, đến đời Bảo-thái nhân đấy thu tiền minh-kinh nộp vào quan để chi vào việc sửa trường thi và cung-đốn thập-vật, đến đời vua Hiển-tôn, năm Cảnh-hưng thứ mười-hai, Trần Cảnh Đỗ Thế-Nhân, tâu với triều-đình, binh-phí ngày rộng, tiền kho không đủ chi, sức cho dân-gian người nào muốn ứng-thí nộp ba quan tiền, miễn cho khảo-hạch, đều được vào thi gọi là tiền thông-kinh; thời bấy giờ gọi là « tam-quán sinh đồ 三貫生徒 », ý nói giá tú-tài chỉ có ba quan mà thôi, cho nên những người làm ruộng đi buôn, cho đến đứa hàng mổ tranh nhau nộp quyền để ứng-thí, chen nhau vào trường, đạp nhau mà chết, thậm-chí công-nhiên đem sách cũ và mượn người làm văn, không có húy-tị chi cả.

Nói về học-thuật

Triều vua Dụ-tôn, Quốc-học thời lấy quan tế-tửu tư nghiệp làm giản-quan, phàm những dân-gian sĩ-tử, người nào tuấn-tá, cũng được cùng với con cháu các nhà công-thần vào nhà Quốc-học, mỗi tháng một lần tiểu-tập, thời cử chức giáo-thụ, và học-chính chuyên coi về việc ấy, mỗi năm cứ đến tháng trọng-xuân và trọng-hạ trọng-thu trọng-đông, bốn kỳ đại-tập, cử giám-quan chuyên trưởng. Đại-tập bốn lần đều trúng cả, thời Lại-bộ lấy thứ tự mà bổ quan, còn như những chức hương-học hiệu-quan chuyên dạy các sinh-đồ ở trong phủ, và các đồng-sinh có tư-chất thông-thái, mỗi một năm hai lần khảo khóa, trúng được tám lần gọi là bát-khóa, thì được vào thi hương. Tự đời Lê Duy-Phường 黎維祊 trở về sau văn-học ngày suy, sĩ-hạnh không được như trước. Xét ra văn-học nhà Lê chấn-hưng tự đời Thiệu-bình, thịnh-hành ở đời Hồng-đức, trung-gian một biến, mà đạo-tập quần-thư, hai biến mà tầm-chương trích-cú, thậm-chí bỏ cả kinh-học, mà nghiên-cứu những sách tạp ở bên ngoài, khu-khu chỉ lấy khoa-cử làm thê-giai; còn như học về kinh-tế thì không ai lý-hội đến, bởi vậy sĩ-khí một ngày một nhu-nhược, dân-phong một ngày một suy-đồi, cái lỗi ấy không những tự sĩ-phu, mà trách-nhiệm ấy cũng tự quân-tướng vậy.

Nói về tài-chính

Đời Hậu-Lê trước dùng binh đánh nhà Mạc, sau dùng binh đánh Lê Duy-Mật và giặc Cừ giặc Tuyển, đánh nam dẹp bắc, trong nước không lúc nào ngơi việc binh-đao, bởi vậy phủ-khố không hư, thậm-chí phải thu tiền của học-trò và thu thuế của người buôn-bán cùng là người có nghề-nghiệp, không thức gì là không đánh thuế. Đời vua Hiển-tôn trời làm tai-biến, thiên-hạ mất mùa, có khi giá gạo một trăm đồng tiền một người ăn không no, duy có hạt Nghệ-an, hạt Sơn-nam là có thóc, bèn sức đong hạt Nghệ-an hai trăm vạn

bát quan đồng, đong hạt Sơn-nam một trăm năm-mươi vạn, mỗi năm-mươi bát giá tiền một quan, đó cũng là giảm giá ức mãi của dân vậy. Thời bấy giờ Nguyễn Như Châu 阮如珠 làm quan trấn-thủ Nghệ an mộ người nào có tải thóc đem về kinh-sư thời trọng-thưởng, không có người nào ứng-mộ, duy có Nguyễn Mẫn 阮敏 là bố Cống Chỉnh, người Chân-phúc, xin ứng-mộ và xin nhận cái thóc đong ở quan đem xay ra gạo, cứ hai thóc nộp một gạo để tải về kinh-sư cho tiện. Nhận việc đó mà giàu có kể vạn, mà Cống-Chỉnh cũng thừa được cái tư-cơ của bố mà đem tiền để cầu quan.

Thuế đinh-điền triều vua Huyền-tôn năm Cảnh-trị thứ hai dương khoảng 1663, thuế chia làm hai ngạch : một là kể dân-đinh mà đánh thuế, mỗi năm nộp một quan năm tiền, gọi là qui-tiền 季錢 ; một là đạc quan điền, quan-thổ mà đánh thuế, chia ra ba hạng, hạng nhất một quan, hạng nhì tám tiền, hạng ba sáu tiền, gọi là thuế-tiền 稅錢, trước xưa lệ mỗi mẫu nộp thóc ba thưng, đến bấy giờ mới chuẩn cho nộp tiền.

Xét năm Hồng-đức định lệ gạo sáu cáp làm một thưng, năm Cảnh-trị mới định lấy thóc một nghìn hai trăm hột, làm một thược, mười thược là một cáp, mười cáp là một thưng, mười thưng là một đấu, mười đấu là một hộc, quan cùng dân phải theo cái lệ ấy mà nộp thuế.

Triều vua Dụ-tôn năm Bảo-thái thứ hai, mới phỏng phép nhà Đường đánh thuế tô 租, thuế dung 庸, thuế điệu 調, thuế-pháp nhà Đường mỗi suất đinh tự mười tám tuổi trở lên, thời được ăn ruộng chịu thuế. Quan-điền trăm mẫu chia ra hai-mươi mẫu làm thế-nghiệp, truyền con đến cháu, còn tám-mươi mẫu làm khẩu phần, hễ khi già phải trả ruộng lại quan, ruộng mỗi năm một mẫu phải nộp hai hộc thóc, gọi là thuế tô, ruộng không có thóc nộp hoa-lợi gọi là thuế điệu, mỗi suất đinh phải đi làm việc hai-mươi ngày, gọi là thuế dung. Nguyễn Công-Hãng bắt-chước nhà Đường mà định thuế tô : công-điền mỗi mẫu đánh thuế tám tiền còn ruộng thục-điền hai mùa thời ba phần thóc thu lấy hai, ruộng thục-điền một mùa ba phần thóc thu lấy một châu thổ mỗi mẫu nộp một quan hai tiền, ruộng có dâu thời phải nộp tơ, không dâu thì phải nộp tiền, nộp tơ để làm áo cho lính, nhưng vì tơ để mục nát không dùng được, sau cho nộp tiền, ruộng tư-điền cấy được hai mùa phải nộp ba tiền, cấy được một mùa thì phải nộp hai tiền, trước xưa ruộng tư-điền không có thuế, đến bấy giờ đều phải nộp thuế. Thuế dung thời nhân-đinh phải nộp một quan hai tiền, sinh-đồ và lão-hạng tuổi năm mươi trở lên, cùng là hoàng-đinh tự mười-bảy cho đến mười-chín tuổi phải nộp sáu tiền. Thuế điệu mỗi người phải nộp sáu tiền để chi về việc tế-tự cùng là để đường cầu cống các việc. Lại định ra cái tiền cửa-đình : xã lớn thời đồng-niên nộp tiền sáu quan ; xã nhì thời nộp tiền bốn quan, xã nhỏ nộp hai quan, để cấp cho giáo-phường nhạc công. Sau lại phái quan thân-hành khám đạc điền - thổ, ruộng nào phì, ruộng nào xấu chia làm ba bậc, ruộng công-điền tốt nhất-đẳng nộp tiền một quan, thóc thời ba phần thu lấy hai ; ruộng nhị-đẳng mỗi mẫu tám tiền thóc thì chia lấy nửa phần ; ruộng tam-đẳng nộp sáu tiền, thóc thời ba phần thu lấy một ; ruộng tư-điền nhất-đẳng nộp ba tiền, nhị-đẳng và tam-đẳng nộp hai tiền.

Xét thuế ruộng tư-điền trước đời nhà Trần vẫn có, Tiền-Lê miễn không đánh thuế. Thuế dung ở nước ta bắt đầu tự năm Cảnh-thống thứ tư, đời vua Lê Hiến-tôn đã có, duy có thuế điệu và tiền cửa-đình thì mới tự đấy trước : tô, dung hai phép châm-chước của nhà Đường mà thi-hành, đến như thuế điệu

thời bắt-chước cái phép miễn-dịch của Vương An-Thạch 王安石 đời Tống Thần-tôn chứ không phải cựu-chế nhà Đường.

Sửa đinh-bạ đời Lê Hồng-đức. — *Đinh-bạ sáu năm một lần sửa, năm Vĩnh-tộ năm đầu, mới định một năm sửa một lần, như thế rất phiền-nhiễu; năm Cảnh-trị thứ mười hai, mới định ra lệ sinh cũng không kể, chết cũng không tử, người nào chết đi thì cái người đến tuổi đội cái tên bỏ ấy mà đóng thuế, cũng là tiện-lợi cho dân, nhưng về sau gặp phải binh-biến trời làm cơ-cận dân-sự phải lưu-tán đi phương xa, xã nào giảm số đi, xã nào tăng số lên, quan cũng không biết đâu mà xét được. Đến năm Cảnh-hưng thứ 24 dân-số ẩn-lậu cũng nhiều, bên mệnh quan tham-tụng Nguyễn Nghiễm 阮儼, bồi-tụng Lê Quí-Đôn 黎貴惇, tập dân-số mà sửa chỉnh lại, phép lệnh nghiêm-ngặt, dân-sinh không thể kham được, bởi vậy đông-nam nổi loạn, bên có cái giặc « suất đinh » tự xưng là Đại-vương.*

Xét năm Vĩnh-khánh thứ hai, triều vua Lê Duy-Phường đương tây-lịch 1712 xứ Bắc-kỳ sinh-sản đã nhiều, thế mà trong sử chép trung-châu các tỉnh đinh-số chỉ có hai mươi vạn sáu nghìn ba trăm mười một người, thời đủ biết dân-gian ẩn-lậu cũng nhiều.

Phép tuần-ti triều vua Dụ-tôn. — *Đặt ra chức tuần-ti để đánh thuế các cửa tuần. Phàm những khách buôn-bán đi lại, tùy thuyền bè lớn nhỏ chở được nặng nhẹ thế nào, lượng bốn mươi phần đánh thuế một, gọi là thuế tuần-ti.*

Lại đánh thuế đò ngang và thuế chợ. Kể lại đánh thuế thổ sản, tùy cái thổ-nghi mà đánh thuế có sai-đẳng; cùng là dân gian ai giết trâu cũng phải nộp tiền, vải đồng niên 75 tấm thời phải nộp hai-mươi tấm, nếu không nộp vải thời phải nộp tiền, mỗi tấm tám quan. Kể lại xét dân-gian ai có nghề-nghiệp gì hết thảy phải chịu thuế; lại đặt ra thuế muối, mỗi một lò muối thì chiếu mười phần thu lấy hai, buôn muối thì phải lĩnh môn-bài ở quan giám-đương rồi sau mới được bán muối. Khi lĩnh môn-bài phải có tiền nộp cho quan giám đương, và phải cung-tiến vào phủ chúa Trịnh, mà buôn muối thời phải bán muối quan trước rồi sau mới được bán muối của nhà riêng, muối quan thì tăng giá rất cao, có khi một đấu muối giá một tiền, đó cũng là một cái chính-lệnh áp chế, dân-tình khốn-khổ mà cũng không dám kêu-ca chi cả.

Vật-hóa thức gì cũng có thuế, thậm-chí vì sơn sống mà chém cả cây, nhân lụa vải mà phải phá cả máy cửi, vì gỗ tre thuế nặng mà phải bỏ cả rìu búa, cá tôm thuế nặng mà bỏ cả lưới chài, đường mật thu thuế mà mía không dám trồng nữa, bông chè thu thuế mà vườn đất phải bỏ hoang, đường sinh-hoạt của dân-gian rất là thảm đạm. Xét ra bấy giờ đời vua Dụ-tôn, chúa Trịnh tin dùng Nguyễn Công-Hãng để làm bầy tôi tụ-liễm, cho nên thi-thiết những việc gì, đều là những chính-sách tân-ngược. Tiếc thay Nguyễn Công-Hãng đem cái học kinh-tế của mình mà a-dua với chúa Trịnh, không biết nghĩ đến tình-cảnh dân-sinh, chính là tội-nhân ở đời Hậu Lê vậy. Đến sau vì Trịnh Soang nổi ngôi ghét Công-Hãng không muốn dựng mình làm thế-tử, bèn biếm Công-Hãng ra làm thừa-chính-sứ tỉnh Tuyên-quang, không bao lâu bức phải tự-tử, đó cũng là ác báo ác, chết cũng không oan.

Nói về tiền-pháp

Tiền-pháp đời Hậu-Lê tiêu tiền đồng, trước dùng tiền Hồng-đức 洪德, tiền Quang-thuận 光順, sau lại đúc tiền Nguyên-thông 元通, tiền Cảnh-hưng 景興, tiền Thái-định 泰定, cũng có đúc tiền bằng kẽm, tiền nào tốt thì cho dân dùng, mà sứt thời đem giả quan, thời

quan lại giả nửa tiền. Thời bấy giờ cũng có dùng bằng bạc, bạc một lạng trị giá tiền hai quan, bạc một đồng cân trị tiền đồng hai tiền, đúc thành phiến hoặc đúc thành hốt, tùy tiện dân dùng.

Nói về bưu-chính

Đời vua Hiển-tôn mới đặt phép đệ-dịch, từ đường Nghệ-an ra Thanh-hóa qua Sơn-nam, đến Kinh-sư Hà-nội, mỗi trấn đặt phu trạm mười-tám người, lệ-hiệu một người (lệ-hiệu tức là cai trạm), ngựa bảy đôi, để truyền-đệ công-văn cho tiện; đường từ Hà-nội đến Lạng-sơn phu dịch-dệ và ngựa cũng theo như đường Nghệ-an vậy. Bấy giờ những người hành-khách, mượn tiếng nhà quan cùng là giả-mạo công-văn bắt phu trạm đài-đệ, rất là lao-quyện. Phạm Huy Đĩnh 范輝鋌 và Nguyễn Lê 阮儷 xin với triều-đình lập nhà trạm ở chỗ giáp-giới hai huyện, hễ có việc gì phát trạm thì cấp cho cái thẻ bằng đồng để làm tin hễ giả-mạo thì có tội.

Nói về đê-chính

Đời vua Hiển-tôn năm thứ ba-mươi-bốn, nước sông lớn đê vỡ, tù phải đắp lại, công-trình hiệu-đại, của quan thời không có mà bắt dân đắp thời dân đói, không thể làm được, bấy giờ phải quyên quan-chức cho các nhà giàu, để lấy tiền thuê dân đắp, mới được kiên-cố.

Nói về khoáng-sản

Tuyên-quang mỏ đồng ở xứ Tụ-long 聚龍, mỏ bạc ở xứ Nam-xương 南昌 và Long-xương 隆昌. Hưng-hóa mỏ đồng ở xứ Trinh-lãng 程朗 và Ngọc-uyển 玉琬. Thái-nguyên mỏ đồng ở xứ Sảng-mộc 爽木, An-hân 安欣, Liêm-tuyền 廉泉, Vụ-nông 務農 và Tống-tinh 送星; mỏ vàng ở xứ Kim-mã 金馬 và Tam-nông 三農; mỏ kẽm ở xứ Côn-đình 昆丁. Lạng-sơn mỏ đồng ở xứ Hoài-viễn 懷遠. Nước ta khoáng-sản cũng nhiều, trước xưa vẫn ủy người Nùng ở nước ta, họ Hóa-vi 化韋 đứng nhận-lĩnh khai-thái mà nộp thuế. Đời Cảnh-hưng năm thứ hai-mươi-tám, bấy giờ khoáng-sản ngày rộng, quan giám-đương ủy cho người ngoại-quốc đến đấy khai mỏ, mà cho lĩnh-trưng, bấy giờ những phu làm mỏ kể có vạn người, phần nhiều người ở Trào-châu, tính họ hung-hãn, thường khi tranh mỏ đem binh đánh nhau, người chết như rác, triều-đình cho là biên-viễn, không có xem xét gì đến, chỉ cầu cho đủ thuế mà thôi. Mỏ bạc ở xứ Tống-tinh là một cái mỏ to lớn ở Thái-nguyên, người Tàu thường đến đấy khai-phá, nộp thuế mỗi một năm một vạn lạng, đình phu tụ-tập ở đấy có hơn vạn người; bấy giờ người đứng chủ là họ Trương 張 họ Cồ 古 hai họ tranh chiếm lợi-quyền thậm là kịch-liệt, thuế bạc không chịu nộp vào triều-đình. Nguyễn Phương-Bình đương chức trấn-thủ ở Thái-nguyên đem việc ấy nói với chúa Trịnh, Trịnh Sâm bèn sai Bình đem binh đi tuần-tiễu, bắt được thủ-phạm đưa về Kinh-sư, bèn dựng điều-ước, từ đấy khoán định lại, xin nộp thuế như cũ.

Tiếc thay khoáng-sản là một cái vật tự-nhiên của trong nước, thế mà để cho người Tàu chiếm mất cả quyền-lợi, chả đáng giận lắm dư! Đương triều vua Lê Hiển-tôn, bấy giờ ông Ngô Thời-Sĩ 吳辰仕 làm chức đốc-đồng Thái-nguyên, dẫn Bùi Sĩ-La điều-trần với chúa Trịnh rằng: « Sơn-lâm thổ-sản, Tạo-vật sinh ra để cho trong nước dùng, thế mà lại ủy cho người khác chiếm-lĩnh, tuy họ lĩnh-trưng để sung vào quốc-khóa, nhưng mười phần không được một, mà sơn-lâm chỗ hiểm chỗ dị, đường lối đi ngang đi dọc cùng là khe núi chỗ nào hiểm-yếu để họ thông-hiểu rồi họ chiếm-cứ mất cả, ấy là một điều không nên vậy. Địa-mạch của nước mình phát-tích ở Thái-nguyên mà cho họ tìm những chỗ có kim-khí đào đóng thành hang hố, trong rỗng khả-dung

được trăm người, thế chả phạm đến địa-mạch lắm dư ? ấy là hai điều không nên. Người Tàu họ cắt tóc, y-phục theo lối tàu không phải là người thổ-trước, họ được bạc họ mang về nước được thuế không được bao nhiêu mà mất cả bạc, ấy là ba điều không nên. Nghĩ xin di-tư cho tổng-đốc Lưỡng-Quảng nói nước mình xưa nay đối với nước Tàu vốn là cung-thuận, nay bị người nước Tàu đến khai mỏ tranh cướp, sinh ra đánh nhau, nhiều việc khinh-mạn, nên phải nhờ thượng-quốc ngăn-cấm thế nào, để liệu đường xử-trí. Trịnh Doanh cho là nói phải, bèn di-tư cho Lưỡng-Quảng tổng đốc Lưỡng-Quảng phúc tư lại, nói những phu ấy không phải người Lưỡng Quảng không nhận. Trịnh Doanh bèn sai Ngô Thời-Sĩ và Nguyễn Đình-Huấn 阮廷訓 đem quân đuổi những phu Tàu về, người nào muốn xin lưu ở bản-quốc thời đổi đồ mặc, trước vào đinh-tịch làm dân Việt-Nam mới được cùng với họ Hóa-vi khai-quật mà chịu thuế. Ngô Thời-Sĩ mới đến Dã-giang 野江 nghe tin Trịnh Doanh mất, trở về, bèn lưu Nguyễn Huấn ở lại, tùy-nghi phủ-dụ, định thuế ngạch rồi trở về.

THIỆN-ĐÌNH

QUẢNG-YÊN DU-KÝ

Ngâm chiên dao sách hải-thiên đông,
吟 鞭 遙 策 海 天 東
Tiếu ngã du nhân tích chuyển bồng;
笑 我 遊 人 迹 轉 蓬
Bán trạo ba-đào tân nhĩ-mục,
半 棹 波 濤 新 耳 目
Nhất bồi hồ-hải vãn thu-dông;
一 杯 湖 海 晚 秋 冬
Đăng-quang tán thủy ngân câu bích,
燈 光 散 水 痕 俱 碧
Nhật-ảnh thôn sơn sắc tự hồng;
日 影 吞 山 色 自 紅
Thử-địa phồn-hoa kim kỷ độ,
此 地 繁 華 今 幾 度
Hề đầu chiến-chuyển vấn ngư-ông.
奚 頭 輾 轉 問 漁 翁

Dịch nghĩa

Cầm chiếc roi xa chơi xứ Đông-hải kia, vừa đi vừa ngâm thơ, lại vừa cười thân-thế này từ khi lạc xuống nhân-hoàn, cái tông-tích nhè nhẹ như chiếc cỏ bồng, lựa phương gió mà tiêu-dao luân-chuyển. Ba-đào vừa thử mái chèo, tai nghe thấy cho là lạ, mắt trông thấy cho là mới. Hồ-hải lại bày cuộc rượu, lúc đó là lúc nào ? Là lúc thu đã qua đông sắp tàn, năm hết tết đến. Cảnh-sắc lạ sao : cây hải-đăng tinh-tinh sườn núi, cái dư quang phản-sạ xuống bể, gặp khi gió giỡ sóng gợn, ngấn nước cồn-cồn xanh biếc như nhuộm. Lại xem những lúc trời sắp sụp tối, mặt trời giống như nuốt mất quả núi, bao nhiêu sắc đá hấp-thụ thiên-quang nhiều đỏ gay như sơn cả. Vậy bức giang-sơn đây bên hơi phồn-hoa khởi tự lúc nào, có đã bao lâu ! Ta nên thân-hành tìm bác ngư ông là tay thổ-trước mà hỏi tung-đầu tuyệt-vĩ, cần-vặn cho kỳ biết.

Ấy bài thơ này khi ta qua xứ Quảng-yên soạn ra, nay viết lên đây, để làm bài tựa.

. . .

Non kia ai đắp mà cao,
Bể kia ai xẻ ai đào mà sâu.

Non xanh bể biếc là sự tự-nhiên của tạo-hóa an-bài, không đợi ai phải đắp mà rồi non kia mới cao, phải xẻ phải

đào mà bể kia mới sâu. Thế thì non cao bể âu là vật chí-bảo của vũ-trụ, phô-bày ra như gấm dệt như hoa thêu, ông cha ta biết lợi-dụng lấy mà thu vào một mảnh dư-đồ rộng-rãi rực-rỡ. Nếu người đời không đưa chân mà du-lịch tới, không buông mắt mà thưởng-thức tới, không những đối với vũ-trụ là một con người vô-tình, mà cả đối với tổ-quốc, đối với ông cha cũng là một hạng nhân-vật lãnh-đạm.

Ta đây sinh-trưởng ở chốn thôn quê, trí-thức thì hẹp-hòi, học-tập thì quê-kệch, may gặp lúc nước yên dân tĩnh, bể lặng trời thanh, vì vậy ta được tự-do ra ngoài, mà rồi thường mục-kích nhiều nơi sơn-thanh thủy-tú, tức như dự cuộc du-lịch ở xứ Quảng-yên, cách nay ba năm, cũng là một hạt thắng-địa của nước Đại-Nam ta, và cũng là một dịp kỳ-phùng cho con nhà giang-hồ lãng-mạn.

Bắc-kỳ có 24 tỉnh, Quảng-yên là một. Đời Hùng-vương 雄王 gọi là một bộ Hải-ninh 海寧, đông giáp bể Thái-bình 太平, tây giáp tỉnh Hải-dương 海陽, bắc giáp tỉnh Lạng-sơn 諒山, còn nam thì giáp châu Kiến-thụy 建瑞. Từ Hà-nội tới tỉnh cách nhau là 160 cây số.

Tỉnh có 2 phủ: Sơn-định 山定 và Nghiêu-phong 堯封. Phủ Sơn-định chia làm 2 huyện: huyện An-hưng 安興, 5 tổng, 35 xã; huyện Hoành-bồ 横蒲, 6 tổng, 32 xã. Phủ Nghiêu-phong chia làm 3 huyện: huyện Vân-hải 雲海, 1 tổng, 4 xã; huyện An-bác 安博, 4 tổng 14 xã; huyện Cát-hải 葛海, 2 tổng, 14 xã. Tổng-kế đinh-số được là 1210 suất. Lại còn phụ 2 châu và một đạo: châu Hà-cối 河檜, 5 tổng 16 xã; châu Tiên-an 先安, 5 tổng 21 xã, đạo Moncay 芒街, 1 tổng 37 xã, đinh-số được là 609 suất, người Tầu thông-thương phần nhiều được là 2252 suất.

Quần-phương-thượng 羣芳上 ngày mồng 4 tháng 11 năm kỷ-tị, vua Bảo-đại năm thứ 4, xem vào lịch Tây thì là tháng 12 năm 1929, mà ngày cũng chung là mồng 4. Khi đó nhà quê bắt đầu gặt lúa mùa đông, ta đương coi sóc việc đồng, chuông máy vừa 9 giờ sáng, bỗng bắt được thư-tín của nghiệp-sư ta là Dục-tăng 浴曾 tiên-sinh ở xã Quần-phương-trung 羣芳中 tìm đi Hải-phòng.

10 giờ khởi-hành tự phương đông-bắc, đi bộ từ nhà lên Lạc-quần 樂羣, từ-giã con sông Ninh-cơ 寧碁 bước lên ô-tô, 4 giờ chiều vừa tới Nam-định.

Đêm đó trọ ở Nam-thành, Dục-tăng tiên-sinh vào nhà quen ở Năng-tĩnh, còn ta thì lên nhà bà con ở phố Sài-gòn. Sốt ruột quá, vì nỗi đất khách trời đông, ngồi trong lữ-phòng ngó ra ngoài bức mành-mành, vân-yên mù-mịt, gió thổi lạnh ngắt. Đôi khi nghe được tiếng hát đò-đưa của chú lái đò ở bến đò Quan, và những tiếng chuông phát-nguyện của bọn Cổ-đàm. Ta lúc đó lại khởi bồ-đề-tâm, phát bồ-đề-nguyện, giọt nước từ-bi lai-láng tấm lòng, theo những khúc hát hồi chuông mà tưới tắt bao nhiêu phiền-lụy.

Phố Sài-gòn khi xưa nhiều ruồi muỗi nhất, nay nhân tuần tiết dã đến một chạp, hàn-độ đương thịnh, bọn đó tán-lạc hầu hết, cứ như lệ thường thì đêm mới đầu tha-hồ trằn-trọc không ngủ, song tự ban ngày đi bộ nhiều quá, thân-thể nhọc mệt, thành thử một giấc Nam-kha mơ-màng hoảng-hốt cho đến gần sáng mới tỉnh. Chạnh vầy mối cảnh, bỗng giục hồn thơ:

Gác kín quanh-co khách ngủ xuồi,
Con năm sao bỗng vội choái đuôi;
Gió mành gió bắc toan giơ mặt,
Hé cửa vắng đông chửa ngó chuồi;
Giấc tỉnh chài đưa câu hát lỏng,
Canh tàn sư nện tiếng chuông uôi;
Non Gôi nước Vị từ nay nhỉ,
Rỉ-rúc mang tai khỏi lũ ruồi.

Mặt trời đã mọc, vẻ thiều-quang ánh tới cửa sổ, cơm sớm xong rảo gót ra đi. Trong lúc bỡ-ngỡ, Dục-tăng tiên-sinh đã đợi sẵn trên chiếc tầu thủy hiệu « Phúc-sinh 福生 », thầy trò đàm-thoại hồi lâu, chuông đồng-hồ báo luôn 9 tiếng boong, boong, boong..., cả tầu ai cũng lắng tai nghe, người nhòm vào sà-lông, kẻ lầm-bầm đếm tự 1, 2 cho đến 7, 8, 9. Trước thì ồn-ào huyên-náo, sau thì ắng ngắt như tờ, mới nhân lúc đó thoi ên đã đưa sang ngày mồng 5, vừa được 9 phần trong số 24.

Sông Nhị-hà nước chảy xuôi xuống, tầu « Phúc-sinh » máy chạy ngược lên, nước càng cuồn-cuộn, máy càng sình-sịch, sóng càng reo to, còi càng giật bạo. Giả-sử như chiếc mủng chiếc gỗ quê-mùa xưa, tất-nhiên không tiến-bộ nổi, nhưng mà bộ máy văn-minh đã kinh-qua tai mắt nhà bác-vật, đã thoát-ly ra ngoài bầu thế-giới dã-man, cho nên thủy-thế vẫn chiều, dẫu ba-đào kích-thích đến đâu cũng không chuyển núng.

12 giờ 30, tới bến Tân-đệ 新 第, hành-khách ở Thái-bình đáp xuống gần chật. Lần lượt qua bến Phú-hậu 富 厚, qua bến Như-trác 如 琢, v. v., lại rẽ ngã-ba cửa Luộc là nơi quan Trạng-nguyên đời Trần là Tống Trân 宋 珍 ở. Từ đây trả đường Hà-nội, một mực giăng thẳng về đông, 10 giờ đêm tới phủ Ninh-giang 寧 江.

Canh khuya tịch-mịch, sông nước mênh-mông, ngọn đèn trong tầu khi mờ khi tỏ, khách ngồi chán đã mệt lưng, vẫn không dám ngủ, chỉ trông-trọc mong trời chóng sáng, chóng được tới bến. Ai nấy sợ rằng tầu Nam đi Phòng hay Phòng về Nam, xưa nay truyền-tụng đã có tiếng hồn, hoặc vì mất cắp về côn-đồ, hoặc vì mất cắp về đồ bác.

Mất về côn-đồ một cách không ngờ: đại-đề ai đi tầu chẳng thích người quen, họ đến lân-la với mình, khăng-khít như bạn-bè, líu-díu như anh em, trước kể chuyện xa sau nói chuyện gần, rồi mà rút ruột không biết. Phẩm tiên đã bén tay phẩm, thôi thì hết lời nói khô nói cạn, Ba-tông cũng im ru, mà Mại-bản cũng lờ tịt.

Mất về đồ-bác thì hiển-nhiên lắm, thanh-thiên bạch-nhật lắm: đại-đề như là một đám xóc-đĩa đánh đã nửa chừng, viên chủ-nhân xóc xong úp bát đề đấy, xuống tầng dưới lấy tiền, sẵn có một viên nhà quê đặc, áo nâu đắp gót, khăn quấn vành rế, ở đâu lại giả say giả dại, vụng trộm mở bát ra cho công-chúng xem, rõ ràng ba sấp một ngửa, sấp đen kin kịt, ngửa trắng phau-phau, vòng trong vòng ngoài, trừ những bọn xẩm kém con mắt là ngồi im, còn ai cũng quăng tiền như trút, cười cười nói nói những tiếng « lẻ, lẻ », vang-động khắp thiên-đình thủy-phủ.

Một hồi lâu chủ-nhân ở dưới lên, thấy thế bạc lăng nước xô vào một mặt to quá, tự lượng số tiền của mình còn ít, lại lúi-húi xuống móc thêm quỹ nữa.

Các bạn đương-cục trái tim đập đi đập lại thổn-thức quá, đối vẳng mặt với viên chủ-nhân, người chê: Đã cờ-bạc tầu góp gan tứ-xứ, ngỡ là « sạch nước », chứ sao thiên-hạ lại còn anh hớ. Kẻ thì trả miếng: Mày tưởng ăn người, chắc rồi mày phải người ăn, chúng ông phen này là nang-quát cả, từ rày đừng giở ngón « cô-chú 孤 注 » nữa, mà chết.

Buồn chửa, đã tin mà lại tin thêm, con ma cờ-bạc là chú nhà quê nẫy kia, lại giở thủ-đoạn mở vụng lần nữa, xem cho sấp ngửa đích-xác, hiện tại hành-khách mười mắt trông một, Thúc-sinh quen thói bốc đời, bà lão cho chí con gái ngậm trầu lùng-bùng, miệng tủm-tỉm cười, ai còn đồng nào xu nào lại cởi thắt lưng đắt thêm tua nữa.

Ai nấy nghe đã quặn lưng, chủ-nhân thủng-thỉnh lên mới cam-đoan

rằng : « Ngồi đâu im đấy, được ăn thua chịu, không được xôn-xao. »

Hai tay cầm bát run cầm cập, sắc mặt tái mét, ngờ là chủ-nhân khờ, chẳng hóa chủ-nhân quyệt, mở phăng ra, té bạc « chẵn », 2 sấp 2 ngửa. Vơ tiền xong, tàu vừa kéo còi, chủ-nhân màn-xế tút !

Thôi thôi nhiều người quáng mắt ếch, khóc-lóc xùi-xụt, dư-luận xao-xao nổi lên khắp mặt. Tỉnh ăn lầm thua, vô-ý mất tiền, trời ơi, kêu ai ?

Giấc mộng đã thức, thuốc mê đã tỉnh, ngồi chật-khắc một loạt, nói ra bàn vào mới biết chú nhà quê đội lốt, chính là một con « chim mồi », đánh đuốc đi tìm, bay rồi còn đâu !

Chú xẩm đương ngủ, cười dố lên, tay lôi mảnh chiếu, tay vặn cái trục, lung, bung, beng, hát chọc câu rằng :

Giang thi hồ, có phong-lưu anh mới trải cái thú giang-hồ, bán thua tính được chi cho nó quanh-co cái ruột con tằm. Ì hôi mợ em ơi, trót vì phen này tay anh đã dùng vào chàm, dại rồi còn biết khôn làm sao đây !

Không ớt mà cay....!

Tiếng gà gáy sáng, xao-xác mang tai, bóng nhạn từ non, tà-tà trước mặt, ngoảnh trông ra bốn phương quanh-quẽ, mây in nước, nước in non, thấp-thoáng trên ngọn đồi cao, chìa ra một áng lâu-đài sa-nga đột-ngột, hỏi những nhà đã quen, mới trả lời cho biết là đài thiên-văn Phủ-liễn, thuộc tỉnh Kiến-an. Lúc đó đồng-hồ đánh 5 giờ, còi tầm các nhà máy lần lượt dạo sáng, dưới đáy bể phun ra một mảnh kính đỏ, những tia sáng yểm-ánh lên không-gian, báo trước tự khi chưa ra đời, sao vì đó mà mai-một, đèn vì đó mà thoái-tàng, trời đất vì đó mà tạnh-tẽ, thế-giới vì đó mà ấm-áp.

Nhân khẩu-chiếm câu tứ-tuyệt

Hồng-nhật thủy trung xuất,
紅日水中出
Thanh-vân sơn-thượng phù ;
青雲山上浮
Hồ-thiên tân cảnh-sắc,
湖天新景色
Tặng ngã thử nhàn-du.
贈我此閒遊

Mặt trời đỏ mới mọc trong nước ra, áng mây xanh vừa bốc trên non về. Cái cảnh-sắc của bầu trời mới-mẻ đó, chính là một món quà thiên-nhiên tặng cho ta trong lúc chơi này !

Sáng mồng 6, 7 giờ 15, tới bến Hải-phòng, tầu chạy đến đây là thôi, chỗ màn bắc cầu bằng xi-măng, vững-chãi sạch-sẽ, không như màn phà ở Nam và Hà-nội.

Lên bờ bái-biệt Dục-tăng tiên-sinh vào phố, còn ta thơ-thẩn đứng lại, trông xuống bến nước xanh trong suốt đến đáy. Thuyền bè man-mác như lá rụng, chiếc xuôi chiếc ngược, coi loạn cả mắt, lắm nhất là chiếc gõ con con, vợ chồng chú khách chở, người ngồi sau cầm vững tay lái, người đứng mũi nhẻ-nhẹ chịu sào, lời sơn-hải, truyện uyên-ương, địu dàng uyển-chuyển thay !

Hải-phòng là thành-phố thứ hai ở Bắc-kỳ, so với Hà-nội thì kém bề tinh-thần, còn bề hình-chất thì cũng cùng phong-phú chẳng kém gì. Sự cai-trị thuộc quyền đốc-lý, địa-phận thuộc tỉnh Kiến-an, tức là Dương-tuyền-bộ 陽泉部 ở đời Hùng-vương.

Ngôi thái-dương gần đứng ngọ, chuông đánh 11 tiếng, tầu đi Cẩm-phả bao đã kéo còi ba lần, ta cùng mọi người kéo xuống, vô-tình trông ra mạn, thấy lủng-lẳng một chiếc biển treo, sơn son phủ vàng, trong lòng có 3 chữ « Khoái tử long 快子龍 », viết ngang chạm nổi, đoán ra đó là hiệu tầu.

Qua thành-phố đến cửa bể, Sáu-kho bên này, Lạch-tray bên kia, nhà

cửa tráng-lệ, Tây Khách rộn-rịp, thủy-trình có lối rẽ đi ngoại-quốc, lắm chiếc tầu to và rộng, ngoài chiếc tầu binh của Bảo-hộ, toàn là tầu Anh tầu Nhật, mượn đường thông-thương, không phải hỏi tầu ấy rộng hẹp thế nào, dùng sức được bao, chỉ đơn-cử một chiếc ống khói sừng-sững như cây tháp nhà thờ thì đủ biết.

Bốn bề anh em, hoàn-cầu họp chợ, người An-Nam đối với cuộc cạnh-tranh ngày nay, thủ-ứng với phong-trào lúc này, nói thật nhiều người giả câm giả điếc, giả dại giả ngây, sốt-sắng cảm-tưởng với hoàn-cảnh này, phê-bình với phong-cảnh đây, nâng bầu nhiệt-huyết, lại có phần mừng.

Sao gàn thế, hủ chửa ?

Không, có nào nói vậy ; phải biết, ở đây là đất phồn-hoa đô-hội, là một mảnh hoàng-thổ của chúa Hồng-bàng, người Anh người Nhật tuy xinh, tầu tuy bền, máy tuy mạnh, so với ta là một anh chàng « ngốc », đội chiếc khăn xếp, diện chiếc áo trùng, mô-phạm trong chiếc tầu hàng, tự ta không phải khoe-khoang, chắc họ phải tự-tỉ họ là một phái « khách », còn cái địa-vị chữ « chủ » công-nhiên tất lại phải nhường.

Quá nửa ngày tới tỉnh Quảng-yên, không kịp vào phố, ngắm qua con đường thẳng-dẳng vào tỉnh, cây-cối um-tùm, cành cao bóng mát, lẳng-vẳng một vài viên lính cảnh-sát đứng sẵn hỏi giấy tùy-thân, và khám xét những khách lên xuống một cách nghiêm-nhặt cẩn-thận.

Từ đây trở đi, tầu chen núi, núi chen bể, bể khoe bể sâu, núi khoe núi cao, núi có bể thêm đẹp, bể có núi thêm tình, dẫu không tiên mà vẫn nổi danh, không long mà vẫn linh-dị, bậc nhân-giả, bậc trí-giả, vui sướng biết bao.

Buổi chiều 5 giờ 30, tới Hongay trời sụp tối, gió cuốn mạnh, đèn điện đã giật, cỏi mỏ đã rúc, lẽ ra trăng mồng 6 lên cao, ngặt vì tiết đại-tuyết tới nơi, thường-lệ bao giờ cũng u-ám ảm-đạm, vì vậy tờ-mờ không tỏ. Những bọn phu than hết giờ ra về, kinh pha thổ, đường trong lẫn đường ngoài, cười nói hát xướng, cợt-nhợt bẵng quỉ. Ngồi buồn nhân ngâm :

Bóng thỏ tơ-mơ trận gió nồng,
Ngồi tầu lạnh ngắt cái đêm đông ;
Quan-hà treo sẵn tranh thiên-tạo,
Kinh-thổ xoay chung máy đại-đồng ;
Gác việc cỏi đưa bên mỏ rúc,
Giăng hàng lửa réo giữa đường dong ;
Ông trời nay đã bao nhiêu tuổi,
Thế-giới ngày nay có biết không ?

Ngâm xong ngồi rung đùi một mình, sực nhớ khi xưa Dục-tăng tiên-sinh qua đây đã từng có bài ký-kiến viết bằng chữ nho. Bài ấy in sâu vào óc ta trải 5 năm ngoài, nay xin sao lục như sau :

Vấn thủy phong-tuấn xảo dung thành,
問誰封濬巧鎔成
Sơn-hải y-y vạn cổ hình ;
山海依依萬古形
Thâm-thiển hoằng khai thiên khoảnh [bích,
深淺泓開千頃碧
Cao-đê bích lập vạn trùng thanh ;
高低壁立萬重青
Hải-ngư tiềm-dược sơn-gian hí,
海漁潛躍山間戲
Sơn-điểu tiêu-liêu hải-thượng minh ;
山鳥嘯嘹海上鳴
Sơn-hải thiên-nhiên ngô-quốc bảo,
山海天然吾國寶
Bách niên khoáng-sản tảo tri-danh.
百年鑛產早馳名

Diễn nôm

Ấy ai đào lấp khéo tinh-anh,
Non bể bao xưa nét vẽ hình ;
Nghìn khoảnh nông sâu làn bể biếc,
Muôn trùng cao thấp trái non xanh ;
Sườn non cá réo vây ngang dọc,
Mặt bể chim dồn tiếng chậm nhanh ;
Núi bể thiên-nhiên vùng cố-quốc,
Trăm năm khoáng-sản sớm truyền [danh.

Màn Hòn-gay xong, tầu kéo còi, kiểm lại hành-khách thấy giảm, trông với lại bến mới biết trai gái già trẻ kéo lên hầu hết. Lọc lại còn mấy chú khách Quảng-đông, là phải làm tầu, hoặc phải buôn-bán, đến như người An-Nam, Thổ cùng với Nùng Mán, tựu-trung người nào còn lại, giở giấc ngủ cả. Chán chửa, cơm nước xong ngồi tựa chiếc ghế cao-lâu, trông trời trông bể, trông nước trông mây, ngoài cái ta ra, dường như không còn một ai.

Nước non bể rộng, trời đất canh khuya, trước mặt bên cây hải-đăng, lòe ra một trái núi lửa ; đó là nước Chà-và chăng, lửa Diệm-sơn đã bốc ? Hay lại núi Chung-sơn chăng, thần Chúc-dong đã ra đời ? Cứu ra hai cái ảo-tưởng sai cả, chính là một chiếc gò đồ than cấn, bọn phu vô-tình thổi cơm một bên, ngọn lửa bén vào, thành không tắt kịp, lâu ngày cháy rộng, càng cháy càng đỏ ; trải bao phong-vũ vẫn không tưới tắt, thoạt đầu qua lại ai cũng cho là câu truyện giai-thoại.

8 giờ đêm tới Cẩm-phả-min 錦頗, bến tầu bắc bằng gỗ, nghe đã hủy-liệt, khách sợ không lên, phải đáp bằng đò gạnh, mỗi người 5 su.

Bỏ tầu lên bộ, con đường từ bến vào phố, trên mặt giải đá, rộng ước 7 thước tây, cao ước 4 thước, dài ước 2 cây số. Vào tới chợ, đình xây kiểu mới, vừa cao vừa rộng, bên chợ lại đặt máy nước. Đêm tuy khuya-khoắt, hàng vẫn mạn-mác, người mời kẻ đón, có vẻ phong-nhã tự-nhiên. Ta vào hàng máy khẩu trọ, sự xuất-nhập nghe chừng cũng đắt, những chủ tài-công 5, 7 người, đổi-nhau ngủ đổi nhau làm, ghì-gầm suốt đêm, không lúc nào ngơi. Sáng ra chủ-nhân mời dậy uống nước, trả tiền trọ không nhận, khẩn-khoản đưa chân lại đến phố Mới.

Còi nhà mỏ đã gọi, cai đưa phu đi làm than, lên cao xuống thấp, bàn-hoàn đi lại, tựa-hồ như một đẳng kiến đổi chỗ ở, noi theo con đường khuất-khúc, rì-rập qua giải trường-thành. Ta đi theo đứng vào một phái bàng-quan, dùng đôi con mắt vật-chất xem đời, lạ đâu hỏi đấy, đồng-bào ta sẵn lòng tốt, hết lời giảng-giải

Đứng núi nọ trông núi kia cao, bên tả có đám cây cổ sầm-uất, lẫn với nóc nhà tây mới làm, xem chiếc cổng đề thì ra đồn nhà Đoan ở, mà núi cao kia trên có ngọn đất cao nữa, tục truyền đấy có chợ trời, các thần-tiên xưa kia vẫn họp.

Cứ trong danh-thắng nước nhà, chợ Trời có hai chợ, chợ thứ nhất những đật-khách tao-ông thường ngoạn-cảnh, thường đề-vịnh, thì thuộc về Sơn-tây, còn chợ này là thứ hai, đường-sá nghiêu-khê, quan-sơn hiểm-trở, chưa mấy ai tới. Ta nhởn-nha đến nơi, sẵn tay mở khóa động đào, rẽ mây thẳng lên, trên thì trời, dưới thì bể, giữa duy mình ta, một bước một cao, một đi một rộng, linh-hồn khoan-khoái, vật-lụy tiêu-tán, bèn ngâm câu : « *Chỉ hữu thiên lại thượng, cảnh vô sơn dữ tề* 祇有天在上更無山與齊 », là câu tuyệt-cú của cổ-nhân xong, cao-hứng bồng-bột bốc lên, ngẫu ngâm câu rằng :

Chon-von núi đất tít-mù khơi,
Cõi tục ai sinh cái chợ Trời ;
Điểm thổ đi trăng xơ-xác họp,
Cầu ô chị gió lửng-lơ mời ;
Buông chân tiên-cảnh chừng bao [bước.
Góp truyện nhân-gian có mấy lời ;
Món nữa thời đây còn thiếu đứt,
Bày mau cho đủ để ta chơi.

Mây phong động biếc, bên hơi tiên vơ-vẩn chàng Từ ; hoa kết bầu trời, chạnh gót tục bàng-khuâng bác Nguyễn. Đi đã chồn, xem đã mỏi, ngâm-phong lộng-nguyệt đã chán, theo lối cũ trở lại trần-ai, đoái bầu non nước, nặng khối sầu-tư, hồi nghĩ cái duyên gặp-gỡ mới rồi, trách riêng chị Nguyệt da-đoan, chỉ

quen chỉ thấm xe quảng, tơ hồng quấn láo, còn hỏi đến vấn-đề « phụ-nữ giải-phóng » 婦女解放 của bọn nữ-phiệt mới, thì chị nép dưới chồi đa, ấp bên khóm quế, nín lặng ngắt, thẹn chết không dám ngó mặt ! Thanh-thử mấy tiếng trường-khiếu làm cho vang động một trời.

Về đến phố Mới, tắt ngang con đường trước tới nhà ga trú-ngụ một đêm. Sáng ra là ngày mồng 8, đồng-hồ 7 giờ lấy vé tầu điện đi Cọc-sáu.

Cọc-sáu chiếm giữa Cọc-năm và Cọc-bảy, đầu có dẫy phố lá, cuối phố có mấy cây thông già, dưới gốc đốt cháy rồng hồng, khả-dung được 3 người nấu mưa. Xứ này mới khai mỏ than, tự phố tới mỏ ước 7, 8 cây số, đi chân không, tới nơi phu làm, trèo đèo rất mệt, ngồi bẹp trên chiếc tảng đá nghỉ-ngơi ; trong hàng cai bỗng gặp một người thân-nhân, thân-hành hướng-dẫn, xem đã mãu-mục, mượn đường tầu điện lại tới *Cẩm phả-bo*, đường đi mặt bể, khúc lượn chân non, những cái bảo-tàng vô-tận, cái lạc-thú hữu-tình, nào là thanh-phong minh-nguyệt, nào là lục-thủy thanh-sơn, chân ta đi tới, mắt ta được hằng thấy, tai ta được hằng nghe, sự tiện-ích về kho thần-tri so trước bội-phần. Mới biết câu : « Đọc muôn quyển sách, đi nghìn dặm đường 讀萬卷書行千里路 », bậc tiền-bối đã làm phương-châm cho ta trước vậy.

Bài thơ tả-cảnh

Cẩm-phả-Min rồi Cẩm-phả-Bo,
Nào trai tứ-chiếng, gái giang-hồ ;
Buồm trăng lác-đác thuyền trên bể,
Lửa điện linh-tinh phố giữa gò ;
Mỏ bõm rừng xanh đuôi cá vẫy,
Lội ùa nước biếc cánh chim co ;
Ở đây phong-cảnh nhà ai thế,
Giáp mặt Cai than cố hỏi mò.

Cẩm-phả-bo là nơi phụ-đầu ăn than của ngoại-quốc, thuyền tầu các nước đi lại tấp-nập. Quan Tây có một tòa Đoan đóng trên ngọn núi, trong lúc chỉ-cố, soi-xét khắp được toàn-cảnh. Lại có một viên Thông-ngôn cho vạn-quốc ở Hongay thường đi lại đây, nói tiếng nước nào cũng thạo, gặp đâu đáp đấy, đầy ba tấc lưỡi ngang dọc trong trường quốc-tế.

Xứ này trên ngọn núi phía tây có một ngôi đền thờ đức Thánh-ông, vì vậy tục gọi Cửa-Ông, cũng nhiều người kiêng tiếng Ông lại đổi làm Cửa-Đông, thủ-nghĩa là cửa này ở mé đông tỉnh Quảng-yên.

Trần-sử chép : Thánh-ông sinh ở tiền-bán thế kỷ 15, là lệnh-lang thứ 2 đức Hưng-đạo-vương 興道王, tôn-thất nhà Trần, húy là Quốc-Tảng 國瑲, phong-tước là Hưng-nhượng-vương 興讓王

Nguyên trước vị thân-phụ đức Hưng đạo-vương là đức An sinh-vương 安生王 cùng với em là Trần Thái-tôn 陳太宗 có tư-hiềm, khi lâm-chung dặn rằng : « Thái-tôn là vì quân-chủ dung-ám, say-đắm tình-ái, đạp đổ nhân-luân, như thế là hạng sất-phu rồi. Nếu sau này con không vì ta mà bưng lấy ngôi báu của hắn, ta đây chết không nhắm mắt ». Đức Hưng-đạo vương ngài là bậc chí-trung chí-hiếu, nghe lời cha dạy vẫn vâng mà sợ.

Về sau hai lần phá tan giặc Nguyên, vũ-công khuynh-loát toàn-cầu, nhân lúc nhàn-rỗi thuật lại truyện cũ, và hỏi thử con cả là Quốc-Hiến 國獻 rằng : « Ngày xưa lấy được thiên-hạ, truyền cho con cháu, anh nay nghĩ sao ? ». Quốc-Hiến biến-sắc thưa rằng : « Họ khác cũng chả nên, huống-chi họ nhà ». Ngài lại hỏi ông Quốc-Tảng, Quốc-Tảng thưa rằng : « Vua Thái-tổ nhà Tống là một anh lực-điền cày ruộng, gặp thời gặp vận làm đến thiên-tử, huống-chi cha nay. » Ngài nổi giận tuốt thanh kiếm toan chém. Quốc Tảng xin tội, nhân phải an-trí nơi đây.

Thẳng đến trông ra có một con đường đá xây quai bờ bề, dài chừng nửa cây số, từ mặt đường tới mặt nước cao chừng 9, 10 thước đứng thẳng như bức thành dựng. Làm như vậy để tầu lớn áp mạn cho tiện, trực-tiếp ngay với mặt đường, không phải mắc cầu và phà. Mé đường lại có chiếc nhà sắt rất cao, đặt máy xe điện ở trên, khi nào có tầu ăn than, xe ấy móc hòm than vận-tải tự kho ra toa tầu, tới nơi hòm than tháo ngay mảnh sắt sau ra, dần-dần rót thẳng xuống.

Từ đến trở lại phía tay trái, chừng một cây số, có một sở máy sàng than ba tầng, tầng dưới đóng kín không biết, duy được thiện-tiện vào xem tầng trên và tầng giữa. Tầng trên xây một chiếc bể khá rộng, dùng máy đúc lọc than vụn, cứ năm bảy người đổi nhau trông coi suốt đêm ngày. Tầng giữa có chiếc máy sàng, giống như chiếc cầu sắt đan, dùng máy chạy cao xuống thấp, lúc-lắc đi lại, than nhỏ vụn thì lọt, còn than to là than « kíp-lê » thì đã có hàng trăm trai gái đứng sẵn hai bên, lần lượt mà nhặt bỏ vào chiếc máng ở giữa.

Bọn phu làm đây thường phàn-nàn riêng cùng nhau rằng : Xứ này là nơi kho than đã hoàn-toàn chồng chất như một giải trường-thành, cứ nói những đống than vương, cũng đủ dùng cho phu bản-xứ thổi nấu được một năm. Thế mà luật trên nghiêm-khắc, bắt phu những lúc nào nghỉ, phải vào rừng kiếm củi để thổi. Quan Đoan bắt được nhà ai thổi than, chiếu số mà phạt, gọi là than lậu. Nghe đâu họ đã làm giấy khiếu, sự kết-quả sau này thế nào chưa rõ.

Rừng thiêng nước độc, quỉ dòn ma đưa, khi trước ta chưa ai đi tới, mục cho là nơi « dương-tràng điểu-đạo » cũng như xứ Ba-thục.

Thổ-nhân toàn là người Động, tóc trùng răng trắng, phục-sắc chuộng mầu đen, đã có thổ âm riêng, nói tiếng ta thì họ ngơ-ngác không hiểu.

Tương-truyền người Động tức là di-đảng nhà Mạc 莫. Thế-kỷ 16 Mạc bị thất-thế, dư-đảng tràn lên mạn ngược, như ở Lạng-sơn Cao-bằng và trung-bộ Quang-yên đây.

Lâu nay Chính-phủ để ý khai-hóa, phong-trào di-dân thấm-thía đương mạnh, hiện-kim xứ này trai gái hai kỳ tới ngụ-cư, trong hàng tứ-dân ngoài nông-dân ra không hiếm một ai.

Bóng thỏ thay đêm, tiếng gà đổi sáng, trông vào đồng-hồ kim giờ sắp báo 7 giờ ngày mồng 9, kẻ thân-nhân đãi cơm nước xong, cùng nhau mượn đường sang chơi Mông-dương 蒙洋. Từ Của-ông tới Mông-dương có ba con đường, hai con đường bộ và một con đường thủy.

Hai con đường bộ sức lực khác nhau, tính-thần cũng khác nhau. Một đường thì đã giải đá, xe ngựa đi được, thỉnh-thoảng thấy có cây số dựng, những hành-nhân đi lại đông, trông qua cũng đủ biết cái cảnh lâm-tuyền tất đã có tay chủ-nhân, mà bức đồ-bản sáng-sủa lạ tai lạ mắt đó tất cũng đã đứng vào cuống sổ văn-minh của xã-hội hiện-thời.

Một đường thì trèo dèo vượt thác, vạch cỏ rẽ cây, lầm quãng đường đi tối om lại, những beo và hổ chạm người tránh vào rừng sâu, thành ra vèo-vèo những cơn lốc cơn gió. Yêu-khí lạnh-lẽo, sơn-lam chướng-khí bốc lên ngùn-ngụt, sởn cả tai vảng cả óc, quãng thời-gian không biết ngày hay đêm, sớm hay tối. May gặp những cánh hoa mai từ-từ uốn-éo tự trong khe núi mọc ra, tiếng nước róc-rách, hương-nhụ buông ra ngào-ngạt, mới nhận lúc đó còn là mùa đông.

Hai con đường bộ đã nói ở trên, ta đều quan-sát tới cả, vì kẻ hướng-dẫn cho ta, đường-sá không quen, gặp đâu đi đấy. Lúc mới theo mấy chú tiểu-phu xông-đột, đi tắt vào con đường rừng,

bảo con đường này tuy khó đi thật, song so với con đường đá chông hơn gần 6 cây số. Càng đi càng hiểm-trở, thấy hiểm-trở cũng ngại lòng, kẻ thân-nhân nghe ra gót đã chồn, sắc đã mệt, tự ta xem ra cái lá gan mạo-hiểm cũng đã thấy núng. Thôi thì đành bỏ đường tắt mà đi đường cái, bỏ đường ám-muội mà noi theo con đường chính-đại quang-minh.

Trở lại lên con đường đá, kẻ thân-nhân bị sốt, dưỡng-bệnh tại Cửa-Ông. May quá, ông chủ-thầu ở Mông-dương, kiêm chức ký rượu ở Cẩm-phả, lúc thừa-hứng đánh xe nhà tự Cẩm-phả đi Mông-dương, gặp ta hỏi ta, ta chào lại. Đôi bên trò chuyện hồi lâu, ông mời lên xe cùng đi Mông-dương một thể.

Buổi chiều một giờ tới Mông-dương, ông chủ-thầu khám-xét công việc xong, giới-thiệu cho ta những nơi nguyên-ủy.

5 giờ ông về Cẩm-phả, cuộc tiễn chân tân, nghĩ đến câu « bình-thủy tương-phùng 萍水相逢 », hai trái lương-tâm giao nhau vẫn còn để ý quyến-luyến.

Đêm mồng 9 rạng mồng 10 đặt lữ-sàng ở nhà ông thế-huynh của ta, tức là lệnh-tự của Đục-tăng tiên-sinh. Lâu nay học-trào đổi mới, quan-tái chia bầu, người thì đông-đô, người thì tây-mạt, mỗi người xu-hướng về một mục-đích, bởi thế anh em không gặp, phỏng-sử hạ đốt tay mà tính nhẩm, kể từ câu chuyện cuối khi trước, cho đến câu chào ngày nay, tuyết-sương lần-lữa, năm tháng sa-đà, quả địa-cầu có lẽ đã xoay qua được 1081 lượt.

Nhà ông lập trên ngọn núi, tự mặt đường tới nền, có tới tám chín mươi bậc, ghép gỗ lợp lá, có phần chắc-chắn khỏe-khoắn. Hướng trông ra suối, ngồi trong ngắm ra, quả núi sau làm chầm, trước mặt mà bờ suối bên kia có một dẫy núi làm tiền-án, nói cho phải, gọi là « vạn-lý trường-thành, » thì giống hơn. Tay tả có chợ có phố, tay hữu có các đồn sở. Tả sang hữu lại có con đường sắt cho xe guồng chạy, mỗi khi xe tới trước nhà, hùng-hồn thay, uy-vũ thay, chẳng khác gì quan Đô-thống khi lâm-trận mà giống chiếc đại sắt. Không biết chủ-nhân có tin về địa học hay không, sao mà danh-thắng thu được toàn-cục đến thế!

Xứ Mông-dương khí-hậu lạnh rét, xem vào hàn-thử-biểu rét nặng hơn bức, mùa hạ quạt ít, mùa đông đôi khi tuyết xuống thành khối. Ma thì thiêng, nước thì độc, người trung-châu tới làm phu số nhiều là đa bủng tóc đứng. Mỗi khi lấy nước uống thuê chiếc thuyền con vượt qua suối, tất vào khe núi bên kia, đã có một cái mạch thiên-nhiên chảy ra nước ngọt. Ngoài ra chó lội trút lông, dùng kính hiển-vi mà coi, độc-chất vằn-vằn khá sợ.

Non nước trời đông đã biết có ta, bao nhiêu cảnh-vật thanh u miêu-tả ra đến cực-điểm, thật là dẫn ta vào một cái trường «chớp ảnh», có bao năng-lực hết sức diễn cả, hết sức cống-hiến cả. Đoái tình-cảnh đó, lưu-lặng dăm vần.

Ai đưa ta tới cảnh Mông-dương,
Phong-vị bao nhiêu ta đã tường;
Sắt mỏi đường hôm đôi gót gió,
Đá mờ núi sớm chiếc đầu sương;
Con thuyền tiến-thoái khe đưa nước,
Mái chợ đông tây khách đủ hàng;
Tranh gối quan-san hồn lữ-thứ,
Còi đâu xa gợi khúc Nam-thương.

9 giờ 10, ngày 11, từ-biệt trở về Hongay, ông thế-huynh tiễn chân ra bến tầu thơ, làm quà cho một lá vé. Con tầu quay mũi, bể réo non quanh, lắm vẻ thanh-tú tiêm-tân, làm cho lạ mắt xiêu lòng. Sực nhớ đến nông nỗi người về kẻ ở, hai bên mục-tống khẩn-khoản đoái theo, tuy rằng cách núi cách rừng, một bước một xa, mà tấm lòng tương-thân tương-ái, âu đã tưởng-tượng tới khi tái-ngộ sau đây.

Không lâu tầu đến Cửa-ông, rồi mà bỏ qua Cọc-sáu, Cọc-năm và Cẩm-phả. 9 giờ đêm vừa đáp Hongay, đèn còn thấp-thoáng, xe vẫn rập-rìu, trọ ở phố bờ bể qua đêm, sáng ra mới hỏi đường đi thăm cảnh.

Hongay có hai cảnh, tức là hai sở than; sở mới và sở cũ. Sở mới mới khai tự 5, 6 năm nay, than thì nhiều, phu thì đông, đọ với các nơi, náo-nhiệt hơn cả. Sở cũ tục gọi sở núi Béo, khai đã ngót 20 năm, than già mà lấy gần hết, cái vẻ tàn-xuân nghe đã mười phần lãnh-đạm.

Tuy-nhiên, trèo lên ngọn cô-phong mà phê bình hai sở này: sở mới giàu có giàu thật, đẹp có đẹp thật, song xem kỹ ra thì phần lẳng-lơ chiếm-đoạt mất phần tĩnh-nhất, như là một cô kỹ-nữ quần áo bảnh-bao, nói-năng hoạt-bát, mà các tông-tích vẫn còn ràng buộc trong xóm Bình-khang; sở cũ như đóa hoa đã tàn, có tàn mới có kết-quả, như nước trào đã xuống, có xuống mới chứa thành bể. Rút lại sở cũ đã lâu ngày đã nhiều tuổi, cái công-dụng giúp về sự kinh-tế nước nhà đã nhiều, không một sở mới, mà các sở ở vùng này, đều đứng vào hàng em hàng con cả. Cái phẩm-chất tuyệt-đối, cái nghi-biểu đặc-biệt, vẫn còn giữ được bản-sắc của lão-mẫu.

Bàn kỹ về vấn-đề than đá. Kinh thiên-diễn với hồi-kiếp đời trước chất lại thành ra than đá. Năm 1765 bắt đầu nước Anh mới khai ra mỏ than, trong mỏ có nước, lại chế ra chiếc «Hỏa-luân-khí 火輪器» để hút cạn. Xứ Quảng-yên này phần nhiều than chứa ở trong tim núi, xếp lẫn với đá với đất, tự đời Bảo-hộ mới biết khai-dùng. Than già thì tinh-dịch bốc lên mặt núi sắc đen, than non thì sắc ủng vàng.

Khai than có hai phương-tiện: Phương-tiện thứ nhất là « khai lò », giống như khai đường tụy-đạo, nghĩa là nhà thám mỏ bói than đã được già, dùng chiếc khoan sắt khoan thông quả núi, xem than đi hang nào, nhiều hay ít, cứ đó bắt phu khai lò, chiều rộng ước 3 thước tây, chiều cao ước 2 thước 5 tấc, lấy sâu vào mãi, đến đâu gỗ làm như khung-cửa chống đến đấy, và đặt đường sắt ngay cho xe guồng than ra. Đào như hang chuột, lắm nơi ngã ba ngã tư đi lạc cả hướng, nếu mỗi cung không có đèn treo thì vơ-vẩn thật. Nghe như lời phu nói, làm lò rất nguy-hiểm, nhiều khi thất cách than lở lấp mất cửa, bất-hạnh người nào ở trong không có lối ra, vì bằng chẳng sớm khai ngay, tính-mệnh thường bỏ bằng cách thảm-hại là chết đói chết khát hoặc chết nực.

Phương-tiện thứ hai là « khai tầng », nghĩa là đào trống hẳn ra, tức là lối lộ-thiên, lấy hết tầng trên đào xuống tầng dưới. Mỗi khi mưa to gió lớn chi hậu, bờ tầng ngấm nhiều nước bị sạt trên xuống, sánh với khai lò không phải là không nguy-hiểm, mà cái nguy-hiểm cũng đau-đớn lắm, là chết bằng cách gẫy xương nát thịt.

Ngạn-ngữ ta có câu: « Vạn tội bất như bần tội khổ. 萬罪不如貧罪苦»; nghĩa là muôn tội không gì bằng tội nghèo khổ hơn. Phu đi làm than phải xa cha mẹ, lìa vợ con, quanh năm cặm cụi, đem bát mồ-hôi đổi bát cơm ăn, dẫu biết buộc mình vào nơi tử-địa cũng không dám chối, miễn là làm sao mỗi ngày được và hào một đồng, cho đủ sinh-hoạt.

Đem đen đổi trắng, ăn nhịn để dành, nhiều người đến cuối năm còn dư dật vốn-liếng, toan về ăn tết ở nhà, lễ-bái tiên-tổ, thăm-hỏi cha-mẹ vợ-con, sau nữa vấn-an xóm-diềng, kẻ láng người nước. Ai ngờ nhiều bác chủ-thầu ác-cảm với phu, tìm kế lưu phu lại đời. Cứ trung-tuần tháng tây phát lương cho phu, ngày nào phát lương đêm ấy mở sòng đỏ-bác rất to, xu-hào quăng tức thúc, bạc giấy rắc như rơm. Hợi đồng

ai thấy chẳng mê, càng dúng càng thua, bao nhiêu lưng-vốn hết sạch - sành-sanh, tấm lòng nhớ đến quê-hương bản-quán thôi dành gác đề. Mỗi khi đêm khuya người vắng, nghe thấy tiếng ngựa nước Hồ nó thét gió Bắc, thì lại cảm tình con chim nước Việt nó đậu cành Nam, hồn xiêu phách lạc sinh ra áy-náy vô-hạn

Nghe đâu các sở than tối nào cũng mở lò đồ-bác, duy có tối phát lương là to hơn cả. Than ôi, đồ-bác ! đồ-bác ! đồ-bác rồi sinh ra trộm-cướp, thành-thử rồi cuộc trị-an. Vì thế Chính-phủ thông-sức nghiêm-cấm, ai phạm tội đó trị đã có luật, không biết các sở than xứ này và các tầu thủy đi dọc sông, sao họ vẫn còn làm càn, không biết pháp-luật là gì, gây ra cái mối họa lớn nhiều người hại lây. Mong rằng Chính-phủ dèn trời soi-xét, trừng-trị đi cho, thật là hồng-phúc muôn dân.

Đêm 12, 10 giờ kém 5 về Hải-phòng, ở lại một ngày xem thành-phố, và thăm các bạn đồng-song. Hải-phòng là nơi phồn-hoa đô-hội, hai ngọn phong-trào văn-minh tân và cựu, khích-thích đã nhiều, ai nấy qua đường Quân-ngựa, trải phố Cầu-đất, ăn một điếu thuốc, nói một câu chuyện, cái vẻ tinh-thần in ra thành-thị lắm rồi, càng chú diền-phu dã-tốt, lại càng thấm mạnh. Lạ quá, ta lúc ấy buông kỹ con mắt doanh-hoàn vào bức toàn-đồ, cái đồng-tử dường như không chịu hỗn-tạp, vẫn còn mơ-tưởng phong-thú yên-hà.

12 giờ 10 ngày 14 đáp hỏa-xa ở Hải-phòng đi Hải-dương, 3 giờ tới nơi, vào qua xem xong hai phố Đông-kiều 東橋 và Tây-thị 西市, rồi về Hà-nội vào thăm ông chủ báo *Nam Phong*.

NHÂN-VÂN-ĐÌNH.

VĂN-UYỂN

TỨ-THỜI DẬT-HỨNG

四時逸興

Xuân

Miễu

Trời xuân non nước tươi-cười,
Liễu khoe sắc biếc, đào phơi mầu hồng.
Hóa-nhi khéo cũng lựa lòng,
Đem cơn hòa-khí thổi vòng trần-ai.

Hát nói

Xuân đi xuân lại, thú dương-xuân êm-ái một bầu trời ; ngoảnh ra Âu Á vân trò đời, non-nước lặng tiếng cười thân-thế nhỉ. Húc nhật song tiền lai thụy khí ; đông phong hoa thượng báo hà hương, 旭日窗前來瑞氣。東風花上報遐香。*Mảng vui chè-chén tít cung-thang, tính đốt lại tuổi vàng thêm chứa-chất. Lò đào-chú đội ơn trời sức phật, hạt mưa xuân phân-phất gội trăm nhà. Thanh-bình đâu chẳng âu-ca !*

Hạ

Miễu

Trời hè tiếng quốc bên tai,
Ấy ai nung-nấu cho ai động lòng.
Nợ đời trót đã đèo-bòng,
Làm cho sen đậm mầu hồng về hoa.

Hát nói

Thói đời viêm-nhiệt, đem cầm-tôn mà mài-miết với non-sông ; ngâm câu rằng : Thiên-địa vi lô hề tạo-hóa vi công, âm-dương vi thán hề vạn-vật vi đồng, 天地爲爐兮造化爲工。陰陽

爲煙兮萬物爲銅。 *Bầu thế-giới vẫn không-không mà sắc-sắc. Trải ngắm cả đông đoài nam chí bắc, ai là không đội đức đấng Viêm-quân. Thanh-tao kia khúc nam-huân!*

Thu

Miễu

Trời thu gió mát trăng thanh,
Lâm-tuyền chén cúc, tỉnh-thành câu thơ.
Bấy lâu hả chí giang-hồ,
Đem thân lỗi-lạc chen-đua với đời.

Hát nói

Trăng thanh gió mát, làn thu quang ai khéo giát nên đồ; dạo bầu trời bể Việt với non Ngô, mùi trần-thế có giang-hồ thêm lỗi-lạc. Nhật trường tự tuế nhàn phương giác; sự đại như thiên tùy diệc hưu, 日長似歲閒方覺。事大如天隨亦休。 *Mặt tài-tình chuốc nợ phong-lưu, phỏng hỏ-mã hô-ngưu ở cũng gật. Buổi hoàn-hải thật-hư hư-thật; nên vũ-đài toan diu-dắt cả đàn em. Vạch bầu sương-tuyết mà xem*

Đông

Miễu

Trời đông khe-khắt hơi may,
Hoa mai lác-đác báo ngày tân-xuân.
Đề-huề đôi mái song-thân,
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần ngâm thơ.

Hát nói

Đông giả tuế chi dư dã, 冬者歲之餘也, *trời vì ta mà bủ-bã lấy thanh-nhàn; nào câu thơ, nào nét họa, nào chén rượu cung đàn, vui cha mẹ bàn-hoàn khi tuổi-tác.* Mạnh bốc an-bài tân noãn các; hô nhi úy-thiệm cựu hàn-y, 命僕安排新暖閣呼兒熨瞻舊寒衣。 *Đủ thời-trang cho thỏa chí nam-nhi, dẫu ngang trời dọc bể, sử chép bia ghi, rút-cục lại cũng chung qui vòng số-phận. Bường âm-muội đừng khi vơ-vẩn; thoi tuần-hoàn thơ-thẩn đã xuân-xanh. Chúa đông xi chớ vô-tình!*

. . .

Đông-dạ thư-hoài

Một đèn một bóng lúc đêm đông,
Cái cảnh đêm đông cảnh lạnh-lùng;
Non-nước canh chầy sương-tuyết nhuộm,
Bút-nghiên đường cũ cỏ-rêu phong;
Nghe chuông những mảng sư già mệt,
Thấy ổ thêm cười lũ trẻ ngông;
Thơ-thẩn đứng mong trời chóng rạng,
Ra vào theo ruổi gót cha ông.

Lạp-dạ khách Hà-thành

Non Nùng nước Nhĩ thú phồn-hoa,
Chành-trạnh đêm khuya sực nhớ nhà.
Chiếc gối tam-đông làn gió hấp,
Bức thành thiên-cổ bóng trăng pha;
Trống-chiêng nghe lọt câu tuồng mới,
Sương-bụi xem chừng dặm liễu xa;
Lố chửa trò đời im chẳng được,
Xe chào ngựa đón khách vào ra.

Tiếng pháo cuối năm

Một-chạp mà đi lắm thú vui,
Lắng tai nghe pháo đã ra đời;
Vẻ mây ngũ-sắc che ngang đất,
Tiếng sấm liên-thanh nức khắp trời;
Dâu rể báo tin thời-khắc đến,
Bình chùa mượn sức hội-hè chơi;
Thân em giới-thiệu và hôm nữa,
Non nước xuân chan thỏa mọi người.

Người đời

Trò đời dâu bể tít con quay,
Kẻ muốn vo thêm kẻ muốn dày;
Đội lốt tu-hành sư nói dối,
Ra ràng bôn-tẩu cướp ăn chay;
Con thuyền bể tối chèo ngang dọc,
Tiếng trống canh tàn dịp đổi thay;
Có ý sinh ta trời đất bợm,
Giở chiều như tỉnh lại như say.

Nợ công-danh

Nề-nùng nhau chi bác thợ già,
Công-danh nợ bẫm quái thằng ta;

Vay không lờ lãi vay thêm nặng,
Trả muốn nghênh-ngang trả chửa hòa;
Một gánh bồng-tang vai đã dạn,
Muôn thu trúc-bạch mắt còn xa;
Ước ai đôi khẩn cho xong quách,
Bổn-phận nam-nhi thế mới là.

Chiếc khăn xếp

Văn-minh nhiều kẻ áo cùng đai,
Tối-thượng như em dễ mấy người;
Rộng lượng cửu trùng bao bọc khắp,
Giàu lòng phương-thốn chuyền-vần chơi;
Quan-nha đến cửa khi mừng viếng,
Phật-thánh qua sân lúc khấn nài;
Tai-mắt ở đời đều đội đức,
Trăm nghìn cả thế một mình ai.

NHÂN-VĂN-ĐÌNH

Thu-cảm

Trời thu ảm-đạm, cỏ nhuộm sắc vàng; ngẩm bốn phương hơi may đưa cành ngô hiu-hắt, trước vườn thu chiếc lá rụng, cánh hồng rơi, trên sông Ngân vợ chồng Ngâu than khóc, dưới sườn non muôn vật rỉ-ron kêu.

Phong-cảnh tiêu-điều như xui lòng khách đa-sầu đa-cảm. Kẻ bi-thu này, đêm khuya thanh vắng, một mình tựa trước mành sương.

Đối cảnh sinh buồn, tâm-thần phảng-phất, lắng tai nghe đàn dế tỉ-tê sầu. Mà xem ra nó sầu hết thu này sang thu khác; hay là nó sầu về non sông cảnh-vật, thế-thái nhân-tình, vì bấy lâu nay ngàn dâu biến đổi, non biếc bạc phơ, hoa rầu gió bụi, trăng tủi mây mưa, vườn Hồng-Lạc sương lồng tuyết đượm, nền vũ-trụ anh-hùng vắng-ngắt, quán phong-lưu đủ mặt khách giang-hồ, bạn má hồng nhiều kẻ đong-đưa, nhà nữ-tắc rêu mờ dấu cũ, rừng lau xanh ngán cảnh sác-sơ, làn thu-thủy thương đời cau mặt!

Than ôi! cảnh tình như thế, kẻ bi-thu này khôn ngăn giọt lệ, đối cảnh sầu ngâm, gọi là tỏ chút tình thu cảm!

Khúc thu-hận

(Tả theo ý bài « Khúc thu-hận » của bà Tương-phố)

Uyên-ương cách biệt từ thu ấy,
Thu đi về mà chẳng thấy bóng người xưa;
Vườn thu lạnh-lẽo giọt mưa,
Phòng thu tiếng dế sớm trưa gợi sầu.
Trăng thu ảm đạm bên lầu,
Cỏ thu hiu-hắt nhuộm màu thu-dương.
Não nùng với cảnh thê-lương,
Năm canh một khúc đoạn-trường khôn nguôi.
Chốn dạ-đài chàng vui giấc điệp,
Cõi hồng-trần để thiếp trơ-vơ.
Liễu bờ đương độ ngây thơ.
Hồn thu luống những ngẩn-ngơ vì tình.
Nhớ những lúc đêm thanh thưởng nguyệt,
Nhớ những lời thề-thuyết tâm giao;
Khăng-khăng buộc sợi tơ đào,
Sông thu một giải biết bao nhiêu tình...
Buổi văn minh chàng đua thân bể học,
Sóng làn văn vùi giập khách tài-hoa;
Khác tình ai tỏ cho ta,
Sầu đong một khắc lệ sa mấy hàng.
Nỗi ly-hận canh tàn đằng-đẵng
Riêng một mình đeo-đẳng khối tình chung;
Lòng những toan xa-lánh bụi hồng,
Nhưng vì nỗi chữ tòng nên chửa dứt.
Trên cao-đường thông già hiu-hắt,
Dưới cô-phòng dìu-dắt chút hài-nhi.
Nguồn ân-ái tương-tư nhiều nỗi,
Trách ông tơ dứt mối cho đành.
Mấy thu trôn chiếc bách lênh-đênh,
Thân dãy-dạn bồng-bềnh trên bể khổ.
Cơn giông tố một tay chèo chở,
Phận má hồng gập-gỡ bước long-đong.
Đóa phù-dung trước ngọn thu phong,
Những e nỗi sương lồng tuyết đượm.
Đành ngậm tủi phụ lời thề ước,
Chắp tơ dồng nối bước bạn tương-tri.
Chốn hầu-môn cầm-sắt xướng-tùy,
Duyên tác-hợp yên bề lạc-thú.

Vui cảnh mới bi-sầu cảnh cũ,
Bóng thu tàn ủ-rũ chiếc thân ve.
Ba sinh một kiếp năng-nề,
Ruột tằm đôi đoạn tơ chia rối bời.
Miếng đỉnh-chung thẹn lời vàng đá,
Chén vinh-hoa lã-chã giọt sầu riêng.
Đêm thu vằng-vặc gương nguyền,
Lòng thu để một mối phiền trăm năm!

MỘNG-LAN *thôn-nữ*

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký

(Từ mồng 1 tháng 10 đến 30 tháng 11 năm 1931)

Mồng 1 tháng 10 năm 1931. — Thủ-tướng Pháp LAVAL định đến 16 tháng 10 thì đi Mĩ.

— Tình-hình chính-trị ở Anh vẫn bối-rối lắm. Vua có hỏi ý-kiến lãnh-tụ các đảng. Xem ý thủ-tướng MAC-DONALD muốn xin với quốc-dân ủy-nhiệm cho Chính-phủ một việc thi-hành cái chương-trình cải-tạo quốc-gia, nhưng không biết các tổng-trưởng về phái tự-do có bằng lòng không.

— Muốn ngăn cái phong-trào biệt-lập ở Mãn-châu, nghe đâu Trương Học-Lương định trực-tiếp thương-thuyết với Chính-phủ Nhật. Nhưng lại có tin hai bên sô-sát nhau dữ ở gần Phụng-thiên.

Mồng 2. — Thống-chế PÉTAIN cùng với con cháu hai tướng LA FAYETTE và ROCHAMBEAU đã giúp nước Mĩ độc-lập khi xưa, và thủy-tướng DE GRASSE, đáp tầu sang Mĩ.

— Nhà Đức-quốc Ngân-hàng (*Reichsbank*) công-bố sổ kết-toán, xét ra thời số giấy bạc lưu-hành tăng lên nhiều mà số hiện-ngân trừ-bị thời lại giảm đi quá.

— Ở Thượng-hải có cuộc biểu-tình phản Nhật kịch-liệt lắm.

Mồng 3. — Tình-hình tài-chính nước Đức quẫn-bách lắm. Chính-phủ có ý xin hoãn cả các nợ của ngoại-quốc.

Mồng 4. — Ở *Berlin* có cuộc biểu-tình để chủ-trương việc Pháp Đức tương-thân.

— Nước Tàu xin Mĩ phái một « viên quan-sát » (*observateur*) sang Phụng-thiên (*Moukden*).

Mồng 5. — Nội-các Anh đồng-thanh quyết-định ngày mai sẽ giải-tán Nghị-viện. Ba tuần-lễ nữa thời mở cuộc tổng-tuyển-cử. Ông MAC-DONALD bàn với ông LLOYD GEORGE là lãnh-tụ đảng tự-do để hiệp-tác với đảng lao-động, ông này không chịu, đảng tự-do liền phân-liệt, biệt-lập thành một phái độc-lập, SIR JOHN SIMON đứng đầu.

— TEWFIK ROUCHDY BEY, ngoại-vụ tổng-trưởng nước Thổ (*Turquie*), cùng với ông MICHALACOPOULOS, ngoại-vụ tổng-trưởng nước Hi-lạp (*Grèce*), cùng nhau ký ba tờ hiệp-ước, một tờ là ước thân-thiện hai nước với nhau.

— Hai nhà phi-hành Mĩ PANGBORN và HERNDON lần đầu vượt qua Thái bình-dương nối nước Nhật với nước Mĩ.

Mồng 6. — Ngoại-tướng Anh LORD READING đến *Paris*, thương-thuyết với Chính-phủ Pháp về vấn-đề cố-định thời-giá cho tiền *sterling*, vấn-đề tài-giảm quân-bị và vấn-đề hoãn nợ chiến-tranh.

— Ngoại-tướng Đức CURTIUS xin từ chức.

Mồng 7. — Nội-các BRÜNING nước Đức từ chức. Giám-quốc HINDENBURG lại cử ông BRÜNING lập Nội-các khác.

— Vua GEORGE V tuyên-bố giải-tán Nghị-viện Anh. Định đến 27 tháng 10 mở cuộc tổng-tuyển-cử, đến mồng 3 tháng 11 khai-mạc Nghị-viện mới. Thủ-tướng MAC-DONALD làm tờ thông-cáo cho quốc-dân nói rõ sau cuộc tuyển-cử sẽ lập Chính-phủ mới, mà Chính-phủ này phải là một Chính-phủ quốc-gia chứ không là Chính-phủ một đảng nào nữa.

Mồng 8. — Tổng-trưởng bộ hàng-không nước Pháp rời *Paris* cưỡi tầu bay đi sang *Roumanie*.

— Ở Anh đã mở cuộc vận-động bầu-cử. Lãnh-tụ các đảng đã tuyên-bố chương-trình.

Tầu bay của Nhật ném trái phá vào thành *Kingtchéou* (Cảnh-châu (?)).

Mồng 9. — Theo lời yêu-cầu của nước Tàu, hội-đồng trị-sự Hội Vạn-quốc định đến mai sẽ họp để xét về việc Hoa-Nhật xung-đột.

— Ở Đức, Nội-các BRÜNING mới đã thành-lập. Ông BRÜNING lĩnh bộ Ngoại-vụ, tướng GRŒNER lĩnh bộ Nội-vụ kiêm bộ Cảnh-binh (*reichswehr*)

— Đảng lao-động ở Anh hôm nay tuyên-bố chương-trình để vận-động việc bầu-cử. Tình-hình đảng tự-do xem ra yếu sức lắm. Phải phân-lia với đảng ấy thì không được dùng tiền quĩ của đảng nữa, quĩ này vẫn ở trong tay ông LLOYD GEORGE, bởi thế nên không có thế-lực gì, chỉ có thể giúp sức cho đảng bảo thủ để phản-đối đảng lao-động mà thôi.

— Ông MIKLAS được tái-bầu làm Giám-quốc nước Áo (*Autriche*).

— Chính-phủ Nhật đưa cho Chính-phủ Tàu một tờ thông-điệp phản-kháng những việc biểu-tình để chế người Nhật.

Mồng 10. — Tổng-thư-ký-cục của Hội Vạn-quốc nhận được hai tờ công-văn của Chính-phủ Tàu và Chính-phủ Nhật về việc Hoa-Nhật xung-đột.

Ngày 11. — Ngoại-tướng Pháp BRIAND định đi dự Hội-đồng Hội Vạn-quốc để giải-quyết việc Hoa-Nhật xung-đột.

— Ba đảng cực-hữu ở nước Đức họp hội-đồng ở *Bad-Harzburg*, ba tay lãnh-tụ HITLER, HUGENBERG và SCHACHT diễn-thuyết tuyên-bố phản-đối Nội-các BRÜNING và nói sẵn lòng ra cầm quyền để đảm-đương việc nước.

Ngày 12. — Ông BRIAND đã đến *Genève*. Tình-hình ở Mãn-châu càng nguy-kịch, vì Nhật-bản không chịu lui, mà Tưởng Giới-Thạch thì tuyên-bố rằng nếu Hội Vạn-quốc không giải-quyết xong việc này, nước Tàu tất phải quyết chiến-tranh.

Ngày 13. — Ông BRIAND được bầu làm chánh hội-đồng quản-trị Hội Vạn-quốc khóa này để giải-quyết về việc Hoa Nhật xung-đột.

— Nghị-viện Tây-ban-nha (*Espagne*) đầu-phiếu quyết-nghị về việc chính-giáo phân-li, được 85 phiếu ưng đối với 45 phiếu nghịch.

Ngày 14. — Hội-đồng Hội Vạn-quốc định mời nước Mĩ không có chân Hội cử một viên quan sát tham-dự hội-đồng xét về việc Hoa Nhật.

— Thủ-tướng Tây-ban-nha là ông ZAMORA xin từ chức, vì nghị-viện đầu-phiếu quyết-nghị một khoản trong hiến-pháp bắt các hội thầy giòng *Jésuites* phải giải-tán. Ông AZANA lên thay cho ông ZAMORA.

Ngày 15. — Hội-đồng Chính phủ Pháp duyệt-y sổ dự-toán năm 1932. Sổ dự-toán này bên thu bên chi được cân nhau, không phải đánh thuế mới, không phải mở công-thái cũng không

phải trích ở kho trữ-bị Sở dự-toán định có 9 tháng, vì từ nay sở dự-toán lại làm theo như năm thường, chứ không bắt đầu từ tháng tư nữa.

— Ở Hội Vạn-quốc, đại-biểu nước Nhật-bản phản-đối không ưng cho mời nước Mĩ tham-dự vào vấn-đề Hoa Nhật xung-đột.

Ngày 16. — Thủ-tướng Pháp LAVAL đáp tầu ở cửa *Havre* để đi sang thương-thuyết bên Mĩ. — Tổng-trưởng bộ thuộc-địa Pháp PAUL REYNAUD đã đến Sài-gòn.

— Nước Mĩ cử ông PRENTISS GILBERT làm quan-sát-viên để tham-dự hội-đồng Hội Vạn-quốc xét việc Hoa-Nhật xung-đột.

— Ở Nghị-viện Đức, phái phản-đối công-kích Nội-các BRÜNING kịch-liệt lắm. Khi đầu-phiếu thì Nội-các được 294 phiếu, các đảng phản-đối được 270 phiếu. Nghị-viện định nghỉ đến ngày 23 tháng 2 sang năm mới họp.

— Ở Anh, hôm nay là ngày các nhà ra ứng-cử nghị-viên khai danh cho thiên-hạ biết. Cả thảy có 550 ghế nghị-viên mà 1221 người ra tranh. Trong số đó thì được 65 người không có ai tranh, chắc thế nào cũng được bầu.

Ngày 17. — Hội-đồng Hội Vạn-quốc định rằng hết thảy các nước có chân trong Hội-đồng sẽ gửi công-văn cho hai Chính-phủ Tàu và Nhật để nhắc những lời cam-đoan của hai nước ấy trong khi ký tờ hiệp-ước bảo-hòa BRIAND-KELLOG. Còn phái-bộ Nhật ở hội-đồng Vạn-quốc cũng gửi giấy cho ông Hội-trưởng BRIAND, nói lại rằng nước mình vẫn phản-đối việc mời nước Mĩ vào tham-dự hội-đồng, cho là trái với pháp-luật.

Ngày 18. — Tổng-trưởng bộ hàng-không Pháp đi tầu bay sang *Roumanie*, nay đã trở về *Paris*. — Ông PAUL REYNAUD đến Sài-gòn diễn-thuyết bằng vô-tuyến-điện cho nhân dân Đông-dương nghe.

— Ở Hội Vạn-quốc, ông BRIAND trả lời cho phái-bộ nước Nhật, không chịu các lẽ phản-đối về việc mời nước Mĩ.

— Chính-phủ Nam-kinh ở Tàu thương-thuyết với các phái khác trong nước để đồng-tâm hiệp-lực mà đối-phó với Nhật.

— Nhà chế-tạo trứ-danh nước Mĩ EDISON tạ-thế.

Ngày 19. — Việc Hoa-Nhật nghe như hơi yên-yên. Ông BRIAND cố thương-thuyết cho hai bên điều-đình châm-chước với nhau. Nước Nhật không nói gì về việc Mĩ tham-dự hội-đồng nữa.

Ngày 20. — Ông PAUL REYNAUD đi thăm cửa-bể cùng thành-phố Sài-gòn và thăm các đồn-điền cao-su Nam-kỳ.

— Ở Hội Vạn-quốc hôm nay có ý trông đợi xem hai nước Nhật và Tàu trả lời cho ông BRIAND thế nào. Xem ra thì nếu Tàu có công-nhận các đặc-quyền của điều-ước đã dành cho Nhật, thì Nhật mới chịu châm-chước.

Ngày 21. — Ông PAUL REYNAUD đi Cao-miên.

— Ở Hội-đồng Hội Vạn-quốc mới nhận được giấy trả lời của nước Tàu, chưa tiếp được giấy của nước Nhật, nhưng cũng họp một hội-đồng gồm đại-biểu của năm nước để nghĩ-định cách điều-đình, rồi sẽ đem ra bàn với hai nước Tàu và Nhật.

— Nghe nói Chính-phủ Sô-viết Nga muốn sai một phái-bộ sang điều-tra ở Mãn-châu.

— Nghị-viện Tây-ban-nha đầu-phiếu quyết-nghị điều-khoản trong hiến-pháp đặt lệ phổ-thông giáo-dục trong nước cưỡng-bách, không mất tiền và không thuộc quyền giáo-hội.

Ngày 22. — Thủ-tướng Pháp LAVAL đã đến kinh đô Mĩ, cùng với Giám-quốc Mĩ thương-thuyết.

— Ở hội-đồng Hội Vạn-quốc, ông BRIAND tuyên-bố lời dự-định của hội-đồng để bàn với nước Tàu và nước Nhật điều-đình việc xung-đột trong hai nước. Hội-đồng định hoãn đến 16 tháng 11 mới họp.

— Ở Tàu phái Nam-kinh và phái Quảng-đông vẫn thương-thuyết để hợp-nhất với nhau.

Ngày 23. — Hội-đồng Hội Vạn-quốc họp để nghe thư trả lời của nước Tàu và nước Nhật về lời bàn điều-đình của ông BRIAND. Nước Tàu thuận ưng theo. Nước Nhật thì bàn khác lại.

Ngày 24. — Tuy đại-biểu nước Nhật phản-đối mà hội-đồng Hội Vạn-quốc số nhiều vẫn duyệt-y cái dự-án điều-đình của ông BRIAND. Hội-đồng định đến ngày 16 tháng 11 lại sẽ họp nữa.

Ngày 25. — Ông PAUL REYNAUD sau khi đi xem Đế-thiên Đế-thích ở Cao-miên rồi, đã đi tầu bay về Sài-gòn.

Ngày 26. — Chính-phủ Nhật tuyên-bố về việc Mãn-châu, định ra năm điều-kiện, có được đúng như thế thì mới chịu rút quân về.

Ngày 27. — Thủ-tướng Pháp LAVAL thương-thuyết với Giám-quốc Mĩ đã xong, hôm nay đáp tầu về Pháp.

Ngày 28. — Cuộc tuyển-cử nước Anh tuy chưa biết rõ kết-quả nhất-định, nhưng hiện nay đã biết phái liên-hiệp được 551 ghế, mà phái phản-đối chỉ có 57 ghế mà thôi. Trong số đại-thắng đó, đảng bảo-thủ được chiếm một phần to.

— Ở Ý-đại-lợi làm lễ kỷ-niệm đệ-cửu chu-niên việc quân Pha-si tiến lên lấy thành *Rome*.

— Nước Nhật kháng-nghị với chính-phủ Nga về việc quân-đội Nga vận-động ở Mãn-châu.

Ngày 29. — Hôm nay đã biết rõ rằng đảng bảo-thủ được 470 ghế ở nghị-viện Anh. Các quan Nội-các cũ xin từ chức để lập Nội-các mới.

— Phần thưởng *Nobel* về y-học năm nay thưởng cho giáo-sư WARBURG ở *Berlin*.

— Ở Mãn-châu, thổ-phỉ Tàu đánh quân Nhật, nhưng bị Nhật đánh lại dữ lắm.

Ngày 30.—Nhà Anh-quốc ngân-hàng tuyên-bố sẽ trả lại hai phần năm số tiền 50 triệu *livres* của nhà Pháp-quốc ngân-hàng và Mĩ-quốc ngân-hàng cho vay hồi tháng tám trước.

Ngày 31 — Chính-phủ Tàu giao cho tổng-thư-ký Hội Vạn-quốc một bức thư trả lời những điều nước Nhật khai-trình về việc Mãn-châu.

Ngày mồng 1 tháng 11. — Hôm nay khai quốc-hội nước Thổ. Trong bài diễn-thuyết khai-hội, quan Giám-quốc thuật về tình-hình chính-trị và việc giao-thiệp với các lân-bang, nói rằng mọi sự đều được thỏa-thuận cả.

— Đại-sứ Nhật ở *Moscou* đưa thư kháng-nghị chính-phủ Sô-viết Nga về việc nước Nga vận-động ở Mãn-châu.

Mồng 2.— Ở Anh bầu-cử nghị-viện xong rồi, bầu-cử đến các thị-tỉnh hội-nghị, kết-quả cũng là đại-thất-bại cho đảng lao-động.

— Quân Nhật-bản chiếm thành *Tsitsikar* ở Mãn-châu.

— Hai phái Nam-kinh và Quảng-đông muốn liên-hiệp với nhau, nghe chừng lại chưa xong.

Mồng 3.—Chúng-nghị-viện Anh họp, bầu đại-úy FITZ ROY làm nghị-trưởng (*speaker*). Đảng lao động ở nghị-viện bầu ông LANSBURY làm lãnh-tụ, tức là lãnh-tụ đảng phản-đối Chính-phủ.

Mồng 4.—Tổng-thư-ký-cục Hội Vạn-quốc tuyên-bố bức thư của Hội gửi cho phái-viên nước Nhật ngày 29 Octobre để biện-bạch về việc Nhật Hoa xung-đột.

— Dân Hồi-giáo nổi loạn phản-đối quốc-vương đất *Cachemire* (Ấn-độ).

— Ông ALCALA ZAMORA nhận ra ứng-cử giám-quốc nước Tây-ban-nha.

Mồng 5. — Ông MAC-DONALD đã tổ-chức lại Nội-các Anh, có 20 chức tổng-trưởng, thì 11 chức về đảng bảo-thủ, 5 chức về đảng tự-do, 4 chức về đảng lao-động quốc-gia (*travaillistes-nationaux*). Bộ ngoại-vụ giao cho SIR JOHN SIMON.

— Đại-biểu nước Tàu ở Hội Vạn-quốc đệ đơn xin Hội can-thiệp để ngăn cái thái-độ khiêu-khích của quân Nhật ở Mãn-châu.

Mồng 6. — Kỳ hội-đồng Hội Vạn-quốc định họp ngày 16 này, có lẽ họp tại *Paris*.

— Đảng cấp-tiến xã-hội nước Pháp bầu ông HERRIOT làm lãnh-tụ đảng.

— Ở Mãn-châu, quân Nhật và quân Tàu đánh nhau trên sông *Nonni* để chiếm các đường cầu. Quân Nhật bị tình-cờ thua một trận nhỏ, nhưng rồi lại thắng ngay.

Mồng 7. — Đảng cấp-tiến nước Pháp họp hội-nghị, thảo-luận về chính-sách ngoại-giao và chính-sách thuộc-địa, có các ông PIERRE COT, ALBERT SARRAUT, HERRIOT, và STEEG.

— Ông BRIAND thay mặt Hội Vạn-quốc lại gửi thư khuyên can hai nước Nhật và Tàu.

Mồng 8. — Phái-bộ Nhật ở Hội Vạn-quốc tuyên-bố những lời thuyết-minh của nước Nhật về mấy trận trên sông *Nonni* vừa rồi. Ở Mãn-châu thì có một đảng tự-trị tuyên bố độc-lập, đầu đảng là tướng Yuan Tching-Kai (?).

— Chính-phủ Sô-viết định từ nay các nhật-trình trong nước 5 ngày chỉ xuất-bản bốn lần mà thôi.

Mồng 9. — Nước Tàu trả lời bức thư của ông BRIAND đổ lỗi cho nước Nhật lại khởi-hấn ở Mãn-châu.

Mồng 10. — Vua nước Anh đọc diễn-thuyết khai hội ở Nguyên-lão-viện và Chúng-nghị-viện.

Ngày 11. — Nước Mĩ cử tướng DAWES làm quan-sát-viên để tham-dự kỳ hội-nghị Hội Vạn-quốc họp ở *Paris* nay mai.

Ngày 12. — Nghị-viện Pháp khai hội. Ông DALADIER thuộc đảng cấp-tiến muốn chất-vấn Chính-phủ về giá xe lửa, Chính-phủ đề-xuất vấn-đề tín-nhiệm, được 311 phiếu quyết-định hoãn việc chất-vấn đó đối với 272 phiếu. — Tổng trưởng bộ dự-toán PIÉTRI đệ trình nghị-viện bản dự-toán chi-thu năm 1932.

Ngày 13. — Hội-nghị Bàn-tròn họp ở *Londres* tự mấy tuần nay, vì các phái-bộ Ấn-độ không đồng-ý nhau, nên có cơ thất-bại.

Ngày 14. — Nhân hai chính-phủ Pháp và Anh yêu-cầu, hội-đồng Trị-sự Hội Vạn-quốc nhận phân-định địa-giới cho hai xứ *Syrie* và *Irak*.

Ngày 15. — Cuộc đấu-xảo thuộc-địa hôm nay bế-mạc.

Ngày 16. — Hội-đồng trị-sự Hội Vạn-quốc họp ở bộ Ngoại-giao Pháp, do ông BRIAND làm chủ-tịch, để xét về việc Nhật Hoa xung-đột.

— Hiệp-ước của Liệt-quốc tạm đình quân-bị (*trève des armements*) bắt đầu thi-hành từ ngày 1 tháng 11.

— Ngoại-tướng nước Ý GRANDI đi sang thương-thuyết bên Mĩ, nay đã đến kinh-đô Mĩ.

Ngày 17. — Tại hội-đồng Hội Vạn-quốc họp ở *Paris*, nhân nước Nhật thường nhắc đến điều-ước ký với Tàu trước, cho Nhật được những quyền-lợi thế nọ thế kia, ông BRIAND có hỏi đại-biểu nước Nhật xin cho biết những điều-ước ấy thế nào, thì đại-biểu Nhật chỉ trình cho biết một phần mà thôi.

— Ở hội-nghị Bàn-tròn, ông GANDHI yêu-cầu cho bao nhiêu quân-đội của

Anh ở Ấn-độ phải thuộc quan-quyền Ấn-độ kiểm sát.

Ngày 18 — Hội-đồng Hội Vạn-quốc nghe đại-biểu của Tàu và Nhật trình bày về việc Mãn-châu, nghe riêng từng bên một, nhưng bên nào nói cũng lúng-túng lắm, khó quyết định ra làm sao.

— Ở Mãn-châu, quân Nhật đánh quân Tàu của Mã Chiếm-Sơn, chiếm hai thành *Tsitsikar* và *Aganki*.

Ngày 19.— Nhân quân Nhật chiếm-cứ thành *Tsitsikar*, việc Mãn-châu lại càng thêm nguy-cấp. Hội-đồng Hội Vạn-quốc vẫn hết sức điều-hòa hai bên. Xem ra chính-phủ Nhật đã bớt gắng như trước và thuận cho một phái-bộ quân-quan của Liệt-cường sang điều-tra ở Mãn-châu.

— Nghị-viện Tây-ban-nha họp để xét án vua cũ ALPHONSE XIII. Bá-tước ROMANONES làm biện-hộ cho vua.

Ngày 20. — Nghị-viện Tây-ban-nha xử vua ALPHONSE về tội phản-quốc và tuyên-bố là người «pháp-luật bất dung» (*hors la loi*).

Ngày 21.— Việc Nhật Hoa xung-đột xem chừng đã xuôi-xuôi. Hội-đồng Hội Vạn-quốc định cử một ban ủy-viên để sang xem-xét việc Mãn-châu.

— Ông PONSOT là cao-đẳng ủy-viên của nước Pháp ở *Syrie*, thông-cáo rằng thời-kỳ thi-hành hiến-pháp tuyên-bố ngày 14 tháng 7 năm 1930 đã bắt đầu, sẽ lập một hội-đồng tư-vấn để định cách thi-hành, và nội trong tháng giêng sang năm sẽ bầu-cử Nghị-viện họp ở *Damas*.

Ngày 22.— Hội-đồng Hội Vạn-quốc cử các ủy-viên để đi điều-tra việc Mãn-châu, có ba người, một người Pháp, một người Anh và một người Mĩ.

Ngày 23.— Hội-đồng Hội Vạn-quốc thảo-luận về cái án dự-bản giải-quyết việc Hoa-Nhật, châm-chước theo cái thuyết của hai bên.

— Xứ Mông-cổ lập thành dân-quốc, cùng với nước Nga ký hiệp-ước về quân-sự.

Ngày 24.— Việc Hoa Nhật mấy bữa đã êm-êm, nay vì cái thái-độ bất-nhượng-bộ của nước Tàu, Hội Vạn-quốc lại lấy làm khó nghĩ lắm.

— Ở *Kiou-leoui* (?), miền Phụng-thiên (Mãn-châu), quân Tàu xông vào đánh quân Nhật dữ lắm.

Ngày 25. — Đại-biểu nước Nhật ở hội-đồng Hội Vạn-quốc tuyên-bố xin nhận lời bản điều-đình của Hội. Nhưng nước Tàu thì lại khăng-khăng không chịu.

Ngày 26. — Hội-đồng Hội Vạn-quốc cử một tiểu-ban để thảo lời dự-định điều-đình việc Hoa Nhật. Ông BRIAND cũng hết sức khuyên-giải hai bên.

Ngày 27.— Đại-biểu nước Nhật và nước Tàu đợi lệnh của chính-phủ về bản dự-thảo điều-đình của hội-đồng Hội Vạn-quốc. Hội-đồng định hoãn đến ngày 30 sẽ họp.

— Có tin báo ở Thiên-tân lại xảy ra việc xung-đột người Tàu người Nhật, mà ở Nam-kinh thì học-sinh biểu-tình.

Ngày 28. — Hội-đồng Hội Vạn-quốc họp riêng để xét lời bản của chính-phủ Tàu xin sửa-đổi các khoản trong dự-án điều-đình của Hội.

— Bộ Tổng-tham-mưu nước Nhật truyền lệnh cho quan tổng-binh Nhật ở Mãn-châu phải rút cả quân về Phụng-thiên.

Ngày 29.— Hội-đồng Hội Vạn-quốc lại họp riêng để xét lời bản của nước Nhật đinh sửa-đổi dự-án điều-đình.

— Ông PAUL REYNAUD đi kinh-lý ở Đông-dương, về Pháp bằng tầu bay, nay đã đến *Beyrouth*.

Ngày 30.— Hội Vạn-quốc bàn nên đặt miền *Tchin-Tchéou* (?) ở Mãn-châu làm đất trung-lập, nay nước Tàu lại đòi giữ lấy quyền tiễu-trừ thổ-phỉ

ở miền đó, thành ra việc điều-đình lại không xong, Hội Vạn-quốc lại lấy làm khó xử lắm.

— Bộ giao-thông nước Tàu tuyên-bố bãi chức phó tổng-lý bưu chính, là một chức theo điều-ước xưa nay vẫn do người Pháp lĩnh, nước Pháp lấy việc đó làm trái với điều-ước, có làm giấy kháng-nghị với chính-phủ Tàu.

Thời-cục nước Tàu. — *Cuộc Trung Nhật xung-đột dằng-dai mãi đến nay đã bốn năm tháng trời, đã bắt đầu sang năm 1932 rồi mà vẫn không giải-quyết xong, càng ngày càng lan rộng mãi ra. Từ đầu tháng giêng này quân Nhật đã vào chiếm lấy thành Cẩm-châu. Vinh-Trăn là tướng giữ thành Cẩm-châu, sau khi thành ấy thất-thủ, lùi vào Loan-chân, chia quân đóng giữ một dải Loan-châu, Xương-Lê, Đường-Sơn. Vinh-Trăn có thuật lại rằng thành Cẩm-châu đến nỗi thất-thủ là vì ba nguyên-nhân lớn sau này: 1) Không-quân của Nhật thế-lực mạnh quá, mà quân Trung-hoa không có một chiếc máy bay nào; 2) Các sông nước đều đóng băng cả, quân Nhật kéo đến được dễ-dàng; 3) Chính-phủ Trung-ương không tiếp-thế cho, không có cái kế-hoạch hoàn-thiện. Quân Trung-hoa có bốn lữ-đoàn ứng chiến, đã hi-sinh mất quá nửa, chết gần mất sáu nghìn người, bị thương lại càng nhiều mà một nửa không có thuốc chữa, thực là một sự rất đau lòng.*

Sau khi quân Nhật chiếm Cẩm-châu lại định tiến đến Du-quan và Nhiệt-hà. Người Nhật tuyên-truyền Nhiệt-hà sẽ đặt chính-phủ độc-lập.

Thành Cẩm-châu tuy bị thất-thủ, nhưng quân nghĩa-dũng ở các nơi nổi lên đánh với quân Nhật rất là hăng-hái, đêm mồng 9 có sáu nghìn quân nghĩa-dũng vụt đến đánh úp bộ Tư-lệnh quân Nhật ở phía tây Cẩm-châu, hai bên đánh nhau kịch-liệt, kết-quả một liên-đội kỵ-binh của Nhật gần chết sạch. Liên-đội-trưởng (tức là đoàn-trưởng, hay quan Tư) tên là Cồ-Hạ, bốn tướng-hiệu bậc dưới và mười-lăm hạ-sĩ-quan đều chết trận, hơn bốn chục người bị thương. Lá cờ liên-đội kỵ-binh của Nhật ở bên mình Cồ-Hạ mất tích, hiện chưa tìm thấy đâu, quân Nhật tuyên-cáo rằng: Nếu vạn-nhất mà lá cờ này có sự chẳng lành, thì dẫu phải tìm khắp mặt đất nước Tàu cũng quyết ý cướp lại cho kỳ được.

Nguyên lá cờ liên-đội của quân Nhật do Hoàng-hậu nước Nhật ra tay may chế và do vua Nhật ngự ban, viên quan binh giữ lá cờ này, trách-nhiệm rất là nặng-nề, cho nên quân Nhật mới lấy làm việc quan-trọng mà tuyên-cáo như thế. Sau quân Nhật tìm thấy lá cờ mới yên.

Quân nghĩa-dũng lại cùng quân Nhật đại-chiến ở đường Đại-thông. Đoàn thứ nhất quân nghĩa-dũng đánh lui quân Nhật ở núi Đại-hồ, giết được bốn-mươi-hai người, bắt được mười tám khẩu súng. Bên Trung-hoa chết hai viên quan, bị thương một người, hơn bốn mươi người quân nghĩa-dũng chết và bị thương, đánh phá được một đoàn xe thiết-giáp quân Nhật.

Đoàn thứ tư quân nghĩa-dũng bắn rơi được một chiếc máy bay Nhật, bắt được một người vặn máy, chiếc máy ấy đã bị đốt hủy. Sau vì quân Nhật thêm một đội, quân nghĩa-dũng vì đạn hết nên phải lui. Quân nghĩa-dũng ở Pháp-thổ cũng bắn rơi được một chiếc máy bay Nhật, bắt được hai tên chánh phó cai máy.

Quân nghĩa-dũng ở đường Đại-thông có chừng hơn vạn người mộ, đóng ở Thông-liêu có hơn ba nghìn người, cùng quân Nhật đánh nhau dữ-dội ở Tiền-gia-điếm, quân Nhật dùng xe bọc sắt hộ-vệ ba đội kỵ, bộ, phá tiến đánh quân nghĩa-dũng, và phái hơn mười chiếc máy bay chia đi ném các ga Thông-liêu và Mộc-lý-đồ, quân

nghĩa-dũng luôn mấy ngày chiếm được ưu-thế. Ngày 13 các đạo quân Nhật đã hạ lệnh tổng-công-kích.

Quân nghĩa-dũng lại đánh luôn được mấy trận ở núi Đả-hổ.

Tổng-tư-lệnh « đông-bắc dân-chúng nghĩa-dũng-quân » là Triệu Phi-Bằng ngày 14 đến Nam-kinh hỏi ý-kiến và báo-cáo tình-hình kháng Nhật, có nói chuyện với một viên ký-giả rằng : quân nghĩa-dũng chia làm ba đại-đội, trưởng đội thứ nhất là Quách Qui là học trò tốt-nghiệp trường sĩ-quan Nhật, coi bốn đội, cộng hơn hai nghìn người, hiện nay đang đánh nhau dữ-dội với quân Nhật ở Cẩm-tây ; trưởng đội thứ hai là Dải Liêu-Nguyên, tốt-nghiệp trường sĩ-quan Nhật-bản, coi năm đội, cộng ba nghìn sáu trăm người, hai đoàn kỵ-binh cộng bốn trăm người, đánh nhau giáp lá cà với quân Nhật ở núi Đả-hổ và Bàn-sơn, quân Nhật bị thiệt-hại rất to ; trưởng đội thứ ba là Triệu Giáp-Hưng, học trò tốt-nghiệp trường giảng-võ Liêu-ninh, coi sáu đội, có ba nghìn người, ở một giải Phủ-thuận làm việc phá-hoại. Ngoài ra còn có đạo quân nghĩa-dũng ở Ký-nam tổ-chức nên, có hơn hai vạn người để giúp Mã Chiếm-Sơn hiện ở một dải Thuận-đức đợi cơ phát-động. Quân-sĩ đều dùng súng tạp-sắc, áo đơn, lương thực nuôi quân lính không được kế-tiếp, nhất là đạn lại càng thiếu lắm, mỗi người chỉ có hơn 30 viên.

Triệu Phi-Bằng là học trò tốt-nghiệp trường lục-quân kinh-lý chuyên-môn ở nước Nhật, từ khi việc đông-bắc xảy ra, mới củ-hợp các bạn đồng-chí về nước tổ chức quân nghĩa-dũng, được các bạn cử làm tổng-tư-lệnh. Còn phó tư-lệnh là Lưu Công, học-trò tốt-nghiệp trường quân-quan Bảo-định, khi quân Quốc-dân bắc-phạt, ở Hà-nam hưởng-ứng, tiến lên Hà-bắc trước nhất, có nhiều chiến-công.

Tin Bắc-bình ngày 16 tháng giêng nói rằng : « Núi Đả-hổ vẫn ở trong tay quân nghĩa-dũng, vì quân Nhật thêm nhiều viện-quân đến, tạm lui bỏ nhà ga xe hỏa, hiện tổng-số quân địch có gần 12 vạn người. Thủ-lĩnh quân nghĩa-dũng là bọn Hùng Phi ngày 15 có thông-điện nói rằng : Xin chính-phủ trung-ương và các nhà đương-cục các nơi, mau định cái phương-châm cuối cùng, giúp lương-thực và khí-giới cho, chớ để cho 14 vạn quân phải hi-sinh nhẫn-nhục mà không ích gì cho nạn nước cả, và mong người nước nên góp tiền mua máy bay để trợ chiến. »

Về phần nước Nhật thì có tin rằng Chính-phủ Nhật quyết tiến binh chiếm Nhiệt-hà và sai phái-viên đến Đông-tam-tỉnh dự-bị lập nên chính-phủ Mãn-Mông độc-lập để cho được dễ làm xong cái chính-sách đại-lục.

Hôm 20 quân nghĩa-dũng ở khoảng Cẩm-châu, Hưng-thành họp lại đánh quân Nhật, chiếm được Luân-sơn. Quân Nhật từ Cẩm-châu phái thêm quân cứu đến, đánh nhau dữ-dội, quân nghĩa-dũng phải lui vào Hàn-gia-câu, quân Nhật đuổi theo, đánh nhau ở Hưng-thành suốt đêm. Sớm ngày 21, một đội máy bay Nhật đến ném bom xuống quân nghĩa-dũng chết và bị thương rất nhiều, phải lui đến Biên-môn.

Vì bị quân nghĩa-dũng và dân-đoàn chẹn lối vào Nhiệt-hà, hai bên đánh nhau dữ-dội ở Cẩm-tây, quân Nhật phải lui về Cẩm-châu bị thiệt-hại rất to.

Luôn mấy ngày quân Nhật tiến đánh Nhiệt-hà rất gấp, quân nghĩa-dũng ở đường Cẩm-triều chừng hơn một vạn người dùng thuật du-kích xuất một ở mặt sau quân Nhật để quấy rối. Quân Nhật bị thiệt-hại rất to. Quân nghĩa-dũng đã chiếm được Lâu-bang-tử. Trong ba ngày nay một dải từ Bắc-phiếu đến Triều-dương, đánh nhau dữ-dội.

Quân nghĩa-dũng lại chiếm được Hưng-thành, ngày 21 quân Nhật đại-cử đến đánh, lại phải lui về phía bắc.

Đoàn-quân Nhật ở Cẩm-tây do đường Cẩm-triều tiến dòm Nhiệt-hà, đến chỗ giáp-giới Liêu-ninh và Nhiệt-hà, bị quân nghĩa-dũng ngăn trở, quân Nhật bị thua rất to, quyết thay đổi phương-lược, đổi theo đường Đại-thông, tiến đánh Nhiệt-hà, chia ba đường tiến quân.

Một tay đại-hiệp ở Quan-đông, gọi là Lão Bắc-Phong mang đồ-đảng lục lâm hơn 1500 người, ngày 18 đi đánh Ngưu-trang, cùng thời quân nghĩa-dũng ở trong thành hưởng-ứng, phóng hỏa lên giết chết được nhiều quân Nhật. Quân Nhật ở Doanh-khẩu kéo đến cả đề cứu-viện, hai bên đánh nhau to, quân Nhật bị vây chết hại rất nhiều. Lại có một toán quân khác của Lão Bắc-Phong đánh Hải-thành, giết được quân-quan Nhật và vài chục tên lính, và định chiếm Doanh-khẩu. Quân Nhật ở Thẩm-dương phái binh đội chia đường đến cứu.

Xem cả tin-tức các nơi thì biết quân nghĩa-dũng và dân-đoàn Trung-hoa thế rất hăng-hái, quân Nhật chết và bị thương rất nhiều. Quân Trung-hoa bị thiệt-hại cũng không ít.

Có tin ở Bắc-bình nói người Nhật có tuyên-xưng rằng nước Mãn-Mông mới định đến ngày tết Kỷ-nguyên (ngày vua Thần-nữ Thiên-hoàng lên ngôi), tức là ngày 11 Février này thành-lập. Cách tổ-chức nước ấy trên có Tổng-thống, dưới đặt ba viện : Hành-chính, Tư-pháp, Giám-sát, dưới nữa đặt 5 bộ : quân-sự, ngoại-giao, dân-chính thực-nghiệp, giáo-dục. Những đất thuộc về nước ấy là Liêu-ninh, Cát-lâm, Nhiệt-hà, Mông-cổ, nhân-dân đều được bình-đẳng hưởng quyền-lợi, không hạn-chế nòi giống.

Đương khi việc Mãn-châu chưa xong lại mới xảy ra việc rắc-rối ở Thượng-hải. Viên tư-lệnh hạm-đội thứ nhất của hải-quân Nhật ở Trung-hoa ngày 22 đưa bản thông-điệp tối-hậu cho viên Thị-trưởng Thượng-hải là Ngô Thiết-Thành, hạn cho các nhà đương-cục Trung-quốc đối với lời kháng-nghị của lãnh-sự Nhật về việc vận-động bài Nhật và việc năm nhà sư Nhật bị đánh, phải đáp lại một cách vừa lòng, và yêu-cầu phải giải-tán ngay hội Kháng-Nhật cứu-quốc và các đoàn-thể bài Nhật khác, không thì các nhà đương-cục Nhật vì cớ phải bảo-hộ quyền-lợi của kiều dân Nhật, sẽ phải xử trí một cách nghiêm-nghị.

Bộ ngoại-giao Nhật đã quyết nghị việc xung đột ở Thượng-hải do viên lãnh-sự Nhật và viên thị-trưởng Trung-hoa giải-quyết ngay ở đó, yêu-cầu Trung-hoa phải nghiêm cấm các cuộc vận-động bài Nhật, còn những tên kiều dân Nhật làm việc bất-pháp sẽ trừng-trị; lại yêu-cầu Trung-hoa phải bồi-thường xin lỗi, giữ-gìn cho việc xung-đột khỏi lan ra, và xử phạt những kẻ đã sinh ra việc rắc rối ấy.

Bộ cảnh-bị Thượng-hải hạ lệnh cho các cơ-quan phải nghiêm-phòng sự xảy ra. Ngày 22 một lục-đội Nhật làm oai ở xưởng Đông-hoa phía đông Thượng-hải.

Chiều hôm 25, có tin đích-thực rằng viên thị-trưởng Thượng-hải là Ngô Thiết-Thành đã ra nghị-định đình việc bài Nhật, và quyết trả lời cho Nhật được hài lòng.

Ba nước Anh, Pháp, Mĩ sẽ thực-hành cảnh-cáo Nhật-bản, nói cách hành-động của Nhật ở Mãn-châu có thiệt-hại đến quyền-lợi của các nước ở Trung-hoa. Nước Anh đã trước hết chất-vấn các nhà đương-cục Nhật, nói quân Nhật từ khi đến Cẩm-châu đến giờ, đường sắt Bắc-bình, Liêu-ninh bị thiệt-hại không phải ít, vậy chính-phủ Nhật sẽ xử trí như thế nào.

Quan Quốc-vụ-khanh nước Mĩ cũng đưa tờ chiếu hội cho hai nước Trung Nhật, nói chính-phủ Mĩ viện-dẫn bản công-ước chín nước ký ở Hoa-thinh-đốn, quyết không thể thừa-nhận cái hiện-trạng sự thực ở Mãn-châu có hiệu-lực pháp luật nào, vì bản công ước chín nước đã định rõ bất-cứ một nước nào không thể ở Mãn-châu chiếm lấy quyền-lợi đặc biệt để làm hại một nước khác. Nay cách hành-động của Nhật ở Mãn-châu đã đem cái thế-lực thống-trị của Trung-quốc ở Cẩm-châu dồn đuổi hết ra rồi. Cứ xem tình-hình ngày nay hoặc có thể mong hội Vạn quốc còn có thể dùng cách hòa-bình để giải-quyết án ấy, ngay như đoàn điều-tra ở Mãn-châu sau này, hoặc có thể thu được thành-hiệu vừa lòng. Nhưng chính-phủ Mĩ tất phải trịnh-trọng nói ra rằng từ sau khi cái án Mãn-châu xảy ra đến giờ, hai nước Trung Nhật nếu có cái mật-ước gì về cái án ấy, (và không kể cái mật-ước ấy do hai nước Trung Nhật trực-tiếp lập ra, hay mượn sức một nước thứ ba mà lập ra), chính-phủ Mĩ quyết không thừa-nhận.

Chính-phủ Nhật đáp lại lời tuyên-ngôn của Mĩ, đại ý nói rằng: Nước Nhật không phải là xâm-phạm chủ-quyền và lãnh-thổ Mãn Mông, việc hành-động lần này, là hồi-phục việc trị-an, lấy chính-sách môn-hộ khai-phóng làm mục-đích; còn việc Mãn Mông độc-lập là cái hi-vọng của nước ấy, nhất-định không để cho một nước thứ ba can-thiệp vào. Nước Nhật lại muốn đem cái ý ấy, tỏ bày cho thế-giới biết.

Viên tổng-trưởng ngoại-giao Phương Trạch đã thông-tư cho các viên chức ngoại-giao Nhật ở ngoại-quốc và cho công-sứ Nhật tại hội-đồng Vạn-quốc để nói rõ cho các chính-phủ biết rằng nếu chính-phủ Tàu còn dung cho giặc cướp được hoành-hành, thì Nhật tất còn phải dùng những phương-pháp cương-quyết để bảo-hộ kiều-dân của Nhật ở Mãn-châu và Thượng-hải.

Nam-kinh đã tuyên-bố bức thư phúc-đáp Mĩ. Trong bức thư ấy có nói từ khi xảy ra việc Mãn-châu, chính-phủ Tàu bao giờ cũng giữ đủ phận-sự theo các khoản trong điều-ước Briand-Kellog, *không hề có dùng phương-pháp gì làm cho tình-thế thêm ngay-ngập; trái lại, quân Nhật, ngay sau khi hội-đồng Vạn-quốc quyết-nghị ngày 1er Décembre, vẫn giở thủ-đoạn xâm-chiếm. Hiện quân Nhật đã lấy Cẩm-châu, hiện nay đang đóng trước Sơn-hải-quan. Nhật lại tăng thêm số tàu chiến và quân lính ở Thiên-tân. Những việc ấy đủ tỏ rõ Nhật đã phạm vào các hiệp-ước quốc-tế. Chính-phủ Tàu đã nhiều lần cực-lực phản kháng việc xâm chiếm cùng những sự hành-động trái phép của Nhật từ ngày 18 Septembre 1931, nghĩa là từ lúc quân Nhật vào Mãn-châu.*

Ngoại-giao bộ Nam-kinh lại điện cho các nước ký hiệp-ước « Cửu-quốc » để biết ý-kiến mỗi nước về việc Mãn-châu.

Tại hội-đồng Vạn-quốc, ông Paul-Boncour *đã tiếp đại-biểu Nhật và Tàu, rồi lại dự cuộc hội-nghị của bốn cường-quốc có đại-biểu trong đoàn điều-tra việc Mãn-Mông.*

Cái mục-đích của Hội-đồng ngày nay là cốt giữ cho cuộc xung đột khỏi lan mãi ra, nhất là sau việc vừa xảy ra ở Thượng-hải.

Hôm ấy Hội-đồng nghe cả đôi bên Tàu và Nhật, trước khi bàn-luận ông Paul-Boncour *cố khuyên cả đôi bên nên dùng ngay các phương-pháp có thể*

giữ cuộc xung-đột khỏi lan xuống được Thượng-hải.

Đoạn Hội-đồng họp một phiên riêng, đại-biểu Tàu và Nhật không dự. Hội-đồng hình như giữ lời quyết-định hôm 1er Décembre về các việc xảy ra trước ngày ấy, còn về việc xảy ra sau, hội-đồng sẽ xét xem có hợp với bản quyết-định ấy không. Hội đồng sẽ cố hết sức giữ cho tình-hình ở Thượng-hải khỏi thêm nguy kịch.

Ủy-ban của hội-đồng Vạn-quốc phái sang Mãn-châu điều-tra cuộc xung-đột, đến 3 Février ở Havre xuống tầu «Paris» qua Mĩ rồi đi sang Tàu.

Nội-tình phái Quảng-đông với Nam-kinh — Theo như lời quyết-nghị trong hội Trung-ương toàn-thể thì sau khi chính-phủ thống-nhất đã lập-thành ở Nam-kinh, chính-phủ quốc-dân ở Quảng-đông phải thủ-tiêu đi. Nhưng hiện chính-phủ thống-nhất đã thành-lập từ ngày 1er Janvier vừa rồi, mà đến nay cánh Quảng-đông vẫn chưa tỏ ra lòng thành đoàn-kết, dẫu nói là thủ-tiêu chính-phủ quốc-dân đi, nhưng lại lập ra ba cơ-quan là bộ đảng-vụ chấp-hành, hội quân-sự ủy viên, hội chính-trị ủy-viên riêng của các tỉnh đông-nam, không hỏi gì đến chính-phủ Nam-kinh cả. Việc này Uông Tinh-Vệ cũng phản-đối, nhưng bọn Lý Tôn-Nhân, Hồ Hán-Dân lại nhất-quyết làm, đủ rõ ra là bọn họ chỉ chăm giữ quyền-vị riêng, chứ chẳng thiết gì đến việc nước cả. Xét ra cánh Quảng-đông vì ghen-ghét Tưởng Giới-Thạch, chỉ sợ Tưởng lại ra cầm quyền, sẽ không lợi cho cánh mình chăng, nên thấy bọn Tôn Khoa về Phụng-hóa mời Tưởng lên Nam-kinh, họ dẫu không phản-đối, nhưng không tán-thành, cùng nhau lo giữ lấy cái phạm-vi thế-lực riêng, nếu Tưởng lại đến Nam-kinh cầm quyền thì có lẽ họ lại tuyên-bố độc-lập.

Vì ba vị thường-vụ ủy-viên là Uông, Hồ, Tưởng không ai chịu đến Nam-kinh nên việc chính không thể quyết-định được. Các yếu-nhân như Tôn-Khoa và Trần Minh-Khu, Hà Ứng-Khâm gửi điện mấy lần giục ba người mau mau vào Nam-kinh, ai nấy vẫn tỏ ra ý người lạnh, nên bọn Tôn phải chia nhau mỗi người đi mỗi ngả để mời. Nghe đâu Uông, Tưởng đã chuyển ý, chỉ có Hồ ở Hương-cảng vẫn khăng-khăng không nhận lời. Cứ như lời Hồ tỏ ý với viên đại-biểu của Tôn-Khoa xuống đón thì Hồ cho rằng mình không thể lại cùng Tưởng cùng bàn việc nước được, vì bằng Tưởng lại ra giữ quân-quyền thì mình thà chịu cái lỗi tránh việc trách-nhiệm, và cũng không muốn đến Nam-kinh; nếu Tưởng không ra nữa thì mình dù có ở Nam-kinh, mà chín tỉnh Trường-giang, các đạo quân ở phía bắc, không phải mình có thể tiết-chế được, thì cũng chẳng làm được việc gì. Như vậy thì chi bằng hãy đứng ở vòng ngoài mà xem họ xong-xở ra làm sao.

Xét ra Hồ ngày nay cũng như phần nhiều yếu-nhân trong cánh Quảng-đông, chỉ muốn đạp đổ Tưởng Giới-Thạch đi, nay thấy thế-lực cánh Tưởng còn mạnh, nên muốn ở lại Quảng-đông gây thế-lực riêng để đối-phó với Tưởng vậy.

Gần đây mới có tin Hồ Hán-Dân và Uông Tinh-Vệ đã cùng đi để thương-nghị với Tưởng. Bạn đồng-liêu ở Nam-kinh hỏi có nên tuyệt-giao với Nhật không, thì cả hai người đều nói nên chờ đợi ít lâu.

Sau cuộc hội-kiến ở Hàng-châu của Trần Minh-Khu, Tưởng Giới-Thạch và Uông Tinh-Vệ thì ba ủy-viên của Thường-vụ ủy-ban trung-ương nay mai sẽ đến Nam-kinh giữ trách-nhiệm mình, nhưng phải để Tống Tử-Văn thay Tôn-Khoa đứng đầu ban hành-chính.

Trong chính-trị-giới ở Thượng-hải nhiều người nói quyết rằng nếu Tưởng Giới-Thạch và Uông Tinh-Vệ đến Nam-kinh, thì Tống Tử-Văn tất lại giữ tài-chính-bộ.

Ngày 21, Uông Tinh-Vệ và Tưởng Giới-Thạch đều đã đến Nam-kinh.

Khi Tưởng ở Hàng-châu ra đi, có đáp lại một viên ký-giả rằng: Tôi lần này lấy cái tư-cách tư-nhân theo Uông tiên-sinh vào kinh, giúp sức các nhà đương-cục trong chính-phủ, tuyệt không nhận một chức gì. Tôi lấy cái thân điền-dã, hành-động được tự-do, nếu các nhà đương-cục trong chính-phủ hỏi điều gì về việc nước, có thể tùy lúc đến kinh, chứ không ở luôn được. Tôi đối với việc nước, không có chủ-trương, chỉ lấy cách chủ-trương của ông Uông làm chủ-trương mà thôi. Nếu còn có người đối với việc tôi vào kinh lần này không tin hay phản-đối thì tôi cũng không cần phải biện-thuyết làm chi cho rườm lời nữa. Tôi lần này vì việc nước phải nhịn sự đau-khổ mà vào kinh, sẽ theo cái trách-nhiệm đối với lương-tâm và đạo-nghĩa, vì công nghĩa tư-tình hết sức giúp đỡ chính-phủ cùng cứu nạn nước, còn khen hay chê, vinh hay nhục tôi không để ý đến.

Ngày 22, Uông, Tưởng cùng Tôn-Khoa đến yết lăng ông Trang-sơn, trước di-tượng, Uông, Tôn đều thương khóc khản cả tiếng. Cũng ngày hôm ấy, Uông Tưởng đã cùng các yếu nhân họp bàn các việc ngoại-giao, tài-chính và quân-sự. Cái đại kế ứng-phó nạn nước sẽ phát-biểu.

Cuộc hội-nghị quốc-nạn đã thành-lập ở Nam kinh, số người dự có 189 người, bọn Tôn Truyền-Phương, Chương Sĩ-Chiêu và mấy vị di-lão nhà Thanh cũng được dự vào. Định ngày 1 tháng Février sẽ triệu-tập, đợi sau khi đã quyết-định cái phương-châm bước đầu đối với Nhật, lập-tức triệu các trưởng-quan quân-sự và các viên đại-lại địa-phương đến kinh bàn-bạc kỹ-càng.

Các người về cánh Tưởng Giới-Thạch yêu-cầu để Uông Tinh-Vệ lên chức chủ-tịch viện hành-chính thay Tôn Khoa. Nhưng Uông cố sức từ chối nói rằng nên để Tống Tử-Văn. Xét ra có lẽ Tống Tử-Văn sẽ lại giữ bộ tài-chính.

Trần Hữu-Nhân, tổng-trưởng bộ ngoại-giao từ chức. Bác-sĩ La Văn-Cán tổng-trưởng bộ Tư-pháp về đảng Trương Học-Lương thế chân. Tôn-Khoa là chủ tịch viện hành-chính cũng sắp từ chức, Trần Minh-Khu phó chủ-tịch viện ấy về cánh Tưởng Giới-Thạch thế chân. Như vậy Tưởng Giới-Thạch có Uông Tinh-Vệ trợ lực cho, lại giữ được quyền lớn

Phùng Ngọc-Tường diễn-thuyết ở trong cuộc kỷ-niệm chu-niên tại Nam-kinh, đại-ý nói: « Điều tôi báo-cáo rất trọng-yếu hôm nay là tình-hình ngoại-hoạn. Mấy hôm nay quân Nhật chia ba đường đánh Nhiệt-hà, khi quân Nhật tiến đánh, một đoạn từ Tân-dân đến Sơn-hải-quan xảy ra chiến-sự, những dân-quân và quân nghĩa-dũng ở suốt một dải núi Đả-hổ, Câu-bang-tử, Cẩm-châu chống nhau với quân Nhật, đã đánh là khí-giới và cách huấn-luyện, cách tổ-chức của quân nghĩa-dũng không bằng quân Nhật, nhưng cái tinh thần liều mạng dám chết, thực mạnh hơn người Nhật nhiều, người trước ngã, người sau nối, bỗ vây được quân Nhật và lột hết khí-giới, quân Nhật phải quì xuống đất mà kêu-van. Nói tóm lại cái nạn lớn ở nước Tàu mấy nghìn năm chưa có này, đều nhờ ở các anh em đồng-chí đồng-tâm cùng định một cái phương-pháp đối-phó có kế-hoạch, để mưu sự sinh-tồn cho dân-

tộc Trung-hoa, không thì cái họa mất nước diệt-chủng sẽ đến ngay trước mắt...»

Trong khi ấy tình-hình Thượng-hải lại càng nghiêm-trọng. Chiến-hạm Nhật đóng ở Thượng-hải đã cho quân lên bộ, và cho tàn bay ném bom xuống các nơi.

Tướng Giới-Thạch ở Nam-kinh tỏ ý chủ-trương mặt « cự địch » Bản thông-cáo của chính-phủ Nam-kinh, sau khi nhắc lại những sự xảy ra ở Thượng-hải vừa rồi, có tuyên-bố rằng : «nước Trung-hoa sẵn-sàng dùng võ-lực chống với sự khiêu-hấn của nước Nhật-bản. Việc đánh Thượng-hải là một việc làm trái với bản hiệp-ước « Briand-Kellog » *(tức là hiệp-ước phi-chiến), với bản giao-ước «chín nước »* (*tức là giao-ước* Washington) *và mấy điều quyết án của hội Quốc-tế ». Bản thông cáo ấy kháng nghị việc tàu bay ném bom xuống Thượng-hải mà Chính-phủ Nam-kinh cho là một việc làm trái với nhân-đạo. Bản thông cáo ấy lại nói rằng : « Việc đánh Thượng-hải có cơ làm nguy cho thủ-đô nước Trung-hoa (tức là Nam-kinh) ; những sự rối-loạn ngày nay gây thành một cái hiểm-tượng cho cả nước. » Kết-thúc bản thông-cáo ấy hô-hào những nước đã ký kết các bản giao-ước quốc-tế nên giúp nước Tàu.*

Tống Tử-Văn và Trần Hữu-Nhân có phát ra một bức thông-điện nói rằng người Nhật-bản phải chịu trách-nhiệm về những sự xảy ra ở Thượng-hải và hô-hào nhân-dân Trung-hoa nên đoàn-kết để chống về sự khiêu-hấn của nước Nhật.

Chính-phủ Trung-ương đã dời Nam-kinh mà thiên sang Lạc-dương, vì e rằng quân Nhật-bản sẽ đánh vào Nam-kinh. Nghe đâu Chính phủ Trung-ương quyết tuyên-chiến với nước Nhật-bản.

Viên Tổng-trưởng bộ Lục-quân và viên Tổng-trưởng bộ Ngoại-giao thì vẫn còn ở lại Nam-kinh, sau khi Chính-phủ Trung-ương đã thiên đi.

Xem như nước Trung-hoa mà phải thiên-đô như thế, thì cuộc Trung-Nhật chiến-tranh, sắp chính-thức xảy ra chăng ?

∴

Hai cái lưỡi đấu nhau ở hội Vạn-quốc. *Thi Triện-Cơ giỏi nói ; Phương-Trạch giỏi làm thinh* (1). — Vụ lôi-thôi ở Mãn-châu đã làm cho hai tay ngoại-giao Á-châu gặp gỡ nhau ở Hội Vạn-quốc, cả hai đều là người thông-minh lỗi-lạc như nhau, nhưng mà tính-tình vẫn khác nhau như than đen với tuyết trắng ; một đàng là ông Phương-Trạch (*Yoshizawa*) đại-biểu của Nhật và một đàng nữa là bác-sĩ Thi Triệu-Cơ (*Alfred Sze*), đại-biểu của Tàu.

Cả hai bên đều đem hết tinh-thần và tâm-lực ra mà bênh-vực cho sự-lý của nước mình, và chẳng có dịp nào tốt hơn dịp này để cho ta thấy rõ những vấn-đề ở Viễn-đông nó phiền-phức biết bao nhiêu và đồng-thời cũng thấy rõ hai dân-tộc da vàng lớn nhất ở châu Á, là dân-tộc Nhật-bản với dân-tộc Trung-hoa nó vẫn khác nhau xa là đường nào.

Ông Phương-Trạch, là đại-biểu của Nhật, năm nay tuy đã năm-mươi-bảy tuổi, nhưng ngó vẫn còn trai lắm, đầu tóc đen mới điểm lưa-thưa năm ba sợi tóc bạc, ở trên cái khuôn mặt hơi gầy ốm, nhìn kỹ vẫn chưa thấy một chỗ nhăn nào, còn vóc-dạc thì vừa bảnh-khảnh mà vừa mạnh-dạn.

Ông Phương-Trạch là một người trong phái *Cựu Nhật-bản*. Kể về quê-hương thì ông vốn là người phương Bắc, bởi vì đã sinh-trưởng ở tỉnh *Nugata*, còn kể về

(1) Nguyên Pháp-văn của Louis Roubaud.

chánh-trị, thì ông vốn là người phái hữu và miêu-duệ của một vọng-tộc thế-gia.

Ông có quan-hệ mật-thiết với phái *Seyukai*, chẳng những vì khuynh-hướng chánh-trị, mà lại vì cái tình riêng cá-nhân nữa, bởi vì ông chính là con rể của nhà lãnh-tụ đảng phản-đối. Tuy-nhiên, ông Phương-Trạch từ hồi nao đến giờ vẫn đặt mình ra ngoài hẳn những sự xâu-xé về chánh-trị và chỉ xăm-xăm bước mãi theo có một đường, từ khi mới lãnh chức phó-lãnh-sự cho đến khi được cử đi làm sứ-thần. Ông Phương-Trạch vốn là một tay ngoại-giao thuộc về phái cũ, một tay ngoại-giao rất dè-dặt kỹ-lưỡng, ngoài thứ tiếng mẹ đẻ của mình ra, còn thì vẫn thận-trọng không dám nói nhiều.

Ông tuy là một người rất thông-thạo tiếng Pháp, thế mà mỗi khi muốn nói và cần phải nói cái gì, ông ta vẫn dụng-công suy-nghĩ thật lâu, để lựa chọn những câu cho thật vẫn-tắt mà cũng đủ phô-diễn được ý-tứ của mình một cách thật đúng và thật đủ.

Cái kiểu đó, nếu đem thi-hành trong những khi sứ-thần nước nầy giao-thiệp riêng với sứ-thần nước nọ, thì hoặc-giả có lợi chăng, chớ nếu đem dùng vào giữa một cuộc hội-nghị như Hội Vạn-quốc, là chỗ mà cái tài hùng-biện vẫn thường có thế-lực lạ-lùng, thì cái kiểu lâm thinh của ông Phương-Trạch e nhiều khi không khỏi bất-tiện vậy.

Cái tài giỏi lâm thinh của ông Phương-Trạch, lâu nay vẫn đã nổi tiếng ở *Genève*. Có nhiều khi mười hai vị sứ-thần khác xúm nhau đứng im phăng-phắc, chờ đợi ngót 15 phút đồng-hồ mà cũng chưa nghe dạng câu trả lời của ông. Trong khi đó thì hai cái môi ông vẫn ngậm cứng lấy điếu thuốc «xi-gà» đã tắt từ hồi nào. Mà kịp đến khi hai cái môi ấy hở ra để trả lời cho những người đang ngóng trông, thì câu trả lời thường khi lại cụt-ngủn, khiến cho ai nấy cũng phải ngã lòng.

Song lắm khi sự thắng-lợi về ngoại-giao thâu-hoạch được là nhờ ở những cái thời-khắc ngậm xi-gà mà ngồi yên ấy. Người ta thường nhắc lại cuộc hội-kiến của Vương Chính-Đình và Phương-Trạch ở Bắc-kinh để cãi nhau về vụ lôi-thôi đã xảy ra ở Sơn-đông.

Tàu muốn yêu-cầu Nhật bỏ bớt mấy khoản trong điều-ước đã ký. Vương Chính-Đình vốn là tay có khẩu-tài, nên nói rất dài dòng, viện rất đủ lẽ, hết lý đến tình, nói ròng-rã từ 4 giờ chiều hôm nay cho đến 8 giờ sáng hôm sau mới thôi.

Đến khi Vương Chính-Đình mệt quá không nói được nữa, thì Phương-Trạch đã hút hết điếu xi-gà thứ hai mươi, khi đó Phương mới đứng dậy và chỉ nói có một câu rất vắn mà làm cho công-việc ở đâu vẫn hoàn-nguyên trở lại đó, đến nỗi rốt cuộc bên kia « chú ». Vương nhà ta phải chịu thua. Thế là sự lâm thinh đã thắng được tài hùng-biện đó.

Còn Thi Triệu-Cơ thì lại trái hẳn với Phương-Trạch. Thi năm nay cũng 57 tuổi, mặt không gầy ốm như mặt Phương-Trạch, mà lại bự và có vẻ hồng, gần giống như gương mặt người Âu-châu vậy. Thi vẫn người trong phái *Tân Trung-quốc*, và vẫn khuynh-hướng theo lập-thượng của Huê-kỳ rất nhiều : Thi đã đỗ luật-khoa tấn-sĩ ở các trường Đại-học *Saint-Jean* và *Syracuse*.

Nếu Phương-Trạch là một tay ngoại-giao rất thạo về các vấn-đề Trung-hoa, thì Thi Triệu Cơ lại là một tay ngoại-giao rất sành về những vấn đề thiết-lộ.

Mà ai cũng biết rằng vụ Mãn-châu bấy giờ đó cũng là bởi một con đường thiết-lộ mà ra. Sau khi đã làm thơ-ký ở bộ Giao-thông trong mấy tháng, thì Thi Triệu-Cơ được lên làm quản-lý đường xe-lửa Hán-khẩu Bắc-kinh hồi năm 1907.

Qua năm sau chánh-phủ lại giao cho Thi quản-lý tất cả các đường xe-lửa ở phía Bắc nước Tàu. Lại đến năm 1911, thì họ Thi đã lên làm Tổng-trưởng bộ

Giao-thông trong Nội-các Đường Thiệu-Nghi.

Nhờ có cảm-tình ở Mĩ rất nhiều, nên năm 1922, trong cuộc hội-nghị Hoa-thịnh-đốn, Thi đã dành được sự thắng-lợi cho Tàu và làm cho Nhật-bản phải thất-vọng một phen ấy.

Trái hẳn với Phương-Trạch, Thi Triệu-Cơ lại có tài hùng-biện hơn. Mỗi lần Thi nói, vẫn tỏ ra hăng-hái nhiệt-thành lắm, và hễ khi nào nói tới những câu quan-trọng, Thi vẫn giơ tay ra bộ để cho những người nghe phải chú-ý nhiều hơn.

Thường thường trong những cuộc hội-nghị ở Hội Vạn-quốc, Thi Triệu-Cơ hay làm cho các nhà ngoại-giao và các nhà viết báo phải vì mình mà cảm-động. Một lần kia, chuyện gì chưa biết, nhưng thấy Thi Triệu-Cơ đứng dậy, tay cầm một tờ giấy gì cũng chưa biết, vừa run-rẩy vừa giơ tờ giấy lên quá đầu, và ngó ngay mặt Phương-Trạch mà nói với một cái giọng như bị nghẹt cổ mà nói rằng:

— Thưa quan sứ-thần nước Nhật, chính ngài đã biểu đưa cái giấy nầy cho tôi đây.

Chỉ nghe nói bấy nhiêu thì cả hội-nghị đều lạnh mình. Bức thơ của Nhật-bản, trong nói những gì thì vẫn chưa ai được biết một chữ gì hết, nhưng cái run của tờ giấy kia hình như cũng đã truyền sang mọi người mà khiến cho ai nấy đều phải chòng mặt.

(Trích trong báo *Trung-lập* ở Sài-gòn)

Việc trong nước

(Từ mồng 1 Décembre đến 31 Janvier 1932)

— *Lập hội Tương-tế ở Bắc-giang.* — Sáng ngày 26 Novembre 1931, ông Leuret thanh-tra hội Tương-tế Đông-dương đến Bắc-giang diễn-thuyết về việc lập hội Tương-tế tại sở Hội-đồng xã Thọ-châu. Dự-thính có quan Công-sứ bản-tỉnh cùng các quan tỉnh, các ông tân cựu dân-biểu, các quan phủ, huyện, các quan học-chính, các viên nam-nữ giáo-học, các tân-cựu hội-viên và các thân-hào trong hạt.

Sau cuộc diễn-thuyết thì cử ban trị-sự hội Tương-tế như sau này:

Hội-trưởng: Quan chánh công-sứ.

Phó-hội: Ông Đỗ Thúc-Phách.

Thư-ký: Ông Nguyễn Hữu-Uông.

Thủ-quĩ: Ông Phạm Ngọc-Ái.

Cử các hội-viên và các bà hội-đồng giám-thị độ hơn 40 người nữa. Quá 11 giờ, hội-đồng mới giải-tán.

— *Hội-đồng Bảo-hộ.* — Sáng mồng 1 Décembre, Hội-đồng Bảo-hộ họp tại phủ Thống-sứ, do quan Thống-sứ Tholance chủ-tọa. Hội-đồng xét những đơn xin ân-xá của Vũ Duy-Tạo cùng các người đồng-dẳng bị Hội-đồng Đề-hình kết án ngày 17 Novembre 1931.

— *Nghị-định về nước mắm.* — Mồng 2 Décembre, quan Toàn-quyền ở Sài-gòn có nghị-định đổi lại các nghị-định cũ về nước mắm, đại-để như sau này:

« Nước nhất thì ít ra mỗi *litre* phải có 18 *grammes* đạm-chất (*azote*), và « nước mắm » thì ít ra phải 15 *grammes*. Không đủ bấy nhiêu *grammes* trong một *litre* thì cấm không được gọi là « nước nhất » và « nước-mắm » mà đem bán tại Đông-dương. Duy ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ (không kể tỉnh Bình-thuận) thì nước mắm ít ra có 5 *grammes* đạm-chất trong một *litre* cũng được bán.

« Phàm chai lọ đựng nước mắm phải dán một cái dấu hiệu để chữ nho, chữ Pháp, chữ quốc-ngữ là « nước nhất », « nước mắm 15 » hay là « nước mắm 5 » cho đúng lệ.

« Phàm chỗ nào buôn nước mắm, cũng phải giao cho người mua một cái đơn

hàng khai những dấu hiệu chỗ làm ở đâu, cả tên và chỗ ở người bán, dán ở chai và lọ dựng nước mắm. »

— *Quan Thống-sứ vào Nam.* — Ngày mồng 2 quan Thống-sứ THOLANCE đã đi đường bộ vào Sài-gòn để dự Hội-đồng Chính-phủ.

— *Ngày kỷ-niệm cuộc bay của quan Toàn-quyền* PASQUIER *tới* Paris. — Chiều mồng 5, hội *Aéro-Club* Nam-kỳ có tổ-chức cuộc vui « *Gala des Ailes* » để kỷ-niệm quan Toàn-quyền PASQUIER cưỡi máy bay bay từ Sài-gòn về tới *Paris* hồi năm ngoái. Có quan Toàn-quyền PASQUIER đến dự cuộc, các quan đại-hiến Tây, và các nhà thân-hào ở Sài-gòn cùng các tỉnh đến dự.

— *Những người quốc-sự-phạm ở các tỉnh Trung-kỳ được tha.* — Quan Khâm-sứ và viện Cơ-mật đã ký giấy tha những quốc-sự-phạm bị án từ 3 năm trở xuống. Số quốc-sự-phạm được tha ở các tỉnh như sau này :

Thanh-hóa 4 người ; Vinh 42 người ; Hà-tĩnh 200 người ; Quảng-bình 7 người ; Quảng-trị 5 người ; Thừa-thiên 65 người ; Quảng-ngãi 112 người ; Sông-cầu 11 người ; Nha-trang 32 người ; Phan-rang 7 người ; Phan-thiết 4 người ; Banméthuôt 11 người ; Kontum 8 người ; Quảng-nam 31 người. Tổng-cộng 539 người

Hội-đồng Chính-phủ. — Hội-đồng Chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Sài-gòn hồi 9 giờ rưỡi ngày mồng 8 Décembre, do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa. Sau khi quan Toàn-quyền đọc bài diễn-thuyết khai-mạc thì Hội-đồng cử các tiểu-ban sau này :

1. Tiểu-ban tài-chính
2. Tiểu-ban xét các việc đệ-trình của Đại-hội-nghị ;
3. Tiểu-ban xét các việc linh-tinh.

Họp bàn luôn mấy buổi, đến buổi chiều ngày 13 Décembre thì họp kỳ Hội-đồng bế-mạc.

— *Mấy việc công-tác lớn ở Đông-dương.* — Cứ tin vô-tuyến-điện ở Paris ngày 10 décembre, Quan-báo bên Pháp có đăng một đạo sắc-lệnh cho phép khởi các công-việc tại Đông-dương, theo như chương-trình do luật ngày 22 fevrier 1931 đã định sau này :

Làm đường xe lửa : 498 triệu ;
Đắp đê, thông - thủy và dẫn-thủy : 37.100.000 ;
Việc Y-tế : 60 triệu.

— *Một người hội kín bị hành-hình.* — Ngày 10 Décembre tên Lê Khâm 25 tuổi, can tội có chân hội kín và tội giết người chức-dịch trong cuộc biểu-tình, đã bị hành-hình tại làng Huân-công (Tam-quan), tỉnh Quảng-ngãi.

— *Dựng bia kỷ-niệm những người bị nạn hàng-không bên Sandoway.* — Ngày chủ-nhật 13 décembre, quan Toàn-quyền PASQUIER cùng quan Thống-tướng BILLOTTE có đến dự lễ khánh-thành tấm bia mới dựng tại Tân-sơn-nhất để kỷ-niệm những người cưỡi chiếc máy bay của hãng « *Air-Orient* » bị nạn bên *Sandoway* (Diến-điện) ngày 7 juin 1931.

— *Sài-gòn Chợ-lớn hợp-nhất.* — Ngày 14 décembre quan Toàn-quyền PASQUIER đã chủ-tọa lễ Sài-gòn Chợ-lớn hợp-nhất tại tòa xã-trưởng Sài-gòn. Ngài có đọc bài diễn-văn nói về sự ích-lợi của việc hợp-nhất này.

— *Hội Chấn-hưng mĩ-nghệ tỉnh Bắc-ninh.* — Ngày 15 décembre hội Chấn-hưng mĩ-nghệ đã khánh-thành và mở cuộc đấu-xảo tại nhà Hội ở phố Ninh-xá, tỉnh Bắc-ninh, có quan Công-sứ và quan Tổng-đốc đến chủ-tọa. Hội mở cửa trong 10 ngày cho công-chúng vào xem mua hàng.

— *Hội-đồng Đề-hình đổi mới.* — Đạo sắc-lệnh sửa đổi lại Hội-đồng Đề-hình nay đã tuyên-bố tại Đông-dương.

Theo đạo sắc-lệnh mới thì Hội-đồng sửa đổi lại đại-đề như sau này :

Nếu trong địa-hạt Bắc-kỳ trong đồng-thời mấy nơi đều có trọng-tội và khinh-tội xảy ra, thì quan Toàn-quyền có thể thiết-lập một hay mấy hội-đồng đề hình một lúc

Từ nay chức chánh hội-đồng sẽ giao cho một quan tham-nghị tòa Thượng-thẩm, do quan Chưởng-lý sung Tư-pháp-viện giám-đốc cử. Còn chức bồi-thẩm thì có quan Công-sứ tỉnh sở-tại xảy ra việc trọng-tội. Nếu Hội-đồng họp tại Hà-nội hay Hải-phòng thì quan Đốc-lý hai thành-phố ấy sẽ thay chân quan Công-sứ. Lại có một quan cai-trị do quan Thống-sứ cử.

Khi nào dự-thẩm xong rồi thì quan chánh hội-đồng báo cho các người bị-cáo biết rằng cuộc dự-thẩm đã kết-liễu và các hồ-sơ phải giao cho bên cãi xem trước. Nếu người bị cáo không kén thầy kiện nào cãi hộ, thì hội-đồng sẽ cắt cho một thầy kiện để cãi hộ.

Người bị án muốn kháng-cáo lên hội-đồng Bảo-hộ thì có thể làm giấy hay kháng miệng cũng được. Quá hạn 3 ngày chẳn mà không kháng thì án ấy coi là nhất-định và do quan Thống-sứ thi-hành sau khi quan Toàn-quyền đã duyệt-y. Song án xử-tử thì dù người bị án không kháng-cáo cũng phải kíp đem lên hội-đồng Bảo-hộ.

— *Cuộc Đấu-xảo Mĩ-nghệ của Hội Nữ-công Huế.* — Ngày 22 Décembre, cuộc đấu-xảo mĩ-nghệ của hội Nữ-công đã mở cửa làm lễ khánh-thành tại hội-quán viện Dân-biểu Trung kỳ Huế, có quan Toàn-quyền Pasquier, quan Khâm-sứ Chatel, quan Thanh-tra lao-động Delamarre, ông nghị-viên Rigaux, quan Công-sứ Thừa-thiên và đông các quan Cơ-mật đến chủ lễ. Hội mở cửa luôn mười ngày cho công-chúng vào xem và mua hàng, đến mồng 2 Janvier 1932 thì đóng cửa.

— *Lễ phát-thệ tại tòa Thượng-thẩm Hà-nội.* — Sáng ngày 24, tại tòa Thượng-thẩm có lễ trọng-thể, để quan Phó Chưởng-lý André phát-thệ lên quyền Chưởng-lý và quan thẩm-phán Nicolas phát-thệ làm chức tham-nghị.

— *Thượng-nghị-hội-đồng Pháp Xiêm ở sông Mékong.* — Quan Louis Marty Đông-dương pháp-chính-sảnh tổng-trưởng, nay được cử làm đại-biểu thứ hai của Pháp tại Thượng-nghị-hội-đồng Pháp Xiêm ở sông Mékong.

— *Hội-đồng của sở Du-lịch Đông-dương.* — Hội-đồng của sở Du-lịch Đông-dương đã họp tại phủ Toàn-quyền Sài-gòn. Có quan phó Toàn-quyền Graffeuil chủ tọa.

— *Hội-đồng Kinh-tế và lý-tài Pháp.* — Ngày 28, Hội-đồng kinh-tế và lý-tài Pháp ở Bắc-kỳ đã họp một kỳ bất-thường tại Hà-nội.

Hội-đồng Bảo-hộ. — Hội-đồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ sáng ngày 30 Décembre, do quan Thống-sứ Tholance chủ tọa.

— *Khánh-thành đường xe điện Kim-liên Yên-phụ.* — Chiều ngày 30 Décembre, công-ti xe điện làm lễ khánh-thành đường xe điện từ Kim-liên đến Yên-phụ, có quan Toàn-quyền Pasquier đến chủ-tọa.

Tăng lương cho ngạch nha-lại. — Bảng D phụ vào nghị-định ngày 20 Septembre 1929, về lương-bổng của ngạch nha-lại, nay đổi lại kể từ ngày mồng 1 Janvier 1931 :

Thông-phán	hạng	nhất	lương cũ	840 $,	lương mới	1.080 $
Thông-phán	hạng	nhì	—	720 ,	—	900 .
Thông-phán	hạng	ba	—	600 ,	—	720 ,
Thừa-phái	hạng	nhất	—	480 ,	—	636 ,
Thừa-phái	hạng	nhì	—	420 ,	—	540 ,
Thừa-phái	hạng	ba	—	360 ,	—	480 ,
Thừa-phái	hạng	tư	—	312 ,	—	420 ,
Thừa-phái	hạng	năm	—	264 ,	—	360 ,

— *Cuộc bay Paris Hà-nội khứ-hồi.* — Hai phi-công Codos và Robidas cưỡi chiếc máy bay 650 mã-lực bay từ *Paris* tới Hà-nội trong 6 ngày.

Ngày mồng 4 Janvier 1932 khởi-hành ở *Paris* đi *Marseille*, mồng 5 bay hơn một vạn cây-số qua *Athènes*, mồng 6 qua *Bassorah*, mồng 7 qua *Karachi*, mồng 8 qua *Allahabad*, mồng 9 qua *Rangoon* và Xiêm, trưa mồng 10 tới Hà-nội.

Đến ngày 21 hai phi-công lại bay từ Hà-nội về *Marseille* trong 70 giờ rưỡi :

6 giờ 40 phút ngày 21 khởi-hành ở Hà-nội, 5 giờ chiều tới *Calcutta* (khoảng này bay hết 10 giờ 20 phút . Hồi 9 giờ lại khởi-hành đến 9 giờ 35 sáng ngày 22 tới *Karachi* hết 12 giờ 35). Hồi 12 giờ 45 khởi-hành đến 2 giờ sáng ngày 23 tới *Bassorah* (hết 13 giờ 15 phút). Sáng ngày 24 khởi-hành đến 5 giờ 10 phút về tới *Marseille*. Cả giờ bay và giờ nghỉ hết 70 giờ 30 phút.

— *Quan Phó Toàn-quyền về Pháp.* — Ngày mồng 7 Janvier, quan Phó Toàn-quyền Graffeuil và qui-phu-nhân đã xuống Hải-phòng đáp tàu vào Sài-gòn để về Pháp.

— *Chức Phó Toàn-quyền mới.* — Theo sắc-lệnh ngày mồng 1 Janvier thì quan Thống-sứ Pagès nay lĩnh chức Phó Toàn-quyền Đông-dương thay quan Graffeuil trong khi về Pháp nghỉ.

— *Tù được ân-xá.* — Nhân dịp quan Thượng-thư Thuộc-địa Paul Reynaud sang Đông-dương, ngài có ân-xá cho các tội-nhân ở Trung Bắc-kỳ như sau này :

Trung-kỳ : 498 người tù chính-trị ; 153 người tù thường-phạm ; 434 người tù rượu lậu và thuốc phiện lậu ; 58 người bị bắt về rượu lậu và thuốc phiện lậu.

Bắc-kỳ : 45 người tù chính-trị ; 189 người tù rượu lậu và thuốc phiện lậu ; 45 người bị câu-thúc thân-thể.

Những người tù ấy nay đã đều được tha.

— *Quan Toàn-quyền đi Kinh-lý mấy tỉnh ở Bắc-kỳ.* — Ngày mồng 8 Janvier, quan Toàn-quyền Pasquier và quan Thống-sứ Tholance, quan chánh lục-lộ Bắc-kỳ, quan thanh-tra chính-trị Delsalle đã đi kinh-lý tỉnh Hà-nam và Ninh-bình. Buổi sáng đi xem con đê mới Vũ-điện Như-trác và Phương-trà, ba đoạn đê rất quan-yếu ở hữu-ngạn sông Hồng-hà, dài 9 cây số, phải đắp tới hơn một triệu thước khối đất.

Quan Toàn-quyền có ban danh-dự bội-tinh cho một người thầu-khoán và một người tá-sự chuyên-môn đã có công trong việc làm ba khúc đê ấy.

Đến 11 giờ rưỡi các quan xuống Ninh-bình. Quan Toàn-quyền đến chủ lễ khánh-thành cái cầu Gián-khẩu dài 100 thước tây vừa bắc xong ở trên sông Hoàng-long.

Đến 4 giờ chiều, quan Toàn-quyền, quan Thống-sứ cùng các quan tùy-tùng đều trở về Hà-nội.

Sáng thứ hai 11 Janvier, quan Toàn-quyền Pasquier và quan Thống-sứ Tholance đi kinh-lý tỉnh Hà-giang.

Chiều ngày 12, quan Toàn-quyền và quan Thống-sứ ở Hà-giang đi Tuyên-quang. Sáng ngày 13 các quan đi xem trong thành-

phố và các công-sở, thăm nhà đề-lao, nhà thương, trường học, rồi qua sông Lư-giang sang xem trường Canh-nông-thực-hành Tuyên-quang, xem các lớp học canh-nông và bãi đất học-trò tập thực-hành. Vào xem thành Tuyên-quang, thăm đạo binh Lê-dương, đi xem mỏ than. Buổi chiều các quan trở về Hà-nội.

— *Số tiền làm phúc của thành-phố Hà-nội.*—Số tiền làm phúc của thành-phố Hà-nội trong năm 1931 tổng-cộng là 45.343 đồng. Trong số ấy thì 18.880 đồng giúp vào nhà thương *Sœur Antoine*; 15.380 đồng chi vào việc đưa các người bần-cùng vào các bệnh-viện hoặc về quê-hương; 3000 đồng trợ-cấp cho các công-cuộc làm phúc; còn thì trợ-cấp cho những người mà sở Cứu-bần xét nên cứu-giúp.

— *Lập hội Tương-tế ở Thái-bình.* —Ngày 15 Janvier, quan Công-sứ Thái-bình có đặt giấy mời các quan-chức thân-hào trong tỉnh họp tại tòa sứ để lập hội Tương-tế, do quan Phó-sứ CATHALA chủ-tọa. Quan Phó-sứ đọc bản điều-lệ lập hội xong, rồi đặt Hội-đồng quản-trị như sau này:

Hội-trưởng : quan Công-sứ.

Phó-hội : quan Tổng-đốc.

Thư-ký : ông bác-vật và ông Nguyễn Hữu-Bản.

Cố-vấn : ông Trần Đình-Hòe, ông Kiểm-học Sáu, và ông Tham-tá canh-nông Khách.

— *Quan Toàn-quyền sang Phi-luật-tân.* — Ngày 17 Janvier, quan Toàn-quyền PASQUIER đã khởi-hành sang Phi-luật-tân đi công-cán, vừa đáp lễ quan Toàn-quyền DAVIS xứ ấy sang chơi Đông-dương độ trước, lại thương-nghị mọi điều quan-trọng trong tình giao-lân của hai xứ Đông-dương và Phi-luật-tân.

Trong khi quan Toàn-quyền đi công-cán vắng thì quan Phó Toàn-quyền tạm trông coi mọi việc ở phủ Toàn-quyền.

— *Hội-đồng cứu-tế dân Nghệ-Tĩnh.*— Hồi 6 giờ chiều ngày thứ ba 19 Janvier 1932, Hội-đồng Cứu-tế dân Nghệ-Tĩnh đã họp lần cuối cùng tại hội Khai-trí-tiến-đức, để xét các sổ-sách trước khi giải-tán. Các ông đến họp có quan Hoàng Trọng-Phu chánh hội-đồng, Phạm Quỳnh thư-ký, Lê Văn-Phúc và Vũ Tòng chánh phó thủ-quỹ, Nguyễn Văn-Vĩnh, Phạm Huy-Lục, Đỗ Thận, Nghiêm Xuân-Quảng, Lê Thành-Ý, Trần Đức-Tiến, Vũ Đình-Chung, Lê Văn-Huyến. Quan cai-trị CARUZEY chánh tòa tư phủ Thông-sứ thay mặt Chính-phủ.

Hội-đồng nghe tờ trình của ông thủ-quỹ và xét các sổ-sách, tổng-cộng số tiền quyên được từ tháng 8 tây đến giờ là 70.389p.52 của các nhà từ-thiện ở các nơi quyên giúp liệt-kê ra sau đây :

Hà-nội.	20.727 $29
Hà-đông	8.791,16
Nam-định	6.692,57
Hải-Phòng	5.597,02
Thái-bình	3.925,70
Quảng-yên	2.517,32
Hải-dương	2.416,01
Hưng-yên	1.883,02
Hà-nam.	1.676,79
Bắc-ninh	1.383,35
Phúc-yên.	1.375,55
Lao-kay	1.349,25
Vĩnh-yên	1.338,20
Cao-bằng.	1.392,80
Sơn-tây	1.168,35
Tuyên-quang . . .	1,092,22
Phú-thọ	989,00
Bắc-giang	946,40
Lạng-sơn.	808,58
Kiến-an	760,72
Moncay	786,74
Bắc-kạn	544,10
Ninh-bình	444,50
Yên-bay	400,37
Hà-giang	391,25
Thái-nguyên . . .	320,39
Sơn-la	375,36

Hòa-bình	243$92
Savannakhet . . .	223,00
Hongkong	22,00
Vientiane	100,00
Điện-biên-phủ (Lai-châu)	10,00
Tổng-cộng. .	70.390$93
Trừ tiền điện-tín gửi vào quan Khâm-sứ Trung-kỳ.	1$41
Còn lại . .	70.389$52

Không chi-phí mất gì, chỉ mất tiền tem gửi giấy-má mà thôi, còn các giấy in thì ông Lê Văn-Phúc cúng cả. Số tiền 70.389p52 ấy đã gửi nhà băng Đông-pháp 12 lần, để chuyển giao cho quan công-sứ Nghệ tùy-tiện mua gạo cho dân.

— *Ngày kỷ-niệm Lénine.* — Ngày 20 Janvier là ngày kỷ-niệm LÉNINE của Cộng-sản, nên có lệnh thông-tư cho các quan Công-sứ các tỉnh để đề-phòng ngày ấy; ở khắp các nơi không xảy ra sự gì.

— *Quan Thống-sứ đi kinh-lý Bắc-ninh.* — Ngày 21 quan Thống-sứ THOLANCE và quan chánh Công-chính Bắc-kỳ, quan chánh sở Hộ-thủy cùng quan Văn-phòng quan Thống-sứ sang Bắc-ninh để khám các đê hộ-thủy về hạt Gia-bình và Lang-tài. Đê này là đê mới ở hữu-ngạn sông Thái-bình từ Cáp-điền đến Đức-trai dài 12 cây số, giữ cho miền nam tỉnh Bắc-ninh và cả vùng Kẻ-Sặt khỏi bị lụt. Công việc dùng tới 4.000 phu, khởi-công từ ngày 11 Janvier 1932, việc làm đương tới-tấp, quan Thống-sứ đi kinh-lý đến 5 giờ chiều thì trở về Hà-nội.

— *Lễ hoàn-thành đền thờ bà Triệu Âu.* — Làng Phú-điền, huyện Hậu-lộc, Thanh-hóa, đã làm lễ hoàn-thành đền thờ bà Triệu Âu, từ ngày 24 đến 28 tháng chạp tây.

— *Cuộc hội-nghị của các nhà khảo-cứu về thời-kỳ khuyết-sử ở Viễn-đông.* — Ngày 26 cuộc hội-nghị thứ nhất của các nhà khảo-cứu về thời-kỳ khuyết-sử ở Viễn-đông (*Congrès des Préhistoriens d'Extrême-Orient*) đã khai-hội tại diễn-đường trường Đại-Học, do quan Phó Toàn-quyền PAGÈS chủ-tọa. Các quan đại-hiến văn võ và các thân-hào đến dự đông lắm. Hội-nghị này có 11 nhà bác-học: Hội-trưởng là bác-sĩ RIVET chánh đốc viện khảo-cứu nhân-loại *Trocadéro ở Paris*; 10 hội viên là ông OTLEY BEYER, *ở Manille*; ông LUANG BERIBAL BURIN, *ở Bangkok*; Cô COLANI ở trường bác-cổ Hà-nội; ông EVANS, *ở Taiping*; ông GOLOUBEW ở trường Bác-cổ Hà-nội; ông HAGUENAUER, *ở Tokyo*; Hoàng-thân RAJADALHISEK *ở Bangkok*; bác sĩ SHELLSHEAR *ở Hương-cảng*; bác-sĩ VAN-STEIN CALENFELS ở Nam-dương quần-đảo, bác-sĩ R. O. WINHSTEDT *ở Malaisie*. Khi họp có đọc nhiều bài diễn-văn về khảo-cổ. Lại mở mấy cuộc diễn cho công-chúng nghe về chiều ngày 29 và 30 nữa. Ngày 31 thì Hội-đồng đi thăm hai nơi rất quan-hệ về thời-kỳ khuyết-sử, là Đồng-thước và Minh lê trong dãy núi Cai-kinh.

— *Hai làng mới ở Nam-kỳ.* — Hồi năm ngoái, quan Thống-đốc Nam-kỳ KRAUTHEIMER mới lập hai làng ở Hà-tiên và Rạch-giá. Nay quan quyền Thống-đốc EUTROPE cùng các quan chủ-tỉnh Rạch-giá và Hà-tiên đến thăm hai làng mới ấy để xét-nghiệm cách thực-hành việc di-dân. Làng Hà-tiên có 2.000 dân-cư, toàn người Bắc-kỳ, đều khỏe mạnh, và cách sinh-hoạt được tốt lắm, đã khẩn được tới 600 mẫu tây; làng ở Rạch-giá có 500 người Trung-kỳ và Cao-miên ở, đã khẩn được 800 mẫu tây. Như vậy thì việc di-dân ấy thật có kết-quả tốt lắm, hiện đương trù-tính đặt thêm một làng thứ ba nữa ở miền đó.

— *Bộ Việt-Nam tự-điển của hội Khai-trí-tiến-đức.* — Hội Khai-trí mới in xong tập chữ A bộ Việt-Nam tự-điển. Giá bán mỗi tập 0p.20, mua một năm 12 tập 2p.00. Hội-viên hội Khai-trí mua năm được trừ 0p.50. Bộ này in tại nhà in Trung-Bắc mà bán tại Đông-kinh ấn-quán phố hàng Gai.

Giấy hỏi mua và tiền cứ gửi đến ông Lê Văn-Phúc 82 Hàng-Gai Hà-nội.

Báo và sách mới xuất-bản

— *Tân-báo*, xuất-bản ngày thứ ba thứ năm và thứ bảy, báo-quán tại số 5 phố Lê lợi Hà-nội. Sáng-lập là ông Hồ Khắc-Tràng, Tổng-lý kiêm chủ-bút là ông Vũ Đình-Hải. Giá bán mỗi số 0p.03 ; ba tháng 1p.08 ; sáu tháng 2p.16 ; một năm 4p.32.

Bản-chí có lời mừng bạn đồng-nghiệp mới.

— Bản-chí mới tiếp được quyển sách mới xuất-bản : *Mã Chiếm-Sơn tiểu-sử*, in tại nhà in Chân-hưng, Hà-nội, sách 26 trang, giá 0p.10.

Quyển này do Nam-ký thư-quán xuất-bản, bán tại số 17 Boulevard Francis Garnier Hà-nội.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản :

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp : 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp,
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan (In lần thứ hai). 5 hào.

Mới xuất-bản :

11. La Poésie annamite. 4 hào.

Sắp xuất-bản :

12. — Tục-ngữ ca-dao.